

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 19 - THÁNG 12 NĂM 2007

Nội dung số này:

TRÊN NHỮNG ĐỈNH CAO | 2 – Thư người chủ trương, *Vĩnh Hào* • PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ KHÓ ĐAU CỦA NHÂN LOẠI | 4 – Dalai Lama - *Thích Trí Chơn* dịch • NGÀY CUỐI NĂM | 6 – thơ *Võ Doãn Nhân* • PHẠM TRONG PHI PHẠM | 7 – *Thích Bảo Lạc* • TUYÊN CÁO CỦA NHỮNG NGƯỜI VIỆT NAM YÊU NƯỚC | 10 – *Văn Nghệ Sĩ Việt Nam* • NGÀN DẠM QUÊ NHÀ, CHÓN NÀO TỊNH TÂM, ĐÔI BỜ QUANH HIU, NHẬT NHÒA CỔ HƯƠNG | 11 – thơ *Đan Hà* • TRẦN QUANG TRIỀU, NGƯỜI GÌN GIỮ NGÔI CHÙA TÂM LINH CỦA QUÊ HƯƠNG | 12 – *Thích Phước An* • VẼ NHƯ HOÀI CHIÊM BAO | 16 – thơ *Từ Tú Trinh* • THƯ TRÌNH MỘT SỐ VIỆC LIÊN QUAN BẢN LÊN TIẾNG CỦA VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO VỀ TRƯỜNG HỢP NHÀ THƠ TUỆ SỸ | 17 – *Vĩnh Hào* • KHÁI QUÁT NỘI DUNG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO THỜI KỶ LÝ | 18 – *Thích Thông Thức* • NGƯỜI THẦY TRONG TIM | 20 – thơ *Nguyễn Thần* • YÊN TỬ, NỀ VÊ TÂM | 21 – *Ninh Hạ* • MƯA HUẾ | 27 – thơ *Lê Hành Khuyên* • THỨ THÁCH CỦA TĂNG GIÀ TRONG THẾ KỶ 21 | 28 – Bhikkhu Bodhi, *Thích Minh Thiện* dịch • ĐÊM THẦN THÁNH, TÀN THU LÁ VÈ ĐÀU, VỌNG TƯỚNG, TÌNH YÊU VẼN CÒN ĐÓ | 30 – thơ *Hàn Tâm* • THIÊN ĐỊNH VỀ ĐẠI THÀNH TỰU | 31 – Dilgo Khyenste Rinpoche, *Cư sĩ Liên Hoa* dịch • KHOẢNG TRỐNG, NGÀY MỚI YÊU | 32 – thơ *Bùi Kim Anh* • ĐẠO PHẬT 100 NĂM TỐI | 33 – *Trần Khải* • CHO VỖ THUỞNG TÌNH | 35 – thơ *Phí Thủy* • TÌM VỀ NHỮNG MIỀN ĐẤT XƯA | 36 – ký sự *Nguyễn Hiệp* • MƯA THU, SAU CÓN MƯA, BUỒN KHÔNG VUÔNG LỆ | 43 – thơ *Bạch Xuân Phê* • ĐÓ GÓM THỜI LÝ-TRẦN, THỜI THẮNG HOA | 44 – sưu khảo của *Bùi Ngọc Tuấn* • BƯỚC LỀ THÊ NÈO LUÂN HỒI, ĐỜI VUI THÊ CÓ AI CẦN ÁNH SÁNG | 47 – thơ *Nghiêm Xuân Cường* • Lá thư gửi người bạn trẻ trong đạo: ĐỐI LỜI TÂM SỰ VỀ VĂN HÓA VÀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI | 48 – *Không Quán* • THẤT TÌNH, AN ỦI-TỰ TÌNH | 54 – thơ *Chánh Năng* • CĂN PHÒNG TRỐNG | 55 – truyện ngắn của *Lữ* • LẠI QUÊN | 63 – thơ *Trịnh Gia Mỹ* • TÂM SỰ CỦA ĐẬU HŨ | 58 – tùy bút *Chân Hiền Tâm* • BIẾT ĐẬU | 59 – thơ *Võ Quỳnh Uyển* • CHUYỆN GIÀ TƯỚNG | 60 – truyện ngắn *Tiểu Tử* • MÀU TÂM LIỆM | 63 – thơ *Lưu Trọng Tường* • TÁI ĐÁO THIÊN THAI | 64 – truyện ngắn *Võ Doãn Nhân* • NGHĨA QUÊ HƯƠNG | 68 – thơ *Lê Bảo Kỳ* • HẠNH PHÚC BAO DUNG | 69 – *Trần Dật & Lê Ngô Ái Lan* • RỪNG LỬA | 72 – truyện ngắn *Hoàng Ngọc Thư* • HẸY TRÔI QUA, HƯ ẢNH | 73 – thơ *Vĩnh Hào* • MUỖ SÂU CÀNG KẾT NGHIỆP DÂY, TÍN TÂM NIỆM PHẬT SẠCH NGAY OÁN THÙ | 74 – Pháp Thoại Pháp Cú, *Tịnh Minh* phóng dịch • SÀI GÒN MƯA-NẮNG | 76 – thơ *Mai Khanh - Lê Đình Cát* • BÊN KIA BỜ HỒ VÀ TRANG KINH CỎ | 77 – truyện ngắn *Chiêu Hoàng Không Quán* • ĐỌC THƠ HIẾU NGƯỜI | 81 – *Huỳnh Đức* • TU BỤI | 83 – truyện dài *Trần Kiêm Đoàn* • TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI | 89

Hình bìa: *Nhiên An*



Chủ nhiệm / Chủ bút: **VĨNH HẢO**

Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 374 - Midway City, CA 92655 – USA

Telephone: **(714) 623-4285**

E-mail: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net • Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail với attachments, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ”yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.

TRÊN NHỮNG ĐỈNH CAO

(THƯ SỐ 19 của NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)

Vĩnh Hảo



Tu viện nằm trên một đỉnh đồi khá cao. Nói là tu viện nhưng thực ra chỉ là một trang trại nhỏ vừa được mua lại, dự kiến thiết lập một tu viện Phật giáo. Đất rộng trên mười mẫu tây, chỉ cách trung tâm thành phố khoảng mười lăm phút lái xe với vận tốc nhanh trên xa lộ.

Xe chúng tôi leo tới đỉnh đồi vào ban đêm. Trời vào thu, khá lạnh. Chỉ có thể từ chỗ đậu xe, đứng nhìn bao quát thành phố từ trên cao trong vài phút rồi vội vã vào trong, tâm tưởng không quên ghi đậm hàng triệu ngọn đèn điện lớn-nhỏ của thành phố tỏa chiếu như một biển ánh sáng bao quanh ngọn đồi.

Sau khóa lễ ngắn, chúng tôi có vài giờ đồng hồ ngồi uống trà, đàm đạo, cho đến hai giờ khuya. Những người tuổi trẻ của hơn hai mươi năm trước, nay đã xấp xỉ trên dưới năm mươi, vẫn còn cơ hội để ngồi bên nhau. Tóc ngã hai màu mà hoài bão và nhiệt huyết năm nào vẫn còn cháy sáng, lặng lẽ, nhưng bền bỉ.

Không đủ phòng ngủ, chúng tôi chia nhau, hai hoặc ba người chung một phòng. Giường của tôi là chiếc giường không bình thường vì có hai tấm nệm dư chồng lên trên, khá cao, ngang với thành cửa sổ. Cửa sổ kính, không màn che, nhìn về hướng tây của thành phố. Nằm nghiêng, không cần rướn người, không cần ngoái cổ hay cất đầu lên, vẫn có thể nhìn thấy một vùng rộng lớn ánh điện thành phố trình hiện ngang tầm mắt. Chưa bao giờ trong cuộc đời lại có một đêm nằm ngắm đèn phố thị đẹp và thơ mộng đến thế!

Đèn phố thị nhìn từ xa, đẹp và huyền ảo như những vì sao. Đã từng có những lúc ngủ ngoài vườn hay sân thượng cao ốc, ngắm sao trời; nhưng chưa bao giờ

được nằm trong phòng ngắm sao phổ như đêm nay.

Chập chờn giấc ngủ gần trên đồi sao, mỗi khi mở mắt là thấy cả một trời ánh sáng lấp lánh giữa đêm đen. Có khi mơ màng không rõ mình đang lạc vào cảnh giới nào, cung trời nào. Đây là trời hay đất? Đây là núi hay biển? Đây là sao hay đèn, là đom đóm hay châu ngọc? Là mây trắng hay sương mù giăng ngang? Sắc vàng, sắc trắng, sắc đỏ, sắc xanh... ngàn sao trên trời cao, thậm chí những giải ngân hà xa xăm huyền nhiệm không hẳn đã đẹp và đa dạng như ánh điện thành phố nhìn từ đồi cao, nhất là trong tư thế nằm nghiêng, quần mình trong chăn ấm... thú vị vô cùng! Bởi lẽ con người, dù với kỹ thuật tân tiến hiện đại, vẫn chưa thể khám phá, hoặc có thể hình dung được những gì đã và đang xảy ra nơi những vì sao và các dải ngân hà xa cách hàng triệu triệu năm ánh sáng; trong khi đó, nơi những ánh đèn lớn-nhỏ của phố thị, người ta có thể cảm nhận được đời sống của con người, với những hỷ-nộ-ái-ố, những thăng-trầm vinh-nhục, những biến thiên đổi dời, những sinh hoạt rất thực, rất gần gũi của kiếp nhân sinh. Kìa, nơi kia, ánh đèn kia, có thể là từ thư phòng của một văn nhân đang cố gắng viết nốt một đoạn văn trước khi đi ngủ; nơi kia, ánh đèn từ một văn phòng của cao ốc, có thể đang có những người dọn dẹp, hút bụi, thay bao rác; nơi kia, ánh đèn mờ, có thể có cặp tình nhân đang âu yếm thương yêu nhau; nơi kia, có người đau khổ đang khóc vì mất mát; nơi kia, có những người đang lo nấu nướng chuẩn bị thức ăn cho nhà hàng ngày mai; nơi kia, có những người bạn thân giao đang ngồi chuyện trò thâu đêm bên những chung trà hay cốc rượu; và nơi kia, nơi kia, nơi kia, trong

những căn phòng và căn nhà đèn điện đã tắt, là những con người, từ người già đến bé sơ sinh, đang chìm trong giấc ngủ đêm thu...

Nhưng điều tuyệt vời nhất là không khí tịch mịch lặng lẽ của biển ánh sáng bao quanh. Trong khi muôn triệu ngọn đèn đồng lúc tỏa chiếu ánh sáng của chúng, không có thứ âm thanh nào được cất lên. Tất cả những ồn ào huyên náo của phố thị hầu như đã bị bỏ lại từ khi chúng tôi lên đến đỉnh đồi; và giờ đây, khi thành phố chìm vào giấc ngủ, lại qua lớp kính trong thật kín của cửa sổ, sự im lặng còn sâu lắng và mênh mông diệu kỳ hơn.

Âm thanh là sóng của im lặng.Ồn ào, thịnh nộ như thế, nhưng rồi sẽ tan biến thật nhanh. Chỉ có sự im lặng là ở lại lâu dài.

Ánh sáng là sóng của bóng tối. Tỏa chiếu, rạng ngời như thế, nhưng nếu không liên tục thấp lên và gìn giữ, bóng tối sẽ tràn ngập.

Con người vẫn chuộng âm thanh và ánh sáng, luôn có khuynh hướng khuếch đại chúng lên ở mức tối đa mà họ có thể làm được. Nhưng nỗ lực ấy của họ thường khi chỉ tạo những mâu thuẫn, xung đột thay vì là sự chan hòa, tương giao. Lẽ ra nên im lặng thì lại nói thật nhiều. Lẽ ra nên thấp sáng thì lại vui trong bóng tối và phá hủy ánh sáng của kẻ khác.

Nhìn gần, những ngọn đèn thấp sáng bên nhau, tỏa những sắc màu dị biệt; có khi tỏa cho riêng nó, có khi giao thoa với những đèn khác. Ngọn đèn nào cũng có cõi riêng của nó, không cái nào giống cái nào. Mỗi điểm sáng là một viên ngọc, không tự biết rằng nó đan kết với hàng triệu điểm sáng khác trong vũ trụ tịch mịch u huyền.

Chỉ khi nào nhìn từ đỉnh cao và nhìn từ xa, tất cả điểm sáng đều như nhau, như những đợt sóng vươn dậy từ nền của đêm, từ biển của bóng tối. Trên chóp đỉnh của tôn giáo, triết lý, học thuật và nghệ thuật, tất cả âm thanh và ánh sáng, tất cả những náo động, vọng động, loạn động, manh động, kích động, bạo động... đều trở về với nổi bình yên, lặng lẽ.

Trong *Lời Mở Đầu* cho thi phẩm mới nhất của mình, nhà thơ Phạm Công Thiện có trích một câu thơ của Goethe (*Ueber allen Gipfeln Ist Ruh*) và dịch như sau:

“Trên tất cả những đỉnh cao là bình yên.”

Câu thơ ấy gợi ý để đặt nhan đề cho thi phẩm của ông, “*Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im*.” Tôi rất thích nhan đề ấy. Một nhan đề đầy triết lý. Có thể từ đó mà nghiệm ra nhiều lý lẽ, từ trừu tượng cao thâm đến thực tế gần gũi.

Trên tất cả những đỉnh cao là Lặng Im. Trên tất cả những đỉnh cao là Bình Yên. Trên tất cả những đỉnh cao là Dung Hợp. Trên tất cả những đỉnh cao là Đồng Nhất.

Trên tất cả những đỉnh cao là Vĩnh Cửu.

Từ suy nghiệm như thế, tôi ước mong tất cả ánh sáng có được của trần gian hãy được thấp lên, dù là ngọn hải đăng rực sáng hay chỉ một que diêm le lói, hãy cứ thấp lên. *Đừng nguyên rửa bóng tối mà hãy thấp sáng lên*. Ngọn ngữ tây phương và đông phương đều có chung ý tưởng đó. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm để thấp sáng cho trần gian u tối. Ánh sáng của từ bi, bác ái, nhân từ, khoan dung. Ánh sáng của Chân, Thiện, Mỹ. Ánh sáng của minh triết, nghệ thuật, văn hóa, giáo dục, từ thiện... hãy cùng thấp lên, dù yếu ớt hay rực rỡ, hãy cứ thấp lên. Mỗi người, bằng khả năng và từ vị thế của mình, hãy sáng lên như một ngọn đèn. Không ngăn cản, không lấn lướt, không đối chọi hay cố ý hủy diệt ánh sáng của kẻ khác. Chức năng thực sự của ánh sáng là xua đi bóng tối (của tham lam, thù hận, và cuồng si đang phủ trùm cuộc đời), chứ không phải là triệt hủy ánh sáng khác. Ánh sáng không loại trừ nhau. Từ xa và trên cao, sự giao thoa của muôn triệu ngọn đèn tạo nên cả một biển ánh sáng rực rỡ, diễm lệ. Các loại ánh sáng đều có thể cùng lúc sáng lên, hoặc nối tiếp nhau sáng lên, không gì ngăn ngại.

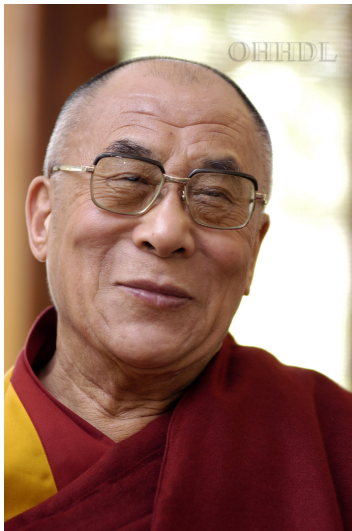
Bạn hãy cứ nói, cứ thấp lên ánh sáng của bạn, đừng lo sợ ánh sáng của kẻ khác có thể làm lu mờ mình đi; cũng đừng cố gắng trùm lấp ánh sáng của kẻ khác. Bởi vì, dù cho bạn sáng rực như đèn pha thì ánh đèn nhỏ trên lối đi hành lang vẫn cứ tỏa ánh sáng khiêm nhường của nó để giúp kẻ khác thấy đường; hoặc cho dù ánh sáng của bạn chỉ như ánh sáng của đom đóm, thì đó vẫn là ánh sáng của bạn, không ai có thể phủ nhận được. Ánh sáng nào cũng có giá trị và cái đẹp riêng của nó. Điều quan trọng là tự thân của mỗi người chúng ta, hãy tự thấp lên ngọn đuốc của mình, hãy sáng lên bằng tất cả năng lượng hàm tàng của mình để dâng tặng cuộc đời.

Buổi sáng thức dậy, vẫn trong tư thế nằm nghiêng, tôi thấy thành phố tràn ngập ánh mặt trời, dù đâu đó mây và sương mù vẫn còn giăng phủ. Thành phố hiện rõ nét với những cao ốc và những ngôi nhà, công viên, đường sá, xe cộ nườm nượp, và những trụ đèn... Những nơi không cần đèn, sẽ không cần phải thấp. Không phải lúc nào cũng cần phải cất lên âm thanh, cũng không phải lúc nào cũng phải đốt sáng. Âm thanh, ánh sáng, đều vô thường. Chúng xuất hiện và tan biến theo nhân duyên và theo nhu cầu của con người, và cuộc đời.

Dù vậy, nơi đỉnh cao này, hàng triệu con người trong thành phố bao quanh, vẫn chỉ hiện hữu trước mắt tôi trong nổi bình yên, lặng lẽ.

Trên tất cả những đỉnh cao đều như thế, là như thế.

San Jose, California, 15 tháng 12 năm 2007.



PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ KHỔ ĐAU CỦA NHÂN LOẠI

(trích dịch từ *A Human Approach to World Peace*)

Nguyên tác: *Đức Đạt Lai Lạt Ma*

Chuyển ngữ: *H.T. Thích Trí Chơn*

Nhân loại hiện nay đang phải đương đầu với nhiều vấn đề. Một số vấn đề hằn nhên như thiên tai, chúng ta nên chấp nhận và đối phó với sự trầm tĩnh. Tuy nhiên, có những vấn đề khó khăn do chính chúng ta gây ra vì mọi sự hiểu lầm thì chúng ta có thể sửa chữa được.

Một trong những vấn đề khó khăn đó phát sinh từ sự tranh chấp về ý thức hệ, chính trị hoặc tôn giáo; khi con người chiến đấu cho các mục tiêu thấp hèn mù quáng không biết đến tình người căn bản mà nó đã kết chặt tất cả chúng ta thành một khối trong đại gia đình nhân loại.

Chúng ta nên nhớ rằng mọi tôn giáo, ý thức hệ và tư tưởng chính trị khác biệt hiện có trên thế giới nhằm giúp con người tạo dựng hạnh phúc. Chúng ta không nên quên mục đích căn bản này, đừng để phương tiện vượt xa cứu cánh, cũng như chúng ta cần phải biết đặt sự sống còn tối thượng của nhân loại trên quyền lợi vật chất và ý thức hệ.

Thực vậy, sự nguy hiểm lớn lao nhất mà nhân loại, mọi người trên thế giới chúng ta đang phải đối phó là mối đe dọa về sự hủy diệt của một cuộc chiến tranh nguyên tử. Tôi không cần nói rõ về sự nguy hiểm này nhưng tôi muốn gửi lời kêu gọi đến các nhà lãnh đạo của mọi thế lực nguyên tử, những người đang nắm trong tay họ vận mạng tương lai của thế giới; đến các nhà khoa học và kỹ thuật đang tiếp tục tạo ra những khí giới hủy diệt tàn khốc này; và kêu gọi tất cả các dân tộc, những người đang ở vị thế có thể tạo ảnh hưởng đối với nhà lãnh đạo của họ: Tôi mong họ thực hành và bắt đầu hành động nhằm đến sự loại bỏ cùng hủy diệt các vũ khí nguyên tử.

Chúng ta biết rằng trong một cuộc chiến tranh nguyên tử, không có người nào chiến thắng, vì không

một ai còn sống sót. Làm sao chúng ta không sợ hãi khi nghĩ tưởng đến một sự tận diệt bất nhân và tàn ác như thế?

Hành động phá bỏ nguyên nhân gây ra sự tận diệt cho chính chúng ta khi chúng ta biết rõ căn nguyên đó cũng như chúng ta vừa có thì giờ lẫn phương tiện để thực hiện điều ấy, phải chăng đó không phải là việc thực tế đáng làm hay sao?

Chúng ta thường không thể khắc phục được các vấn đề khó khăn của chúng ta, bởi vì chúng ta không rõ nguyên nhân hoặc giả chúng ta biết rõ nguồn gốc nhưng chúng ta không có phương tiện để giải quyết sự khó khăn đó. Nhưng đây không phải là trường hợp đối với sự đe dọa tận diệt của một cuộc chiến tranh nguyên tử.

Sự sống cho dù ở trình độ cao đẳng như con người hay thấp kém như con vật, tất cả mọi chúng sanh đều mong được sống trong hòa bình, hạnh phúc và an lạc. Sự sống là rất quý báu đối với loài vật cũng như con người, ngay cả những côn trùng bé nhỏ nhất, chúng cũng cố gắng bảo vệ khi sinh mạng của chúng bị đe dọa. Mọi người chúng ta đều ham sống sợ chết, các loài vật khác ở trên thế gian này cũng đều như vậy.

Nói rộng ra, có hai loại hạnh phúc và đau khổ về mặt tinh thần và thể xác; trong hai thứ này tôi nghĩ rằng sự đau khổ và hạnh phúc về tinh thần là quan trọng. Cho nên tôi nhấn mạnh đến việc điều phục tâm để chịu đựng sự đau khổ và đạt tới cuộc sống hạnh phúc lâu dài hơn.

Tuy nhiên đối với vấn đề hạnh phúc, tôi muốn bày tỏ ý kiến đại cương và cụ thể là cần có điều phối hợp giữa an lạc nội tâm với việc phát triển kinh tế và trên hết là nền hòa bình thế giới.

Để thành đạt mục tiêu đó, tôi nghĩ cần phải triển khai ý thức về trách nhiệm của mình trước toàn thế giới;

đó là điều quan yếu đối với tất cả mọi người, không phân biệt tín ngưỡng, màu da, giống phái hay quốc gia.

Ý tưởng về trách nhiệm của mình đối với thế giới được xem như sự kiện rất đơn giản, hay nói một cách đại cương là chính mình và mọi kẻ khác đều có chung điều mong ước. Mọi người ai cũng muốn có hạnh phúc và không thích sự đau khổ.

Nếu chúng ta, những người hiểu biết, không chấp nhận điều đó thì ở thế gian này ngày sẽ càng có nhiều khổ đau. Nếu chúng ta chỉ biết sống ích kỷ và thường xuyên mưu toan sử dụng kẻ khác cho quyền lợi riêng tư của chúng ta thì chúng ta có thể gạt hái được những điều lợi ích nhất thời; nhưng về lâu dài chúng ta sẽ không tìm thấy được ngay chính hạnh phúc cá nhân mình mà nền hòa bình thế giới cũng sẽ không bao giờ thực hiện được.

Trong việc mưu tìm hạnh phúc, con người hay dùng nhiều phương thức khác nhau mà những phương cách đó thường là tàn ác và bất nhân. Khi áp dụng những đường lối không thích hợp với nhân cách con người, họ gây đau khổ cho đồng loại và những chúng sinh khác vì quyền lợi ích kỷ của riêng họ. Cuối cùng các hành động thiện cận đó sẽ mang lại khổ đau cho chính họ và nhiều kẻ khác.

Được sinh ra làm thân người là một điều quý hiếm, vậy chúng ta nên sáng suốt sử dụng cái thân này vào những việc càng hữu ích và phước đức càng tốt.

Chúng ta cần phải có cái nhìn xa rộng chính xác về sự tiến triển tương lai của một cuộc sống toàn thể hầu giúp cho hạnh phúc và thanh danh của mỗi cá nhân hay đoàn thể không phải thành đạt bằng sự hy sinh của những kẻ khác. Tất cả điều ấy đòi hỏi nơi chúng ta một nhận thức mới tiến gần đến các vấn đề lợi ích chung.

Thế giới chúng ta ngày càng được thu nhỏ và ngày càng có tương quan với nhau do kết quả của sự tiến bộ nhanh chóng về khoa học kỹ thuật, và thương mại quốc tế cũng như sự phát triển về mọi liên hệ giữa các quốc gia.

Ngày nay chúng ta sống lệ thuộc với nhau nhiều hơn. Thời xưa, mọi vấn đề phân lớn giới hạn ở trong nhà nên chúng cũng chỉ có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi gia đình; nhưng tình trạng đó giờ đây đã thay đổi.

Hiện tại chúng ta sống có nhiều tương quan và liên hệ mật thiết với nhau đến nỗi nếu chúng ta không ý thức được về sự trách nhiệm tập thể, không nghĩ đến tình anh chị em của thế giới cùng sự thông cảm, và niềm tin rằng chúng ta thực ra chỉ là một phần của đại gia đình nhân loại thì chúng ta không hy vọng có thể vượt qua được sự hiểm nguy đối với chính cuộc sống hiện hữu của chúng ta.

Những vấn đề của một quốc gia không còn có thể

đơn phương giải quyết thỏa đáng bởi riêng mình quốc gia đó nữa, mà nó tùy thuộc rất nhiều vào những quyền lợi, thái độ và sự hợp tác của các quốc gia khác.

Sự áp dụng tình nhân loại phổ quát cho các vấn đề thế giới được xem như căn bản vững chắc cho nền hòa bình thế giới. Nói vậy có nghĩa như thế nào? Chúng tôi bắt đầu từ nhận thức như đã nói trên, là mọi chúng sanh đều mong tìm hạnh phúc và không thích sự đau khổ. Cho nên thực là một điều sai lầm về luân lý cũng như hành động thiếu sáng suốt khi chúng ta chỉ biết theo đuổi tạo dựng hạnh phúc cho riêng mình mà không đếm xỉa đến những tình cảm và khát vọng của những kẻ khác đang sống xung quanh chúng ta như những người trong cùng một đại gia đình của nhân loại.

Người có trí tuệ khi mong tìm hạnh phúc cho chính mình, họ luôn nghĩ đến mọi kẻ khác. Sự việc này dẫn đến điều tôi gọi là “quyền lợi vị kỷ sáng suốt” mà nó hy vọng có thể chuyển đổi thành “quyền lợi hòa hợp” hay tốt hơn nên gọi là “quyền lợi hữu ích lẫn nhau.”

Mặc dù việc gia tăng sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia dẫn tới điều hứa hẹn có nhiều sự hợp tác thiện chí hơn, nhưng vẫn khó thành đạt được tinh thần hòa hợp chân thật bao lâu con người còn ích kỷ, không nghĩ đến tình cảm và hạnh phúc của kẻ khác.

Khi lòng người còn chứa đầy tánh tham lam và sân hận, họ không thể sống trong sự hòa hợp. Sự hướng đến cuộc sống tinh thần không thể giải quyết được mọi vấn đề chính trị tạo ra do hành động có ý tưởng ích kỷ hiện tại; nhưng sau cùng nó sẽ khắc phục được căn nguyên của các vấn đề khó khăn mà chúng ta đang phải đối phó hôm nay.

Trái lại, nếu nhân loại tiếp tục giải quyết mọi vấn đề bằng những phương pháp tạm thời; các thể hệ tương lai sẽ phải đối phó với nhiều khó khăn lớn lao hơn. Dân số trên thế giới ngày càng tăng và tài nguyên của chúng ta đang nhanh chóng bị khai thác đến khánh tận. Chẳng hạn chúng ta hãy nhìn các rừng cây. Không ai biết rõ chính xác hậu quả tai hại đến mức nào do việc khai khẩn các rừng hoang sẽ gây ra ảnh hưởng tới khí hậu, đất đai và nói chung đến toàn thể giới.

Chúng ta đang phải đối phó với nhiều vấn đề khó khăn vì con người chỉ nhằm đến các chương trình ngắn hạn và quyền lợi ích kỷ, chứ không phải nghĩ đến toàn thể đại gia đình nhân loại.

Họ không cần biết đến thế giới và hậu quả lâu dài gây ra cho đời sống chung của tập thể. Nếu hiện tại chúng ta không biết đến sự việc ấy, các thể hệ tương lai chúng ta sẽ không thể đối phó được với những vấn đề đó.

Ngày Cuối Năm

VỖ DOÃN NHÂN

1.
*Đầu óc tâm tư trống rỗng
Trời Đông rả rích mưa phùn.
Sông uớt đàn chim lạnh cóng
Giáng Sinh gió hắt hiu buồn.*
2.
*Bỗng chốc thời gian lắng đọng
Khung trời xám ngắt mịt mù
Chớp bể mưa nguồn gió lộng
Đầu nhà tiếc cửa thạch sùng.*
3.
*Nửa cuộc chung trà uống dở
Hương mùi thơm ngát sen hồng.
Bịn rịn người đi kẻ ở
Sông hồ phỉ chí tang bồng.*
4.
*Đứng ngóng bên trời lạc lõng
Dập dìu ến liệng xuân về.
Nhớ pháo Giao Thừa ảo vọng
Hồn về cố quốc ử ê.*
5.
*Hiu hắt cành khuya lá động,
Lạnh lùng giếng trúc triều sương.
Cuốn ngõ rèm thưa tựa bóng
Hồn quê nhuộm ánh tà dương.*



PHÀM TRONG PHI PHÀM

Sa Môn Thích Bảo Lạc

Dưới con mắt thường phàm của thể nhân khó mà lượng định đúng được những hành tung phi phàm của các bậc đạt ngộ, tu chứng. Trừ các bậc Thánh nhân, chư Bồ Tát với công hạnh độ sanh, các Ngài trang trải tâm lượng từ bi bằng những phương tiện thiện xảo tuyệt vời cốt đưa con người và mọi chúng sanh tới với ánh đạo nhiệm mầu thanh tịnh và giải thoát. Cũng có những vị thô tướng thường bằng những hành hoạt lạ kỳ, chướng mắt, thô phù, cộc lốc, bất cần phạm trai phá giới v.v... mà khi mới nhìn ta không khỏi bĩu môi chê trách; ấy là chưa kể có khi ta còn xúc phạm tới các vị bằng ngôn từ phù hư, những ý nghĩ điên rồ với tâm trần thói nhiễm. Câu chuyện, thiền sư Diệu Đạo sau đây giúp chúng ta quán chiếu sâu hơn, nhìn kỹ hơn, tu tập tinh cần hơn, mới mong dứt trừ những cố chấp sai lầm căn để sâu dày trong ta từ vô lượng kiếp.

1- Trần tục hơn cái trần tục:

- Sư trú tại chùa Báo Ân tại huyện Vạn Ninh (trước kia là huyện Vạn Giã) Tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam, vào thập niên 1960. Chùa rất đơn chiếc không có tăng chúng, cũng không người giúp đỡ việc cơm nước. Và hình như điều này cũng không mấy cần thiết đối với sư. Ngôi chùa quê thô sơ giản dị và cho đến đời nghèo không có lấy một cây nhang để đốt. Phải chăng do chùa quá chật vật không mua nổi bó nhang cúng Phật hay người Phật tử quê quá nghèo không cúng được bó nhang? Chắc đây do hành tung tu hành lạ lùng của sư làm cho người dân làng ngờ vực không hợp tác, không giúp đỡ công quả cũng nên. Tiếng là trụ trì ngôi chùa nhưng quần áo sư rất luộm thuộm dơ dáy, vì có thói quen hay ăn trầu nhều đồ từ trên xuống làm cho chiếc áo không mấy khi sạch. Ngoài ra sư còn uống rượu say sưa như cơm bữa khi đêm đến, và lần nào cũng vậy, tới lúc say bí ti sư coi thiên hạ như chỗ không người, như bọn con nít nên sư rất tự tại cời tuốt quần áo, nằm sãi căng, giang tay nơi bờ đường xó ruộng. Có hôm, bác Tư gần chùa phải cõng sư về chùa. Dù vậy, không một thời công phu khuya nào sư bỏ cả. Hôm nào bận đi xa, sư đều giống chuông cảnh thức 108 lần để đánh thức dân làng ra đồng làm việc như thói

quen mỗi ngày. Cũng có khi sư tòng ngồng đi giữa đường hay trong sân chùa như thói quen thường thấy.

2-Con người trị bệnh:

Sư có tài trị các bệnh điên cuồng, hay ma quỷ dựa nhập, yểm phù v.v... rất hiệu quả, nên có nhiều người biết tiếng, mách bảo nhau tìm đến nhờ sư trị liệu. Phương pháp trị bệnh rất đơn giản: một chén nước trong, một cành hoa, cây nhang và đọc câu thần chú: *án ma ni bát di hồng*, là bệnh nhân hầu như qua vài ba lần đều được lành bệnh hẳn. Những bệnh nhân lành bệnh đem lễ phẩm đến hậu tạ, sư đều từ chối không nhận tiền thù lao. Sư quan niệm: làm phước bệnh mới lành. Nhận tiền ra chỗ làm công cho người, và không khéo lại mượn “oai thần” để mưu sinh, đâu phải chánh mạng của người tu hành. Biết được điều này, thân chủ âm thầm bỏ tiền vào thùng phước sương (công đức) hoặc mua bông trái dâng cúng Phật. Có nhiều lần HT Linh Sơn bảo:

- Thầy với tôi coi như tình pháp lữ, bên chùa Thầy cần gạo, tương cứ tự nhiên qua đây lấy về dùng, đừng ngại.

3- Xem mặt biết người:

Như biết trước ngày viên tịch, khoảng năm 1983, sư đến chùa Linh Sơn (Vạn Giã) thăm Hòa Thượng Tịnh Tràng viện chủ và Tăng chúng với sự niềm nở đầy an lạc như chưa từng có trước đây.

Sư xá chào Hòa Thượng Linh Sơn xong, rồi nghiêm chỉnh chấp tay thưa:

- Bạch Hòa Thượng: Xin ngài cho phép tôi xem mặt đoán coi tương lai chúng tăng ra sao, có điều gì bất tiện?

- Thầy xem tướng quý Thầy, quý chú thì được, nhưng lỡ đoán trúng con đường tu không hanh thông của họ, làm đương sự buồn, thói thất đạo tâm kẻ ra cũng tội nghiệp họ.

- Xin Thầy yên tâm, vì tướng tự tâm sanh mà!

- Chùa có 26 người tất cả gồm 8 Sa Di và 18 Tỷ Kheo, nếu xem tướng từng người e mất nhiều thì giờ và nhọc công Thầy lắm!

- Không có sao đâu!



Nói xong sư bắc ghế mời Hòa Thượng Tịnh Tràng ngồi, còn mình xách ghế ngồi lui ra phía sau một khoảng cách để giữ sự tương kính phải phép.

Trước tiên, sư dặn kỹ đi ra từng người một, tự nhiên, không khép nép lễ nghi, không cúi chào, không dừng lại trước hai Thầy. Chúng Sa Di được hỏi trước, mỗi lần một chú đi qua trước mặt Hòa Thượng và Thầy với dáng hơi khiếp, sư nhìn mặt từng người và nói như: giáo hoạt không thành thật, mày râm hao sắc, thông minh nhưng hay gian xảo, lợi khẩu rắc rối... không thể nào tu được lâu bền trọn vẹn. Hết lượt mấy chú đến các Thầy Tỳ Kheo, sư cũng nhìn và nói tương lai của từng vị. Đến lượt Thầy Thiện Tường (đã viên tịch năm 2001) đi qua, Thầy nhận xét như in sẵn từ bao giờ rằng “Thầy này con đường tu gian nan lắm đấy, không ra đời cũng ở nước ngoài và chết bỏ xác nơi xứ lạ quê người.” Và người cuối cùng là Thầy Thanh An, Sư nói như không suy nghĩ. “Lại Thầy này nữa về sau không mấy sáng sủa đâu; sống tự lập và cô quạnh, không người thay thế kế thừa. Đường tu niệm phải nói là thật chông chênh vất vả, nếu không cố gắng sẽ phải đổi mạng như chơi. Nhưng Thầy có tánh thẳng thắn thành thật, nhiều khi làm phật lòng kẻ khác, trong đó có cả huynh đệ đồng môn. Những sự thử thách này lửa làm cho Thầy suýt bỏ mạng; còn thầy vẫn vô úy, kiên định chí nguyện nên vượt qua được những bầy sập chết người! Sau 20 năm thể nghiệm lời tiên liệu của vị Thầy chùa quê mộc mạc ấy, người ta mới thấy được sự thực của dòng đời ảo hóa chân giả khôn lường.

Ngày nay thân tứ đại của Thầy (Diệu Đạo) không còn hiện hữu trên cõi đời này nữa, nhưng những lời nói thẳng của Ngài với số chúng 26 tăng sinh cô tự Linh Sơn năm nào, như còn rõ mồn một qua cuộc thể nghiệm tự thân mỗi người bị hấp dẫn lực mãnh liệt, cuốn hút vào dòng đời xuôi ngược mà có người đã nhắm mắt xuôi tay đi vào nằm yên trong lòng đất lạnh, người cố ra sức chống chèo vát vả trong trận bão cát hỏa mù đang khắp

khắp lẫn dò từng bước chưa định được nơi chốn - quốc nội hay hải ngoại - để tạm dừng chân, như trường hợp của người kể câu chuyện này. Còn hầu hết những huynh đệ khác trở lại đời sống bình thường đều vật lộn trong cuộc mưu sinh không mấy tiện lợi dễ dàng như nhiều người đều biết.

4- Công viên quả mãn:

Sau lần gặp gỡ thăm viếng Hòa Thượng Viện Chủ và đại chúng chùa Linh Sơn lần đó xem như lần cuối cùng để giã từ các huynh đệ và ngôi cô tự quen thuộc mà ngài Diệu Đạo thường lui tới viếng thăm.

Mấy hôm liền tiếng đại hồng chung chùa Báo Ân im vắng, nhịp mõ tiếng chuông công phu khuya không còn nghe vắng vắng như mọi ngày. Đề ý theo dõi đã ba hôm liền ngôi chùa vẫn lạnh lùng yên lặng, những Phật tử chung quanh sanh nghi ngờ và muốn tìm ra sự thật. Bác Tư tới gõ cửa, bên trong không ai trả lời, bác phải dùng chìa khóa vào cửa vào chùa. Vừa bước vào phòng, bác có cảm giác lạnh lạnh cả người khi chứng kiến một người đang ngồi yên bất động trong tư thế nhập thiền định chưa buông xả. Thân ngồi ngay ngắn không nghiêng lệch xiêu ngã, tay còn bắt chéo lên nhau, bàn tay phải để lên lòng bàn tay trái, đầu hai ngón cái đầu sát lại nhau. Nhìn kỹ, quý bác Phật tử thấy Người không còn hơi thở nữa mà đã hóa từ bao giờ; tính kỹ tới nay thầy viên tịch đã ba hôm từ ngày chùa vắng tiếng chuông và kinh kệ buổi sáng. Bác Tư nhẹ nhàng khép cửa lại và chạy vào chùa Linh Sơn báo tin cho Hòa Thượng Viện Chủ. Được tin chẳng lành, Hòa Thượng cử Đại Đức Thông Đạt tức thầy Thích Thanh An đến chùa Báo Ân xem xét đề lo việc lễ tang, vì số chúng tuy đông, nhưng thầy Thanh An là hàng sư huynh chúng chùa Linh Sơn - Vạn Giã lúc bấy giờ. Đến nơi mở cửa bước vào phòng, thầy Thanh An vô cùng kinh ngạc vì thế ngồi của Ngài Diệu Đạo tự nhiên như người đang nhập thiền định. Thầy chấp tay xá và khẩn nguyện: xin Ngài hoan hỷ tha thứ cho con chạm vào thân xác và xem Ngài còn sống hay đã ra đi để về báo Hòa Thượng Linh Sơn đến chỉ đạo mọi việc cho được chu đáo. Thật là hết sức mâu thuẫn, một người chết đã ba hôm vẫn không có mùi hôi hám, thế ngồi cân đối thẳng ngay mà đứng ra với người thường hẳn không thể nào có được. Trong vòng hai tiếng sau Hòa Thượng Tịnh Tràng đến, Ngài cho mời quý Phật tử lớn tuổi trong làng đến họp phân công và cho lập chương trình tang lễ, và Ban Tổ Chức. Các lễ nhập liệm, thọ phục, tụng niệm, cúng cơm, khiển điện, triệu Tồ, giắc linh đánh lễ Tam Bảo, lễ động quan, di quan và lễ nhập bảo tháp v.v... tuần tự diễn ra với sự tham dự đông đảo chư tôn đức tăng ni bốn huyện và các chùa lân cận trong vùng. Có thể nói đám tang tuy giản dị nhưng

không kém phần trang nghiêm thanh tịnh; vì Ngài viên tịch quá nhẹ nhàng, thân xác người nằm xuống không hôi hám, ương sinh dù đã trải qua ba ngày trong hoàn cảnh khí hậu mùa hè oi bức của miền Trung.

5- Nhận xét và góp thêm vài suy nghĩ:

- Thiền sư Diệu Đạo hạnh tu như thế nào mà trị lành được những chứng bệnh điên cuồng, ma dựa nhập có hiệu quả như thần?

- Ngài có biết trước giờ chết không?

- Chết được an lạc là một trong năm phước lớn, liệu hầu hết chúng ta có đón nhận được không?

- Người chết đã ba ngày mà vẫn trong tư thế ngồi bất động là sao?

- Xác người chết không được ướp phòng lạnh, sao không ương sinh, hôi hám?

Chắc chắn một điều là những ai gần gũi hay người nào biết được hạnh tu và sự hành hoạt phi phạm của Ngài đều cúi đầu ngưỡng mộ thán phục một bậc đệ nhân liễu đạo mà hành tung khó lường trong cuộc đời chân giả khó phân hôm nay.

Việc trị lành bệnh của một tăng sĩ quê mùa ít học, lại đạt hiệu nghiệm đã là một chuyện lạ; lại chuyện trị bằng phương pháp đơn giản Mật tông là một việc hy hữu trong thời đại mà khoa học, y khoa đã tiến đến một đích điểm tuyệt vời vào cuối thế kỷ thứ hai mươi; và làm xong việc người thầy như không cần ai ca ngợi thưởng công lại là một việc làm vô cùng cao thượng biết bao!

Mọi việc dường như đều được chuẩn bị sẵn sàng như người lữ hành cụ bị hành trang trong một cuộc du lịch đi xa lâu ngày. Thật vậy, trước ngày đi không lâu, thiền sư Diệu Đạo đến thăm Hòa Thượng Linh Sơn và Tăng chúng; cũng như những đoán định tương lai từng người của Ngài lúc đó, phải chăng là một cuộc giả tử vĩnh viễn còn lưu nhiều kỷ niệm nơi mỗi người trong tình Linh Sơn cốt nhục?

Đã có mấy ai chết được an lạc không bị bệnh khổ dần vật thân xác, tâm hồn? Trường hợp Ngài Diệu Đạo, không đau ốm chi mà trong tư thế sẵn sàng ngồi nhập thiền định rồi dứt hơi thở đi luôn lúc nào không ai biết. Có thể nói định lực Ngài đã đạt đến chỗ dụng công miên mật mới thành tựu viên mãn đại nguyện. Vì sanh tử là việc trọng đại trong đời mà hầu hết mọi người từ vua quan cho chí dân giả ai cũng muốn trốn tránh, sợ hãi không đủ can đảm trực diện, đề cập.

* Nếu không do nhiếp tâm bất loạn làm sao ngồi tĩnh tọa thể liên hoa như vậy được nhiều giờ hay chịu đựng nổi qua nhiều ngày mà thân xác Ngài sau ba ngày tắt hơi thở vẫn giữ tư thế ngồi vững chãi như vậy, là một

chứng minh rõ ràng sức kiên định đã đạt được nhờ công phu tu tập lâu ngày.

* Khoan đề cập tới thân xác con người lúc chết, ta chịu để ý quan sát những con vật nhỏ như rắn, chuột chim, chó, mèo... chết chỉ trong một vài ngày là rỉ nước, sinh chương lên và bay mùi tử khí nồng nặc không ai chịu nổi. Xác của người chết, xông lên mùi hôi lại càng khó chịu hơn. Đàng này trái ngược hẳn với người thường, xác thiền sư liễu đạo ba hôm vẫn còn mềm mại như người còn sống vậy. Nếu lý luận cho rằng, một người không ăn uống lúc chết xác không hôi, điều này cũng chưa hẳn đúng; còn như xác quyết: cái chết của một vị thiền sư phải có điềm thụy ứng lành chứ, cũng lại là một sự võ đoán không có bằng chứng cụ thể. Vì đâu phải vị thiền sư nào lúc viên tịch cũng viên thành đại nguyện cả đâu.

6- Kết luận

Do mấy nhận xét tác giả vừa nêu ra trên đây, cho thấy rằng, còn trong tâm niệm phàm phu chúng ta cũng khó mà xét đoán được người qua việc làm hay ngôn ngữ của họ chính xác, nhất là những vị tu hành với hành tung nghịch thường mà đôi lúc ta cho là phi luân lý, vô đạo đức, độc địa v.v... hay là gì gì đi nữa cũng khó mà hiểu hết được phương tiện thiện xảo của họ. Nói như thế ta có bị quan và cố chấp lắm không? Xin xác định lại cho rõ: chắc chắn nhận xét như thế không có gì lệch lạc đáng chê trách cả. Vì qua câu chuyện liễu đạo của Ngài Diệu Đạo là ví dụ tiệt tu chứng như thế nào, giúp soi sáng con người trong thời kỳ pháp nhược ma cường hôm nay.

(Câu chuyện trên đây tôi viết lại theo lời thuật của Hòa Thượng Thanh An, Viện chủ Tự Viện An Tường vùng Oakland thủ phủ San Francisco - California Hoa Kỳ vào chiều Chủ Nhật ngày 6/3/2005)



LTS: Vào ngày 09.12.2007, hàng trăm thanh niên sinh viên Việt Nam cùng lúc biểu tình trước lãnh sự quán Trung quốc tại Hà-nội và Sài-gòn để phản đối việc chính quyền Trung quốc công khai chiếm đất của Việt Nam. Trước đó hai ngày, một bản tuyên cáo phản ứng về việc này đã được một số văn nghệ sĩ trong nước soạn thảo và công bố với 6 chữ ký dẫn đầu. Bản tuyên cáo được chuyển đến giới văn nghệ sĩ trước tiên và được sự hưởng ứng nhiệt tình từ khắp nơi; không lâu sau đó, đã lan rộng đến đồng bào Việt Nam khắp mọi giới và mọi nơi. Chúng tôi nhận tuyên cáo này vào 21 giờ đêm 07.12.07 do nhà văn Hoàng Ngọc Thụ bên Úc giới thiệu. Lúc đó, ở Việt Nam đã là chiều ngày 08.12, sắp sửa diễn ra các cuộc biểu tình tự phát của sinh viên hai miền Nam-Bắc. Được biết nhà thơ Trần Tiến Dũng, nhạc sĩ Tuấn Khanh và họa sĩ Trịnh Cung đều tham gia biểu tình. Ban đầu việc vận động chữ ký chỉ bằng hình thức email; sau đó, với sự tiếp giúp của văn nghệ sĩ tại Úc, đã có một Petition Forum tiện lợi cho mọi người trực tiếp ký tên. Cảm ơn quý văn nghệ sĩ khởi xướng viết Tuyên Cáo cũng như giúp thiết lập Petition Forum để chúng tôi có cơ hội biểu lộ sự đồng tâm và ý chí bảo vệ giang sơn gấm vóc của Tổ Tiên để lại.

Sau đây là nguyên văn Tuyên Cáo cũng như địa chỉ để vào ký tên, trích từ nguồn: Tienve.org

Một nhóm văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam vừa đưa ra bản TUYÊN CÁO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM YÊU NƯỚC và kêu gọi tất cả người Việt Nam, không phân biệt chính kiến, trong nước cũng như ngoài nước và mọi người trên khắp thế giới hãy tham gia ký tên để phản đối và lên án chính quyền Trung Quốc xâm lược lãnh thổ Việt Nam tại hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Để đóng góp chữ ký, xin các bạn vào trang web: <http://www.gopetition.com/online/15673.html>

Đây là nội dung của bản tuyên cáo:

Tuyên Cáo Chống Trung Quốc Xâm Phạm Lãnh Thổ Việt Nam

Published by Văn Nghệ Sĩ Việt Nam on Dec 08, 2007

TRUNG QUỐC XÂM PHẠM LÃNH THỔ VIỆT NAM

Quốc Vụ Viện Trung Quốc vừa phê chuẩn việc thành lập thành phố hành chính cấp huyện Tam Sa thuộc tỉnh Hải Nam để trực tiếp quản lý ba quần đảo: Hoàng Sa, Trung Sa và Trường Sa (Trung Quốc gọi là Tây Sa, Trung Sa và Nam Sa).

Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Hành động của nhà cầm quyền Trung Quốc đã vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam!

TUYÊN CÁO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM YÊU NƯỚC

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, tuyên cáo:

- Cực lực phản đối và lên án chính quyền Trung Quốc xâm lược lãnh thổ Việt Nam tại hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.
- Yêu cầu chính quyền Trung Quốc phải ngưng tức khắc việc thi hành cái gọi là khu hành chánh Tam Sa được thiết lập bất hợp pháp tại hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam.

Chúng tôi kêu gọi:

- Liên Hiệp Quốc can thiệp về hành vi bất chấp công lý và công pháp quốc tế của chính quyền Trung Quốc trong việc xâm lược Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam.
- Các nước trong ASEAN và đặc biệt là các nước có mối liên hệ trong khu vực tranh chấp trên biển Đông khẩn cấp lên án và đòi hỏi Trung Quốc tôn trọng nguyên trạng vùng biển đang tranh chấp này.

Chúng tôi yêu cầu:

- Chính phủ Việt Nam phải có biện pháp đối phó thích ứng và quyết liệt với hành vi xâm lược thô bạo của Trung Quốc.
- Chính phủ Việt Nam bạch hóa trước quốc dân nội dung chi tiết của các hội nghị tay đôi giữa Việt Nam - Trung Hoa và các bên liên quan khác về tiến trình khẳng định chủ quyền hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Chúng tôi kêu gọi tất cả người Việt Nam, không phân biệt chính kiến, trong nước cũng như ngoài nước và mọi người trên khắp thế giới:

- Tắt máy hàng hóa Trung Quốc, không đi du lịch Trung Quốc.
- Không ủng hộ thể vận hội Bắc Kinh 2008.
- Và làm tất cả mọi việc có thể trong tinh thần liên tục và bền bỉ để buộc chính quyền Trung Quốc phải trả lại và tôn trọng chủ quyền Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam.
- Ủng hộ tuyên cáo này bằng cách ký tên tiếp theo ở bên dưới.

Làm tại Việt Nam ngày 07 tháng 12 năm 2007

Văn Nghệ Sĩ Việt Nam

1. Nguyễn Viện (văn sĩ – Việt Nam); 2. Trần Tiến Dũng (thi sĩ – Việt Nam); 3. Thận Nhiên (văn sĩ – Việt Nam); 4. Lynh Bacardi (thi sĩ – Việt Nam); 5. Tuấn Khanh (nhạc sĩ – Việt Nam); 6. Trịnh Cung (họa sĩ – Việt Nam)

Thơ ĐÀN HÀ

ngàn dặm quê nhà

từ khi cha mẹ sanh con
cái chân đạp đất cái hồn trên mây
xuống đồng mơ ước trời tây
lên non lại thấy nơi này không vui
chạy tìm chốn khác tuyệt vời
để mong thỏa chí làm người phong ba
nhưng khi xa cách quê nhà
chợt dừng bỗng thấy sao mà kém tươi
nên khi sống tận xứ người
thấy vô duyên tựa khóc cười trẻ con
hình như cái nhớ vẫn còn
khiến lòng khô héo dần mòn nẻo mê
ước gì về lại thăm quê
ra xem bụi chuối sau hè trở bông
ngồi xem lúa trở đồng đồng
ngửi hương cốm mới khói xông bếp chiều
trong vườn ngồi mãi đắm chiều
nghe hồn dâu biển còn nhiều thiết tha
đêm về thơm ngát hương trà
ngỡ vàng cuối xóm trắng tà ngoài hiên
quê hương như bóng mẹ hiền
trái con bình lúa, còn nguyên mạch sầu!

chốn nào tịnh tâm

vàng bay tha thướt qua nhanh
mấy lần nắng rớt trên cành cây phong
hình như nghe được tiếng lòng
vọng từ vô thủy lời không kết thành
tiếng thơm cũng muốn để dành
như hoa vừa nở trên cành ngát hương
khi người lòng chẳng vấn vương
tiếc làm chi lúc niềm thương đã nhòa
vì lòng người vẫn kiêu sa
nên đâu còn biết tình ta ngậm ngùi
chuối hoài chẳng được lời vui
thôi đành để sống xa vời biển xanh
ngoài kia sóng nước mong manh
trong đây đời vẫn gặp ghềnh biển dâu
dọn lòng dành để mai sau
họa may tìm được chốn nào tịnh tâm!

đôi bờ quạnh hiu

cuộc đời tan tác, lắt lầy
ngày đi mang mối hận đầy trên lưng
lạc thân giữa chốn bụi hồng
không còn kỷ niệm cho lòng mến yêu
đời chưa đến ngả bóng chiều
sao lòng chợt thấy tiêu điều dáng xưa
bước đời lấm lặc sớm trưa
nghe than lời gió vọng mùa đang trôi
mây mưa bay trắng khung trời
nghe buồn xa vắng, nỗi đời vàng phai
ngoài kia rơi ướt dặm dài
đời xa không biết đến ngày nào đây
mỗi chân dừng nghỉ chốn này
nhìn sau trước thấy trong ngoài lạ xa
không yêu mến, chẳng thiết tha
đêm vào mộng寐, ngày qua hững hờ
nén lòng còn thấp hoang sơ
soi muôn dặm giữa đôi bờ quạnh hiu!

nhật nhòa cổ hương

ước về thăm lại quê xưa
qua vườn xanh lá ngày chưa sang mùa
hoa lay theo gió xuân đưa
bóng con én liệng giữa trưa nắng vàng
mênh mông trời rộng thênh thang
hắt hiu khói quện dịu dàng mây qua
chiều lên nhuộm tím nương cà
ngiênng vai cành bưởi la đà trở bông
nước từ nguồn chảy vào sông
ngồi bên bếp lửa tay hong tuổi buồn
đường dài chiều lạnh thân đơn
ngàn xanh mưa ướt nhật hồn có cây
lững lơ tựa những áng mây
vất ngang trời rộng như say gió ngàn
bay qua mấy dặm quan san
như đời ta vẫn lang thang cõi người
bên chiều lạnh rớt mù khơi
nghe thăm thẳm vọng đôi lời thiết tha
lòng chùng mảy cuộc phong ba
dặm xa biên biệt nhật nhòa cổ hương!

TRẦN QUANG TRIỀU

Người gìn giữ ngôi chùa tâm linh của quê hương

Thích Phước An

Một lần nọ, Trần Quang Triều đứng nhìn nền gạch của một ngôi chùa xưa đổ nát hoang tàn, đang chìm ngập trong cơn mưa của một buổi chiều cuối thu. Trong lòng Trần Quang Triều như bỗng dâng trào lên một niềm xót xa vô hạn trước bao nhiêu tang thương dâu bể của cuộc đời:

Hoang thảo tiền triều tự
Thu phong cựu chiến trường
Tàn bi trầm mộ vũ
Cổ Phật ngọa tà dương
Thạch thất tàng vân nạp
Hoa đài cúng đã hương
Ứng thân vô xứ sở
Dữ thế cộng hưng vong
*Ngôi chùa của triều đại trước lẫn giữa đám cỏ hoang
Bãi chiến trường xưa đang phơi mình trước gió thu.
Tám bia Tàu chìm trong mưa chiều,
Pho tượng Phật cổ nằm phơi bóng xế
Tám áo mây, đã cất trong ngôi nhà đá
Mùi hương đồng nội dâng lên đài hoa
Ứng thân không có chỗ nhất định
Với đời cùng hưng vong (1)*

(Mai thôn phế tự)

Đọc bài thơ, ta có cảm tưởng như trong trái tim của Trần Quang Triều không phải chỉ có một buổi chiều thôi, mà dường như trong ông đang chất chứa cả một vạn buổi chiều:

*Có phải sầu vạn cổ
Chất trong hồn chiều nay*

Có lẽ phải mượn hai câu thơ trên của một thi sĩ Việt Nam hiện đại mới nói lên được hết cái sầu của Trần Quang Triều khi ông đứng nhìn ngôi chùa hoang tàn tại xóm Mai trong một buổi chiều thu cách đây đã gần 6 thế kỷ.

Nhưng Trần Quang Triều là một Phật tử, nên ta thấy ông chỉ ngậm ngùi và thương cảm trước cuộc dâu bể thôi chứ không hề hoảng hốt sợ hãi. Vì Trần Quang

Triều ý thức rất rõ ràng, có một cái đẹp vĩnh cửu, một cái đẹp không tàn phai, sau cái đẹp mong manh thoáng chốc của thời gian hữu hạn:

Ứng thân vô xứ sở
Dữ thế cộng hưng vong
*Ứng thân không có chỗ nhất định
Với đời cùng hưng vong*

Tuy biết vậy, nhưng bởi lẽ mang trái tim đa cảm, nên những buổi chiều như sầu vạn thuở ấy cứ tiếp tục ám ảnh mãi trong những bài thơ của Trần Quang Triều:

Hà nhạc chung tồn cổ quốc phi
Sở hàng lăng bắc với tà huy
Cựu thời vương khí mai thu thảo
Mộ vũ tiêu tiêu đã điệp phi
*Sông núi rớt cuộc vẫn còn mà nước cũ đã đổi khác
Mấy hàng bách tròng trên gò đứng phơi lưng dưới nắng chiều
Khí đế vương triều xưa vùi dưới cỏ mùa thu,
Mưa chiều hiu hắt bướm nội bay (2)*

(Trường An hoài cổ)

Một nhà phê bình văn học hiện đại đã cho rằng, bài thơ trên của Trần Quang Triều là "Gần như lấp lánh một dự báo thiên tài, một sự khái quát thẩm mỹ đi trước thời đại, báo hiệu sự suy vong không cưỡng nổi của nhà Trần" (3)

Những lời nhận định trên có thể chỉ đúng với cái nhìn của nhà phê bình văn học hoặc các nhà sử học thôi. Trên phương diện thi ca, tôi cho rằng cách nhìn như vậy đã vô tình đánh mất hồn thơ của những nghệ sĩ tài hoa, như tiếng thơ ở đây của Trần Quang Triều chẳng hạn.

Ta được biết Trần Quang Triều sinh năm 1286, là con cả của Trần Quốc Tăng và là cháu nội của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Vậy là đối với Trần Quang Triều thì những chiến thắng của Đông Bộ Đầu vào thời kỳ đánh đuổi quân Nguyên lần thứ nhất (1258) dưới thời Trần Thái Tông và tiếp đến những Tây kết, Chương Dương, Bạch Đằng vào những năm 1285 và 1288 dưới thời Trần Nhân Tông đã chỉ còn là vang bóng của một thời. Nghĩa là nhà Trần dưới thời của Trần Anh Tông

hay Trần Minh Tông mà Trần Quang Triều đang phục vụ tất nhiên đã không còn hùng mạnh nữa như dưới thời Trần Thái Tông, Thánh Tông và nhất là Trần Nhân Tông.

Nhưng với cái nhìn của thi nhân, thì không phải đợi đến khi nhìn thấy triều đại mình đang phục vụ bắt đầu suy tàn thì họ mới xót xa cho lẽ hưng vong của cuộc đời, mà trong họ mỗi một ngày trôi qua hay thậm chí đến cả một giây phút băng quơ nào đó khi bất chợt nhìn thấy một hòn đá nằm lơ lửng dưới nắng chiều hiu hắt bên đường, thì trong họ dường như đã cảm nhận được nỗi đời hư ảo rồi:

Môn tiền cổ kiệt ngọa tà dương
Duyệt thế như lưu sự khả thương
Trước cửa quán hòn đá chơm nằm lơ lửng nắng chiều
Ngắm sự đời, như nước chảy trôi đi và đi mất, thấy mà đau

(Tô Đông Pha)

Tất nhiên bao giờ tiếng thơ của thi nhân cũng phản ánh niềm đau khổ chung cũng như riêng đối với thời đại mà thi nhân đang sống. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà ta cứ bảo là Trần Quang Triều làm thơ để dự báo (hay thương cảm) chi nhà Trần của mình sắp suy vong, hoặc Nguyễn Du làm thơ là để thương tiếc cho nhà Lê đã mất (hoài Lê).

Nếu chúng ta cứ tiếp tục đem cái nhìn có tính cách trường ốc như vậy để giải thích thi ca thì chắc chắn chúng ta đã đánh mất không những hồn thơ mệnh mông không chỉ riêng của Trần Quang Triều hay Nguyễn Du không thôi, mà chúng ta còn bóp chết biết bao tâm hồn thơ mộng của người đọc thi ca nữa.

Trần Tử Ngang, một thi hào đời Đường của Trung Quốc đã bày tỏ về quan điểm thi ca của ông: "Làm thơ là để gởi tâm lòng vào thiên cổ chứ không phải để phấn đấu tài ba trong nhất thời."

Chính vì vậy, cho nên mặc dù đã đỗ đạt cao (tiến sĩ), làm quan đến chức Lân đài chính tự, rồi Hữu Thập Di, nghĩa là đường công danh thì chẳng có gì trắc trở cả, vậy mà, khi đứng trên đài U Châu, nhìn đất trời bao la, Trần Tử Ngang vẫn cảm thấy mình cô độc lạ thường:

Niệm thiên địa chi du du
Độc sáng nhiên nhi thế hạ
Ngắm xem trời đất mệnh mông,
Riêng một mình ta thương cảm mà rơi lệ

Trần Tử Ngang mất năm 702. Từ đó đến nay đã hơn 12 thế kỷ rồi, vậy mà giọt lệ của Trần Tử Ngang vẫn còn đọng lại trên mắt của mọi con người ở mọi thời đại.

Ta có thể tin chắc rằng, trong những thế kỷ tới, con người rồi sẽ được du lịch ở một số hành tinh xa xôi, nhưng có lẽ giọt nước mắt của Trần Tử Ngang vẫn còn

đó vì càng trông thấy vũ trụ bao la là bao nhiêu thì con người lại càng cảm thấy thân phận mình nhỏ bé và lẻ loi bấy nhiêu.

Vậy là, vì không "phấn đấu tài ba trong nhất thời" mà Trần Tử Ngang mới có thể gởi được tâm lòng của mình vào thiên cổ chẳng?

Dù rất được nhà Trần ưu đãi, mới có 14 tuổi đã được phong tước Văn Huệ Vương, lớn lên lại có công dẹp loạn Thích Na. Thế nhưng ta thấy Trần Quang Triều (cũng như những tâm hồn lớn khác) không bao giờ lấy đó làm thỏa mãn, mà ngược lại Trần Quang Triều còn khinh bỉ thứ lợi danh bọt bèo này nữa, thứ lợi danh mà biết bao con người tầm thường thèm muốn, nhưng chẳng bao giờ họ với tới được:

Đồn lãng xuy triều thương bích than
Lỗ thanh di nhập bích vân hàn
Kỷ hồi bạc nhị huyền chung đỉnh
Na trọng Đồng Giang nhất điều can
Sóng cá dồn nước triều lên dòng thác biếc
Tiếng mái chèo đưa hơi lạnh vào mây xanh
Đã bao lần coi nhẹ miếng mồi treo chuông vạc
Mồi ấy đâu có nặng bằng chiếc cần câu bên sông
Đổng (4)

(Điếu tẩu)

Vì mang một tâm hồn như vậy, nên ta không lấy gì làm ngạc nhiên, khi thấy Trần Quang Triều luôn luôn cô độc giữa đám đông con người:

Quý ngộ niệm thù khinh
Nghĩ đến những cuộc gặp gỡ giả dối lòng càng coi nhẹ (5)

Vì vậy cho nên:

Quy tâm mộng tự vinh
Cho nên giấc mộng trở về cứ vương vấn mãi (6)

Trong số 11 bài thơ còn lại, thì ta thấy đã có đến hai bài Trần Quang Triều nói đến khát vọng "trở về" rồi.

Nhưng có gì khác nhau giữa sự "trở về" của Trần Quang Triều và việc đi ở ẩn của các nhà Nho? Chắc phải có sự khác nhau. Sự khác nhau theo tôi như thế này: việc rút lui hoặc đi ở ẩn chỉ xảy ra khi nào học cảm thấy thất bại trên con đường công danh sự nghiệp, hoặc không thực hiện được hoài bão của mình cho dân cho nước (như việc rút lui về ở ẩn của nhà Nho Chu Văn An chẳng hạn). Còn "trở về" có nghĩa là nhận thấy con đường mình đang đi không thích hợp với tâm hồn của mình. Vì nói cho cùng, thì có nhiều con đường để phục vụ cho quê hương đất nước, chứ không nhất thiết phải ra làm quan thì mới có thể thực hiện được lý tưởng ấy.

Và Trần Quang Triều đã lựa chọn con đường khác để phục vụ cho đất nước mà mình đang sống, mảnh đất mà ông đã yêu đến tha thiết vì theo ông nó có một vẻ đẹp rất đơn sơ và giản dị, giản dị đến nỗi mà cũng theo nhà

thơ khó có một họa sĩ tài hoa nào có thể đưa được phong cảnh ấy vào bức tranh của mình:

Nam quốc na kham nhập họa đồ
Tân An trì quán trưởng co bờ
Niên niên lãnh lẫm nhân phong nguyệt
Trúc ngoại nhất thanh đề giá cô
Phong cảnh nước Nam khó có thể đưa vào trong tranh vẽ
Trong ao bên quán Tân An cỏ năn, cỏ lác mọc
Hàng năm sương đọng cánh trắng gió thanh thoi
Ngoài rặng trúc, một tiếng chim đa đa kêu (7)

(Liêu Nguyên Long Tổng họa cảnh phiên)

Nơi mà Trần Quang Triều muốn trở về ấy có phải là ngôi chùa chăng?

Sách *Tam Tổ Thực Lục* cho biết, tháng chạp năm 1317 khi bắt đầu tu tạo lại chùa Quỳnh Lâm. Văn Huệ Vương Trần Quang Triều đã làm thí chủ và cúng 4.000 tiền, bia chùa Quỳnh Lâm thì chép số tiền này lên đến 40 vạn quan. Rồi đến tháng chạp năm 1324, lại cũng sách *Tam Tổ Thực Lục* lại ghi thêm: Trần Quang Triều còn cúng 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm, cùng số ruộng ở hai trang trại Động Gia và An Lưu, tổng cộng hơn 1.000 mẫu, và hơn 1.000 nô tỳ để làm của Tam Bảo vĩnh viễn cho chùa Quỳnh Lâm (8).

Xưa nay thường chỉ có giới vua chúa và quý tộc hay những người giàu có mới bỏ tiền ra để xây dựng chùa chiền, vậy mà Trần Quang Triều, một tri thức và một nhà thơ lớn đương thời đã bỏ cả gia sản ra để xây dựng chùa Quỳnh Lâm, thì ta có thể thấy tấm lòng của ông tha thiết cho nơi chốn mà ông muốn trở về ấy biết chừng nào!

Là một nhà trí thức lớn của thời đại, nên tất nhiên Trần Quang Triều ý thức rất rõ vị trí của ngôi chùa trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Vì chẳng phải ngôi chùa đã đứng ra hướng dẫn dân tộc trong những ngày đầu mở nước, nên ngay khi Lý Nam Đế (544-548) lên ngôi, đã lập lên ngôi chùa có tên là chùa Mở nước (Khai Quốc, tức chùa Trấn Quốc ngày nay đó sao?)

Và cũng chính từ ngôi chùa mà sau hơn 1.000 năm lệ thuộc bị xem như "man-di", thì lần đầu tiên một nhà trí thức hàng đầu của "Thiên triều" đã phải thừa nhận công khai rằng, Thiên tử của nước Đại Việt cũng chẳng khác gì Thiên tử của nước họ qua hai câu thơ của sử Tông Lý Giác:

Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu
Khê đàm ba tịch kiến thiêm thu
Ngoài trời lại có trời soi rọi
Vùng nguyệt trong in ngọn sóng đầm
Giả sử nếu không có Khuông Việt thiền sư chùa

Cát Lợi và Pháp Thuận của chùa Cô Sơn thì biết đến bao

giờ dân tộc mới ngẩng đầu lên được như vậy?

Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội) trong chiếu dời đô có đoạn viết: "Để mưu cầu chỗ chính giữa làm kế cho con cháu muôn đời (...) vận nước lâu bền, phong tục giàu thịnh... "phải được nuôi dưỡng và giáo dục từ nền văn hóa của Phật giáo, nên Lý Công Uẩn mới có tầm nhìn chiến lược của một chính trị gia lỗi lạc như vậy. Nhưng quan trọng hơn cả là, chính tinh thần từ bi đã hun đúc từ thời thơ ấu ở chùa Lục Tổ nên Lý Công Uẩn mới thể hiện tình thương dân thương nước, không phải chỉ có dân và nước ở thời nhà Lý thôi, mà còn cho cả đến ngàn đời sau nữa.

Với triều Trần, thì vị vua vĩ đại nhất của triều đại (có thể là cả 2.000 năm lịch sử của dân tộc nữa?) sau khi đánh bại hai cuộc xâm lăng của đế quốc Nguyên Mông, rồi đưa quốc gia Đại Việt phát triển rực rỡ trên mọi lĩnh vực, cũng đã trở về ngôi chùa trên đỉnh núi Yên Tử, và khai mở suối nguồn tâm linh mới cho dân tộc (Thiền phái Trúc Lâm). Ngôi chùa Hoa Yên, nơi thiền sư Trần Nhân Tông ngồi tham thiền nhập định, đã gây xúc động cho một nhà thơ lớn đương thời bằng những câu thơ tuyệt đẹp như thế này:

Chim chóc (gọi) bạn, cần hoa nâng cúng
Vượn bông con (ghé) cửa nghe kinh
Nương am vắng Bụt hiện từ bi
Gió hiu hiu, mây nhẹ nhẹ;
Kẻ song thưa Thấy ngôi thiền định
Trắng vắng vạc, núi xanh xanh...

(Phú vịnh chùa Vân Yên – Huyền Quang)

Tình thương bao la của ngôi chùa của nước Đại Việt cũng đã từng an ủi cho những kẻ sa cơ thất thế. Thâm Thuyền Kỳ, một danh sĩ đời Đường, bị đày sang Giao Châu, khi được trở về cố quốc rồi vẫn cứ nhớ mãi ngôi chùa đẹp bên sườn núi ở Hoang Châu (Thanh Nghệ Tĩnh):

Nhân trung xuất phiên nào
Sơn hạ tức Già Lam
Tiêu giản hương vi sát
Nguy phong thạch tác am
Vòng nào phiền ra khỏi
Dưới núi dựng Già Lam
Khe suối thơm là cảnh
Đá non cao là am.

(Yết Cửu Châu Sơn Tĩnh tự Vô Ngại thượng nhân)

Và nhất là nhà trí thức lớn của Trung Quốc này, đã ân hận vì không còn được đàm đạo về Phật Pháp với vị thiền sư thông tuệ trong ngôi chùa này:

Đệ tử ai vô thức
Y vương tích vị đàm
Siêu nhiên hồ Khê tịch
Trích thọ hạ ư lam

*Đệ tử hận mình dở
Phật Pháp chưa am tường
Qua khe hở nhìn lại
Dưới cây sương khói lam.*

Trung quốc, nhất là Trung quốc dưới triều đại nhà Đường, có một nền văn minh rực rỡ nhất thời bấy giờ, vậy mà Thâm Thủy Kỳ lại ân hận và nuối tiếc vì không còn được học Phật với vị thiền sư Giao Châu, một xứ sở vẫn được xem như là biên địa (tất nhiên là biên địa dưới cái nhìn của người Trung quốc, vẫn cứ tự nhận mình là thiên triều). Từ đó ta có thể thấy được, là những ngôi chùa của quê hương không chỉ đưa dân tộc vươn lên thành một quốc gia độc lập có chủ quyền thôi, mà còn có sức mạnh tâm linh vĩ đại để cảm hóa những tâm hồn đang quẩn quại trong đau khổ, dù họ đang là danh sĩ của một quốc gia có nền văn minh rực rỡ nhất của Đông phương thời bấy giờ.

Có lẽ đó là lý do mà Trần Quang Triều cứ ôm mãi giấc mộng trở về nơi những ngôi chùa để tìm lại sức mạnh tâm linh này cho quê hương, mà ông có cảm giác rõ rệt rằng sức mạnh ấy đang mất dần giữa một xã hội chỉ biết chạy theo sức mạnh bên ngoài, là lợi danh và quyền lực.

Và việc Trần Quang Triều chọn ngôi chùa Quỳnh Lâm, ta lại càng thấy rõ ý nghĩa việc trở về đó của ông.

Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi trong bài *Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý Trần, nhìn từ một trung tâm Phật giáo tiêu biểu: Quỳnh Lâm* (10), thì người thứ nhất đến với chùa Quỳnh Lâm không được ghi trong danh sách nhưng lại được nhiều truyền thuyết dân gian lưu lại, là thiền sư Không Lộ của đời Lý. Chính tại nơi chùa Quỳnh Lâm này mà Không Lộ lại còn có một cái tên khác nữa cũng đã đi vào truyền thuyết dân gian rất có ý nghĩa, tên là Nguyễn Minh Không. Đó là chuyện Nguyễn Minh Không mang một túi không lồ, thu gom đồng của Trung quốc đem về nước đúc nên "An Nam tứ khí" mà tượng Phật chùa Quỳnh Lâm có trong tứ khí đó. Khi bàn về truyền thuyết này, giáo sư Nguyễn Huệ Chi viết: "Lời gọi gấm sâu kín trong câu chuyện có giá trị như một ước nguyện sâu xa của nhiều đời, một sự nhắc nhở lâu dài đối với thế hệ con cháu, mà đến nay xem ra vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự" (11).

Người thứ hai sau thiền sư Không Lộ, là Pháp Loa thiền sư, đệ nhị tổ của thiền Trúc Lâm đời Trần, một người rất có đầu óc tổ chức. Chính Pháp Loa đã biến ngôi chùa Quỳnh Lâm thành Quỳnh Lâm thiền viện, quy mô và bề thế. Và cũng chính tại thiền viện Quỳnh Lâm này mà Pháp Loa đã cho khắc in *Đại Tạng Kinh*, mở các buổi thuyết giảng về thiền cho các tăng sĩ thuộc giáo hội Trúc Lâm.

Người quan trọng thứ ba của Quỳnh Lâm là Trần

Quang Triều. Bởi cái tên Quỳnh Lâm trong lịch sử không phải chỉ bao gồm có hai phần, Quỳnh Lâm tự là Quỳnh Lâm thiền viện, mà còn bao gồm một phần thứ ba nữa, đó là Bích Động Am, mà đã nói đến Bích Động Am hẳn không ai không biết chính nơi đây đã hình thành một thị xã nổi tiếng, đã từng tổ chức những cuộc đàm đạo thơ văn lôi cuốn hầu hết những học giả, nhà thơ có tên tuổi nhất thời bấy giờ. Thị xã có tên là Bích Động, và người đứng đầu thị xã không ai khác hơn chính là Trần Quang Triều.

Chính trong thời gian này, thiền viện Quỳnh Lâm cũng đã mở cửa đón tiếp một nhà Nho thông thái, một nhà Nho nổi tiếng vì đã liên tiếp chỉ trích Phật giáo. *Đại Việt Sử Ký toàn thư* chép rằng, vua Trần Minh Tông đã cử Trương Hán Siêu về đây giữ chức giám tự. Sử liệu không cho biết là Trương Hán Siêu đã tự nguyện về hay bị triều đình bắt buộc phải về để "cải tạo" tư tưởng bài Phật một cách cực đoan của ông.

Nhưng trong bài thơ *Dục Thúy Sơn* (Núi Dục Thúy) được sáng tác vào cuối đời, trong đó Trương Hán Siêu đã ghi lại cảm giác hoan lạc của lòng mình khi đứng trên trên núi Dục Thúy nhìn đất trời bao la:

Sơn sắc thượng y y
Du nhân hồ bất quy?
Trung lưu quang thấp ảnh
Thượng giới khải nham phi
Non xanh xanh vẫn như xưa
Du nhân đi mãi vẫn chưa thấy về!
Sống in bóng tháp Bồ Đề
Mở toang cửa động liền kề chân mây

(Trần Văn Giáp dịch)

Thực ra, cảnh tượng bao la và hùng vĩ của đất trời đó, ta phải hiểu là Trương Hán Siêu muốn ám chỉ đến tư tưởng Phật Giáo, một tư tưởng vĩ đại như vậy mà trước đây vì cố chấp, có thể cũng là lòng ganh tỵ hẹp hòi của một nhà Nho, nên ông đã lỡ bài xích một cách bất công, nên nay Trương Hán Siêu cảm thấy ân hận vô cùng:

Phù thế như kim bệ
Nhàn danh ngộ tác phi
Đời lênh đênh trước khác nay
Thân nhàn mới biết trước ngày lâm to.

(Trần Văn Giáp dịch)

Không còn hồ nghi gì nữa, chính tư tưởng tự do, bao dung và vô chấp của Phật Giáo được thể hiện qua các thiền sư và cư sĩ học giả Phật Giáo tại chùa Quỳnh Lâm mới thuyết phục được một nhà Nho có tầm cỡ lớn như Trương Hán Siêu, cuối cùng cũng phải trở về với Phật Giáo vậy!

Còn Trần Quang Triều? Ông đã đến nơi mà suốt

cả đời ông vẫn khao khát trở về đó chưa?

Tâm khôi oa giấc mộng
Bộ lý đão Thiên đường
Xuân vãn hoa dung bạc,
Lâm u thiên vận trường
Vũ thu thiên nhất bích
Thi tịnh nguyệt phân lương
Khách khứ Tăng vô ngữ
Tùng hoa mẫn địa hương
Lòng nguội lạnh với giấc mơ sừng con sên
Dạo bước đến cửa Thiên.
Xuân muộn, dáng hoa mỏng mảnh,
Rừng sâu, tiếng ve ngân dài
Mưa tạnh, trời xanh biếc một màu
Ao trong, trắng mát dịu tỏa xuống.
Khách ra về, Sự chẳng nói
Mặt đất thơm ngát mùi hoa thông.

(Đề Gia Lâm tự)

Vậy là Trần Quang Triều đã đến nơi mà suốt cả đời ông vẫn khao khát trở về đó rồi! Vì suốt cả bài thơ, ta nghe ra được một niềm vui như bất tận của Trần Quang Triều. Dù nơi này, đất và trời vẫn vắng lặng và tịch mịch như tự bao giờ (khách khứ tăng vô ngữ) nhưng trước mắt là một màu xanh ngát (thiên nhất bích), và mặt

đất dưới bước chân người vừa mới trở về đường như thơm ngát một mùi hương (tùng hoa mẫn địa hương).

Chú thích:

(I):Thơ văn Lý Trần, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1988.

(1):Tr. 610

(2):Tr.609

(4):Tr.609

(5):Tr.616

(7):Tr.611

(9):Tr.711

(12):Tr.734

(13):Tr.614

(14):Tr.620

(15):Tr.761

(II):Tập chí văn học số 4/1992, Hà Nội 1992

Nguyễn Huệ Chi: Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý Trần, nhìn từ một trung tâm Phật Giáo tiêu biểu: chùa Quỳnh Lâm.

(3): Tr. 19

(8): tr. 18

(10): tr. 14

(11): tr 16

TỪ TÚ TRINH

Vẫn như hoài chiêm bao

Đời vốn toàn lẽ thực
Lẽ thực lắm bề bàng
Khiến lòng đau tê tái
Ngóng trông vào mơ hoang
Giấc mơ không là thực
Ngẩn ngui rồi tan mau
Lòng càng thêm nuối tiếc
Vẫn vương ngàn lao xao
Đời không như cầu mong
Sống nương vào giây phút
Hồn miên man vời trông
Những mơ hồ xa khuất
Kiếp người dần qua nốt
Như bốn mùa thay nhau
Thực mộng nào đâu khác
Vẫn như hoài chiêm bao.



THƯ TRÌNH MỘT SỐ VIỆC LIÊN QUAN BẢN LÊN TIẾNG CỦA VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO VỀ TRƯỜNG HỢP NHÀ THƠ TUỆ SỸ

Kính thưa quý văn thi hữu, thân hữu và quý bạn đọc,

“Bản Lên Tiếng của Văn Nghệ Sĩ Tự Do về trường hợp nhà thơ Tuệ Sỹ” khởi sự ngày 26.10.2007 và đã kết thúc vào ngày 11.11.2007 như đã thông báo trước. Dù vậy, sau nửa tháng kể từ ngày kết thúc, vẫn còn một vài vấn đề tồn đọng liên quan đến Bản Lên Tiếng ấy, buộc lòng chúng tôi phải viết thư trình này để làm sáng tỏ một số việc, như sau:

1. **Trường hợp nhà văn Doãn Quốc Sỹ:** Nhà văn lão thành này đã đọc “Bản Lên Tiếng của văn nghệ sĩ tự do về trường hợp nhà thơ Tuệ Sỹ” và đã ký tên vào ngày đầu tiên, 26.10.2007. Khi nghe có dư luận cho rằng nhà văn Doãn Quốc Sỹ không biết gì về văn bản này, vào ngày 06.11.07, nhà văn đã ghi đôi dòng và ký bằng bút mực, xác nhận đã ký tên “để tránh mọi ngộ nhận” (nguyên văn). Đến ngày 13.11.07, lại nghe dư luận có nghi vấn về việc ký tên của mình trong Bản Lên Tiếng, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã xác nhận lần nữa bằng đôi dòng, qua đó, nhấn mạnh là đã ký tên vào “Bản Lên Tiếng của văn nghệ sĩ tự do” từ ngày 26.10.07 (tức là ngày khởi sự vận động lấy chữ ký). Có lời xác nhận, tái xác nhận với chữ ký của nhà văn Doãn Quốc Sỹ trong tay, chúng tôi vẫn im lặng, không phổ biến vì cho rằng việc bảo vệ niềm tin cậy và kính trọng lẫn nhau trong văn giới là điều cần thiết hơn là việc chứng minh sự thực trước những cố ý xuyên tạc hoặc vô tình ngộ nhận. **Xin lưu ý:** hai lần nhà văn Doãn Quốc Sỹ xác nhận chữ ký cho chúng tôi, đều dùng giấy bút, viết tay, không hề dùng máy đánh chữ hay vi tính.
2. **Trường hợp tên người quá cố:** a) nhà báo Hoài Diệp Tử: nhà thơ X. gửi đến tôi một e-mail vào ngày 30.10.07 để ký tên cùng ba văn hữu khác, nguyên văn như sau: “Tuần báo Mai của gia đình Hoài Diệp Tử (Nam California), nhà thơ Y., nhà thơ X., nhà báo Z.” (Y, X, Z là chữ của tôi để thay thế bút hiệu của các văn thi hữu do nhà thơ X. giới thiệu). Do vì không thể ghi danh “Tuần báo Mai của gia đình Hoài Diệp Tử” là một tập thể bao gồm chủ nhiệm, chủ bút, thư ký, trị sự v.v..., tôi chỉ ghi bút hiệu của cá nhân nhà báo Hoài Diệp Tử như là vị đại diện, mà không đề ý thực tế rằng nhà báo ấy đã quá cố. Được các bạn văn lưu ý về trường hợp này, tôi lập tức liên lạc với nhà thơ X. để xin lỗi và nhắn lời xin lỗi với gia đình nhà báo HDT; đồng lúc, tôi được nhà thơ X. thông báo rút tên gia đình nhà báo HDT ra khỏi danh sách, và tôi đã thực hiện điều này liền sau đó; b) nhà văn Mai Thảo: danh sách trong Bản Lên Tiếng ghi rõ ràng là “Hoàng Thy Mai Thảo,” một nhà thơ hiện sống tại Paris, ký tên ngày 31.10.2007, nhưng do ác ý người ta đã lập một danh sách khác, thêm một dấu phẩy (,) giữa “Hoàng Thy” và “Mai Thảo,” tách thành hai tên, để xuyên tạc rằng Bản Lên Tiếng đã dùng tên nhà văn quá cố Mai Thảo; c) nhà thơ Hoàng Anh Tuấn: danh sách văn nghệ sĩ ký tên không hề có tên nhà thơ quá cố Hoàng **Anh** Tuấn (thân phụ của nhà văn Thu Thủy), mà chỉ có tên Hoàng **Ngọc** Tuấn, một nhà văn, cũng là nhạc sĩ nổi tiếng, anh ruột của nhà văn Hoàng Ngọc Thư, hiện sống tại Úc.
3. **Trường hợp một số văn nghệ sĩ ký tên trễ:** Sau ngày 11.11.2007, vẫn còn một số văn nghệ sĩ được tin trễ, đã gửi e-mail đến để ký tên ủng hộ. Với chân tình của quý văn nghệ sĩ này, chúng tôi không thể không ghi nhận nơi đây theo thứ tự thời gian: Hoàng Xuân Sơn, Trần Mộng Tú, Khê Kinh Kha, Trần Tiến Dũng, Lê Bảo Kỳ, Hồ Hương Lộc và Hồ Trường An. Chân thành cáo lỗi quý văn hữu về sự giới hạn của Bản Lên Tiếng: vận động trong thời gian ngắn và chỉ bằng phương tiện điện tử nên không thể phổ biến cùng khắp, khiến một số quý vị đã không có cơ hội để bày tỏ sự đồng tình của mình.

Kính thưa quý văn thi hữu,

Bản Lên Tiếng mà chúng ta đồng lòng ký tên nhằm kêu gọi sự thực hiện quyền tự do ngôn luận trong ý thức trách nhiệm, không chụp mũ, vu khống, kết án kẻ khác nếu không có bằng chứng xác thực, ngay sau khi vừa được phổ biến, tự thân nó cũng trở thành đối tượng cho sự chụp mũ, xuyên tạc. Điều này chứng tỏ một sinh hoạt chữ nghĩa không lành mạnh trong cộng đồng. Cung cách sử dụng quyền tự do ngôn luận một cách **vội vàng**, thiếu kiểm chứng, hoặc cố ý xuyên tạc, thực sự đã tạo ô nhiễm trong môi trường văn hóa và truyền thông, ảnh hưởng tiêu cực đến người cầm bút lẫn người đọc, người nói lẫn người nghe. Bài học rút ra từ đây, là sự bình tĩnh, sáng suốt và công tâm trước mọi thông tin một chiều để nhận định một sự việc hay một nhân cách, một cách trung thực đúng đắn; có như vậy mới trả lại tự do, công bằng cho mỗi cá nhân trong sinh hoạt của một tập thể đa nguyên phức tạp, cũng như trả lại sự trong sáng, cao đẹp cho thế giới sáng tạo của những người nghệ sĩ chân chính.

California, ngày 26 tháng 11 năm 2007.

Kính trình việc,

Vĩnh Hào

www.vinhhao.net

KHÁI QUÁT NỘI DUNG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO THỜI KỲ LÝ

Thích Thông Thức

Đạo Phật là tôn giáo luôn đề cao hòa hợp, đoàn kết trên tinh thần giải thoát và giác ngộ của con người, nên khi truyền đến dân tộc nào cũng tùy thuận để thích nghi với văn hóa và tín ngưỡng của dân tộc đó. Đây là tính dung hợp, uyển chuyển và năng động của Phật giáo. Lịch sử Phật giáo Việt Nam giai đoạn Lý – Trần đã thể hiện rõ nét nhất tính dân tộc. Bên cạnh đó, chịu ảnh hưởng của giáo lý Đại Thừa nhất là Thiền Tông và Mật Tông, nên Phật giáo Việt Nam vừa mang tính siêu nhiên vừa mang tính hiện thực.

Thời Lý, Mật Tông và Thiền Tông là hai yếu tố chính của Phật giáo.

Mật Tông đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng và bảo vệ nền độc lập, nhưng trong suốt tiến trình lịch sử thì Thiền Tông mới là yếu tố chủ đạo, mang tính bao trùm, ảnh hưởng mạnh mẽ mọi hoạt động của Phật giáo thời đó.

Mật Tông là một Tông phái của Phật giáo, sử dụng thần chú trong quá trình thực nghiệm tâm linh. Hai bộ kinh *Tinh Xá Đầu Voi* và *Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì* là cơ sở quan trọng của Mật Tông với phương pháp tu luyện là sáu thời sám hối. Theo Lê Mạnh Thát: “Ngày đêm sáu thời sám hối các trọng tội do các nghiệp thân miệng ý gây ra. Kinh đồng thời cũng xác định đây cũng là phương pháp do chính đức Thế Tôn thực hiện. Phương pháp này về sau đã có những hoạt động mạnh mẽ lên sự phát triển của tư tưởng Thiền Học Việt Nam” [1, II.Tr.82]. Pháp môn này được Thiền Sư Pháp Thuận (925 – 995) viết *Bổ Tát Hiện Sám Hối Văn* mà *Thiền Uyển Tập Anh* đã ghi lại, và Thiền sư Trần Nhân Tông (1218 -1277) viết *Lục Thì Sám Hối Khoa Nghi*. Điều này minh chứng từ Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến Pháp Hiền không chỉ xuất phát và truyền thừa phương pháp sám hối mà còn phát triển Mật tông Thiền Uyển Tập Anh viết rằng: “Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Pháp Hiền đọc tụng chú đà la ni là tu luyện pháp môn tam muội, khi Thiền sư Ma Ha đến cầu pháp Thiền sư Pháp Thuận, sư chuyên việc sám hối và trì tụng đại bi tâm chú trái ba năm chưa từng một chút biếng trễ... Tổng trì tam muội và ảo thuật, người

đời không lường nổi” [2, Tr. 263]. Yếu tố Mật tông này được Thiền sư Đạo Hạnh (? – 1117) duy trì và phát triển.

Thời kỳ này đã xuất hiện nhiều vị thiền sư dùng Mật Tông trong việc cứu đời như sư Vạn Hạnh (? - 1025): “*Chuyên tập pháp môn tổng trì tam ma địa. Viên Chiếu (999 – 1090) sâu rõ ngôn ngữ tam muội giảng thuyết lưu loát Tổng trì tam ma địa cũng có tên khác là Đà la ni tam muội*” [1, Tr.84].

Điều này được Nguyễn Duy Ninh khẳng định “*Rõ ràng tư tưởng Mật giáo cực thịnh trong khoảng thế kỷ XI – XII, trong các nhà sư Sơn Môn Kiến Sơ cũng như Môn Dâu*” [3, Tr.431]. Các vị Thiền sư đã sử dụng một loạt ngôn ngữ huyền bí (thần chú) để thể nghiệm tâm thức và khơi dậy tuệ giác vốn có của con người, bằng phương pháp đó, họ hục vụ cho cộng đồng.

Trong khi đó, Thiền có vai trò rất quan trọng với Phật giáo trong giai đoạn này. Theo tự điển Phật Học Hán Việt: Thiền là “*Thiền Na nghĩa tịch tĩnh thâm lự là để tâm chuyên chú vào một cảnh, vào một đối tượng, lấy tịch tĩnh để thấu rõ tư duy, đạt tới trạng thái Định – Tuệ quân bình*” [4, Tr.1271].

Theo định nghĩa trên, có thể thấy thiền là một phương pháp để đi đến giác ngộ. Thực tập thiền là một công đoạn, một phương tiện, là điều kiện ban đầu để nhận chân thật tánh. Bản chất của thiền là giác ngộ, là thực nghiệm tâm linh, là “*dĩ tâm truyền tâm*” nên thiền phải chứng nghiệm bằng trực giác và bằng sự ổn định của tâm thức, “*chính tinh thần ấy, là nguồn động lực của vũ trụ, mà cũng là dòng hoạt dụng của tâm linh*” [5, I.Tr.84]. Như vậy, hiểu và sống được thiền là nhìn thấy sự vật hiện tượng một cách như thật qua các phạm trù vô thường, vô ngã, vô trụ, chân như. v.v... Khi các vị Thiền sư đạt đến trình độ này, họ không còn bị ràng buộc tư duy hữu ngã, mà đã trở về cội nguồn vốn có trong tâm thức, thấy được Phật tính tức là giác ngộ, “*Thiền khai phóng tất cả năng lượng nội tại và tự nhiên tích tập trong mỗi con người chúng ta, nguồn năng lực ấy, trong hoàn cảnh thường, bị co rút lại, và vận treo đi, đến không vùng thoát đâu được*” [5, I.Tr.9]. Thiền đứng trên

nguyên tắc: “*Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*”. Chính vì “*Bất lập văn tự*” nên chúng ta không thể dùng phương pháp quy nạp, diễn dịch hay logic ngôn ngữ để xác định rõ về nội tại của người chứng ngộ. Dưới cái nhìn của vị Thiền sư, bản thể tuyệt đối của các sự vật hiện tượng là phi khái niệm. Cho nên sự nhận thức bản thể ấy chỉ có thể bằng trực giác, bằng sự chiêm nghiệm khai mở chân tâm của con người.

Vì vậy, Thiền chỉ thực sự tồn tại khi có người biết tiếp cận vận dụng trong cuộc sống. Nếu không có con người sống thiền thì thiền chỉ là vỏ bọc của lý thuyết suông, giáo điều. Sức sống của thiền chính là sự **khohan dung – lợi lạc – vị tha**. Sau khi chứng ngộ, người tu hành không những sống trọn vẹn với bản thể chân như của mình mà còn tích cực phụng sự chúng sanh, không còn xem nặng cái ta vị kỷ mà hành động cho mọi người. Sống thiền là vừa tròn trách nhiệm của một người công dân của đất nước, vừa khéo sống với “**con người thật**” của chính mình. Người chứng ngộ thiền là thể nhập vào hơi thở của cuộc sống cộng đồng. Điều này, thời Lý đã thể hiện các Thiền sư thể nghiệm, đem lại lợi ích cho dân tộc và phát triển Phật giáo, như Suzuki viết: “*Nếu Phật giáo là một tòa nhà xây dựng trên căn bản của lý giác ngộ do Phật tự chứng và đã hoàn tất con người của Phật, thì dĩ nhiên Thiền là cột trụ trung ương chống đỡ toàn cơ cấu. Thiền là trục hệ của truyền thống Phật giáo thừa tiếp giác tâm của Phật*” [5, I, Tr.67]. Vì vậy, Phật giáo thời Lý vừa mang những nét chung của Phật giáo vừa có những đặc trưng của Thiền tông. Đó cũng là đặc điểm Thiền tông Việt Nam nói chung.

Nhiệm vụ của Phật giáo trong giai đoạn này là vừa đưa tinh thần giải thoát giác ngộ vào xã hội, vừa phát huy khả năng nội tại của con người, từ đơn vị cá nhân tiến vào cộng đồng. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ của Thiền là khai phóng năng lực vốn có trong thực tại. Đây “*chính là uy lực của trực giác sở hữu của tâm, có khả năng phóng chiếu vào thực tại của tâm linh*” [5, I, Tr.82]. Về mặt quốc gia Phật giáo góp sức xây dựng hào khí dân tộc và khẳng định địa vị làm chủ đất nước của dân ta.

Vào giai đoạn thời Lý, các vị Thiền sư sử dụng phương pháp Mật tông dung hợp với tín ngưỡng bản địa thông qua sấm vĩ để giúp đời. Đồng thời vận dụng phương pháp Thiền Công án trong quá trình tu hành.

Về phương pháp Công án xuất hiện lần đầu ở Việt Nam, được thể hiện khi Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi gặp Pháp Hiền ở chùa Pháp Vân. Thiền sư nhìn thẳng vào Pháp Hiền hỏi rằng:

“*Người họ gì?*”

Sư đáp: Hòa Thượng họ gì?

Thiền sư hỏi: Người không có họ sao?

Sư đáp: Họ thì chẳng không, Hòa Thượng làm sao biết được?

Thiền sư hỏi: Biết để làm gì?

Sư bỗng nhiên tự tĩnh, liền sụp xuống lạy. Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi ấn chứng, từ nay về sau Sư luôn luôn theo hầu Tổ” [6, Tr.19].

Đây chưa phải là loại Công án điển hình như những công án “**truyền thống**” của Thiền tông Trung Hoa nhưng cũng thể hiện được sự ảnh hưởng của phương pháp “**dĩ tâm truyền tâm**” đặc thù của Thiền tông Trung quốc trước thời Huệ Năng. Đến thời Thiền sư Viên Chiếu (999 – 1090) hầu hết Thiền sư chuyên tụng kinh Viên Giác mà thực hành phương pháp này mà tỏ ngộ. Đây cũng là giai đoạn mà Thiền Công án hình thành rõ nét nhất. Thí dụ như:

“*Có Tăng hỏi: Phật và Thánh nghĩa ấy thế nào?*”

Sư đáp: Cúc trùng dương dưới đậu, oanh thực khí đầu cành.

Lại hỏi: Cảm ơn những người học này không hiểu xin thầy dạy lại;

Sư đáp: Ngày thì ác vàng dọi, đêm đến thỏ bạc soi” [2, Tr.186].

Điểm đặc thù của công án là chỉ người trong cuộc mới hiểu rõ ráo, vì một công án thường chỉ có tác dụng với một đối tượng cụ thể, trong khi với những người khác nó hoàn toàn vô nghĩa, có khi là vớ vẩn. Bởi vì, muốn thể nhập vào công án, thì người hỏi phải đặt vấn đề họ nghi ngờ, suy nghĩ, mục đích tạo ra điều kiện để trả lời có hiệu quả về nắm bắt bản chất thực của sự vật, nghĩa là cái bất động trong cái động. Vì vậy, Thiền sư có nhiệm vụ dẫn dắt các Thiền sinh vào đạo là phụ thuộc vào điều kiện, tâm lý, phong tục hay kiến thức để khai mở cội nguồn chân tâm của con người. Nhưng phương pháp công án của các Thiền sư Việt Nam thông qua *Ngũ Lục* của Thiền Tông Trung quốc mô phỏng lại, đưa phương pháp đó vào đời sống của nhà Thiền.

Tóm lại, phương pháp công án thời Lý mới xuất hiện sơ khai, nhưng đến thời Trần phát triển đi vào cao trào. Tuy nhiên, lối công án chỉ dành riêng cho người có trình độ tri thức cao mới thực hiện, nghĩa là chỉ phù hợp với hạng thượng căn thượng trí. Từ đó, Thiền có rất nhiều phương pháp tu luyện mang tính đại chúng hơn.

Về phương pháp sấm hối. Sấm hối là hình thức cầu nguyện theo nghi lễ Mật tông. Ý nghĩa của sấm hối là mượn hình ảnh của đức Phật bên ngoài để trở về với vị Phật bên trong của mỗi người “**Từ Phật cho ta đến Phật tự ta**.” Nhưng khi phương pháp này hòa nhập vào tín ngưỡng bản địa, thì ý nghĩa đó không còn được giữ nguyên mà vị Phật “**bên ngoài**” đã trở thành một đẳng quyền năng. Do vậy, sấm hối trở thành phương pháp cầu

nguyện có hai mục đích. Một là, hành vi và suy nghĩ không lặp lại những sai lầm trong quá khứ. Hai là, ước nguyện sự thành tựu ở tương lai, nghĩa là nương nhờ sự phù hộ, giúp đỡ những việc mà mình chưa đạt được kết quả. Như vậy, việc cầu nguyện phù hợp với tín ngưỡng bình dân. Trong khi đó, Thiền căn cứ vào khả năng của chính mình, kết quả đạt được là ngay trong hiện tại.

Thế nhưng trong tinh thần nhập thế, Thiền không thể tồn tại và phát triển nếu không chấp nhận những yếu tố tín ngưỡng trước đó. Vì vậy, Thiền trong đời sống dân gian mang những đặc trưng của tín ngưỡng bình dân là một điều dễ hiểu. Đây cũng là nét đặc thù của Thiền Tông Việt Nam.

Nhìn chung, các vị Thiền sư lúc này phải hội tụ đủ hai yếu tố là tri thức để hướng dẫn tầng lớp thượng lưu và sử dụng quyền năng để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng quần chúng. Như vậy, họ vừa thể hiện lý tưởng giác ngộ, vừa phụng sự dân tộc. Nói cách khác, Phật giáo trong giai đoạn này, vừa giữ vai trò hướng dẫn tầng lớp thượng lưu bằng triết lý đại thừa vừa sinh hoạt tín ngưỡng tôn

giáo trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa, Phật giáo không những đóng vai trò góp phần thiết lập niềm tin tâm linh trong cộng đồng mà còn đóng góp xây dựng cơ sở lý luận trong quá trình chủ quyền quốc gia.

Chicago. Cuối Thu – 2007

Tài Liệu Tham Khảo

- [1]. Lê Mạnh Thát (2001), *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, tập II, từ Lý Nam Đế (544) đến Lý Thái Tông (1054)*, Nxb, Tp, Hồ Chí Minh
- [2]. Lê Mạnh Thát (1999). *Nghiên Cứu Về Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb, Tp. Hồ Chí Minh.
- [3]. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư Tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [4]. Viện Nghiên Cứu Phật Học (2004), *Từ Điển Phật Học Hán Việt*, Nxb Khoa Học
- [5]. D.T SuZuKi (2001), *Thiền Luận* (quyển thượng), Nxb Tp Hồ Chí Minh (Trúc Thiên dịch)
- [6]. Thích Thanh Từ (PL2535 – 1992) *Thiền Sư Việt Nam*, Nxb Tp, Hồ Chí Minh.

NGƯỜI THẦY TRONG TIM

(Kính dâng tôn sư Thích Đồng Minh)

*Thầy là một đóa sen hồng
Lặn trong lá ủa, ẩn trong vũng bùn
Không khoe sắc không khoe hương
Sáng trong một thể không vương bụi trần
Thượng cầu đắc quả Vô-sanh
Hạ nuôi Tăng chúng, dịch kinh tuổi già
Đi trong khói bụi Ta-bà
Gót không bám bụi áo pha sương mờ
Thuyền từ chưa tách bến mê
Bơi thuyền trĩu nặng lời thể độ sanh.
Cúi đầu ngàn lạy cao tăng
Đời đời xin nguyện bước chân theo Người.*

Cư sĩ **NGUYỄN THẦN**
(cựu tăng sinh PHV Hải Đức Nha Trang)



YÊN TỬ - NÈO VỀ TÂM

Ninh Hạ

Ngàn vạn dặm tìm về Yên tử

Từ Hà nội theo hướng đông bắc. Qua Hòn Gay, Ưông Bí. Phố quán bụi đen than mỡ. Lăn theo đường Mỏ Vàng Danh. Qua chín suối mười đèo. Chín khúc quanh của suối Giải oan chảy băng qua đường đi. Mười dốc đường đi qua khe núi hẹp. Mùa hạ suối nước không sâu, chảy róc rách theo lối đi. Tiếng suối, tiếng chim, tiếng xào xạc của cây rừng dẫn đường đến chùa Lân không xa chân núi Yên tử.

Từ nền cũ của ngôi chùa xưa, nay là Thiền viện Trúc Lâm quy mô hoành tráng, trên lưng núi cao lồng lộng, nhìn về hướng đông nam, Hà nội cách xa 115 cây số. Với tôi, nhìn về bên kia Thái Bình Dương thì đã ngàn vạn dặm. Sau khi lễ Phật, bái Tạng Tổ, lặn theo bậc cấp dốc dài xuống núi, khởi đầu hành trình chiêm bái vùng địa linh đất tổ.

Nơi, hơn bảy trăm năm trước, nhà vua lỗi lạc Trần Nhân Tông (1279-1293), sau 14 năm tại vị và 5 năm làm Thái Thượng Hoàng, truyền ngôi cho con, Trần Anh Tông (1293-1314), đến tu hành 8 năm, đắc đạo, hoàng pháp và thị tịch. Nơi cội nguồn của thiền phái hân tộc Việt. Nơi ba nhánh thiền tông Việt nam, Tì ni đa Lưu chi (Vinitaruci), Vô Ngôn Thông, Thảo Đường hợp chung thành một dòng: Thiền Trúc Lâm Yên Tử mà Sơ Tổ là Trúc Lâm Đầu Đà, Điều Ngự Giác Hoàng. Từ đó, Yên Tử Việt Nam với Trần Nhân Tông, núi Linh Thụ Ấn Độ với Đại Ca Diếp và núi Tung Sơn Trung Quốc với Tổ Bồ đề Đạt Ma, là ba núi thiêng mạch nguồn Thiền tông Phật Giáo.

Từ chân núi cho đến đỉnh cao, khách hành hương vất vả theo bước thiền hành của chư tổ. Thăm chùa cũ am xưa. Nhớ về những thánh nhân, tăng tổ, vua quan, dân dã đã ở đây, ghé qua đây hay đang yên nghỉ trong lòng những mộ tháp bao năm hưng phế. Lại nghĩ về hai triều Lý, Trần. Đặc biệt hai nhà vua lừng lẫy. Lý Thái Tổ, Trần Nhân Tông. Một người từ bỏ chốn thiền môn thanh đạm, bước vào triều đình xây nghiệp lớn và tại vị cho đến cuối đời. Một người từ ngôi cao hiển hách, quyền uy bậc nhất. Đánh bại xâm lược Nguyên, Mông, giữ nước oai dũng lạ thường, rũ bỏ quyền lực và phú quý

cung đình, bước vào chốn thiền môn, sơn cao núi thẳm, quyết chí tu trì độ chúng sinh.

Chùa cũ. Am xưa

Lên Yên Tử, khách hành hương hay văn cảnh ngày nay có thể lựa chọn lộ trình tùy theo sức khỏe, lòng tin Phật và vọng Tổ. Nói như vậy, vì tôi vốn có sức khỏe, cũng đã đi nhiều nơi thăm nhiều chỗ. Thế nhưng trên ngọn Yên tử này, trèo chưa tới đỉnh cũng đã đuối một muồn bỏ cuộc. Nằm sải trên tảng đá lớn cheo leo. Chợt nghe tiếng xôn xao nói cười từ trên dốc đỉnh. Nghe tưởng rất gần mà xa. Không gian rất gần mà lối đi thì xa. Một lúc khá lâu, qua khúc quanh một tốp người đi xuống, trẻ già có đủ. Một cụ bà gầy nhom, cười toe, miệng móm chẳng còn mấy cái răng. “Gắng lên em. Niệm Phật là tới liền hà!” Chắc cụ đã thấy nét mặt và đoán ra tâm trạng của tôi. “Qua (tôi) đây 74 tuổi rồi mà còn leo tới được. Qua từ Châu đốc theo bà con ra đây lạy Phật. Tháng trước qua lên lễ chùa Bà Đen ở Tây ninh. Còn sức đi được ngày nào thì đi”. Móm mém cười. Thở mệt. Bà chống gậy, lặn mò xuống núi. Nhìn cụ bà tôi như được tiếp hơi. Đường dốc núi thẳng dựng chẵn ngang trước mặt chẳng còn đáng ngại.

Từ năm 2002, khách thăm Yên Tử có thể đi cáp treo. Rút ngắn một phần đoạn đường dốc để đến chùa Hoa Yên, rồi từ đây leo bộ lên cao. Cáp treo có hai Ga. Ga Dưới và Ga Trên. Kiến trúc lớn và đẹp. Ga dưới có quán ăn chay, mận và nơi bán quà lưu niệm, phòng hướng dẫn du khách. Tổ chức khá chu đáo, trật tự. Không có cảnh nứ kéo nài nỉ bán mua, chụp hình lưu niệm, như hầu hết các nơi du lịch trên đất Bắc. Ở ngoài nhìn vào nhà Ga cứ tưởng là một ngôi chùa mới. Mái cong. Ngói đỏ. Hoành phi. Câu đối. Cờ phướn màu mè.

Nhưng hãy men theo lối đi dọc sườn núi. Vất vả nhọc nhằn. Có đoạn khá hiểm nguy. Nhưng thú vị biết bao. Xúc động biết bao. Chiêm ngưỡng chùa am, lăng mộ. Ngắm nhìn phong cảnh. Rừng tiên, núi Phật. Núi cao ngất lặn mây. Rừng trùng điệp xanh. Trúc tre, tùng bách, sứ đại cổ niên. Dốc núi đá cuội tròn trơn. Cheo leo. Quan họ. Thăng dưng.

Nơi nơi như còn vương dấu tích và huyền thoại của các Tổ sư Trúc Lâm.

Hàng trăm Chùa am bảo tháp của Yên Tử, qua chiến tranh và phá hoại trộm của, chỉ còn lại mười chùa rải dọc sườn núi. Chùa Lân, Chùa Giải Oan, chùa Hoa Yên, chùa Thiền Định, chùa Một Mái, chùa Bảo Đài, chùa Bảo Sái, chùa Vân Tiêu. Tận cùng trên đỉnh non cao là chùa Đồng. Chùa Vân Tiêu cũ nay cũng không còn, chỉ còn lại mấy mộ tháp. Trên lộ trình chính thức cho du lịch không có tên Chùa Thiền Định, chùa Bảo Đài, nhưng lại có khu Huệ Quang Kim Tháp.

Chùa Lân-Thiền viện Trúc Lâm

Chùa nằm trên đường dẫn tới núi Yên tử.

Chùa Lân , còn có tên Long Động Tự. nơi vua Nhân Tông dừng bước trước khi lên núi. Qua ngưỡng cổng chùa này, Ngài lên núi tu hành suốt tám năm. Thiền định tu hành. Năm năm đầu, không rời khỏi núi.

Xưa, đây là ngôi chùa lớn. Năm 1299, vua cho xây cất rộng thêm cho đủ chỗ làm nơi giảng kinh, truyền đạo. Trong chiến tranh kháng Pháp, chùa bị cháy rụi, trở thành hoang phế. Khoảng 1976, sau chiến tranh sự cô Thích Nữ Đàm Châu dựng lại ngôi chùa tạm đơn sơ để có nơi hương khói cúng vọng Phật, Tổ.

Cũng sau 1975, trong Nam, Hòa Thượng Thích Thanh Từ xây dựng Thiền Viện Trúc Lâm tại Đà Lạt. Đây là một ngôi chùa lớn đẹp, quy mô, đầy đủ tiện nghi nhất Việt nam. Nơi đào tạo các tăng ni theo thiền phái Trúc Lâm. Một thắng cảnh nổi tiếng hiện nay của Đà Lạt. Thu hút du khách và Phật tử mọi quốc tịch đến viếng thăm, nghe kinh hay tu học.

Từ miền Bắc, nghe tiếng, Ban Bảo Vệ Di Tích Yên tử ở Quảng Ninh đã cho người vào tiếp xúc và mời Thầy Thanh Từ ra Yên Tử hợp tác để xây dựng lại các ngôi chùa tổ lâu năm mục đổ. Quan điểm hai bên có khác biệt lúc đầu. Phía chính quyền chỉ cho phép xây dựng lại chùa Lân cũng như tu bổ chùa cũ. Họ nghĩ đến nguồn thu nhập khai thác du lịch. Thầy Thanh Từ thì tâm nguyện muốn xây một thiền viện quy mô tại đó. Theo thầy, chùa chỉ là hình thức, thiền viện mới là nơi cần có để tăng ni tu theo đường lối Sơ Tổ Trúc Lâm. Nơi lưu trữ kinh tạng được dịch, giảng và giải, để quảng bá cho người tìm hiểu hay tu học. “Nếu ngày nay chúng ta có chùa có tháp, mà không có đường lối tu, thì cái trông đợi của Phật tử không thể nào thỏa mãn. Cho nên chúng tôi mới xin lập thiền viện Trúc Lâm Yên Tử dưới chân núi”. Qua mấy năm ra vào thương lượng, tâm nguyện và điều mong mỏi của thầy Thanh Từ và Phật tử trong Nam đã thành. Chính quyền chấp nhận đề nghị. Ngày 15 tháng 8, 2002 khởi công xây dựng lại “Chùa Lân-Thiền Viện Trúc Lâm”. Chùa được khánh thành ngày 14-12-2002.

Đứng trước cơ ngơi to lớn, khó ai có thể tưởng ra chùa được hoàn tất trong vòng bốn tháng. Từ dưới dốc núi, qua cổng chùa tên đề “Danh Sơn Yên Tử, Thiền Phái Trúc Lâm”, cuối đường dốc cao, sừng sững một tu viện uy nghi. Hiện đại nhưng vẫn giữ được nét đẹp truyền thống. Nghệ thuật kiến trúc, đường nét điêu khắc và hoa văn theo phong cách cổ truyền. Qua cổng tam quan, hai lầu chuông trống hai bên. Phật đường đơn giản, thoáng đãng, trang nghiêm. Theo gương sơ Tổ xưa dùng chữ nôm thay Hán, nay ở đây các hoành phi và câu đối đều bằng chữ quốc ngữ. Nhà khách với dãy bình nước lọc lớn đặt theo lối đi cho thập phương. Nội viện sau Phật đường, cách biệt, tĩnh lặng cho tăng ni tu học. Vườn hoa, cây kiểng, mộ tháp hài hòa. Chùa tựa lưng núi. Chung quanh núi rừng trùng điệp. Đẹp! Thanh thoát! Đặc biệt, dưới chân chùa có cả bãi đậu xe rộng mênh mông, bao quanh bởi những cây bằng lăng hoa tím. Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ văn minh. Trong thiết kế, kiến trúc sư Phạm Hùng Sơn và các thầy đã có cái nhìn trước cho cả tương lai. Có thể nói, đây là ngôi chùa lớn và hiện đại nhất của miền Bắc do tâm đạo và công của, nhất là trình độ mỹ thuật và kỹ thuật của Phật tử trong và ngoài nước dưới sự chỉ đạo của thiền sư Thích Thanh Từ.

Giã từ Trúc Lâm Thiền Viện với lòng ngưỡng mộ việc làm vô cùng công đức và đầy ý nghĩa của một công trình.

Chùa Giải Oan

Hãy ghé thăm chùa Giải Oan trước khi lần theo dòng suối cạn, trên con đường im mát giữa hai hàng cổ Tùng và Thanh Trúc mà tuổi đã quá bảy trăm năm, để đến Kim Tháp và Hoa Yên cổ tự.

Cũng như các chùa khác, các chùa ở đây không lớn. Chùa Giải Oan ở ngay chân núi. Tầng cổ thụ xanh mát. Đây là nơi có mộ tháp của vua Trần Anh Tông (1293-1314) người kế vị vua cha Trần Nhân Tông. Hai bên là bảo tháp của Tổ thứ hai Pháp Loa, và Tổ thứ ba Huyền Quang. Đây có lẽ là tháp thờ. Theo sử sách, Tổ Pháp Loa lúc chết để lại phó chúc, nhục thể nhập tháp tại Thanh Mai Sơn, Côn Sơn. Tổ Huyền Quang cuối đời cũng qua tu tại Côn Sơn và viên tịch ở đó.

Nhân gian cho rằng chùa có tên Giải Oan để thờ các cung phi trầm mình xuống suối tuần tiết khi vua Trần Nhân Tông dứt khoát thoát tục lụy từ bỏ hoàng cung. Chuyện cũng khó tin. Vì suối thì cạn, khó mà làm chết người. Sử chép, có nhiều cung phi đi theo khóc than khấn cầu Thượng Hoàng thay đổi ý định, trở về hoàng cung. Đến chân núi, ngài cho lệnh họ quay về, sống đời tự do. Ai muốn, thì được cấp phát đất để trồng trọt sinh nhai quanh miền lân cận. Nếu có thì giờ chắc cũng dễ

kiếm chứng điều này tại địa phương.

Có một điều có thể lý giải được. Là một vị vua bao lần xông pha trận mạc, mấy lần đánh đuổi Nguyên, Mông, Chiêm, Mán... chiến tranh dù là giữ nước hay chiếm nước, cũng làm cho vô số người mạng vong. Chết vì chiến tranh hẳn là những cái chết oan khiên chẳng ai chờ, chẳng ai muốn. Trước khi vào núi để tìm đường giác ngộ những người sống, có chăng vua Trần đã giải oan khiên cho những linh hồn vong mạng, triệu thỉnh những oan hồn vất vưởng bụi bờ về chùa để nghe kinh, siêu sinh hóa kiếp.

Khu Tháp Tổ và chùa Hoa Yên

Thật xúc động khi rạp mình đánh lễ trước bảo tháp của Điều Ngự Giác Hoàng. “Trực chỉ nhân tâm. Kiến tánh thành Phật”. Chỉ thẳng tâm người. Thấy tánh thành Phật. Từ Bồ Đề Đạt Ma cho đến Trúc Lâm Đầu Đà, chỉ một điếm tới, một nẻo về. Dưới chân núi kia, ngập lặn trong tham sân si, cũng chỉ vì tâm mờ bụi phủ. Được mất. Hơn thua. Tị hiềm. Thù hận!

Lắng nghe. “Tuần này mà ngẫm. Ta lại xá ta. Đắc ý trong lòng. Cười riêng ha hả! Công danh chẳng trọng, phú quý chẳng màng; Tần Hán xưa kia. Xem đà hèn hạ. Yên bề phận khó, kiếm chốn nương thân; Khuất tịch non cao, Nấu mình sơn dã...” (Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca-Trần Nhân Tông). Tiếng cười Thiền Tổ vang vọng núi rừng, dội vào lòng người. Bỗng nhiên phiền muộn cũng cuốn bay theo gió núi mây ngàn.

Ngôi tháp thiền tổ sáu tầng cao. Đơn sơ. Tường gạch bao quanh. Khói hương nghi ngút. Quanh tường những cây sứ lâu năm. Cành vươn qua bờ tường gạch mái ngói. Bông trắng thơm nhẹ. Quanh quần bên ngoài Lăng Quy Đức này, rất nhiều tháp mộ, to nhỏ khác nhau, được giữ gìn sạch sẽ. Mộ tháp của chư tăng và hoàng tộc. Đây là công đức xây dựng của Tổ Huệ Quang, người kế thừa Tổ Huyền Quang.

Trước kia muốn lên đây phải vượt qua đoạn đường vách núi cao. Từ ngày có cáp treo, Ga Trên nằm ngay dưới chân khu Kim tháp, đoạn đường này không dốc lắm được xây bậc xi măng nên khách thăm cũng đỡ nhọc nhằn. Giữ sức để đi đến nơi về đến chốn. Đỉnh không xa mà đường còn vơi vợi.

Đường đi mỗi lúc mỗi khó. Bám theo hàng chục bậc cấp cao thì đến chùa Hoa Yên ở lưng chừng núi. Một ngôi chùa nổi tiếng của Việt nam. Chùa to nhất Yên Tử và một là thắng cảnh được ca tụng trong thi văn. Trước đây chùa có tên Vân Yên, vua Lê Thánh Tôn đổi là Hoa Yên. Tên đó giữ cho đến bây giờ. Đây cũng là nơi, theo ý chỉ của Điều Ngự, Tổ thứ ba Huyền Quang trụ trì nhiều năm, rồi giao cho sư đệ An Tâm, về Côn Sơn tiếp tục đường tu. Ngài là một nhà sư đa văn bác học, một

văn nhân thi sĩ biệt tài.

Trước khi vào chùa, khách văn cảnh hãy ngồi thư giãn bên cạnh gốc sứ (đại) già trên bảy trăm năm. Thân cây to lớn sần sùi, cành sứ lâu năm quấn lấy nhau rất lạ. Gốc cây quần ngang vì không chịu nổi gánh nặng của ngọn cành được chống đỡ bằng khối xi măng hình non bộ. Không biết cây còn trụ được bao lâu. Đứng trên sân chùa nhìn núi rừng bát ngát. Những đêm trăng rằm hay những sáng rạng đông mùa hạ hoặc lúc mặt trời sắp lặn mỗi chiều hoàng hôn... cảnh trí khó mà tả được.

Nguyễn Trãi đã đến đây và làm thơ.

Yên Sơn sơn thượng tối cao phong,
Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng.
Vũ trụ nhần cùng thương hải ngoại...
*Ngọn núi cao nhất ở trên núi Yên tử
Vừa đầu trống canh năm mặt trời đã đỏ rực
Trong vũ trụ, phóng mắt trông suốt ngoài biển
xanh...*

Nguyễn Quảng Tuân dịch

Thiền sư Huyền Quang đã có bài phú nôm nổi tiếng vịnh chùa. Đọc mấy đoạn ngắn để thấy được thi vị và thiền vị danh lam.

*Buông miền trần tục
Nấu tới Hoa Yên
Chim thuy đôi tiếng ca chim thuy
Gió tiên đưa đôi bước thần tiên
Bầu đưng đỉnh giang hòa thế giới
Giày thông thả dạo khắp sơn xuyên....
.... Đất tựa vàng lên
Cảnh bằng ngọc đúc
Mây năm thức che phủ đền Nghiêu
Non nghìn tầng quanh co đường thực...
... Chìm ọc bạn cần hoa nâng cúng
Vượn bông con kẻ cửa nghe kinh
Nương am vắng Bụt hiện từ bi, gió hui hui, mây
nhè nhẹ
Kẻ song thưa thấy ngôi thiền định, trăng vắng vắng,
núi xanh xanh...*

(VNPGSL Nguyễn Lang)

Điện Phật cổ kính. Tượng Phật chạm trở công phu. Bàn thờ, hoành phi và các tượng sơn son thiếp vàng. So với những chùa đã đi qua trên miền Bắc, bố trí thờ phượng ở đây tương đối sạch, thoáng rộng. Không luộm thuộm, bụi tro. Sau điện Phật là nhà thờ Tổ. Khách hành hương lại có dịp bái lạy tượng tam tổ trên bệ thờ bằng gạch cao chạm mái.

Theo sách sử truyền lại, sư Huyền Quang tinh thông đạo lý nên học đồ bốn phương nghe danh tụ hội về

tham vãn thường xuyên không dưới ngàn người. Đứng trên sân chùa giữa trưa hè nóng bỏng, thâm nghĩ. Đường núi gian nan lại thêm chùa tuy khá lớn nhưng với số lượng người như vậy làm sao chứa đủ?

Tạm biệt Hoa Yên tiếp tục lộ trình đến chùa Một Mái và Chùa Bảo Sái. Đoạn đường chỉ gần một cây số mà quá đổi cheo leo.

Chùa Một Mái

Một ngôi chùa? Trong hơi thở dập dồn, tôi ngăn người. Chùa chỉ là một hốc núi nhỏ hẹp. Một mái ngói đủ che. Ba bề vách núi. Rễ cây, thân cây và rêu xanh phủ tràn mái ngói. Phía trước được che chắn bởi vách gỗ sơn đỏ phai màu, ọp ẹp. Chùa nằm ngay trên vực núi, lối vào cửa nhỏ có rào chắn rêu rạo để ngăn cách với vực sâu. Không gian chùa chỉ khoảng hơn một thước rộng và sáu thước dài. Trần núi chạm đầu, vừa đủ chỗ cho bàn thờ có hàng chữ Việt” Thường Trú Tam Bảo”. Bên phải thờ tượng Tam tổ, theo lời sư cô, đây là những tượng xưa nhất còn lại. Tôi đếm được năm tượng nhỏ chưa đầy nửa thước. Ngoài ba Tổ, không biết các tượng kia là ai. Một tượng mặc phẩm phục triều đình. Ở đây tượng bằng đá, tróc sơn, trắng vàng loang lổ. Nhưng nét mặt lại rất tự nhiên gần gũi. Bát hương, chân đèn để lộn xộn trên bệ thờ thấp. Tất cả đều bằng đá. Bụi và tàn hương phủ bám đầy. Cạnh bàn thờ Tổ là một vũng nước trong veo từ vách núi rỉ ra. Theo lời sư cô, đây chính là động thất mà vua thiên định. Sư cô chỉ lên trần núi thấp chạm đầu, một lỗ tròn nhỏ bằng đồng xu, nói rằng, hàng ngày từ đây gạo từ trời rơi ra đủ cho ngài dùng một ngày. Ấu cũng chỉ là truyền thuyết nhân gian. Vua, dù có đi tu thì chắc cũng không phải lo âu về ẩm thực. Đây cũng là nơi trên suốt lộ trình Yên Tử tôi gặp ni sư. Được chuyện trò và trao đổi. Những nơi khác đều là các nhân viên trai trẻ mặc thường phục, ngồi nhâm nhi trà nước, thuốc lá phì phèo, nhìn du khách và người thăm viếng như kẻ qua đường.

Có phải chính tại đây, trong hốc núi lạnh, bảy trăm năm trước Điều Ngự Giác Hoàng từ bỏ cung vàng điện ngọc, thiên định khổ hạnh tu hành. Trong thoáng chốc, một niềm xúc động thiêng liêng tràn ngập.

Chùa Bảo Sái

Ni sư tiễn tôi trên bậc thang cấp. Chỉ hơn nửa cây số trên dốc đứng đến Bảo Sái, mà khách hành hương nhiều người bỏ cuộc quay về, trong đó suýt có tôi, đã lên núi giữa trưa hè nóng rất. Nếu khởi hành từ sáng sớm và có nhiều bạn đồng hành mà lại đồng điệu, vào những ngày xuân, thu, khí trời mát mẻ thì đường đi sẽ tới... nhẹ nhàng hơn.

Bảo Sái là ngôi chùa xưa nhất của Yên Tử cũng là

nơi tôi khá thất vọng trong chuyến hành hương này. Vị trí chùa rất đẹp, dựa lưng vào vách đá. Chùa là một sự kết hợp vô duyên tân cổ. Điện thờ tối tăm. Câu đối, cửa chùa chạm trổ công phu lâu ngày không sơn quét bạc phếch. Ghế bàn lộn xộn. Dọc mái chùa một dãy đèn lồng đỏ choét như ở các túp lều bên Tàu, treo lẫn với cờ Phật giáo. Bên hông chùa, một động núi lớn. Nhìn xuống xa, cây rừng và thung lũng. Cảnh trí tuyệt vời. Ngồi ở đây dăm ba phút thì mệt nhọc và ưu phiền cũng sẽ tan nhanh. Thật đáng tiếc và rất chướng mắt, trong khung cảnh thiên nhiên núi rừng đó, người ta đã cho đặt một tượng Phật nằm có rào chắn bao quanh. Trên vách núi rêu phong, treo hai chim phượng và bức hoành phi lạc điệu. Tất cả bằng đá xám, như loại đá chùa Non Nước Quảng Nam. Gần đó, tại địa điểm đẹp nhất trên mõm núi, một tượng Phật Bà Quan Âm cũng bằng đá xám, trên vai khoắc chiếc áo choàng có kim tuyến màu mè như thường thấy trong tuồng cải lương hay phim chường. Màu sắc và hình tượng của những “sáng kiến” này làm hỏng cả một vùng di sản. Tất cả phản ánh trình độ và ý thức rất hạn chế của người có trách nhiệm bảo tồn hay muốn tân tạo. Thiền Viện Trúc Lâm dưới núi, cũng như chùa Đồng trên đỉnh non là những mô thức dễ theo.

Cổng trời. An Kỳ Sinh, tượng đá

Theo sơ đồ chỉ dẫn, nếu từ Bảo Sái rẽ về tây trên đường ngang khoảng 184 thước sẽ đến chùa Vân Tiêu. Tôi không đến đó. Tiếp tục đi thẳng trên đường dốc, trèo qua những tảng đá cao. Những chướng ngại cho người không đủ sức và lớn tuổi. Gần tới đỉnh, gió càng lúc càng mạnh. Đây là Cổng Trời. Trước mặt bỗng hiện ra một tảng đá thiên tạo rất cao, đứng sừng sững in hình trên sườn núi. Đá có hình như một đạo sĩ đang nhìn xuống quần sinh, vũ trụ. Đó là tượng An Kỳ Sinh, (còn gọi là Yên Kỳ Sinh) một nhân vật lịch sử và huyền thoại của Trung hoa trên linh sơn đất Việt. Trời còn sớm, đường tuy gian nan nhưng không còn xa. Tạm dừng chân bên tượng và nghĩ về nhân vật kỳ thú này.

Theo tương truyền Yên Kỳ Sinh đến tu tiên trên ngọn Tử Tiêu. Tên núi ghép với tên ông, núi có tên gọi là Yên Tử. Chắc chắn ông không phải là một nhà sư như nhiều sách nhắc tới mà là một đạo sĩ luyện thuốc trường sinh. Gần tượng có động Dược am và Thung am. Am thuốc và am luyện thuốc. Ông đến đây lúc nào? Ngoài tượng đá rêu phong trước mặt và hai am, dấu tích huyền thoại tưởng tượng của nhân gian, có di tích hay sử sách nào ghi chép về ông? Tương truyền Yên Kỳ Sinh đắc đạo ở đây. Vậy thì ông đã thành Chân Nhân hay Tiên Ông bất tử, còn dạo quanh đâu đó trên núi chăng? Có điều, Trung Quốc nổi tiếng với vô số núi thiêng như Hoàng Sơn, Thiên Thai, Nga Mi, Vũ Đang, Ngũ Nhạc...

ông không ở đó mà đến Yên Tử. Thì quả thật Yên Tử của đất Việt phải là chốn linh sơn. Bởi thế đối với chúng ta, An Kỳ Sinh là một nhân vật huyền thoại, thần thánh nhân gian. Nhưng với Trung quốc thì đó lại là một nhân vật có thật.

Sử chép, đời Tần Thủy Hoàng (201-206 BC) đạo sĩ An Kỳ Sinh đã tu tiên luyện thuốc trường sinh tại Phổ Đà Sơn (Thuộc tỉnh Triết Giang. Nơi đây bây giờ là trung tâm du lịch và hành hương nổi tiếng. Đạo trưởng Quan Thế Âm Bồ Tát. Hàng triệu người đến để chiêm bái tượng Quan Âm linh ứng cao 33 thước, lồng lộng vượt trên rừng tử trúc đỏ rực. Ở đây còn có tảng đá để lại dấu chân của Phật Bà “Quan Âm khiêu”). Ông đã được Tần Thủy Hoàng triệu về cung và chuyện trò ba ngày, ba đêm. Từ chối quan phẩm và ở lại triều đình, ông ra đi và hẹn Tần Thủy Hoàng ngàn năm sau tìm gặp trên một đảo xa. Tần Thủy Hoàng thu giang sơn về một cõi, đặt mình ngang hàng với Tam Hoàng Ngũ Đế, những thánh vương Trung Hoa thời lập nước. Xưng là Hoàng Đế, hiệu là Thủy Hoàng, là Hoàng Đế đầu tiên. Ông muốn cho con cháu sẽ thay nhau kế nghiệp đến muôn đời, lấy danh hiệu Nhị Thế, Tam Thế... cho đến Vạn thế. Riêng ông thì muốn trở thành Chân Nhân, tiên bất tử, nên ra sức cho người lặn lội tìm thuốc trường sinh, hay cây”chi” là thứ thuốc lạ. Nhà vua cho Từ Sinh và Lư Sinh đi tìm An Kỳ Sinh.

Biển rộng sóng lớn không gặp được đạo sĩ, họ trốn đi luôn không về. Thủy Hoàng trút giận trên đầu Đạo sĩ và Nho sĩ. Chôn sống 460 người ở Hàm Dương. (Nếu lúc đó biết An Kỳ Sinh đang ở Yên Tử thì Tần Thủy Hoàng đã tìm được và có thuốc sống cho tới bây giờ. Nếu vậy thì Mao Trạch Đông đâu có! - NH).

Không cãi được số trời, Tần Thủy Hoàng chết bệnh, chết yếu trên đường kinh lý. Xác phải lén che dấu đem về Hàm Dương. Hai con lên thay tàn ác như cha. Cuối cùng nhà Tần chỉ tồn tại 14 năm. Vua, đại thần đều hại nhau chết thảm thiết. Gieo ác gặp ác. Luật Nhân Quả rành rành.

Đường đi đã tới: Chùa Đồng

Tượng An Kỳ Sinh trơ gan cùng tuế nguyệt, ở lại sau lưng.

Lại leo lại trời. Có khi gần như bò trên đá núi. Qua bảy trăm thước, khách hành hương khoan khoái dừng chân trên trên đỉnh Yên Tử. Hít thở không khí trong lành, phóng mắt nhìn trời đất bao la. Tỉnh Quảng Ninh rộng lớn nhìn thấy xa xa. Gặp ngày nắng trong, vịnh Hạ long thấp thoáng cuối chân trời.

Khách vào Thiên Trúc Tự.

Chùa nằm trên đỉnh cao nhất của Yên Tử. 1068 thước trên mực nước biển. Để đến đây người đi đã vất

vả, kỳ thú vượt đường núi dài ba cây số rưỡi. Ba lần chiều cao của núi. Chùa Thiên Trúc, chỉ là một chùa rất nhỏ được đúc bằng đồng nên gọi là chùa Đồng. Chùa dựng dưới triều Lê (1428-1527). Bảo tổ đã tàn phá chùa vào năm 1740. Năm 1930 chùa được xây lại bằng xi măng trên nền chùa cũ. Năm 1993, một chùa bằng đồng mới nhỏ lại được dựng cạnh chùa xi măng. Khách hành hương lên đây lễ bái hai chùa trên cùng một đỉnh núi.

Chỉ mới đây, khách lên từ xa, đã thấy lấp lánh, chói lòa mái chùa mới như đóa sen trong nắng. Đây là ngôi chùa mới tái tạo thay thế hai ngôi chùa hiện có do sự đóng góp của Phật tử trong và ngoài nước. Thầy Thích Thành Quyết là người chịu trách nhiệm công trình xây dựng. Công ty Xây Dựng Mỹ Thuật Hà nội được ký hợp đồng thi công. Cô Phạm Thị Mai Hoa, Giám đốc công ty cho biết, khó khăn nhất của công trình là vận chuyển các khối vật liệu nặng hàng tấn lên đỉnh trên đường núi gần bốn cây số, để rồi lắp ráp. Chùa chiếm diện tích 20 thước vuông với sức nặng của 70 tấn đồng. Kiến trúc của chùa, kể cả bề cao và chiều dài cũng như thiết trí trong ngoài đều theo đúng mô thức thời Trần. Ngày 19 tháng 2, 2007 vừa qua, trên ba mươi ngàn Phật tử từ khắp miền đất nước và hải ngoại, tụ hội đêm trước, không màng gió lạnh căm của núi rừng, để cầu nguyện và chờ hôm sau dự lễ khánh thành Hộ thần nhập tượng và Khai quang yên vị.

“Hể lên tới chùa Đồng, tôi luôn cảm thấy an bình, giải hết mọi khổ đau và phiền muộn”. Một Phật tử hành hương đã nói thay cho những ai có dịp về Yên Tử, đứng tĩnh lặng trước chùa Đồng, tưởng nhớ, tri ân Trúc Lâm Đầu đà, ngộ đạo ở đây hơn bảy thế kỷ trước. Người đã chỉ cho chúng sinh con đường giải thoát phiền đau khổ lụy. Chỉ cho chúng sinh một nẻo về: Nẻo về Tâm.

Đường đi đã tới. Thắc mắc vẫn còn!

Rời Yên tử. Ngủ đêm tại Hạ long với những thắc mắc còn vương bận và theo tôi về tận miền Trung tây Hoa Kỳ.

“Ngọa Vân Am ở đâu?”

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (Chính Biên-Quyển thứ 10) có ghi rõ: “*Thượng Hoàng (Trần Nhân Tông - NH) sau khi xuất gia, lên ở trong am Ngọa Vân trên ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ. Lúc Thiên Thụy Công chúa (Chị ruột của Thượng Hoàng-NH) bị bệnh nặng, Thượng Hoàng xuống núi để thăm, khi trở về núi, đem công việc sau khi mất dặn lại người thị giả (Vị tể ở gần để sai phái-NH) là Pháp Loa (sau kế vị là Tổ thứ hai-NH), dặn xong thì mất. Pháp Loa dùng phép hóa hóa...*” Ở đây không nói rõ nhưng chỗ khác có ghi, ngài cũng chết tại Ngọa Vân

Am, nơi ngài tu, vào tháng 11, mùa đông năm Mậu Thân 1308. Hưởng thọ 51 tuổi. Lạ lùng nhất, ngài viên tịch cùng ngày giờ như đã hẹn với chị. Ngọa Vân Am như thế tất phải là nơi linh thiêng nhất, nơi phải đến của bất cứ ai muốn về Yên Sơn cúng lạy Sơ Tổ. Thế nhưng, trên bản đồ du lịch và trên nhiều sách vở lục tìm, Ngọa Vân Am... tuyệt tích.

Lòng thành thời

Không ngờ! Chỉ sau một thời gian ngắn, kể từ ngày rời Yên Tử. Ngày thứ hai 9 tháng 7, 2007, qua Vietimes tôi mừng vui nhận được tài liệu hình ảnh rất quý giá loan báo về việc khám phá kho báu bị bỏ quên của danh sơn Yên Tử. Trong đó có hình ảnh của Ngọa Vân Am và có bia ghi rõ tháp Phật Hoàng, nơi Phật Hoàng Trần Nhân Tông viên tịch. Một tấm hình quý giá khác khẳng định mộ tháp này là nơi lưu giữ một phần xá lợi của Điều Ngự Giác Hoàng. Việc này giải tỏa cho tôi những thắc mắc tồn đọng. Và đúng như sách sử đã ghi. Sau khi hỏa hóa nhục thân Thượng Hoàng, thu được 1000 xá lợi (*xương không cháy còn lại-NH*). Một phần đưa về Yên Tử. Chính là ở đây. Một phần thờ ở Đức Lăng. Những thông tin sau đây đều trích từ nguồn tin đã dẫn.

Từ nguồn tin của lâm tặc, thợ săn người địa phương, một nhóm cán bộ có khả năng leo rừng như... khi của Bảo tàng Bắc Giang đã khám phá ra hệ thống chùa, am, tháp, mộ, tượng, bia đá và cây cổ thụ được trồng trong di tích... vô cùng quý giá trên dãy Yên Tử hùng vĩ và bí ẩn. Nằm giữa mây mù và rừng nguyên sinh hoang rậm, cả hệ thống thiền viện, am, chùa cổ hiện ra với tòa ngang dãy dọc, với ngôi tháp đá xanh bảy tầng nguyên vẹn, với di tích am Ngọa Vân. Cả rừng mộ tháp bị nhồi bực phá, bị khoét hang, khoét hầm hòng tìm bởi cổ vật; cả hệ thống các cây vải, quýt, bưởi, nhãn, đại, thông được trồng từ bảy trăm năm trước bị đánh gốc xé thịt. Những phát hiện trên đây đã gây sững sốt trong giới khoa học (*và xúc động cho tăng ni, Phật tử-NH*). Sau hàng thế kỷ bị lãng quên, giữa rừng già, con đường của các bậc chân tu đắc đạo đã được chính thức ghi nhận. Để có được khám phá kỳ diệu thiêng liêng-vẻ đẹp quyến rũ độc nhất vô nhị và cả nỗi đau bị tàn phá của hệ thống di sản này, nhóm phóng viên đã vất vả 4 ngày đi bộ rừng rã và 3 đêm ngủ giữa rừng.

Những người khám phá đã chọn đúng con đường chinh phục. Sườn Tây Yên tử. Đi từ tỉnh Bắc Giang. Khác hẳn con đường bao nhiêu chục năm nay thường đi từ Quảng Ninh. Như vậy, trong tương lai nếu Bắc Giang khai thác du lịch thì danh sơn Yên Tử có thể thuộc về cả hai tỉnh. Bắc Giang hay Quảng Ninh. Tùy thuộc đường lên núi. Theo sườn núi phía tây hay phía đông bắc.

Hẹn một ngày về

Tôi đang bị rừng nguyên sinh và các bãi đá kỳ dị, những di tích tăng tổ lâu ngày lãng quên của sườn Tây quyến rũ. Hẹn với lòng, lần này, sẽ đốt nén hương trầm nơi ngài mất: Ngọa Vân Am. Một nén trên mộ bia Phật Hoàng, nơi xá lợi của ngài, phần xương cốt của ngài, hơn bảy thế kỷ trôi qua, nằm gần bó trong lòng đất Việt.

Những nhà khảo cổ, Phật học và bảo tồn di sản dân tộc trong ngoài nước: Yên Tử đang chờ!

Chicago, đầu thu 2007

Tham khảo:

- *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục - Viện Sử Học dịch. Hà nội 1998*
- *Đại Việt Sử Lược. Khuyết danh - Nguyễn Gia Tường dịch. TPHCM 1993*
- *Việt Sử Tiêu Án. Ngô Thời Sĩ - Văn Hóa Á Châu dịch. Saigon 1960*
- *Sử Trung Quốc. Nguyễn Hiến Lê - TPHCM 2006*
- *Sử Ký Tư Mã Thiên - Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi dịch, Saigon 1968*
- *Những Ngôi Chùa Danh Tiếng. Nguyễn Quảng Tuân. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1990*
- *Mùi Trầm Hương. Nguyễn Tường Bách. TPHCM 2002*
- *Tạp Chí Hoa Sen. Số 59. California 2007*
- *Trang Mạng: Thiền Tông Việt Nam. Thư Viện Hoa Sen. ACSN.online. Footprintsvietnam.com*



Ngọa vân am hoang tàn bên sườn tây núi Yên tử

Mưa Huế

Mưa Huế không mong mà cứ đổ, buồn từ A Lưới tới A Shau, buồn từ thôn Vỹ ra Mang Cá, Thượng Tứ buồn hiu. Ai nhớ nhau?

Thượng Tứ buồn hiu. Ngựa hí, buồn. Vua không còn ở nữa ngôi Vương. Chiến tranh còn lại nền cung miếu, còn ngói rong rêu, lạnh hí trường...

Mưa Huế bay trên con phố dài, bờ Hương Giang nhớ áo ai bay, đứng đây mà ngó qua Đồng Khánh, mà ngó mưa, mà ai thấy ai!

Mà rặng mà rứa... là mưa Huế! Mà nắng Xuân nao mất nghĩa rồi... Hời tóc thề ai thêm liễu rũ, nắng chờ mưa đợi mộng xa xôi.

Ta về thăm Huế bao nhiêu bận rồi mỗi lần xa tưởng một lần! Mới biết tương tư là khổ ải, ta đây ta để mưa phân vân?

Mưa từ A Lưới, A Shau cũ, mưa xuống Nguyệt Biểu chưa mới tinh. Đám ruộng Phong Điền thơm ngát rạ, đường quê nguyên vẹn khúc đường quanh...

Vậy mà tắm tấp trời quan ải, ngựa hí không quên thuở chiến trường, mưa dầm máu me từng khúc ruột, đường quê thấy đó mỗi hoàng hôn!

Đường quê muốn ngã vào tay Mẹ, tay chị, tay em thuở bé bỏng, mưa nắng chẳng chi lòng bịn rịn, hồi chuông Thiên Mục kẻ ai rung...

Mưa Huế ai xui buồn quá buồn, bài thơ nón lá lặn trắng non, đêm đêm ngọn bác còn khơi dậy rồi cũng tàn canh chuyện khói sương?

Rồi cũng tàn canh! Tôi vượt mất. Vượt mưa sáng Huế. Tôi chào. Xa. Đi vào tới Quảng, nhìn ra Bắc, thấy Huế còn mưa tới bến phà...

LÊ HÀNH KHUYÊN

THỬ THÁCH CỦA TĂNG GIÀ TRONG THẾ KỶ 21

Tỳ Khưu Bồ Đề (Bhikkhu Bodhi) - Minh Thiện phỏng dịch

Tăng già là cộng đồng tăng, ni đại diện Phật giáo trên thế giới trong suốt hai mươi lăm thế kỷ qua. Bằng vào việc thực hành giới luật và truyền bá chánh pháp, Cộng đồng Tăng già duy trì và bảo tồn sự tương tục của di sản Phật giáo.

Tăng già sẽ tiếp tục sống còn cho đến khi nào? Sự trường tồn của Tam bảo lệ thuộc vào Tăng già, ngôi thứ ba trong Tam bảo. Chỉ nương vào sức mạnh của trí tuệ và đức hạnh, Tăng già đã sống còn trên 2.500 năm không vũ khí, không nguồn tài chánh, không có quân đội riêng; lâu hơn Đế quốc La mã, các triều đại vua chúa Trung hoa, và vương triều Anh quốc. Tuy nhiên, không có một sự bảo đảm nào là Tăng già sẽ tiếp tục sống còn và cống hiến những đóng góp trọng yếu cho nhân loại. Đây là một nhiệm vụ tùy thuộc vào chính những thành viên của Tăng già, những thế hệ Tăng Ni kế thừa, và nhiệm vụ này cực kỳ quan trọng vì tương lai của Phật pháp đều lệ thuộc vào tương lai của Tăng già.

Như chúng ta đã biết, Tăng già được tồn tại cho đến ngày nay nhờ những liên kết mật thiết với cộng đồng cư sĩ Phật tử. Mỗi liên hệ giữa hai cộng đồng là một sự tương giao, hợp tác trên tinh thần “môi hở, răng lạnh.” Theo truyền thống Phật giáo, cư sĩ Phật tử cung cấp những vật dụng cần thiết như quần áo, thực phẩm, nơi ăn chốn ở, thuốc men, v.v... cho tăng, ni, trong khi Tăng già cung ứng cho cộng đồng cư sĩ về mặt giáo lý, và đời sống gương mẫu của một vị tăng, ni cống hiến đời mình cho Phật pháp. Để cộng đồng tăng, ni được tiếp tục, một số hình thức của mỗi liên hệ mật thiết này phải được duy trì, nhưng những sự thay đổi trong xã hội hiện đại có thể sẽ đặt mỗi tương quan này trong một tình huống mới.

Yếu tố “nặng ký” nhất ảnh hưởng đến mỗi tương giao giữa tăng già và cư sĩ Phật tử là sự quá độ từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, và đến xã hội kỹ thuật. Sự thay đổi rõ nét nhất hiện nay là hướng chuyển đổi từ việc đặt nặng vấn đề sản xuất kỹ nghệ sang việc tiếp nhận và phân phối tin học. Sự chuyển hướng này đã xảy ra khắp các nước phương Tây và mọi giai cấp trong xã hội tiên tiến ở các quốc gia trên thế giới.

Để mô tả hiện tượng này người ta nói rằng chúng ta đang chuyển hướng từ kỷ nguyên kỹ nghệ sang kỷ nguyên tin học, từ nền văn minh sản xuất sang nền văn

minh trí năng. Sự chuyển đổi sang một xã hội “nhạy cảm về tin học” sẽ biến đổi bản chất của mối tương quan giữa tăng già và cư sĩ tận gốc rễ, và những sự kiện này sẽ thử thách tăng già để tìm kiếm một giải pháp mới nhằm duy trì tính thích hợp của Phật pháp trong giai đoạn mới. Tôi không xem mình là một nhà tiên tri và, do vậy, không thể tiên đoán tương lai, nhưng căn cứ theo xu hướng hiện nay, tôi sẽ cố gắng phác họa vài thử thách quan trọng mà tăng già sẽ phải đối đầu.

Vai trò của giáo dục cao cấp: Trong kỷ nguyên tin học, đa số quần chúng đều có học vị đại học. Người ta có nhiều phương tiện để tiếp nhận những kiến thức và thông tin hơn trước đây, và sự hiểu biết của họ về thực tế và Phật pháp cũng thêm tinh vi và phức tạp hơn. Họ hy vọng Phật pháp được giải thích theo tiêu chuẩn kiến thức của một người có học và họ sẽ không đơn giản chấp nhận những lời dạy theo truyền thống cổ xưa vì cung kính. Họ được giáo dục ở học đường rằng muốn học hỏi cần phải chất vấn, ngay như cả học Phật. Do vậy, chư tăng, ni cần phải chuẩn bị để trả lời những câu hỏi Phật pháp. Chư tăng, ni không thể chờ mong sự chấp thuận vì lòng tôn kính của cư sĩ Phật tử, mà họ phải dành được sự kính nể qua những giải thích Phật pháp hợp tình, hợp lý. Chư tăng, ni không những phải có học vị cao, đặc biệt về Phật học, mà còn phải có kiến thức về triết học, tâm lý học, và những ngành tương quan khác. Làm sao để kết hợp thế học và Phật học là một việc khó; các vị có trách nhiệm cần phải tìm ra giải pháp cho vấn đề này.

Vai trò của việc xuất bản: Vấn đề có bằng cấp cao trong hàng cư sĩ Phật tử liên quan mật thiết đến vai trò của việc xuất bản. Việc sử dụng chữ viết chuyển hóa Phật giáo vào khoảng thế kỷ thứ hai trước Công nguyên; cũng như việc in ấn và xuất bản sách báo đã chuyển hóa Phật giáo trong thời kỳ đầu của hạ bán thế kỷ thứ hai mươi. Ngày nay, hàng ngàn quyển sách phổ thông và nghiên cứu viết về mọi ngành Phật học đã được dịch sang tiếng Anh và các ngôn ngữ khác. Vậy, bất kỳ một Phật tử nào, nếu chuyên tâm học Phật, có thể có được một kiến thức rộng rãi về Phật pháp nhờ đọc sách, báo. Máy vi tính đã góp thêm phần cách mạng hóa về việc học Phật. Vị cư sĩ Phật tử nào cũng có thể chứa toàn bộ tam tạng kinh điển và những tư liệu Phật học khác trong

bộ đĩa cứng (hard disk) của mình. Xuyên qua hệ thống mạng (internet) họ còn có dịp tiếp cận nguồn tư liệu vô tận về Phật học và tham gia những nhóm thảo luận trên mạng về bất cứ đề tài nào trong Phật pháp. Như vậy, những sách báo về kiến thức Phật học không còn là đặc quyền sử dụng của tăng, ni; và để học hỏi thêm kinh tạng và luận tạng Phật tử không cần phải đến tu viện hoặc chùa để cầu học, như những truyền thống văn hóa trước đây. Chương trình nghiên cứu Phật pháp cũng được các trường đại học giảng dạy và có nhiều học giả Phật giáo nổi tiếng đang nghiên cứu những lãnh vực chuyên khoa Phật học. Đối với chúng ta, điều này nêu lên một vấn đề: là tăng sĩ chúng ta sẽ công hiến những gì? Tôi xin thưa là nhiệm vụ của chúng ta không phải để cạnh tranh với những học giả Phật giáo. Rõ ràng chúng ta nên phát triển nguồn kiến thức Phật học của mình càng nhiều càng tốt, và chúng ta nên học hỏi từ các bậc thức giả Phật tử nếu cần.

Nhưng đời sống tu viện cho chúng ta cái duyên để hành trì Phật pháp; chúng ta có cơ hội kết hợp việc học và hành trong đời sống tu sĩ dựa vào đức tin, lòng mộ đạo, và sự tận tình với tam bảo. Chúng ta phải kết hợp tri và hành, hiểu và tin. Chúng ta không thể chấp nhận tri mà không hành; cũng như thực hành mù quáng mà không có trí tuệ.

Vai trò của việc tập luyện tâm linh: Phật pháp thực dụng lòng người không chỉ vì áo nghĩa thâm sâu, hay việc thực hành giới hạnh mà chính là quá trình công phu hành trì, chuyển hóa tâm thức. Điều này tách biệt Phật giáo từ những hệ thống của các tôn giáo khác: Sự nhấn mạnh trên vai trò chính của tâm thức trong sự quyết định hạnh phúc hay khổ đau, và hướng dẫn những phương pháp thực tế để tập luyện tâm linh. Vì vậy, “Cửa ngõ quan yếu” để bước vào Phật pháp là sự thực hành thiền định. Đây là “cửa ngõ” đặc biệt cho những ai không có “gốc” Phật giáo (Buddhist background) mà muốn tu học, đặc biệt là những người phương Tây. Nhưng thiền tập cũng đã từng là “cửa ngõ” cho những Phật tử truyền thống có “gốc” khoa học, mang theo những tâm thức hoài nghi và tò mò khi đến với Phật pháp.

Tôi không nghĩ chỉ có thiền định không thôi là câu trả lời, và trong phương diện này tôi phê phán những thầy dạy thiền tách rời thiền định từ Phật pháp và bác bỏ những học thuyết của Phật giáo và đức tin. Tôi nghĩ rằng cần phải có một sự cân xứng: một loại “kiềng ba chân” cân bằng giữa đức tin, học Phật, và thực hành thiền. Đức tin chuyển hóa cảm xúc, học tập đưa đến chánh kiến, và thiền định mang lại an lạc và trí tuệ. Nhiều người hôm nay đến với Phật giáo qua tu tập thiền định. Một khi họ đạt được những lợi lạc cụ thể nhờ thiền tập, sự thích thú của họ đối với Phật pháp sẽ được đánh

thức và rồi họ sẽ dần dà học hỏi về Phật học, tăng trưởng tín tâm, và ngay cả xin xuất gia.

Tăng già trước những thử thách nêu trên: Hàng ngũ tăng già luôn tìm cách để duy trì, vinh danh những truyền thống cổ, và sống tri túc. Theo đó, Tăng già khuyến khích mọi người học sống cần kiệm, tôn trọng những gì cổ xưa, ca tụng và trân trọng môi trường thiên nhiên. Trong thế giới hiện đại, bạo động đang bùng nổ giữa những người thuộc tôn giáo hay sắc tộc khác nhau vì họ tin rằng sử dụng sức mạnh sẽ giải quyết được vấn đề. Tăng già tin vào nguyên tắc bất bạo động, kham nhẫn, thảo luận, và thỏa hiệp là nền tảng đưa đến hoà bình. Như vậy, tăng già khuyến tấn mọi người phải giải toả những vấn nạn bằng sự thông cảm lẫn nhau, khoan dung, và từ bi.

Để nêu cao tinh thần Phật pháp chuyển hóa thế gian, Tăng già khuyến khích mọi nỗ lực đưa đến sự chung sống hoà bình, và hiểu rằng trí tuệ siêu việt và tự do tối thượng vượt ra ngoài những biên giới của thế gian.

Tiếng nói của lương tâm: Điều này khiến tôi muốn nói đến một thử thách chính yếu khác mà tăng già đang đương đầu trong thế giới hôm nay. Ngày nay những tai họa kinh khiếp và to lớn đang làm tan nát đời sống của hàng triệu người và đang đe dọa vô số sinh linh bằng những tổn hại không kể xiết. Tôi muốn nói đến những thù hận từ mâu thuẫn sắc tộc và những cuộc chiến huỷ diệt giết vô số những người dân vô tội, bao gồm phụ nữ và trẻ em. Tôi nói đến những chính quyền chuyên chế đàn áp, bắt bớ những công dân của họ không lý do chính đáng, hành hạ, tra tấn, và khủng bố tinh thần những người yêu chuộng tự do. Tôi nghĩ đến những cách biệt giữa người giàu, người nghèo và nước giàu, nước nghèo. Tôi nói đến những căn bệnh đói nghèo giết chết hàng triệu người trên thế giới, mà có thể được trừ diệt dễ dàng với số tiền kém chẳng là bao!

Tôi nghĩ đến sự chà đạp phẩm giá của hàng triệu phụ nữ bị chính gia đình họ cưỡng buộc hoặc bị dụ dỗ phải bán thân vì nghèo cùng. Tôi nghĩ đến sự lãng phí hàng trăm tỉ mỹ kim để mua vũ khí huỷ diệt hàng loạt, trong khi hàng tỷ người trên thế giới thiếu ăn mỗi ngày. Và sau cùng tôi nghĩ đến lối sống bừa bãi, khinh suất của chúng ta đang tàn phá môi sinh - không khí, nguồn nước, đất đai, và thực phẩm - mà không chút quan tâm cho thế hệ tương lai. Theo quan điểm của tôi, nhiệm vụ của tăng già là nêu cao tiếng nói của lương tâm thế giới.

Như vậy, Tăng già, hay ít nhất là những thành viên có tiếng tăm trong hàng ngũ tăng, ni - đều có khả năng truyền bá giá trị đạo đức Phật giáo để đương đầu với những thử thách vô vàn khó khăn và to lớn mà nhân loại đang đối mặt hôm nay.

(*Bản tiếng Anh từ báo Lanka Daily News, 19/7/2006*)

Thơ HÀN TÂM

Đêm Thân Thánh

Đêm nay ngồi một mình, nhìn tuyết bay, ngắm bàn tay
Hằn những lần ngang dọc, sống trả vay, tiếp đổi thay
Mùa đông dừng chân gọi, chẳng cần hay, đời dạn dày

Đêm nay ngày hai ba, tháng Mười Hai, năm tàn phai
Lắng nghe hồi chuông đổ, bài thánh ca, gọi nhớ ai
Hình như là ảo vọng, dấu tàn phai, chôn hình hài

Đêm nay nhấp rượu cay, uống cho say, thả hồn bay
Quên người tình năm cũ, từ bạn bè, mặc rủi may
Nhân sinh đâu ngắn ngủi, biết hôm nay, đếm một ngày

Trời nửa đêm buồn tênh, viết lênh đênh, quên nỗi nhớ
Dấu nụ cười âm thầm, đẩy qua khứ, phủi lăm lờ
Bụi trần gian bay cao, lặng lẽ rơi, phủ khắp nơi

Ta... bàn tay vô tình, tiếp vô hình, kiếp nhân sinh .
Thầm khấn lời cầu nguyện, xin an bình, mái gia đình
Tên vô thần ngoại đạo, đêm Giáng Sinh, đi tìm mình .

Tàn Thu lá về đâu

Ừ thôi nhé , cũng đành là chọn lựa
Một món quà , nho nhỏ bỏ đầy tim
Thất chưa chặt giây nơ hờ hững tuốt
Vương mạch hồng nghẽn tắc máu chột im
Ừ thôi chảy mất mờ thềm nguồn sống
Sông khô cạn băng giá phủ tuyết đông
Con thuyền cũ chẳng ai buồn chăm sóc
Năm bơ vơ , đợi con nước xuôi giòng
Mùa chưa đổi sao hắt hiu chiều vắng
Thuốc chưa tàn hơi ấm bỏ vạnh môi
Co ro nhặt chiếc lá vàng thoi thóp
Xiết nhẹ tay lá trở giấc bồi hồi
Riêng đêm nay , anh đặt tên giao điểm
Của một lần gặp gỡ thoáng mong manh
Khi gió chột ngừng chân thời phiêu lãng
Thối mơn man yêu chiếc lá trên cành
Lá đã rơi khi tàn thu mời gọi
Gió vẫn về khua xào xạc rừng cây
Và khê bới trong vụn ngàn cánh úa
Tìm nơi đâu chiếc lá cũ hao gầy.

Vọng tưởng

Anh ngồi yên đắm chìm vào vọng tưởng
Hoạ hình hài cô gái một thời yêu
Mấy hôm nay dần vật khó ngủ nhiều
Chỉ còn cách khắc em vào nhưng nhớ
Anh muốn vẽ em yêu bằng hơi thở
Nhưng cung đàn rời rạc lạc đường tơ
Thôi anh xin viết cho nhỏ bài thơ
Đem áp ủ ngàn mộng mơ trên giấy.

Tình yêu vẫn còn đó

Em không tin tình yêu còn hiện hữu ...?
Hãy hỏi lòng những lúc thấy băng khuâng
Và soi gương nhìn giọt nước âm thầm
Hạt yêu thương vừa nảy mầm trong mắt
Đừng chối bỏ dù cuộc tình khe khắt
Đừng làm ngơ đóng cửa ngõ con tim
Yêu là chơi ... trò kẻ trốn người tìm
Học gian dối trên vũng lầy tội lỗi
Dấu chân xưa một chiều mưa bước vội
Dù có quên vết cắt đã hằn sâu
Mối tình đầu mấy khi được bền lâu
Một đời tiếc lần cắn môi bất máu
Trái tim yêu , nơi linh hồn ẩn náu
Vùi đau thương chôn tuổi trẻ ngọc ngà
Lần yêu đầu dù cho thật xót xa
Đừng phủ nhận tình yêu là thể đó
Hãy chỉ nhớ nhưng đêm trăng sáng tỏ
Ngồi bên nhau tình tự tay trong tay
Để những chiều gió lộng như hôm nay
Ôm quá khứ trôi theo mây hạnh phúc.





THIỀN ĐỊNH VỀ ĐẠI THÀNH TỰU

Ngài Dilgo Khyentse Rinpoche

Cư sĩ Liên Hoa dịch

*Được sự cho phép của Shechen Gompa, Boudhanath, Kathmandu
<http://shechen.12pt.com/index.html>*

PHẬT TÁNH

Có thực sự tôi đang hành thiền đúng không? Khi nào thì tôi có thể đạt được tiến bộ? Hay sẽ không bao giờ tôi đạt đến trình độ như Thầy Tâm Linh của tôi? Tâm chúng ta sẽ không bao giờ an lạc khi bị giằng co giữa hy vọng và ngờ vực,

Theo như tâm tình chúng ta, có ngày chúng ta tu tập rất tinh tấn và ngày kế, lại buông xuôi tất cả. Chúng ta bám víu vào những kinh nghiệm dễ duôi khiến chúng ta rơi vào tâm trạng ổn định, nên muốn bỏ hành thiền khi dễ buông xuôi theo những dòng chảy của tư tưởng. Đó không phải là con đường đúng để thực hành.

Bất cứ trạng thái tư tưởng của chúng ta như thế nào, chúng ta phải kiên quyết thực tập thường xuyên, từng ngày một, quan sát những chuyển đổi của tư tưởng và theo nó trở về đến tận nguồn. Chúng ta đừng mong đợi khả năng duy trì ngay tức khắc những dòng tư tưởng qua sự thiền định trong suốt ngày và đêm.

Khi chúng ta khởi đầu thiền quán về chân tâm, nên chia thời để hành thiền, vài lần trong một ngày. Với sự kiên nhẫn, chúng ta sẽ đạt đến tâm được thanh tịnh và sự chứng đắc này sẽ trở nên vững bền. Vào giai đoạn này, vọng tưởng sẽ mất năng lực làm quấy nhiễu và chế ngự chúng ta.

Vô Ngã, bản thể tối thượng của Pháp thân, đó là Tuyệt đối Thân, không có nghĩa là hư vô. Nó sở hữu bản thể sáng suốt của tất cả mọi hiện tượng tượng. Bản thể này là phương diện sáng suốt hay nhận thức của Pháp thân được biểu lộ tự nhiên. Pháp thân không phải là sản phẩm của những nhân duyên hay điều kiện nào, mà là căn nguyên của Chân tâm.

Nhận thức được căn tính này như sự toả sáng của mặt trời trí tuệ trong đêm tối vô minh: Bóng tối tức khắc tan biến. Ánh sáng của Pháp thân không có khi tròn hay khuyết như mặt trăng, mà nó giống như ánh sáng toả chiếu bất di bất dịch tại tâm điểm của thái dương.

Dù bất cứ khi nào bị mây mù che phủ, bản chất của bầu trời không bị bại hoại, và khi mây tan, nó vẫn bình thường. Bầu trời không phải trở nên thu hẹp hay nở

rộng ra. Nó vẫn như vậy, không thay đổi. Nó cũng tương tự như Bản thể của tâm: Nó không bị hủy hoại bởi những tư tưởng đến hoặc phát triển thêm khi dòng tưởng biến mất. Bản thể của tâm là vô ngã, tự nó hiển lộ trong sáng. Hai phương diện này rất thiết yếu như một hình ảnh đơn cử để chỉ cho những mặt khác nhau của tâm. Thật là vô ích khi bám vào khái niệm về vô ngã và từ đó mà tánh sáng suốt, như nó là một hữu thể tồn tại độc lập. Căn tánh tối thượng vượt trên những khái niệm, mọi định danh hay mọi chia cắt.

Một đứa trẻ nói rằng: “Tôi có thể đi trên mây”. Nhưng khi nó đi trên mây, nó không thể tìm bất cứ chỗ nào để đặt chân. Cũng như vậy, nếu một hành giả không quán sát tư tưởng, thấy chúng biểu lộ với một bề ngoài vững chắc, nhưng nếu thường quán chiếu nó, tự tánh nó không có gì. Đó là lý do tại sao nó được gọi cùng lúc là vô ngã và biểu hiện. Tánh không của tâm không có nghĩa là hư vô, hoặc là trạng thái bất động, mà nó là bản thể sáng suốt được gọi là Tánh giác. Hai mặt – vô ngã và Tánh giác, không thể tách rời nhau. Cái này cần cho cái kia, giống như cái mặt gương soi và hình ảnh phản chiếu từ trong nó.

Tư tưởng tự tác động trong tánh không và bị tan biến giống như là gương xuất hiện và biến mất trong gương. Hình ảnh gương mặt không bao giờ có trong gương và khi nó không còn hiện phản chiếu trong gương nữa, nó phải biến mất vì xuất ra. Gương soi vẫn vậy, không bao giờ thay đổi. Do đó, trước khi bước trên đường đạo, chúng ta vẫn mang những nghiệp được gọi là “bất tịnh” của luân hồi, vì đó, trong mọi hành động thường bị hướng dẫn bởi vô minh. Khi chúng ta dần thân vào đường tu hành, nghĩa là đang bước qua trạng thái lưng chừng giữa tỉnh thức và vô minh. Cuối cùng, lúc mà chúng ta Giác ngộ, chỉ còn lại Tánh giác có mặt. Nhưng tất cả pháp môn song song với hành trình tu tập này, ngay cả sự chuyển hóa có xuất hiện, tánh giác vẫn không bao giờ biến đổi.: Nó không bị suy diệt vì bước đường tu này, hay phát triển hơn vào thời điểm mà chúng ta chứng ngộ.

Căn tánh vô cùng tận và không thể diễn đạt của

của Trí tuệ tức “Niết bàn chân thật” luôn luôn có trong tâm chúng ta. Nó không cần thiết phải sáng tạo chúng hay dựng xây cái gì mới. Sự chứng đạo chỉ duy nhất là làm xuất hiện chúng qua sự thanh tịnh, đó là con đường. Tóm lại, nếu một hành giả quan sát về chúng qua nhận thức của trí tuệ tối thượng thì những tự tánh này của chúng chỉ là vô ngã.

Do đó, luân hồi cũng là vô ngã, cho đến Niết bàn cũng vậy. Cho nên, không phải cái này “xấu” hay cái kia “tốt”... Một người khi đạt được giác ngộ, sẽ giải thoát ra khỏi sự lôi kéo vào vòng luân hồi và đạt được Niết bàn. Người đó giống như một trẻ thơ, chiêm ngưỡng vạn hữu với sự ngây thơ đơn thuần, không bị những ý niệm đẹp xấu, tốt hoặc tồi tệ. Người đó không còn là môi sẵn của những khuynh hướng giằng xé nhau, nguồn gốc của tham muốn và ganh ghét.

Nó không vì mục đích ưu tư về những phiền nhiễu hằng ngày, như đứa bé vui mừng khi xây cái lâu đài bằng cát, và khóc than khi lâu đài bị sụp đổ. Giống như

vậy, hãy nhìn những chúng sinh đắm chìm vào những nặng nề của tham dục, như những con bướm lao vào ánh sáng của ngọn đèn, do sự lôi kéo bởi lòng tham muốn, và quên lửng với những gì nó ghét. Cách tốt nhất là bỏ xuống gánh nặng của bóng dáng tham chấp mà chúng ta mang vác từ vô thủy đến giờ.

Phật tánh gồm có năm “thân” hay năm phương diện của Phật quả: Hóa Thân, Đại Hỷ Lạc Thân, Pháp Thân, Ứng Thân và Kim Cang Bất Hoại Thân.

Những Thân này không thể tìm bên ngoài chúng ta: Có nghĩa, tất cả đều không tách rời khỏi thân chúng sanh, hay tâm của chúng ta. Chúng ta càng sớm nhận thức sự hiện diện này, tức sẽ chấm dứt sự phiền não. Chúng ta không cần phải tìm kiếm sự Giác ngộ từ bên ngoài. Nhà hàng hải cập bến trên đảo được làm toàn bằng vàng ròng, sẽ không mong nhặt từng thỏi vàng một, bất kể trước đó, họ có khó nhọc tìm kiếm thế nào. Chúng ta cần hiểu rằng *tất cả tánh Phật luôn tìm ẩn trong người của mỗi chúng sanh.*

thơ BÙI KIM ANH

Khoảng trống

*Khi em hiểu về cuộc đời
khi em hiểu về anh
đầy đủ ngọn ngành
thì tất cả đã là rất muộn
Cho dù mặt trời dậy buổi sớm mai
Cho dù những bông hoa tình yêu vẫn nở
Cho dù những nhịp cầu lao nhanh nối đôi bờ cách nhau
Và anh nói rằng - anh vẫn yêu em*

*Điều anh cần em có đáp được đâu
Cái em mộng mơ anh thờ ơ không biết
Hai ta biệt biệt
Em nghĩ tới phương nào
Anh sống ở nơi đâu
Trang ngày trang đêm 24 khoảng thời gian
Công việc chung bữa ăn giấc ngủ
Chiếm hết khoảng tình yêu cần có
Phút nghỉ ngơi nào ta dành cho nhau*

*Đời còn gì để nói anh với em
Giữa hai đứa đâu là mơ là thực
Một con đò sang ngang chở đầy trách nhiệm
Các con là cầu nối chặt đôi ta*

*Cho đến bao giờ ta chỉ biết có nhau
Chỉ san sẻ niềm yêu con cái
Không vắng xa với đời riêng biệt
Không còn thức dậy giữa đêm sâu.*

Ngày mới yêu

*Ngày ấy lúa vẫn thì con gái
Chỉ biết xanh ngút ngát tận trời
Em mới yêu nên chưa biết làm thơ
Vụng dại trượt trên nhàn cỏ ướt
Ngày ấy có con cò trắng muốt
Đắm mình trong vạt lúa kiếm ăn
Anh mới yêu nên chưa hết ngại ngùng
Gió cứ thổi quẩn quanh vào với gió
Ngày ấy tình yêu còn rất trẻ
Anh vin cành em nhặt tím hoa xoan
Chỉ biết say mê chẳng biết lỡ làng
Đầy ắp lối đi về hò hẹn
Ngày ấy... qua bao lâu ngày ấy
Em đã quên không buộc chỉ cánh cò
Anh đã quên cả lối dẫn tới bờ
Con diều tuột tay qua cánh đồng bay mãi .*



ĐẠO PHẬT 100 NĂM TỚI

Trần Khải

Bạn lo ngại khi con cháu không còn đọc hay nói được tiếng Việt sành sỏi nữa, và thế là một mảng văn hóa sẽ biến mất trong tâm hồn thơ trẻ của các em. Và bạn băn khoăn không biết làm sao giúp các em gìn giữ niềm tin Phật Giáo và duy trì lối sống chánh pháp trong một xã hội biến động cực kỳ nhanh như Hoa Kỳ.

Bạn không phải là người duy nhất quan tâm như thế. Ngay cả những người Mỹ da trắng đã theo Đạo Phật từ những thập niên 1970s cũng băn khoăn như thế, trong một cách quan tâm riêng của họ. Và Đạo Phật khi vào Mỹ giữa thời hưng thịnh của phong trào phản chiến, của nhạc rock n' roll, của Zen, của phong trào hippie với tuổi trẻ "make love not war" (làm tình, đừng gây chiến)... chắc chắn là khác hẳn với Đạo Phật 100 năm sau tại Hoa Kỳ.

Nếu bạn xem truyền hình thường xuyên, sẽ thấy rằng dưới mắt đa số dân Mỹ, người Phật Tử nhỏ tuổi nhất lại là cô bé Lisa Simpson trong loạt phim hoạt họa "The Simpsons" (Gia Đình Simpson) của Đài Fox, khi cô bé 8 tuổi Lisa kêu gọi ăn chay, kêu gọi hòa bình, thoảng khi cũng tập ngồi thiền định và sống hòa hài với cả gia đình cô là Tin Lành. Nhưng đó là thỉnh thoảng thôi, chỉ là để cho loạt phim hoạt họa này phong phú thôi. Bởi vì chủ nhật hàng tuần cô bé Lisa vẫn theo ba mẹ đi nhà thờ, nghe mục sư Timothy Lovejoy giảng Kinh Thánh, và thường xuyên được gia đình hàng xóm của ông Ned Flanders truyền giảng Phúc Âm...

Nghĩa là Đạo Phật nơi cô bé Lisa Simpson thực tế không còn là tôn giáo, mà đã trở thành một lối sống đời thường, có vẻ như nhằm để cho lòng an vui, hay để thư giãn trị liệu... Vậy thì, Đạo Phật hiểu theo nghĩa tôn giáo sẽ bén rễ nơi đâu trên xứ Mỹ? Trong khi Phật Tử trong truyền hình Fox là cô bé 8 tuổi, thì ở đời thường, đúng ra tuổi trung bình của Phật Tử Mỹ da trắng lại thường là 50 tuổi trở lên. Và để trao truyền cho thế hệ kế thừa nền văn hóa này cũng là cả một vấn đề.

Thực ra, trong khi các tôn giáo thuộc hệ Ky Tô nhiều phần được tiên đoán là sẽ chinh phục Trung quốc trong 50 năm tới, thì Đạo Phật hiện nay lại là tôn giáo phát triển nhanh nhất tại Châu Âu và Hoa Kỳ. Đó là những hướng đi kỳ lạ của lịch sử nhân loại.

Giáo sư Joshua Snyder viết trên trang web Công Giáo Hoàn Vũ (Speroforum.com) bài nhan đề "Ancient Chinese wisdom for modern Catholic Church" hôm 13-11-2007 có nhắc tới ký mục gia Spengler trên báo Asia Times Online từng nhận xét rằng Trung quốc với làn sóng truyền giáo và cải đạo vào các hệ phái Ky Tô Giáo hiện nay rồi sẽ trở thành trung tâm Ky Tô Giáo Hoàn Vũ trong 50 năm tới. Nhưng, "Trong khi đó ở Tây Phương, thất vọng với các ý thức hệ duy vật đã thay thế cho Đức Tin, người ta đang nhìn về các truyền thống Đông Phương để làm đầy sự trống rỗng tâm linh của họ. Một số người nói rằng Đạo Phật là tôn giáo phát triển nhanh nhất tại Hoa Kỳ. Ngay cả những Ky Tô Hữu kiên tâm cũng cảm thấy sức thu hút của các tôn giáo Đông Phương. Người ta có thể hình dung rằng tại một giáo xứ Công Giáo điển hình [ở Mỹ], một khóa hướng dẫn Thiền Tông có thể thu hút nhiều người tham dự hơn là một khóa hướng dẫn về Triết Học Kinh Viện Công Giáo..."

Có nghĩa là, Đạo Phật là một khuynh hướng hấp dẫn nhiều giới trí thức Tây Phương hiện nay. Thực tế, điều này có nhiều phần đúng tại Hoa Kỳ, nhưng lại không hẳn là đúng như thế ngay tại quê nhà Việt Nam, nơi một số trường hợp Đạo Phật đã bị lạm dụng để trở thành mê tín...

Mô tả điển hình nhất được ghi trong bài "Phàm Tục Trước Cửa Thiền" của các nhà báo Thiên Văn, Kinh Bắc trên tờ báo Đại Đoàn Kết, đăng trên mạng Vnmedia.vn hôm 14-11-2007. Trích vài đoạn như sau:

"...*"Con cầu Trời cầu Phật run rủi cho cái con đi thõa cướp chồng chết trôi chết dạt, chết đói chết khát, chết đường chết chợ, ra đường xe đâm, về nhà điện giật,*

Trời Phật thương con làm cho gia đình nhà nó ba đời bảy kiếp loạn luân, họ hàng hang hốc nhà nó đời đời lụn bại..." Thật khó tin những lời phàm tục, độc địa ấy được người ta cầu xin nơi... cửa Thiền.

"Xui" Phật, Thánh làm... điều ác

Chùa H. (quận Cầu Giấy - Hà Nội) chiều tối ngày 14 âm. Cô bạn tôi từng gặp chuyện linh nghiệm ở ngôi chùa này nên rất mộ. Đang gặp chút trắc trở trong gia đình, tôi theo cô bạn đi lễ chùa, những mong Đức Phật linh thiêng giúp tôi có được sự bình an. Người chen nhau như chợ hoa ngày Tết, sau mấy lần đôi giày mới bị "giày xéo" đến xót ruột, tôi mới len chân đến Phật điện đặt lễ.

Từ nam thanh nữ tú cho đến các bà sồn sồn, từ những công chức "sơ mi cổ cồn" đến những kẻ xăm trổ đầy mình "giang hồ có số" đều xuýt xuýt xoa xoa, vái lấy vái để. Phật điện ở quá xa nên đa phần người nọ vái lưng người kia. Chỉ tiếc các chị các cô tốn bao công trang điểm, những đường nét tô vẽ cầu kỳ bị nhoe đi bởi nước mắt khói nhang. Vài ba Phật tử cần nhẫn khi vừa cắm cây hương xuống đã bị ban quản lý nhổ cho vào thùng rác.

Lời cầu nguyện của tôi bị cắt ngang bởi tiếng sùi sùi của một người phụ nữ bên cạnh. Tiếng sùi sùi lớn dần... Liếc sang, đó là một người phụ nữ ngoài ba mươi, trái với vẻ ngoài đầy xúc động, ngôn ngữ của chị thông đôn bển giọt với "khẩu khí" của một bà hàng cá ở chợ: "Cái thằng Trời đánh Thánh dâm, con chiều nó như gái Nhật chiều chồng, thế mà nó rùng mớ trai này gái nọ..." Chị đang "kể tội" chồng ngoại tình trước toà Tam Bảo... Cái ngôn ngữ lạ lùng trước cửa Phật khiến tôi tò mò, tôi vờ bước sang cô không quên "tấu trình": Con ấy nó ở địa chỉ (...), làm cơ quan (...), con đã ghi rõ trong lá sớ.

Cuối cùng cô "chốt hạ": "Nếu Trời Phật run rui giúp con được thỏa mãn tâm nguyện, con sẽ hành hương đến đất Phật để làm hậu lễ, con nguyện tụng kinh niệm Phật suốt đời!" Người phụ nữ vừa "kể tội" chồng mang dáng dấp một công chức nhà nước, gương mặt khá ái. Nhưng, dù giữa khói nhang, tôi vẫn nhận ra một đôi mắt sắc sảo. Quá "sốc" vì những lời lẽ ấy không phát ra từ một người lọt qua cửa khẩu, đã mấy tháng nay, bà đang khốn đốn vì chồng trót đại lộ đề.

Tôi lại gần một cô gái trẻ có bộ tóc hung đang quỳ mọp gối "đây lòng thành", một khoảng lưng trắng ló lờ ra... Còn ít tuổi nhưng cô vái còn "nghe" hơn cả một bà đồng thâm niên. Phải căng tai hết mức tôi mới nghe được "tâm nguyện" của cô gái. Cô là sinh viên Trường Đại học Thương mại và đang xin Đức Phật từ bi "độ" cho, nếu đề thi không "trúng tủ" thì xin Phật Thánh "che mắt, bịt tai" mấy "thằng cha" giám thị trong kỳ thi tới...(...)

Vị đại đức cho biết, những người giữ trách nhiệm

trông nom chùa chiền như ông hàng ngày phải tiếp nhận không ít những yêu cầu oái oăm. Đạo tháng Tám, có một ông đáng như sếp lớn đến chồng năm "vế" xanh nhờ vị đại đức đứng ra làm lễ cầu xin ông anh ruột đang nằm ở bệnh viện Bạch Mai sớm "mát mẻ" lên côi "niết bàn". Truy hỏi mãi căn nguyên mới biết, ông đang nóng lòng hoàn tất thủ tục sổ đỏ cho mảnh đất cha ông để lại trước khi con của ông anh từ nước ngoài trở về!

Một huynh đệ của vị đại đức còn gặp điều tai dị hơn: ông bị mạt sát là không có lòng "từ bi" chỉ vì ông từ chối việc đứng ra giúp một ông tiến sỹ thỉnh Phật đưa "tai bay vạ gió" tìm đến một người đồng nghiệp cùng phòng! Dĩ nhiên, những lời mạt sát nhà chùa của ông tiến sỹ tỉ lệ thuận với số chữ nghĩa có thừa trong đầu ông ta. "Gần đây có một ông cấp to mắc vào tham nhũng, gia đình nhờ vả khắp các chùa đền, miếu phủ, chẳng ai dám nhận cầu xin cho ông ta vì cho rằng tham nhũng bị tù là xứng đáng..." (hết trích)

Những chuyện cầu nguyện dị thường như thế không hề có ở Hoa Kỳ, nơi đa số Phật Tử da trắng bản xứ là những người thường được gọi là "Boomer Buddhists" (Phật Tử thế hệ baby-boomers, sinh thời hậu Thế Chiến II khi các lính Mỹ trở về đời thường sau khi trực phát xít Đức-Nhật-Ý sụp đổ) nhìn Đạo Phật như một phương pháp Thiền Định, để giữ tâm an tĩnh, và nhiều người gột bỏ luôn các hình thức tôn giáo khi họ tiếp nhận Đạo Phật. Như thế, dù vậy vẫn có một nỗi lo khác. Bởi vì câu hỏi nơi đây là, khi Đạo Phật đã gột bỏ các huyền thoại và tín tâm thì có còn là tôn giáo không, và sẽ giữ gìn lâu bền cho các thế hệ sau nổi hay không.

Báo *The Star*, trên ấn bản ngày 28-10-2007, trong bài viết "Awaiting the Dalai Lama" (Chờ Đợi Đức Đạt Lai Lạt Ma) của phóng viên Stuart Laidlaw ghi nhận rằng dù Phật Tử chỉ mới chiếm 5% dân số Canada nhưng Đạo Phật ở đây lại thuộc nhóm các tôn giáo phát triển nhanh nhất.

Trong bài có ghi nhận về nhận xét của học giả Phật Giáo Clark Strand nói rằng ông lo ngại về tương lai Đạo Phật tại Bắc Mỹ (ông muốn nói Canada và Hoa Kỳ), vì nhiều người trong thế hệ hippie chọn vào Đạo Phật các năm 1960s và 1970s chỉ dùng pháp tu Thiền để đáp ứng nhu cầu tâm linh căng thẳng của họ.

Strand là một Phật Tử, đã sáng lập một tu viện Phật Giáo tại Manhattan trước khi dọn cả gia đình về Woodstock, N.Y., một thập niên trước. Ông nói hầu hết các Phật Tử tân tông thế hệ ông đã trở về lại tôn giáo cũ mà họ được nuôi dạy thuở nhỏ khi họ làm các nghi lễ về hôn nhân, tang lễ hay đón một em bé mới chào đời.

Bản tin kể là Strand đã đổi sang Đạo Phật từ đầu thập niên 1970s sau khi trưởng thành trong đạo Tin Lành Presbyterian. Bây giờ thì ông hướng dẫn một nhóm

Buddhist Bible Study (Học Kinh Thánh Dưới Quan Điểm Phật Tử) tại Woodstock, nơi đó các Phật Tử tân tông sẽ đọc lại Kinh Thánh thời thơ ấu của họ - lần này là dưới mắt Phật Tử.

Hiện là một biên tập viên của tạp chí Phật Giáo *The Tricycle*, ông nói nếu Phật Giáo không bén rễ vào văn hóa Mỹ thì Phật Giáo gặp cơ nguy trở thành một "chương trình tự trị liệu" (self-help program) chứ không phải một tôn giáo thật.

Và hơn một tuần sau số báo đó, Clark Strand có bài viết "Buddhist Boomers: A Meditation" trên báo *The Wall Street Journal* ngày 9-11-2007, trong đó ông khai triển rộng thêm các nhận xét trên.

Và khi tuổi trung bình Phật Tử như ông là 50 trở lên, thì thế hệ nào kế thừa? Bởi vì thế hệ của ông sẽ sớm ra đi, mà thế hệ trẻ không được hun đúc trong bầu không khí văn hóa Phật Giáo thì không ai biết Đạo Phật 100 năm sau tại Hoa Kỳ sẽ ra sao.

Đó cũng là nỗi lo của những Phật Tử truyền thống từ

Châu Á di dân vào Hoa Kỳ. Sẽ trao truyền nền văn hóa Phật Giáo nào cho con em mình? Và quan tâm này đang được tiến hành giải quyết ra sao, và tới đâu? Hay là chỉ muốn con em mình làm theo kiểu Mỹ để sử dụng Phật Giáo như một công cụ trị liệu? Và làm sao trước hết, và ít nhất là, để có các em bé 8 tuổi Phật Tử như cô bé Lisa Simpson trong phim hoạt họa? Tất nhiên là không dễ, và sẽ đòi hỏi rất nhiều kiên tâm để duy trì một nền văn hóa thâm sâu như Đạo Phật. Nhưng trước hết, bạn phải sống được nền văn hóa này trước đã, rồi mới nói chuyện giữ gìn sau đó. Còn khi lòng mình cứ sân si thì hỏng rồi, đâu còn là Đạo Phật nữa, dù có đứng ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Tuy nhiên trong khi các trở ngại về ngôn ngữ và dị biệt văn hóa có lẽ và có thể rồi sẽ vượt qua được, dù là cũng khá gian nan, thì trở ngại để giữ cho tâm mình được an bình mới thực sự là khó. Nhưng qua được rào này, mới đứng là Đạo Phật vậy.

Cho vô thường tình

*Tình anh như tiếng chuông Thiên Mụ
trầm khắp tình em sóng Hương Giang
âm ba độ lượng từ vô kiếp
thức tình u mê mộng tào khang
Gom vụn ân tình không trọn vẹn
rủ mảnh trăng Vĩ chia ước mơ
Chậm chậm trôi xuôi giòng bất tử
thấy bóng ta buồn nơi khúc quanh
Đông Ba hồ hững hờ mưa lại
Nội thành ngoại cát hồi kinh đô
Dấu chân lữ khách mười năm khách
Hồn nhiên mất tích giữa cơ đồ
Tóc mây vấn lụa ngang khoa bảng
Văn tìm lai kiếp một đề danh
Chiều lại thêm chiều chiu chất đợi
Nam thành đành đoạn giấu tên anh
Nếu trời đã ghen cho bồi rồi
Mắt này khép chặt khuất thương đau
Môi này mím chặt lời đau bể
Để cuộc đời này mình còn nhau.*



PHỞ THÚY

TÌM VỀ NHỮNG MIỀN ĐẤT XƯA

Nguyễn Hiệp

Được trở về quê hương của đức Phật là ước mơ của tất cả những người con Phật. Trở về quê hương của đức Phật là trở về với cội nguồn, để được chiêm bái, đánh lễ những thánh tích mà mình từng được nghe nói đến trong kinh điển, sử ký mà chưa một lần đặt chân đến. Những địa danh của hơn 2500 năm trước, nay đã bị thời gian và con người làm cho biến thiên thay đổi. Những kinh thành, những dòng sông, những chùa tháp tinh xá không chịu nổi sức tàn phá, có thứ đã vĩnh viễn biến mất, có thứ chỉ còn lại những vết tích hoang tàn đổ nát. Có những vương thành từng được nhắc đến trong kinh điển như những xứ sở sầm uất, phồn thịnh, nay trở thành những vùng đất hoang vắng, chơ vơ đá sỏi, dấu được con người ngày nay cố gắng gìn giữ vẫn không dấu đi được sự hoang tàn phế đổ. Có những con sông đã từng được nhắc đến, ngày nay người ta vẫn không thể lần ra được dấu vết. Những tịnh xá, đại học một thời hưng thịnh, với hàng ngàn tăng chúng tu học, nay chỉ còn là những nền gạch tro tro phơi mình dưới nắng mưa. Ta có thể không quá bi thương khi nhìn thấy những cảnh tượng đó bởi hiểu ra giáo lý vô thường mà đức Phật đã dạy, nhưng trong tâm khảm của mỗi người vẫn không sao tránh khỏi xúc cảm trước những điều mình chứng kiến.

Nhưng dù thế nào, được hành hương về nơi mảnh đất đức Phật đã ra đời và lớn lên, rồi xuất gia thành đạo và thuyết giảng những giáo pháp mang giá trị phổ quát đó vẫn là niềm

hạnh phúc lớn lao của người đệ tử Phật. Đức Phật đản sinh ở vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), thành đạo ở Uruvela (Bodhgaya), thuyết bài pháp đầu tiên ở Sarnath và nhập diệt tại Câu-thi-na (Kusinagar). Bốn địa danh này được gọi là Tứ động tâm, và chúng đã trở thành những địa điểm hành hương nổi tiếng đối với người Phật tử. Để nói về Tứ động tâm, đúng ra phải bắt đầu nói thứ tự từ nơi đức Phật đản sanh cho đến nơi Ngài nhập niết bàn, nhưng bài viết này, không hoàn toàn giới thiệu về Tứ động tâm, mà chỉ là những góp nhặt tản mạn của người viết sau một chuyến hành hương về nơi đất Phật, nên ở đây cũng xin được tuân tự theo lộ trình của chuyến đi ấy.

Veranasi

Chúng tôi bắt đầu rời New Delhi để lên đường cho chuyến hành hương đầu tiên đến các Thánh tích. Địa điểm đầu tiên nằm trong lịch trình chiêm bái của chúng tôi là Veranasi. Tàu khởi hành đúng như giờ được ghi ở nơi vé. Đây là một trong số ít lần tôi thấy các dịch vụ của Ấn phục vụ đúng giờ, có lẽ do đây là ga đầu tuyến. Tôi nhớ lần trước ở ga Gaya, mọi người phải đợi tàu hơn hai tiếng đồng hồ.

Chúng tôi đi chuyến tàu tương đối tốt, nhất là về khâu vệ sinh. Ở Ấn Độ, tàu hình như không phục vụ việc ăn uống, mà hành khách nếu muốn có khẩu phần ăn cũng như thức uống thì phải đăng ký và nhân viên sẽ đem đến tận nơi. Như vậy khi mua vé tàu, người ta không tính

đến tiền ăn trong đó. Tôi thấy như vậy cũng tiện, tốt cho những người không muốn dùng thức ăn của tàu. Vì thực ra, có nhiều người dù không ăn được đồ ăn trên tàu, nhưng vì quy định chung, đã phải trả tiền ăn khi mua vé. Một điều mà ta thường bắt gặp ở Việt Nam.

Tàu ở Ấn Độ cũng có những nhân viên mang thức ăn đồ uống đi bán dạo các toa, nhưng dịch vụ này tương đối nhẹ nhàng. Họ không đẩy xe kênh càn chiếm cả lối đi như ở Việt Nam. Nhân viên chỉ mang những chiếc khay hay những chiếc rổ nhỏ, đặt vài thứ thức ăn hay đồ uống đơn giản trong đó rồi bán dạo ở các toa. Họ không bán bia rượu, thức ăn mặn hay thuốc lá trên tàu. Nghe nói các loại tàu “chợ” ở Ấn Độ rất phức tạp và mất vệ sinh. Tàu chúng tôi đi thì khá sạch sẽ, chăn mền đều thơm mát và nhân viên phục vụ khá lịch sự. Có một điều mà tôi thấy thích là hành khách không đi qua lại nhiều trên tàu. Họ không ồn ào, không quá chú trọng vào chuyện ăn uống và đi ngủ sớm.

Chúng tôi đến ga Veranasi vào 9 giờ sáng. Buổi sáng rực rỡ nắng. Khí hậu ở đây có vẻ nóng hơn ở Delhi, tuy vậy vẫn không đến nỗi khó chịu, cũng nhờ bây giờ đang là mùa thu. Ga Veranasi là ga cuối của tuyến đường này. Ga không lớn lắm, nhưng lượng hành khách lại tương đối đông. Các phương tiện chờ hàng cũng như đón chờ khách đều rất cũ kỹ. Trước nhà ga có một bãi đậu xe tắc xi chờ khách, hầu hết đều cùng

một loại và có lẽ loại xe này đã được sản xuất rất lâu lắm rồi. Máy móc và các điều kiện đều không còn được tốt, nhưng giá cả lại tương đối rẻ. Chúng tôi thuê tắc xi về Sarnath, nhưng để xe nổ máy được phải có người đẩy.

Veranasi là một thành phố lớn thuộc tiểu bang Uttar Pradesh, nằm ở mạn bắc sông Hằng, được xem là kinh đô tôn giáo và văn hóa của Ấn Độ. Tuy vậy, Veranasi trông không có gì sầm uất lắm. Nhà cửa và hàng quán hai bên đường không có gì đặc biệt. Veranasi cũng có tên gọi là Kashi (Pali = Kasi, Ca-thi) hay Benares mà chúng ta quen thuộc với cách phiên âm Hán Việt là Ba-la-nại. Nền văn hóa của Veranasi chủ yếu gắn liền với dòng sông Hằng và tầm quan trọng tôn giáo của con sông này. Thành phố là trung tâm văn hóa và tôn giáo của miền bắc nước Ấn trong hơn ba ngàn năm, và nó đón khoảng một triệu khách hành hương mỗi năm. Veranasi nổi tiếng về tơ lụa và đó là một trong những nguồn kinh tế lớn của thành phố. Người dân Varanasi thường tự hào về thành phố của mình và xem đây là thành phố của ánh sáng, tâm linh, nghệ thuật, văn chương, v.v... Varanasi cũng được xem là một trong những thành phố cổ nhất, không chỉ của Ấn Độ mà còn của cả Thế giới, như Mark Twain từng ví von: nó cổ hơn cả lịch sử, cổ hơn cả truyền thống và hơn cả huyền thoại. Nhưng nguồn gốc của thành phố này vẫn chưa được biết đến. Người Hindu xem thành phố là một nơi chốn đặc biệt và tin rằng những ai chết trên mảnh đất Varanasi sẽ được thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Chúng tôi đến Sarnath sau chừng nửa tiếng đồng hồ rời ga Veranasi. Dự định ban đầu của chúng tôi là nghỉ tại một ngôi chùa Miến Điện, nhưng vì chùa phải đón tiếp phái đoàn từ nước họ sang nên không còn phòng trống. Thời gian này ở Miến

Điện các cuộc biểu tình đòi dân chủ đang dấy lên nên chùa chiền bên này cũng để hết tâm trí vào việc đó. Và vì vậy, chúng tôi phải chuyển đến xin trú tại một ngôi chùa Trung quốc. Mặc dù đây là một ngôi chùa của người Trung quốc, nhưng không có vị sư nào người Trung quốc sống ở đó cả. Người Quản lý là một vị sư người Ấn, hình như là người Sikkim, còn tăng chúng trong chùa hầu hết là người Thái. Các sư ở đây, nhìn chung đều rất cởi mở, sống nhẹ nhàng và nhiệt tình.



Sarnath cách Veranasi 8 km về hướng Bắc. Sarnath vào thời đức Phật có tên là Isipattana, một nơi được xem như là kinh đô của Phật giáo. Trước khi đức Phật đến, nơi này còn là một vùng đất vắng vẻ và được bao quanh bởi rừng rậm. Vì thế nó là nơi lý tưởng dành cho việc tu tập thiền định, và từng có rất nhiều vị ẩn sĩ cư trú ở nơi đây. Cái tên Rishipattana (Pali = Isipattana) có nghĩa là nơi ở của các Rishi (Pali: isi, các ẩn sĩ). Truyền thuyết kể lại rằng, khi đức Phật đản sanh, các vị thiên (deva) đã giáng trần để loan báo điều đó cho năm trăm vị rishi (có nơi gọi là năm trăm Bích Chi Phật = Pratyekabuddha). Các rishi bay vào không gian rồi biến mất, và di cốt của họ rơi xuống mặt đất, vì thế địa danh này được gọi là Isipattana (Chư thiên đọa xứ). Cũng có một sự giải thích khác, rằng địa danh này là nơi dừng chân của các vị thánh sống ở Hy Mã Lạp sơn mỗi

khi họ bay ngang qua vùng đất này, và vì thế nó được gọi là Isipattana.

Thuở đó, quanh khu vực này có rất nhiều nai, chúng được bảo vệ và có thể đi lại tự do, không hề bị săn bắn hay bị giết hại. Và vì thế nơi này cũng có tên gọi là Migadaya, nơi dành cho Nai, hay vườn Nai. Nguồn gốc tên gọi này có liên quan đến câu truyện Tiên thân Nigrodhamiga. Rồi sau một vài thế kỷ, nơi đây mọc lên một ngôi đền trên một vùng đất cao với tên gọi là Sarang Nath, từ này có nghĩa là Chúa tể loài nai. Và khu vực này từ đó được gọi là Sarang Nath. Và sau đó cái tên này đổi thành Sarnath như được gọi ngày hôm nay.

Sarnath được xem là một trong những thánh tích nổi tiếng đối với người Phật tử. Sau khi giác ngộ, đức Phật đã rời Uruvela để đến đây thuyết bài pháp đầu tiên độ năm anh em Kiều Trần Như. Và sau khi nghe xong hai bài kinh trình bày về bản chất thật sự của con người và cuộc đời, năm vị này đã chứng được Thánh quả và Tăng già được hình thành từ đó. Sarnath cũng là nơi Yasa tìm đến với đức Phật, và Tăng già đã lên đến sáu mươi thành viên sau khi Yasa và những người bạn của ông xuất gia. Sau sự kiện này, đức Phật bảo họ mỗi người hãy đi một hướng để truyền bá giáo pháp, nhằm đem lại lợi ích cho chư thiên và loại người.

Vào thế kỷ thứ hai trước Tây lịch, nơi đây đã có một cộng đồng tăng lữ lớn. Vì theo Mahavamsa (Đại sử) của Srilanka, lễ hội Mahā Thūpa tổ chức tại Anurādhapura vào thời điểm này đã có đến mười hai ngàn tăng sĩ từ Sarnath đến tham dự, mà người dẫn đầu là trưởng lão Dhammasena.

Phật giáo đã có một thời hưng thịnh ở Sarnath nhờ vào sự ủng hộ của các vị vua và các thương nhân giàu có. Sau thế kỷ thứ ba, Sarnath trở thành một trung tâm nghệ thuật quan trọng mà đỉnh cao là vào thời

đại Gupta. Vào thế kỷ thứ VII, khi Huyền Trang viếng thăm nơi này thì ở đây có đến 30 ngôi tự viện và có khoảng 3 ngàn tăng sĩ tu tập.

Sarnath cũng trở thành trung tâm chính của trường phái Sammatiya (Chánh Lượng bộ), một trong những trường phái đầu tiên của Phật giáo. Tuy nhiên, sự hiện hữu của các bức tượng Heruka và Tara cũng cho thấy rằng Kim Cương thừa (Vajrayana, Tantrayana, Mantrayana) cũng đã được thực hành ở đây. Phật giáo tiếp tục hiện diện nơi đây cho đến thế kỷ VIII, và sau đó bắt đầu chìm vào thời kỳ bóng tối. Thế kỷ 12, Sarnath thật sự suy tàn khi những người Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ đánh chiếm Ấn Độ. Họ đã thẳng tay tàn phá các trường đại học, thánh tích, chùa chiền và giết hại tu sĩ những nơi họ đi qua.

Buổi chiều, chúng tôi viếng thăm Viện bảo tàng Sarnath. Viện bảo tàng cách chùa chúng tôi ở khoảng năm trăm mét. Viện bảo tàng không lớn và không có gì đặc biệt. Di vật cổ nhất và có giá trị nhất của Viện bảo tàng là đầu trụ đá của vua Ashoka được tạc vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, có bốn con sư tử quay lưng với nhau. Đã hơn 2300 năm nhưng những đường nét trên đó vẫn còn rất sắc sảo, và vẻ mặt của các con sư tử trông rất hùng dũng. Vì là cổ vật có giá trị lịch sử cũng như điêu khắc nên nó được dựng ở giữa Viện bảo tàng, ngay nơi lối bước vào.

Một di vật cổ có giá trị khác của Viện bảo tàng là bức tượng Phật được tạc theo trường phái Mathura, thuộc thời kỳ Kushan. Bức tượng có một hình dáng hài hoà, các đường nét điêu khắc rất tinh tế. Mặc dù có một vài nơi trên bức tượng bị sứt mẻ, nhưng nó vẫn giữ được vẻ đẹp của nó. Rất tiếc là Viện bảo tàng không cho phép mang máy hình vào nên chúng tôi không ghi được một tấm hình nào ở trong viện bảo tàng.

Cách Viện bảo tàng vài chục mét

là Lộc Uyển, nơi đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như. Khu vườn ngày nay tương đối rộng, được xây tường bao quanh và được bảo quản khá tốt. Nằm về hướng tây của Lộc Uyển là nền tháp Dharmarajika, được Ashoka xây để đánh dấu nơi đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên, Dhammacakkapavattana. Ngôi tháp này sau đó được xây dựng lại để thờ xá lợi của đức Phật. Nhưng ngôi tháp đã bị những người Hồi giáo đập phá khi họ xâm chiếm nơi này, và phần còn lại tiếp tục bị một viên chức của Maharaja ở Sarnath đập đổ để cung cấp vật liệu xây dựng cho một công trình của họ. Trong khi đập phá ngôi tháp này, họ phát hiện thấy một chiếc bình đá đựng xá lợi, nhưng rồi lại ném nó xuống sông Hằng.



Di tích còn lại nổi bật nhất ở Lộc Uyển là tháp Dhamekh, do vua Ashoka xây để đánh dấu nơi đức Phật thuyết bài pháp thứ hai cho năm anh em Kiều Trần Như (cũng có tài liệu cho rằng ngôi tháp này đánh dấu nơi đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên). Theo Banister Fletcher, ngôi tháp này sau đó được xây lại vào thế kỷ thứ năm dưới triều đại Gupta theo cấu trúc mà vua Ashoka đã xây vào năm 249 trước Tây lịch. Ngôi tháp cao 31.3 mét, đường kính 28.3 mét, còn khá nguyên vẹn. Phần dưới của ngôi tháp được làm bằng đá có khắc tạc hoa sen và hình chữ Vạn.

Tại Lộc Uyển hiện vẫn còn trụ đá do vua Ashoka dựng. Trụ đá này

ban đầu có chiều cao 15 mét, nhưng nay phần trên đã bị gãy, và đầu trụ đá hiện đang được trưng bày tại viện bảo tàng Sarnath. Sát bên khu bảo tồn là một vườn nai, và có khoảng vài chục chú nai được nuôi ở đó. Trong khu bảo tồn hiện cũng còn lại nhiều nền tháp cũng như tu viện.

Cách không xa Lộc Uyển là tháp Hạnh Ngộ (Chaukhandi). Tháp Hạnh Ngộ là một ngôi tháp quan trọng của Phật giáo ở Sarnath. Ngôi tháp này được xây dựng dưới triều đại Gupta (thế kỷ thứ IV-VI AD), nhằm đánh dấu nơi đức Phật gặp năm anh em Kiều Trần Như. Sau đó Govardhan, con trai của Raja đã sửa lại ngôi tháp với hình dáng như hiện nay bằng cách xây dựng một tháp cao hình bát giác bên trên để tưởng niệm cuộc viếng thăm của Humayun, một vị đế vương hùng mạnh. Ngôi tháp này ngày nay đã ít nhiều được sửa sang lại và cũng là một trong những di tích được bảo quản tốt.

Ngoài ra, ở Sarnath còn có nhiều chùa chiền của các nước, như Miến Điện, Thái Lan, Hàn quốc, Nhật Bản, Tây Tạng..., và ngôi chùa gây chú ý và có nhiều du khách thăm viếng nhất có lẽ là chùa Mulagandha Kuti của Sri Lanka. Chùa này được xây trên nền tịnh xá Mulgandhakuti cũ, nơi đức Phật từng lưu trú khi Ngài ở Sarnath, và tịnh xá này cũng được ngài Huyền Trang nhắc đến trong ký sự của mình. Khi khai quật ngôi tịnh xá này, các nhà khảo cổ đã phát hiện thấy một bức tượng Bồ-tát có niên đại thuộc thế kỷ thứ nhất nằm ở bên dưới. Ngôi chùa Malgandhakuti hiện nay là do ngài Anagarika Dharmapala xây dựng vào năm 1931. Ngài Dharmapala (Pháp Hộ) là một nhà lãnh đạo tôn giáo và cũng là một nhà cải cách xã hội lỗi lạc của Sri Lanka. Ngài xuất thân từ một gia đình có vị thế ở Sri Lanka. Lúc nhỏ học ở một ngôi trường Thiên Chúa giáo, nhưng về sau trở thành một trong những người

tiên phong trong phong trào chống Thiên Chúa hóa ở Sri Lanka. Ngài xuất gia vào năm 26 tuổi, và từng đi nhiều nơi trên thế giới. Khi đến Ấn Độ viếng thăm các Thánh tích liên quan đến cuộc đời đức Phật, ngài vô cùng xúc động khi nhìn thấy sự hoang tàn đổ nát của những nơi này, và vì thế quyết định khôi phục lại các Thánh tích. Với tâm nguyện đó, ngài đã thành lập Hội Maha Boddhi Society vào năm 1891, và Hội này đã góp công rất lớn trong việc chấn hưng Phật giáo tại Sri Lanka cũng như Ấn Độ. Ngài Dharmapala qua đời tại Sarnath vào năm 1933.

Sông Hằng (Ganges)

Địa điểm thứ hai ở Varanasi nằm trong chương trình viếng thăm của chúng tôi là sông Hằng. Mặc dù sông Hằng không phải là một thánh tích của Phật giáo, nhưng nó được nhắc đến khá nhiều trong kinh Phật; và cũng là một thiếu sót nếu ai đến Ấn Độ mà không viếng thăm sông Hằng. Bốn giờ rưỡi sáng, chúng tôi đi lên xe đi sông Hằng. Chúng tôi đi sớm vì muốn kịp đến đó vào lúc bình minh, thời điểm được xem là đẹp và có nhiều sinh hoạt tôn giáo độc đáo trong ngày. Sông Hằng cách Sarnath khoảng vài chục cây số. Đoạn sông chảy qua thành phố Varanasi này được xem là nơi có nhiều đền đài, và cũng là nơi có nhiều sinh hoạt tôn giáo cũng như lễ hội nhất.

Trong kinh sách, đức Phật từng nhiều lần đề cập đến sông Hằng. Nhưng không phải nói đó là một con sông thiêng mà chỉ nhắc đến như một địa danh, đôi khi dùng nó để làm ví dụ. Cát của nó thường được ví cho sự không giới hạn của kiếp người, của thời gian... Trong Jakata đức Phật cũng từng đề cập rằng, trong những tiền kiếp trước, Ngài đã từng tu tập bên bờ sông này. Và có một cuộc đối thoại giữa đức Phật và một thanh niên Bà-la-môn về sông Hằng mà có lẽ nhiều người biết,

trong đó Ngài đã phủ nhận tính thiêng liêng, có thể rửa sạch tội lỗi của con sông này. Nhưng với người Hindu, sông Hằng là một con sông thiêng, là con gái của thần núi Himalaya, được tắm ở đây một lần trong đời là một phước lành lớn lao.

Cảnh tượng đầu tiên đập vào mắt tôi khi bước chân đến sông Hằng là một bến đò đầy rác rưởi, có khoảng chừng một trăm chiếc ghe đang neo sẵn chờ đón khách. Trên bờ, những cò khách đang bận rộn trong việc sẵn đón chào mời và ra giá. Người Ấn đôi khi cũng ưa nói thách giá cả, có khi không chỉ gấp đôi mà còn nói lên gấp năm lần. Nhưng vì có được chút ít kinh nghiệm được mách bảo lại nên chúng tôi đã biết trả giá phù hợp cho một chuyến ghe.

Chúng tôi lên ghe khi trời bắt đầu tờ mờ sáng. Sông Hằng mùa thu mênh mông êm ả. Sương mỏng giăng nhẹ trên sông nước, êm đềm bên những đền đài san sát, tạo nên một không gian vừa thiêng liêng vừa xa lạ. Sông Hằng có thể sẽ đẹp và huyền bí hơn nếu không có sự chen lấn của con người tràn tục vì đời sống mưu sinh. Những cảnh sinh hoạt tôn giáo dọc bên bờ sông, những cảnh hỏa thiêu người chết... đã trở thành những địa điểm câu khách tham quan. Tôn giáo là điểm tựa tinh thần của con người, nhưng tôn giáo đôi khi cũng bị biến thành điểm tựa cho kẻ sinh nhai trong một đời sống quá nhiều nhọc nhằn. Thật chẳng biết nói sao!

Mặt trời bắt đầu lộ dạng, tinh khôi và thơ mộng. Trước đây tôi có



đọc một bài viết nói về sông Hằng lúc bình minh. Tác giả của bài viết đã ví mặt trời buổi sáng ở sông Hằng như một khối cầu. Mặt trời thì có bao giờ không là một khối cầu, nhưng hiểu theo nghĩa trong bài viết này thì ý muốn nói mặt trời ở đây rất lớn. Tôi thì không cảm nhận được điều đó khi đến đây. Bình minh ở sông Hằng thật dịu dàng, nhưng có điều có khá nhiều hình ảnh và âm thanh. Hình ảnh nổi bật nhất vẫn là cảnh những người đi tắm sớm; với mục đích gì thì tôi không biết. Còn tiếng động chủ yếu vẫn là những âm thanh được phát ra từ những lễ cầu kinh hướng về mặt trời. Hình như các đạo sĩ này đang làm lễ rước nước thì phải. Tiếng trống, tiếng lắc linh, tiếng đoàn người tụng chú, cộng với màu sắc trang phục của các đạo sĩ, tạo nên một cảnh sinh hoạt tôn giáo khá thú vị.

Địa điểm gây sự tò mò cho khách tham quan nhất có thể nói là khu hỏa táng trên bờ sông. Nơi hỏa táng này được nói là hoạt động suốt ngày lẫn đêm. Thuyền đưa du khách khi đi ngang đây đều dừng lại khá lâu. Và các du khách, Âu cũng như Á, có vẻ lạ lẫm với cảnh tượng này. Hỏa táng, là một điều được nhắc đến khá nhiều trong kinh sách Phật giáo. Đức Phật sau khi nhập diệt, nhục thân của Ngài cũng được hỏa thiêu. Hỏa thiêu như vậy không phải là vấn đề xa lạ đối với người Phật tử. Nhưng hỏa thiêu bên bờ sông Hằng với những nghi lễ liên quan đến con sông này thì quả là một điều khá đặc biệt.

Đám tang của người Ấn không quá rườm rà như những nơi khác. Không có nhiều người đưa tiễn, không có khóc than, không cần quan tài, và người thân cũng không cần bận đồ tang chế. Xác chết được đặt lên cang. Có một tấm vải trắng được phủ lên thi thể có rải một ít hoa bên trên, và sau đó được khiêng đi thiêu. Người thân chỉ cần một vài người đi

theo, để sau khi thi thể được thiêu xong, họ có nhiệm vụ đem tro rải xuống sông. Và được thiêu bên bờ sông Hằng và ném tro xuống đó là một niềm may mắn lớn lao của một kiếp người.

Khi ghe chúng tôi cập bên bờ sông, nơi làm bãi hỏa thiêu, thì ở đó có mấy thi thể đang được thiêu, và có một thi thể vừa mới được khiêng đến. Thi thể khi được khiêng đến sông sẽ được nhúng xuống nước nhiều lần, có lẽ là để rửa đi tội lỗi của một kiếp người đã lỡ trót mang, sau đó được khiêng lên bờ để cho khô nước và rồi được đặt lên giàn thiêu. Nói là giàn thiêu chứ thực ra đó chỉ là một đồng củi. Nhưng đồng củi đó cũng phản ánh được vị trí khi còn sống của xác chết kia. Củi tốt và nhiều sẽ dành cho người nhiều tiền; củi xấu, phần lớn là tre nứa, thì dành cho người ít tiền. Không biết giữa những người thiêu bằng củi gỗ và những người thiêu bằng củi tre rồi ai sẽ về với Brahman trước?! Đến nơi này, du khách không được chụp hình quay phim. Người nào vi phạm có thể bị thu máy hình, và vì vậy du khách chỉ có thể ghi hình từ xa. Người Ấn quan niệm rằng, đám tang là một cảnh tượng buồn, vì vậy không nên lưu lại hình ảnh đó. Thật quá khác với Việt Nam, những cảnh buồn thảm nhất trong đám tang đôi khi là những cảnh được lưu hình lại nhiều nhất, như cảnh nhập quan và hạ huyệt chẳng hạn.

Sau khoảng một giờ trôi theo sông nước, cuối cùng chúng tôi buộc phải lên bờ vì đã hết giờ hợp đồng. Khi lên bờ rồi, chợt thấy hối tiếc là mình vì quá ham nhìn trời nhìn người mà quên nhìn xem nước sông Hằng giữa dòng trong đục thế nào, và cũng chưa kịp nhúng tay xuống dòng nước kia để thử xem nước sông buổi sáng mát lạnh ra sao. Nhưng dù sao cũng cảm thấy thỏa mãn, là cuối cùng mình đã tận mắt nhìn thấy sông Hằng chứ không phải chỉ nghe người

khác kể lại.



Savatthi (Xá Vệ)

Từ già Sarnath, chúng tôi lên đường đi Savatthi (Sravasti, Shravasti). 5 giờ sáng, anh tài xế đã đánh xe đến chờ sẵn trước cổng chùa, đúng giờ chúng tôi yêu cầu chiều hôm trước. Người Ấn vốn rất ít chính xác giờ giấc, thường là trễ chứ không bao giờ sớm hơn. Họ vẫn thích xài giờ “dây thun” như kiểu ở Việt Nam. Người Ấn và người Việt có những nhược điểm mà tôi thấy khá giống nhau, đó là thói quen xả rác, trễ giờ, ít giữ lời hứa... và quan chức thường rất quan liêu.

Đường đi Savatthi không lớn, nhưng tương đối tốt; vừa mới qua mùa mưa nên cây cối rất xanh tươi. Hai bên đường không có nhiều nhà cửa mà hầu hết là đồng ruộng, những cánh đồng bát ngát. Nếu chỉ nhìn những cánh đồng vào mùa này và dừng đi ngang qua những khu dân cư, ta khó nghĩ là người nông dân của Ấn nghèo. Nhưng trên thực tế người nông dân của Ấn Độ rất nghèo, không còn là nghèo nữa mà là đói khổ. Tôi không hiểu vì sao với mật độ dân chúng sống trên những cánh đồng rộng lớn như vậy nhưng họ vẫn quá nghèo khổ, và có gia đình thậm chí không có đất để trồng trọt. Trong cùng thời gian chúng tôi đang đi chiêm bái này, người nông dân Ấn đang khởi lên phong trào biểu tình đòi phân chia lại quyền sở hữu ruộng đất. Sự phát triển kinh tế của Ấn đã làm cho khoảng cách giàu nghèo tăng lên một cách đáng ngại.

Người nông dân mặc dù không bị chính phủ bỏ rơi, nhưng trên đời sống thực tế họ đang bị bỏ lại sau. Họ không thể nào bắt kịp đời sống trên chính đất nước của mình. Nông dân Ấn, lạc lậu và cơ cực đến khó tưởng. Chính phủ Ấn thực sự rất khó giải quyết nạn này, bởi do số lượng dân nghèo quá lớn, sự gia tăng dân số không kìm hãm được ở nông thôn, cộng thêm ý thức hệ đẳng cấp vốn tồn tại hàng ngàn năm vẫn chưa tẩy trừ được. Những thập niên đầu của thế kỷ 20, những nhà lãnh đạo như Gandhi và Nehru đã làm rất nhiều để thay đổi bộ mặt xã hội, nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề này.

Chúng tôi đến Savatthi vào buổi trưa, nghỉ lại ở một ngôi chùa Thái Lan do một cư sĩ quản lý. Trong chùa có một vài sư đang trú để đi học, hầu hết là người Cam-pu-chia. Các sư đang học tin học và cổ ngữ ở những trường trong vùng. Cam-pu-chia là một nước theo Phật giáo nguyên thủy, và hầu hết dân chúng đều là Phật tử. Nhưng trong khi các nước theo Phật giáo đều có chùa ở các Thánh tích thì Cam-pu-chia vẫn chưa có được một ngôi chùa nào. Có lẽ do đời sống còn nhiều khó khăn và chính phủ chưa giúp gì được cho Phật giáo nước họ. Các nước theo Phật giáo nguyên thủy như Thái Lan, Sri Lanka, Miến Điện... rất được chính phủ ủng hộ trong việc xây dựng chùa tháp ở các thánh tích. Cũng như ở Sarnath, ở Savatthi vẫn chưa thấy có một ngôi chùa Việt Nam nào.

Savatthi là kinh đô của nước Kosala (Kiền-tát-la), một trong sáu thành phố lớn và sầm uất bậc nhất vào thời đức Phật. Kinh thành này ngày nay thuộc quận Gonda, bang Uttar Pradesh. Tên gọi của kinh thành này có nhiều cách giải thích khác nhau, nhưng theo truyền thống Phật giáo thì do vị hiền nhân Savattha sống ở đây nên nó được gọi

là Savatthi. Vào thời đức Phật Savatthi nằm bên bờ con sông Aciravati mà ngày nay được gọi là sông Rapti, và vị vua trị vì kinh thành là Pasenadi (Ba-tư-nặc), cũng là một vị đệ tử thuần thành của đức Phật. Buddhaghosa (Phật Âm) nói rằng, vào thuở đó, nơi đây có 57 ngàn gia đình sinh sống. Bấy giờ có hai tỉnh xá nổi tiếng ở Savatthi là Jetavana và Pubbarama. Ngoài ra còn có một ngôi tỉnh xá khác có tên gọi là Rajakarama, do vua Pasenadi xây. Không xa kinh thành có một khu rừng rậm có tên gọi là Andhavana, và các Tỷ-kheo thường đến sống ở đó. Bên ngoài kinh thành có một ngôi làng gồm có năm trăm gia đình làm nghề ngư phủ...

Wooward thống kê và đưa ra con số rằng, trong các kinh Nikaya, có 871 bài kinh được đức Phật thuyết ở đây; 844 trong số đó được thuyết tại Kỳ Viên, 23 được thuyết tại Pubbarama, và 6 kinh được giảng bên ngoài kinh thành Savatthi. Các bộ luận giải nói rằng, đức Phật đã trải qua 25 kỳ an cư mùa mưa ở Savatthi, trong 25 kỳ an cư này, 19 kỳ ở Kỳ Viên và 6 kỳ ở Pubbarama, ngôi tỉnh xá do nữ cư sĩ Visakha xây dựng cúng dường cho Tăng đoàn. Savatthi như vậy là nơi đức Phật từng lưu trú lâu nhất và cũng từng thuyết nhiều bài kinh nhất. Bên cạnh đó, những người tu học theo Tịnh Độ tông chắc hẳn cũng biết rằng chính nơi đây đức Phật đã thuyết bài kinh A Di Đà, một trong ba bài kinh căn bản của trường phái này.

Sau thời đức Phật, lịch sử của Savatthi không còn được rõ ràng mãi cho đến thời kỳ Ashoka vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch. Theo nhiều tài liệu, Ashoka đã từng viếng thăm tỉnh xá Kỳ Hoàn khi ông thực hiện một cuộc hành hương đến tất cả các thánh tích liên quan đến Phật giáo, và ông cũng cho xây dựng ở nơi đây những trụ đá và đền tháp để đánh dấu thánh địa. Ngài Huyền Trang

cho rằng, Ashoka đã dựng hai trụ đá hai bên cổng phía đông của tỉnh xá. Nhà chiêm bái cũng nói thêm, Ashoka đã cho xây dựng một ngôi tháp để thờ xá lợi của đức Phật sát bên một giếng nước mà đức Phật từng dùng nước ở đó. Savatthi trong thời đại của Ashoka nói chung rất thịnh vượng.

Suốt kỷ nguyên đầu Tây lịch, dưới triều đại Kushan, Phật giáo trở thành một tôn giáo phổ biến với sự ủng hộ của các vua chúa. Các chùa tháp ở Kỳ Viên đã được trùng tu lại. Trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada) được thực tập thịnh hành ở đây. Các chùa tháp mới được xây dựng thêm và nhiều tượng Phật cũng như Bồ-tát được khắc chạm. Hầu hết những bức tượng này ngày nay được tìm thấy. Một trong số các bức tượng được tìm thấy là bức tượng Bồ-tát ngồi, mà chữ khắc ở đó cho biết nó được hai anh em Kshatriya tạc cúng. Và một bức tượng khác là tượng Phật ngồi trên một toà sư tử, do Sihadeva tạc cúng. Hình như tập tục tạc tượng và khắc tên người hiến cúng lên đó đã phổ biến vào thời bấy giờ.

Dưới triều đại Gupta (Thế kỷ IV-VII), ở tỉnh xá Kỳ Viên vẫn còn nhiều tầng chứng tu học, mặc dầu ở trong kinh thành các chùa tháp đều đổ nát và một vài trong số đó bị các ngôi đền của Bà-la-môn giáo lấn chiếm. Pháp Hiền đến đây vào đầu thế kỷ thứ năm, có đề cập các ngôi tháp Angulimala và tỉnh xá Mahaprajapati ở trong kinh thành, và cho rằng các Bà-la-môn đã không thành công trong việc huỷ hoại các chùa tháp này. Ngài cũng nhắc đến hai trụ đá do vua Ashoka dựng ở Kỳ Viên, và có một hương thất mà theo ngài là nơi đức Phật đã lưu trú trong những kỳ an cư mùa mưa ở đây. Bên ngoài tỉnh xá, nhà chiêm bái vẫn còn nhìn thấy ngôi tỉnh xá Purvarama do nữ cư sĩ Vishakha xây, nhưng đã đổ nát.

Huyền Trang viếng Savatthi vào thế kỷ thứ VII, dưới triều vua Harsha đã mô tả kinh thành là một vùng đất hoang vu, có một vài tăng sĩ Phật giáo sống ở đó, nhưng hầu hết vẫn là những ngoại đạo. Trong số những chùa tháp đổ nát mà ngài nhìn thấy là tháp Sudatta (tháp Cấp Cô Độc), tháp Angulimala và tỉnh xá của Tỷ-kheo ni Prajapita, tất cả như được Pháp Hiền ghi nhận trước đó. Trong vòng hai thế kỷ, khoảng thời gian giữa ngài Pháp Hiền và Huyền Trang đến đây, tỉnh xá Kỳ Viên đã đổ nát quá nhiều, và không còn người nào sống trong các tỉnh xá lúc ngài Huyền Trang chiêm bái nơi này.

Không lâu sau khi ngài Huyền Trang chiêm bái, Phật giáo đã hồi sinh trở lại ở vùng này. Một vài hình ảnh khắc chạm và những bức tượng Phật và Bồ-tát được tìm thấy ở đây thuộc về thế kỷ thứ 8 và thứ 9 đã cho thấy điều đó. Lịch sử về Savatthi hoàn toàn không được biết đến từ sau thế kỷ 12. Tuy nhiên những dấu tích của người Hồi giáo lại được tìm thấy ở đây. Có một ngôi mộ mà các nhà sử học cho là của Miran, vị thủ lĩnh Hồi giáo đầu tiên cai trị vùng này. Và Savatthi được biết trở lại vào năm 1863, khi nhà khảo cổ học A. Cunningham đã tìm đến khai quật địa danh này.

Ngày nay một số dấu vết của kinh thành vẫn còn. Trong số này, có ba địa điểm đáng chú ý và có nhiều người viếng thăm nhất, đó là tỉnh xá Kỳ Hoàn, tháp trường giả Cấp Cô Độc và tháp thờ trường lão Vô Nãi. Tỉnh xá kỳ hoàn là một trong những ngôi tỉnh xá nổi tiếng vào thời đức Phật, được nhắc nhiều trong kinh sách. Lịch sử hình thành ngôi tỉnh xá, gắn liền với vị trường giả đầy nhiệt tâm Cấp Cô Độc, đã trở thành một câu chuyện khiến nhiều người biết đến. Chuyện kể rằng khi trường giả tìm đất để cất tỉnh xá, ông đã nhìn thấy một khu vườn có đất đai bằng phẳng cây cối tươi tốt, và khi

hỏi thăm chủ nhân của khu vườn này thì ông biết nó thuộc quyền sở hữu của thái tử Kỳ-đà (Jeta). Nhưng thái tử Kỳ-đà vì không muốn bán khu vườn nên mới bảo với trưởng giả rằng nếu ông đem vàng lát kín khu vườn thì ông sẽ bán. Ngờ rằng lời thách đố đó sẽ làm trưởng lão Cấp Cô Độc bỏ đi dự định, nào ngờ ông đã đem vàng phủ kín khu vườn theo yêu cầu của thái tử và lấy khu vườn về. Điều ấy đã khiến cho thái tử vô cùng ngạc nhiên, và cũng chính sự nhiệt tâm của trưởng giả đã đưa thái tử đến với đức Phật.

Ngày nay toàn cảnh tinh xá là một khu vườn khá lớn có nhiều cây xanh. Trên nền vườn, ngoài những nền gạch còn lại ra, hầu hết được trồng cỏ và được cắt xén cẩn thận. Trên nền gạch đó, các nhà khảo cổ đã xác định đâu là vị trí hương thất của đức Phật, đâu là thiền đường, chỗ ở của Tăng chúng... Và trên lối vào tinh xá, có một cây bồ đề được cho là do tôn giả A-nan trồng. Câu chuyện tôn giả A-nan trồng cây bồ đề này được đưa ra trong Pujavaliya, một tác phẩm cổ của Sri Lanka. Tài liệu thuật lại rằng, đức Phật mặc dù sống ở đây một thời gian khá dài, nhưng hầu hết Ngài chỉ ở đây vào ba tháng mùa mưa, các tháng còn lại trong năm Ngài vân du giáo hóa nhiều nơi. Những đệ tử của Ngài ở Savatthi mong muốn Ngài lưu trú hẳn ở trong kinh thành, nhưng điều này là không thể, và vì thế họ thỉnh Ngài để lại một vật gì để họ tưởng niệm là Ngài đang hiện diện trong khi Ngài không có mặt ở kinh thành. Để đáp lại thỉnh nguyện của các Phật tử, tôn giả A-nan, được sự cho phép của đức Phật, đã cho trồng một cây bồ đề được chiết nhánh từ cây bồ đề tại Bồ đề đạo tràng để cho các Phật tử chiêm ngưỡng những khi Thế Tôn vắng mặt. Tài liệu cũng thuật lại rằng, tôn giả Mục Kiền Liên là người mang nhánh cây đó về, và trưởng giả Cấp Cô Độc chính là người trồng

nhánh cây đó.

Cách tinh xá Kỳ Viên không xa là tháp Pakki Kutti, một trong hai ngôi tháp lớn còn sót lại. A. Cunningham đã xác nhận rằng ngôi tháp này chính là tháp thờ tôn giả Angulimala (Vô Não) như được ngài Pháp Hiền và Huyền Trang đề cập trong ký sự của mình. Tuy vậy, Hoey đã viện dẫn chứng cứ và cho rằng đó là một Chánh pháp đường do vua Passenadi xây cúng dường cho đức Phật. Nhưng với cách bố trí của nó, thì đây không có gì khác hơn ngoài một ngôi tháp. Niên đại xây dựng ngôi tháp này vẫn chưa được xác định.

Tôn giả Angulimala là một người được nhắc đến khá nhiều trong kinh sách Phật giáo, một phần do bởi hoàn cảnh trước khi xuất gia của tôn giả, cùng sự kiện tôn giả gặp đức Phật và rồi trở thành một vị đệ tử của Ngài. Angulimala vốn là một tên tướng cướp khét tiếng thời bấy giờ. Cái tên Angulimala có nghĩa là “chiếc vòng những ngón tay”. Bởi vì khi còn là một tên cướp, ngài đã từng giết rất nhiều người và mỗi lần giết chết một người ngài lấy một lóng xương tay xâu lại làm thành một chiếc vòng. Nhưng sau khi gặp đức Phật, ngài đã quy phục, xuất gia theo Ngài và chứng đắc thánh quả A-la-hán.

Tháp trưởng giả Cấp Cô Độc (tháp Kachchi Kutti) là một trong những công trình kiến trúc quan trọng nhất được khai quật tại Maheth. Di tích này được xác định là ngôi tháp Suddata như được ngài Pháp Hiền và ngài Huyền Trang nhắc đến. Di tích có một lối kiến trúc phức tạp, mang dấu ấn của nhiều thời kỳ, bắt đầu từ triều đại Kushan cho đến thế kỷ 12 sau Tây lịch. Hai ngôi tháp Pakki Kutti và Kachchi Kutti cách nhau khoảng chừng vài chục mét, nằm bên một con đường

nhỏ giữa một vùng đất khô cằn nghèo khó. Cả hai đều không được bảo quản tốt, không có hàng rào bao bọc nên trâu bò mặc sức vào gặm cỏ xung quanh.

Savatthi ngày nay vẫn là một vùng đất nghèo khó, bao gồm sáu ngôi làng trên một diện tích 2019 hectas. Trong đó dân chúng hầu hết đều là nông dân và có thu nhập rất thấp. Điện ở đây luôn bị cắt, thời gian có điện trong ngày có lẽ ít hơn thời gian bị cắt điện. Trong cảnh cúp điện vào buổi hoàng hôn, ngồi nhìn những bóng người đen đuôi lấm lem bước đi uể oải lơ dờ trên những con đường đầy bụi bặm, những chú bò chú dê thần thờ ngơ ngác bên những căn nhà lụp xụp liêu xiêu, cảm thấy buồn đến não lòng.

Savatthi của hơn 2500 từng được mô tả rất thịnh vượng, sung túc, vậy mà 25 thế kỷ sau giờ lại nghèo khó đến vậy. Nhưng người dân và chính quyền Savatthi vẫn chờ đợi, vẫn trông mong một ngày nào đó Savatthi sẽ trở nên khá giả hơn, xán lạn hơn nhờ vào việc khai thác du lịch. Cuộc sống vẫn luôn gắn liền với hy vọng và chờ đợi.

(còn tiếp)



Thơ

BẠCH XUÂN PHỄ

MƯA THU

*Cơn mưa thu rả rích
suốt đêm trường
nằm nghe mà thương
những mảnh đời bất hạnh
kẻ vô gia cư mà một lần dừng mãi
bảo vệ nền tự do
nhưng bây chừ đang lo
miếng cơm và giấc ngủ khi không nhà
còn ta, đất nước ta
đã làm gì cho những người cựu quân nhân đó
hay những kẻ không nơi nương tựa
mưa, mưa nặng hạt, mưa triền miên, mưa
cơn mưa thu rả rích
ôm tịch mịch*

Sacramento, CA.
Veteran holiday 2007

BUỒN KHÔNG VƯƠNG LỆ

Thân tặng Bích Vân

*Nỗi buồn tựa trận mưa thu
Đến, mưa rả rích, mưa rồi tạnh thôi
Vàng mây ngọc vẫn thông dong tự tại
Em là em, em có một không hai
Em còn đó vĩnh hằng vô tận
Nỗi buồn kia chỉ đến và đi
Em không đi, không về, không ở
Nét đẹp em vẫn còn đó trọn đời
Nhẫn nại, bao dung, từ tốn khôn nguôi
Cùng vô nhiễm, hạnh từ bi rộng lớn
Vũ trụ kia không một làn sóng gợn
Vẫn thênh thang, vẫn đẹp muôn màu
Vũ trụ là em vì em có chiều sâu
Đời mãi đẹp khi có em hiện hữu.*

Sacramento 11-15-07.

SAU CƠN MƯA

*Chiều hôm qua em gọi
Nỗi buồn tràn ngập đầy
Nỗi buồn cơn mưa lội
Mưa rồi, mưa tạnh thôi.*



ĐỒ GỐM ĐỜI LÝ-TRẦN, THỜI THĂNG HOA

Bùi Ngọc Tuấn

Sau khi Ngô Quyền dựng lại nền độc lập, nhà Đinh, nhà Tiền Lê bắt đầu mở mang đất nước, nhưng phải đến đời nhà Lý, văn hóa Việt Nam mới phát triển rực rỡ. Đời Lý, đời Trần là giai đoạn thăng hoa của đồ gốm Việt Nam. Khi Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) vào Thăng Long, xây dựng thành trì, cung điện, tôn sùng Phật giáo thì một nhu cầu to lớn về đồ gốm diễn ra. Theo gót dời đô, những nhà làm đồ gốm ở khắp nơi hoặc dọn về gần kinh thành, hoặc tăng mức sản xuất. Dưới thời đó, với tinh thần dân tộc mạnh mẽ, với tinh thần Phật Giáo ảnh hưởng tràn ngập xã hội, nhu cầu xây dựng cung thành, nhu cầu của giới trưởng giả, của các đình chùa được xây dựng tăng lên bội phần. Từ đó tài năng, kỹ thuật, nghệ thuật của những lò gốm phát triển, đưa đến một cuộc bùng nổ rực rỡ của đồ gốm Việt Nam. Trong quyết tâm bảo vệ văn hóa dân tộc, họ đã phát triển đồ gốm thành một nghệ thuật tạo hình Việt Nam, riêng biệt, rực rỡ, phong phú, cũng như nền văn hóa Hoà Bình, Phùng Nguyên, Bắc Sơn, Đông Sơn trước đó. Người thợ đồ gốm Việt Nam đã tạo nên rất những dáng kiêu, sắc men và hoa văn rất Việt Nam, thể hiện tinh thần sáng tạo phóng túng và phong phú. Họ tạo nên những dáng kiêu, nước men và hoa văn đa diện, không thể thấy trong văn hóa Trung Hoa vốn nhiều khuôn khổ gò bó. Vì thế, cho dù họ có học được một vài kỹ thuật nghề nghiệp, nhưng phần nghệ thuật đã gần như không mấy chịu ảnh hưởng của nghệ thuật đồ gốm Trung Hoa. Trong khung cảnh hừng khởi của nền tự chủ vừa tìm lại được, cùng các nhu cầu xây dựng thành quách, cung điện, đình chùa, ảnh hưởng mạnh của Phật Giáo, Lão Giáo và truyền thống văn minh Việt đã hội nhập trong các tô, chén đĩa, bình Việt Nam. Sự khởi đầu đơn giản, với các món đồ còn ảnh hưởng đồ gốm nhà Tống, bỗng vươn mạnh lên qua bàn tay sáng tạo của người thợ Việt Nam thành một nền văn minh rực rỡ, mà ngày hôm nay, khi nâng niu những món đồ tuyệt đẹp ấy trên tay, chúng ta còn cảm thấy bừng bừng sức sống mãnh liệt của dân Việt, như nhìn thấy cái phóng túng của bàn tay nghệ sĩ trên bàn xoay, hay trên nét vẽ nhanh, thoát như gió thổi, nước trôi dưới nước men mỏng. Người nghệ sĩ Trung Hoa vẽ đồ gốm một cách cẩn trọng, tỉ mỉ. Họ vẽ như

người quan sát thiên nhiên một cách khách quan, tuân theo những quy luật nhất định, đường thẳng như kẻ thước, đường cong như cánh cung, bên phải bên trái đối xứng, bên trên bên dưới đều đặn. Đề tài rất tôn nghiêm: Long Ly Quy Phụng. Họ vẽ như cử hành một nghi lễ. Trong khi đó, người nghệ sĩ Việt Nam vẽ tự nhiên, vẽ thoải mái, vẽ như chơi, như thả diều, như đánh đáo, vẽ tự nhiên như ăn như ngủ. Đề tài là hoa, là lá, là chim, là thú, là côn trùng, là thảo mộc của đồng ruộng, thôn quê kề cận bên mình, như chim sẻ, như tôm, như cua, chuồn chuồn, cóc nhái. Tại sao rồng cứ phải bay với mây không thôi, rồng với hoa càng đẹp, càng thân cận chứ sao?! Vậy thì ta cứ bỏ mặc cái luật lệ của anh Tàu, ta vẽ rồng hoa chung nhau cho nó thích. Anh Tàu ảnh không có voi thì kẻ ảnh, xứ mình nhiều voi thì mình làm bình voi voi chơi; mình thích bình con rồng, thì mình làm bình con rồng theo kiểu mình; mình thương con gà cục tác lá chanh, thì mình làm cái ấm con gà cho vui. Ngồi nặn tô, thấy mấy con cóc nhảy quanh nhà, thì ta làm cái ấm hình con cóc, rồi tô cho nó một nước men xanh chơi, chao ơi là thú vị! Họ vẽ đời sống nông thôn của họ lên các món đồ gốm đó. Họ và đề tài của họ là một: Con chim sẻ, con cá bống, con chích chòe sống trong người họ rồi tràn ra nét bút tự nhiên, sống động, không cố gắng. Ôi! Khi cầm trên tay, làm sao mà ta không cảm thấy được cái khoái trá của người nghệ sĩ đầu đời Lý khi họ làm cái bình rượu nhỏ với dạng con tôm càng cười trên lưng con cá chép. Con cháu Khổng Tử nghiêm túc với Kinh Lễ, Kinh Thư, nghe cái chuyện đó cũng hết vía rồi, làm sao mà dám nghĩ đến việc làm bình có cái hồn phóng khoáng đó được. Nét bút người nghệ sĩ Việt múa nhẹ, mũi tre cắt vào đất sắc mà nhanh, men chỗ dày chỗ mỏng thì càng tự nhiên chứ đâu có sao; cái hình bên này nhỏ hơn cái phía bên kia một chút thì lại càng ngộ càng xinh chứ hề chi. (Trong trống đồng tên là “Sông Đà”, khi chạm xong con chim hạc thứ mười sáu, người nghệ sĩ thời Đông Sơn mới thấy mình chỉ chia vòng tròn làm mười bảy phần, làm sao chạm mười tám chim hạc bấy giờ? Thôi thì ta giải quyết bằng cách chạm chim hạc số mười bảy và mười tám sát nhau, mà đứng chứ không bay, cho đủ chỗ. Xin xem hình trống “Sông Đà” trong

Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam của Nguyễn Văn Huyền và Hoàng Vinh, do Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam ở Hà Nội xuất bản năm 1975). Ông thợ Trung Hoa mà gặp lỗi này thì phải bỏ hết để làm lại từ đầu chứ đâu có dám tự tiện như vậy. Nói như thế không phải là chê đồ gốm Tàu không đẹp, đồ Tàu cực đẹp là đằng khác. Nhưng hai cách làm đẹp và hưởng đẹp rất khác nhau. Đồ gốm Tàu đẹp như một cô gái trang điểm lộng lẫy của dạ hội, đồ gốm Việt đẹp như cô gái hàng xóm thơ ngây, tươi mát. Cái đẹp của đồ Tàu là cái đẹp của thơ Lý Bạch: “*Vân tướng y thường hoa tướng dung - Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng*”, trong khi cái đẹp của đồ Việt là thơ Nguyễn Khuyến: “*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí - lá vàng trước gió sẽ đưa vèo*.” Một bên đồ gọt tinh xảo, một bên gần gũi đơn sơ, một bên là cái đẹp của trí tuệ, một bên là cái đẹp của tâm hồn.

Gọi là đồ đời Lý, nhưng ta gồm cả nơi đây đồ gốm đời Trần, bởi vì đồ đời Trần tiếp tục truyền thống đặc sắc của đồ đời Lý. (Cho đến đời Hậu Lê, sự phát triển đặc sắc của đồ gốm Chu Đậu, Bát Tràng mới thực sự trở nên cá biệt, tạo những chiều hướng khác). Hoa văn đồ gốm đời Lý thường là ám họa, hoa văn vẽ màu chỉ thấy trên các món Lý Trắng mà cũng chỉ là một màu men xám. Phải chăng đây cũng là ảnh hưởng Phật giáo trong tinh thần đơn sơ của truyền thống thôn làng? Nền Phật giáo nơi đây là Phật giáo truyền theo đường phương Tây, phương Nam mà vào chứ chưa phải là nền Phật giáo truyền từ Trung Hoa xuống như sau này, tương ứng với thời Phật còn thường được gọi là *Bụt* (Budha), cách ký âm Việt Nam, chứ chưa theo cách ký âm Trung Hoa và giọng đọc Hán Việt mà thành chữ Phật. Đa số đồ đời Lý thường để dấu con kê, đôi khi thấy có vành men cạo. Những kỹ thuật thường dùng cho đồ khỏi dính vào nhau trong lò nung.

Ngoài cách phân loại theo dáng kiêu, người ta thường phân loại đồ gốm Việt ra theo nước men: Đồ men ngọc, đồ Lý trắng, Lý nâu, Lý lục.

1. Đồ men ngọc (celadon): ảnh hưởng Phật giáo chen kẽ với ảnh hưởng đồ men ngọc đời Tống. Hoa văn với những mô thức Phật giáo như cánh sen, hoa cúc. Đôi khi có ảnh hưởng đồ gốm nhà Tống nhưng đã Việt hóa (ám họa hình ảnh 2, 3 hay 4 em bé trai chơi trong một vườn hoa, ám họa hình 2 lực sĩ đấu vật...). Ngoài những bát, chén và đĩa men ngọc nhỏ, ta còn thấy có nhiều tước (hay bôi), bình trà, nậm rượu nhỏ. Có những nậm rượu men ngọc chạm nổi hình 2 con cá chép đang bơi. Có những nậm rượu hình quả bầu. Các nậm rượu này nhỏ, chắc để dùng trên bàn thờ nhiều hơn là để dùng chứa rượu uống. Ngoài những đĩa trang trí bằng các ám họa hoa sen, hoa cúc, cũng có những đĩa nhỏ (5cm) chạm nổi hình cá chép đang bơi. Men ngọc màu xanh rêu với

nhiều sắc từ nhạt đến đậm, có khi rất đậm, gần như xanh đen. So với đồ men ngọc đời nhà Tống, đồ men ngọc đời Lý thường dày hơn, nước men cũng khá dày, cốt men bằng đất sét trắng pha cát, cầm trên tay thấy nặng, tiếng gõ đục, tiếng vang ngắn và nhỏ. (Đồ men ngọc đời Tống men mỏng, nhẹ, tiếng vang trong và ngân rất dài vì làm bằng đất pha đá nghiền). So với các món Lý trắng, Lý nâu thì đồ men ngọc (cũng như đồ Lý lục) không còn nhiều, phải chăng vì không được làm nhiều?

2. Đồ Lý trắng: Bát chén Lý trắng cùng các bình ảm rất đẹp, một vẻ đẹp thanh nhã mà cao sang, càng nhìn càng ưa. Bình và ảm vẫn theo truyền thống Việt Nam, quai cầm chỉ có tính cách trang trí, không thực dụng. Nước men rất mịn, màu trắng tuyết, nhìn mát rượi, thẳng hoặc có món men trắng thoáng ảm sắc xanh dương. Có chén nhỏ lòng trắng men trắng, nhưng bên ngoài lại tráng men nâu. Bình men trắng đôi khi có phác họa một vài cánh hoa màu xám nhạt. Chúng tôi sưu tập được một bình Lý trắng (cao 15cm) có quai cầm là hình một con cá bóng nhỏ màu trắng, mắt đen, rất linh động, nắp bình vẽ hoa cúc, thân bình vẽ cảnh trúc, cảnh mai màu xám nhạt. Những bình khác có quai cầm hình xoắn ốc hay hình một con rồng chui từ trong thân bình ra rồi lại chui vào, tạo thành quai cầm để lại chui sang mé bên kia cất cao đầu trở nên vời vọt. Rồng đây không phải là con rồng Trung Hoa, mà là một con rắn mình trơn, có kỳ trên lưng, đầu giống như hình linh vật Naga hay Makara của Ấn Độ. Miệng bình thường khá nhỏ, chỉ có thể dùng làm nậm rượu hay bình nước, chứ không thể thành ảm trà. Có những tô Lý trắng ám họa hình ảnh của văn hóa Ả Rập, hình ảnh trăng lưỡi liềm và các vì sao cùng với 2 đoàn đao bắt chéo... Có những bát, trong lòng toàn biểu tượng Phật giáo như chữ Vạn, như hình ảnh bát bửu, hay trong lòng chén, lòng đĩa là cả một bông hoa sen, bông hoa cúc đang nở. Có lu nhỏ cao 20cm rộng 15cm, nắp lu là cả một bông sen, miệng lu cũng chạm nổi những cánh sen đang nở. Có tô đường kính 12cm, đáy tô là một bông cúc nở, quanh lòng tô là những nhành lá và hoa cúc. Bình ảm rất đẹp, nhiều cái hình quả dưa, quả bầu, hình con tôm càng cưỡi trên lưng con cá chép...

3. Đồ Lý nâu: ta gọi chung là Lý nâu, nhưng ở đây màu nâu có rất nhiều sắc, từ nâu nhạt đến nâu đậm gần như là đen. Ngay trên cùng một món, men nâu cũng pha nhiều sắc. Có những bát, chén men nâu có gờ miệng không nhẵn mà lại gầy cạnh như hình hoa cúc, trong lòng bát là những ám họa hoa cúc khác, rõ ràng là chén bát dùng trên bàn thờ chứ không phải để dùng trong đời sống hàng ngày. Trong những số lượng sưu tập, bát chén có ám họa biểu tượng nhà Phật như hoa cúc, hoa sen... đồ men nâu có rất nhiều. Có phải đây lại là một ảnh hưởng Phật giáo khác? Bình ảm men nâu rất đặc sắc, có

nhiều bình men nhòe (sau khi tráng xong men nâu, người ta tưới lên bình một sắc men nâu đậm hơn, rồi để cho tu chảy loang lổ, hoặc sau khi tráng men xong họ tạt nước lên cho men chảy nhòe). Nước men trên bát chén men nâu mỏng trong khi nước men trên bình men nâu dày, bóng sáng mịn, độ dày mỏng của nước men trên bình cũng không đều, tạo ra nhiều sắc đậm nhạt khác nhau. Có nạm rượu men nâu trang trí hình chân chim (do bút tre vạch lên nên men sau khi tráng). Nhiều bát men nâu có trang trí hình chạm nổi từ khuôn đúc rất đẹp. Cũng như đồ Lý trắng, bình ấm Lý nâu rất đẹp, hình dạng thay đổi từ tròn sang bầu hay hình con nghê...

4. Đồ Lý lục: Màu men lục nơi đây là màu men xanh cánh trà, trong biếc. Nước men mỏng, ấm họa nổi. Số lượng đồ Lý lục còn lại không nhiều. Tìm được một món Lý lục đẹp rất khó. Bình Lý lục rất đẹp nhưng hiếm thấy, hoa văn nhàn rêu, vòi rót hình đầu makara. Bát đĩa, bình ấm Lý lục cũng có nhiều sắc, hoặc xanh biếc, hoặc xanh rêu, hoa văn trên bát đĩa cũng vẫn là biểu tượng hoa cúc, hoa sen của nhà Phật hay hình cá chép theo kiểu song ngư của văn hóa nhà Tống.

Tóm lại, đồ gốm thời Lý Trần là một giai đoạn rất quan trọng trong nghệ thuật đồ gốm cổ truyền Việt Nam. Đây chính là giai đoạn thăng hoa của nghệ thuật này. Khởi đi từ những món đồ không tráng men dưới thời Bắc Thuộc, sang đời Lý đồ gốm Việt Nam phát triển rực rỡ. Số lượng rất nhiều, đủ mọi thứ loại, đủ mọi sắc men, đủ mọi hoa văn với ảnh hưởng Phật giáo đậm đà tạo nên một thời cực thịnh của nền đồ gốm dân tộc để rồi lên đến tuyệt đỉnh với đồ gốm Chu Đậu vào thời Hậu Lê, thời nhà Mạc sau đó.

Hình đồ gốm đời Lý Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn



Ấm Lý trắng quai cá



Ấm Lý trắng quai rồng



Tô Lý lục



Lư hương Đời Lý



Ấm Lý trắng



Ấm men ngọc đời Lý



Ấm Lý nâu chân chim

thơ

NGHIÊM XUÂN CƯỜNG

Bước Lê Thê Nỏ Luân Hồi

Kính tặng Thầy Thích Tâm Thiện

Đối tiền, đối sắc, đối tình
 Đối danh, đối lợi... biết mình là ai
 Đối sao cứ mãi đối hoài
 Càng ăn, càng đói, càng dài si mê!
 Đối từ tiền kiếp xa xưa
 Vô minh, hành, thức...thuở chưa chào đời
 Đó đây trăm tiếng gọi mời
 Bước lê thê nỏ luân hồi từ sinh
 Mắt nhiễm sắc muôn hình vạn trạng
 Mũi ngửi rồi lòng tưởng xa xôi
 Lưỡi kia nếm vị ngọt bùi
 Tai nghe êm ái tiếng đời xôn xao
 Thân xúc chạm, đảo chao ngàn hướng
 Ý lãng xăng như vượn chuyển càn
 Nếu phăng ra đến ngọn ngành
 Từ sinh, sinh từ cũng thành trò chơi.
 Tâm kia đã rõ cảnh đời
 Đó đây già đối nực cười lắm thay!
 Thực hư nào khác đêm ngày
 Bao nhiêu con đối bấy rầy chợt tan
 Sống đời tự tại bình an...

01-13-2007

Đời Vui Thế Có Ai Cần Ánh Sáng

Người là ai mà đau thương khôn khổ?
 Người là ai mà lệ đổ canh thao?
 Người là ai trong tâm tã mưa Ngâu
 Mà ngoi ngóp giữa u sầu chán ngấy.
 Mộng mơ nữa cũng là điên loạn đấy
 Một người si lồi cuốn mấy người theo
 Tâm đã say thì miệng nói leo nheo
 Tình với nghĩa cũng lộn phèo, ném hết!
 Đạo với lý, nói gì lời chán chết!
 Ta là Ta, Chúa Tể hết muôn loài
 Người là ai? Này giun để nhai ranh
 Hãy quỳ mọp trước Hung Thần Đại Ngã!
 Hãy quỳ xuống nghe Ta cười ha hả
 Ta là Ta, ngự trị chín tầng cao
 Ta là Ta, muôn lời nói trước sau
 Khi đã thốt không một câu sai quấy
 Hãy quỳ xuống! Lắng nghe lời Ta dạy:
 Hãy nhớ từ nay, đừng cửa quậy ngo ngoe!
 Muốn sống an lành, sung sướng no nê
 Thì mắt nhắm, tai bưng che kín mít!
 Đạo đức, lương tâm...hãy quên cho hết!
 Hãy nói Ta nghe lời ngọt dễ mê
 Hãy uốn lưng cong, học thói xun xoe
 Dẫu có biết, cứ đại khờ ngu dốt.
 Trước mọi sự hãy trả lời: Tốt, tốt!
 Như lũ chim kia, tập hót cho hay.
 Chén rượu đời, cầm lấy, uống cho say!
 Và cứ sống cho qua ngày đoạn tháng.
 Đời vui thế có ai cần Ánh Sáng.

02-21-07

Lá thư gửi người bạn trẻ trong đạo: ĐÔI LỜI TÂM SỰ VỀ VĂN HÓA VÀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Không Quán

Lời tác giả: Nhân dịp đức Đạt Lai Lạt Ma công du tại Gia Nã Đại và cho hai buổi nói chuyện với công chúng tại Ottawa và Toronto, tác giả đại diện cho một tờ báo Phật giáo tại San José, California, đến tham dự và viết bài tường thuật đăng trên một diễn đàn của Nhóm Mật tông vùng Đông Hoa Kỳ. Khi một người bạn đạo trẻ đọc bài tường thuật này, nói về những tranh đấu của đức Đạt Lai Lạt Ma cho nhân quyền thế giới, anh bạn trẻ viết lá điện thư hỏi tác giả về từ ngữ tranh đấu và bất bạo động có gì trái ngược không.

Vì thấy tâm vóc của câu hỏi có liên quan nhiều đến vấn đề văn hóa và dịch thuật, nhất là dịch thuật Phật pháp, cũng như trước những phong trào bài bác các từ ngữ Hán Việt cũng như bài bác các thuật ngữ chữ Tô đã đề xướng ra trong truyền thống Phật giáo Việt nam đã có từ hàng ngàn năm nay, biện luận là các thuật ngữ Phật giáo gốc Hán Việt đó quá khó hiểu, tác giả bài viết này chỉ muốn thảo lá thư tâm sự, trình bày cái vốn văn hóa vô cùng quý báu đã có từ hơn 4000 năm của dân tộc Việt, kết hợp với văn hóa Phật giáo và làm thành một kho tàng văn hóa vô giá của dân tộc Việt nam.

Với hoài vọng thật đơn sơ: Mong cho các thế hệ trẻ hơn mình biết rõ nguồn gốc văn hóa của dân tộc và yêu thương bảo tồn nền văn hóa vô giá đó.

Chú H. thân mến,

Kể từ khi chúng ta gặp nhau lần trước khoảng tháng 10 năm ngoái, cho đến nay chúng ta vẫn chưa có dịp gặp nhau và hàn huyên cho thỏa chí như chuyến đi lần trước qua thăm các anh chị em bạn đạo trong nhóm và tham dự dịch thuật cho buổi nói chuyện với công chúng của thầy J.

Chú vẫn khỏe chứ? Trong lòng của tôi vẫn luôn nhớ tới các bạn cũng như là nhớ nhiều đến chú, một người bạn đạo trẻ đầy sinh lực, năng động và đầy tâm lòng hoạt động cho cộng đồng. Tôi vẫn nhớ như in buổi tối hôm đó, trên đường chú lái xe chở tôi về nhà để ăn cơm và đàm đạo cùng với một số các bạn đạo, để trao đổi những kinh nghiệm tu tập. Con đường đi vòng quanh chân núi, ngang qua khu rừng thật đẹp. Cho dù màn đêm

có che phủ phần nào vẻ thiên nhiên hùng vĩ, tôi vẫn cảm nhận sâu sắc và phải thốt lên là cảnh rừng thật là đẹp. Điều này đã làm cho chú ngạc nhiên, và hỏi tôi rằng có phải tâm hồn thi sĩ trong tôi đã làm cho tôi cảm thấy cảnh đẹp cho dù trong màn đêm khó thấy? Tôi nhớ là có hứa sẽ gửi cho chú cuốn thơ tôi đã xuất bản... mười năm về trước... Để rồi công việc lu bu, tôi đã quên đi và cho đến giờ vẫn chưa gửi cho chú cuốn thơ...

Như là lời tạ lỗi, tôi viết bài này gửi đến chú. Chia sẻ niềm khắc khoải trong đạo. Ăn cơm có canh... tu hành có bạn phải không chú... Vậy, không chia sẻ cho chú được thì còn chia sẻ cho ai được phải không? Cho chú cũng chính là cho tất cả các bạn mà thôi. Vì các khắc khoải, đâu phải chỉ riêng mình chúng ta có, phải không chú. Mình và người cũng như một mạch tim huyết mà thôi chú ạ...

Mãi đến gần đây, khi tôi tham dự buổi nói chuyện công chúng của vị đại đạo sư đương thời mà các phật tử Trung Hoa vẫn xưng tụng là vị “Hoạt Phật”¹, hiện thân của Bồ tát Quán Thế Âm đến từ cung điện Phổ Đà Lạc Gia của xứ tuyết... Ngài đã nói lên những lời tâm huyết cho thế giới, vận động giải thể quân đội và chấm dứt chiến tranh... Ngài đã lên tiếng kêu gọi và tranh đấu cho hòa bình thế giới... Và Ngài đã nhấn mạnh “*Muốn Giải Thể Quân Đội và Chấm dứt chiến tranh trên thế giới thì chúng ta phải Giải Thể Lòng Sân Hận trong Nội Tâm của mỗi một chúng ta.*” Tâm từ phải được gieo trồng mọc rễ sâu trong mỗi người thì Giải Thể Quân Đội mới thành công. Tôi thâm nghĩ, chắc hẳn chúng ta, ai cũng biết đến Ngài, vị Đạt Lai Lạt Ma tôn kính của chúng ta.

Nhưng mà điều tôi muốn viết chia sẻ cho chú thực ra lại là một khắc khoải khá riêng tư với chúng ta, với cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Chú nhớ không, vì trong bài viết tường trình cho các đạo hữu, tôi đã dùng một từ ngữ tương đối cũ xưa, khi trong bài

1 Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn được người Trung Hoa xưng tụng là vị Hoạt Phật nghĩa là vị Phật sống (living Buddha).

tường thuật, tôi đã viết là “Ngài tranh đấu và vận động cho hòa bình và cho lý tưởng bất bạo động, tranh đấu cho nhân quyền không bị chà đạp...”

Dĩ nhiên khi tôi viết, tôi không thể tránh khỏi những thói quen và từ ngữ tôi thường dùng trong khoảng thời gian mà tôi còn được theo học trong trường lúc còn ở Việt Nam, thời gian khá xa xưa của nền đệ nhất và đệ nhị cộng hòa trước khi tôi rời khỏi Việt Nam đi du học. Còn chú dĩ nhiên là trưởng thành sau thời gian đó và qua ngoại quốc lúc còn rất trẻ sau 1975, cho nên mặc dù chú rất tinh thông tiếng Việt, nhưng không ít nhiều gì chú vẫn cảm thấy bỡ ngỡ trước những từ ngữ cũ xưa đó...

Chú viết thư sau hỏi thăm tôi khi đọc bài tường thuật của tôi trên mạng:

“Hello anh L.,

Tại vì H. qua Mỹ sau 75 nên thấy chữ “tranh đấu” dùng để nói đến Ngài hơi ngộ nghĩnh. Nhân đây hỏi anh L. là trong tinh thần Phật Giáo về đề tài non-violence, thì ‘tranh đấu’ như thế nào mới đạt được non-violence. Theo H. nghĩ, thầy Thích Quảng Đức tự thiêu vì đạo pháp, cũng là tranh đấu, nhưng cái violence này xảy ra chính trên bản thân Ngài. Những người có đạo khác cho rằng đây là tội phản đạo vì tự tử. Như vậy có phải mọi sự ‘tranh đấu’ đều mang một màu sắc violence không, ít hoặc nhiều.”

Chú còn viết thêm:

“À quên, sau 1975, hầu như trong mọi literature của chế độ mới, lúc nào mình cũng thấy dùng những từ ‘tranh đấu’ và ‘cách mạng’, cho nên H. đã bị PT disorder²”

Đọc thư chú, tôi không khỏi mỉm cười. Đây là một điểm khá “tiêu biểu” về cách hành văn của chú. Đó là chú hay thêm những từ ngữ chuyên môn bằng tiếng Anh vào câu để diễn tả cho chính xác một vấn đề gì khi mà chú không rõ từ ngữ Việt phải dùng ra sao. Tôi để ý sau này, những bạn văn trẻ của chúng ta cũng hay đan những bài viết chêm thêm Anh ngữ, làm thành một phong trào mới, một sắc thái mới trong nền văn hóa hải ngoại. Tôi phải công nhận là đọc những bài đó cũng thấy ngộ nghĩnh, có chút duyên ngầm, tựa như một cô gái lai hai giòong máu. Thế nhưng bản thân tôi vẫn không quen viết như vậy. Có khi tôi bắt buộc phải chêm thêm tiếng Anh trong các bài viết của tôi. Phải nói là tôi *chú thêm* chứ không *chêm vào*. Sự khác biệt là tôi luôn luôn viết đầy đủ từ ngữ Việt rồi mở ngoặc để chú thêm bằng Anh ngữ cho dễ hiểu, vì tôi cũng biết là các từ ngữ của tôi dùng hơi cổ xưa cho nên phải làm như thế.

Nhân vì câu hỏi của chú là một câu hỏi có tính cách rộng lớn và tiêu biểu, liên quan đến những vấn đề

khá tế nhị của các thế hệ già, trẻ của chúng ta tại hải ngoại. Xa hơn nữa, liên quan đến những vấn đề Phật pháp và kinh điển cũng như là vấn đề dịch thuật của nền Phật giáo hải ngoại. Tôi cũng biết là ở hải ngoại, chúng ta có đầy đủ những điều kiện thuận tiện và dễ dàng cho bất cứ sự học hỏi nào, ngay cả học hỏi về Phật pháp. Vì ở đây, mọi tài liệu và máy móc tân tiến giúp chúng ta khi thích thì có thể học hỏi, đào sâu và phát huy nền học hỏi của mình đến mức tối đa. Nói theo Phật pháp, tại hải ngoại, chúng ta có nhiều thuận duyên, có Thầy, có chùa, có sách vở và mạng lưới tin học cực kỳ nhanh chóng và dễ dàng cho trí tò mò học hỏi phát triển. Cho nên hiện giờ ít nhất là tại Bắc Mỹ (nếu không nói là cả Âu Châu và thế giới nữa), cộng đồng người Việt của chúng ta có một hiện tượng chưa từng thấy: Đó là hiện tượng tạm gọi là “lạm phát về văn hóa.” Tôi muốn nói đến số lượng báo chí, sách vở, văn thơ, dịch thuật, trong đó có cả các sách dịch về Phật giáo được in ra mỗi năm. Chúng ta thấy là các tác giả về sách thơ Việt, cũng như là kinh sách sáng tác hay dịch thuật của Phật giáo phát huy thật vô số kể. Còn báo phát không tại chợ thì quá nhiều, đếm không kể xiết. Đây là một điều đáng mừng, vì tự do phát triển văn hóa thì sẽ phát huy nhiều tài năng mới. Nhưng phải nói thêm là đôi khi cũng thấy đáng lo. Lo là vì khi tôi nhặt một tờ báo lên và đọc hàng chữ lớn của một tựa nào đó viết để than phiền một cái gì... rồi kèm theo câu... *hết thuốc chữa*... Vị tác giả nào đó đã muốn than rằng: Hết thuốc chữa mà thành ra hết thuốc (ngừa) để... hay hết thuốc (làm) cho đề!!! Rồi lớp thiếu nhi lớn lên và ảnh hưởng đến lối hành văn đầy sai lạc trong những tờ báo đó... Tôi không lo sao được hả chú...

Có thể những chuyện đó thì chỉ làm cho anh em mình cười vui vì dùng những từ sai lệch một cách hóm hỉnh ấy. Nhưng có những chuyện nghiêm chỉnh hơn. Như là khi bài viết lẫn lộn, không phân biệt được từ ngữ “**tình** dục” và “**tính** dục” khác nhau thế nào. Rồi họ viết lung tung... khi thì xâm phạm “**tính** dục” khi thì họ viết “**đồng tình** luyện ái”³. Than ôi, cái thiên chức thiêng liêng của nhà báo là nâng cao, phát triển dân trí chẳng còn thấy đâu.

Nhưng đó cũng vẫn còn là chuyện nhỏ chú ạ. Có những điều lo lớn hơn. Vì tuy việc phát triển dịch thuật và trước tác rộng rãi kinh sách Phật là điều đáng mừng cho Cộng Đồng Phật giáo Việt Nam hải ngoại. Nhưng cũng có điều làm cho mình phải suy nghĩ lắm. Vì quá nhiều sách được in, và do đó, những người sơ cơ đứng

3 Tính dục nghĩa là phái tính (nam hay nữ). Còn tình dục mới là chuyện liên hệ trai gái. Do đó viết đúng phải là đồng tính luyện ái.

2 Post-traumatic disorder: rối loạn hậu chấn thương.

ngoài không biết đâu mà tìm đọc, không biết đâu là gốc, đâu là ngọn, như đi lạc vào một rừng cây, không tìm thấy lối ra... Chưa kể đến các bản dịch và các sách... vàng thau lẫn lộn, và dịch giả thời mới bây giờ thường không chịu bỏ công tìm đọc những tác phẩm và kinh sách của chư tổ, chư tôn đức đi trước mình để học hỏi và rút tía kinh nghiệm dịch thuật. Mạnh ai nấy tự ý dịch theo các cách hành văn của mình, tự ý phát minh ra những từ ngữ lạ hoắc lạ huơ, đôi khi lại rất tối nghĩa vì nó không nói lên được ý nghĩa thực sự của bản kinh qua những từ quá sức mới mẻ ấy, hơn thế nữa, khi đọc lên không còn thấy được gốc gác Phật giáo Việt nam của mình ở đâu, và nhất là không liên hệ gì được đến nền Phật giáo Việt Nam đã có truyền thống từ hàng ngàn năm nay, truyền thống do chư Tổ Sư đã dày công ghi chép lại thành những hệ kinh điển của Việt nam. Đứng ra trước khi làm công tác dịch thuật, chúng ta nên bỏ vài ba năm (có lẽ là còn chưa đủ) để trì tụng những bộ kinh có tâm vóc, ít nhất là những kinh ngắn như là Bát Nhã tâm kinh hay lớn hơn như là kinh Pháp Hoa. Như thế để mình thấm nhuần cách hành văn, cách đặt câu cú trong kinh điển cũng như là cách chuyển thành lối thi kệ bốn chữ hay năm chữ thường sử dụng trong hệ kinh điển Việt nam và nhất là thanh tịnh hóa thân tâm mình và được linh cảm hộ trì từ dòng chư Tổ sư. Và cũng vì lối hành văn và đặt thi kệ (gọi là chuyển cú) đặc biệt của Phật giáo dân tộc mình rất là dễ thấm vào lòng hành giả trì tụng. Vài ba năm trì tụng còn chưa biết đủ thiếu ra sao, thế mà có một số vị lại viết và giải nghĩa những loại pháp môn chuyên biệt (như của Mật Tông) mà có lẽ chính mình chưa hề tu tập hành trì pháp môn ấy. Một số dịch giả sau này còn cổ võ một phong trào bài trừ tiếng Hán Việt khi dịch thuật, thay thế bằng những từ ngữ mới mà không theo quy luật văn phạm cú ngữ Việt nam. Thí dụ như là chẻ ra một từ kép mới gồm hai âm, một âm thuần Việt, còn âm kia thì lại là gốc Hán Việt, và thành ra một từ kép pha tạp lai căng, vì không hiểu rõ luật về cú ngữ là các từ kép không cho phép dùng trộn lộn một âm Hán và một âm Việt. Tôi thí dụ cho dễ hiểu nhé, như dùng chữ Bụt để tả đức Phật thì được, nhưng không thể dùng chữ Bụt pháp để chỉ đến giáo lý thay cho chữ Phật pháp. Còn vài những vị khác thì cổ vũ dùng thuần chữ Việt cho dễ hiểu, từ đó cố ép và sản xuất ra những từ ngữ kỳ quái như là *ban lành* để chỉ đến việc Phật tử xin ban chú nguyện hộ trì hay là xin cầu an. Ngay cả từ ngữ ban phép lành (blessings) cũng có màu sắc đặc biệt của Công giáo vì người Âu Mỹ chỉ dịch theo sự hiểu biết Công giáo của họ, từ ngữ ban phép lành chỉ mang ý nghĩa ơn trên ban xuống cho người xin mà thôi, chứ không như sự chú nguyện hộ trì mang ý nghĩa *cảm ứng đạo giao nan tư nghị* của Phật giáo. (Thôi chết tôi lại dùng từ Hán Việt gây rắc rối cho chú nữa rồi).

Không biết chú có thấy lo không, chứ tôi mỗi lần nhìn thấy những chuyện như vậy, trong tâm lại có cái gì buồn buồn.

Dài dòng lan man quá chú nhỉ, hay là chú lại cười tôi là lo... con bò trắng răng rồi. Thôi để tôi quay về với cụm từ “tranh đấu” nhé.

Xét về mặt ngôn ngữ học, chúng ta cũng biết là dân tộc Việt nam có một nền văn hóa đúc kết từ tinh hoa của 4000 năm. Cái hay của dân tộc Việt là ngoài những đặc điểm riêng của dân tộc mình, chúng ta còn biết thâm nhận cái hay của người làm của mình, *biết thâm nhận những từ ngữ rất là tinh hoa của Trung quốc để chuyển hóa nó, tiêu hóa các từ ngữ đó trở thành một nguồn từ ngữ rất là độc đáo và hấp thụ tinh hoa của người làm trở thành tinh hoa của dân tộc*. Do đó kho tàng ngôn ngữ Việt bao gồm những từ ngữ vô cùng phong phú và đa dạng, trong đó phải kể đến *tinh hoa phong phú và đa dạng nhất là nguồn từ ngữ Hán Việt*.

Do đó cụm từ “tranh đấu” có một nguồn gốc Hán Việt. Tại sao phải nói dài dòng như thế: Đó là vì khi chúng ta tìm hiểu một sự kiện gì, chúng ta phải *tra cứu về gốc* (chứ không phải chỉ xét về ngọn). Vì gốc từ “tranh đấu” bắt nguồn từ Hán Việt, chúng ta phải tra lại xem ý nghĩa của nó như thế nào. Khi tra từ điển chữ Hán thì chữ **tranh** (爭) nghĩa là dùng lời nói để luận đúng sai. Còn chữ **đấu** (鬪) nghĩa là dùng sức để định hơn thua.

Như thế về mặt ngôn ngữ thì cụm từ “tranh đấu” bao gồm nghĩa đen là luận hơn thua qua các lời nói phân giải, luận bày hoặc sức yếu mạnh. Nghĩa rộng thì cụm từ “tranh đấu” có ý nghĩa là cố gắng phát huy sức lực (tâm lý hay vật lý) để truyền bá một điều gì mình muốn cổ võ.

Vì thế, chúng ta nói:

- Tranh đấu cho tù nhân chính trị, nghĩa là vận động (campaign) để mang lại tự do cho tù nhân chính trị.
- Tranh đấu cho hòa bình. Tranh đấu cho lý tưởng của nhân loại bao gồm tự do, công bình và bác ái (Liberté, Egalité, Fraternité: ba điều đề xướng ra bởi Maximilien de Robespierre trong thời kỳ phát triển nền Cộng Hòa Pháp quốc).
- Tranh đấu chống kỳ thị... hoặc là tranh đấu bất bạo động của thánh Gandhi v.v...

Thế thì “tranh đấu” nghĩa rộng rãi là vận động cho một lý tưởng gì đó (working for a noble cause). Cụm từ “tranh đấu” không có ý nghĩa là phải bạo động, nếu là tranh đấu có bạo động thì chúng ta nói: *Cuộc tranh đấu*

trở thành bạo động... hoặc, ngay từ đầu đã là tranh đấu bạo động đánh đuổi thực dân Pháp giành quyền tự do cho dân tộc Việt Nam v.v...

Có khi chúng ta nói là phải “phấn đấu tu tập” có nghĩa là tranh đấu với chính bản thân mình để tu tập, vượt lên cao hơn, như là trường hợp của Thiền Nhật bản – Zen – mà Anh ngữ dịch là “transcendental meditation”.

Trở lại về cái điểm hay độc đáo của kho tàng từ ngữ Hán Việt là các từ ngữ đó rất súc tích, cô đọng (concise). Khi đọc cụm từ “tranh đấu”, người Việt nam chúng ta liên tưởng ngay đến sự cực khổ, hết lòng hết sức làm một cuộc vận động cho lý tưởng nào đó. Chúng ta không nói: *tranh đấu cho sự ngu dân, hoặc tranh đấu cho thực dân Pháp*. Vì chữ tranh đấu rất là cao cả, bao hàm ý nghĩa cao thượng và lý tưởng.

Xét về mặt văn học, chắc chắn cũng biết là như khi chúng ta đọc một bài thơ: chỉ cần có một từ ngữ súc tích cô đọng và bao hàm một điều gì thật đẹp, hay là một phong cảnh thật hữu tình, là lòng mình lại khởi lên tất cả những cảm xúc dâng trào. Thí dụ như câu thơ nổi tiếng trong Truyện Kiều của Nguyễn Du mà ai đọc cũng đều cảm động:

*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san*⁴.

Nguyên cả câu này, khi ta đọc năm chữ đầu *Rừng phong thu đã nhuốm* (che ba chữ *màu quan san* đi), thì ta chưa có cảm xúc gì cả, nhưng khi đọc thêm ba chữ cuối thì mới thấy mở ra cả một trời thu xuất hiện. Từ ngữ “*quan san*” làm ta thấy ngay lập tức cả bầu trời thu đó, rồi lại thấy theo bầu trời thu nguyên cả sự sâu muợn của nơi chốn địa đầu núi non “*quan san*” xa xôi cách trở, ly biệt, buồn bã, se sắt, hiu quạnh..., thấy nguyên cả màu sắc của rừng thu rực rỡ màu lá đỏ, lá vàng thắm... Và câu thơ nổi bật ở chỗ *màu quan san*. Cái hay, cái đẹp của từ Hán Việt là sự súc tích, cô đọng, lôi cuốn theo cả một trời tình cảm đi theo sau. Và người đọc xuýt xoa khen câu thơ trên là câu thơ tuyệt tác.

Làm sao mà chúng ta có thể diễn tả cảm xúc của màu quan san mà không dùng từ Hán Việt? Nếu chúng ta bỏ qua kho tàng văn hóa từ ngữ này mà viết theo kiểu thuần Việt thì chẳng lẽ chúng ta làm câu thơ thành ra:

*Rừng phong thu đã nhuộm màu ly biệt
của miền núi non xa xôi cách trở và
màu của sự buồn bã chia ly mùa thu...*

Câu thơ sẽ chẳng còn ra sao và mất cả vần điệu. Người đọc cũng thấy gượng ép, nhạt nhẽo, chẳng còn thấy hứng thú gì khi tác giả phải nói toạc ra mọi ý nghĩ của mình...

⁴ Quan (關) = Cửa ải. San, sơn (山) = núi.

Chính là nhờ lòng cảm xúc khi đọc những từ ngữ truyền cảm đó mà chúng ta thường thức thơ văn, thấy hay và đẹp... Để cho niềm cảm xúc dâng trào...

Cũng thế, khi ta đọc bài kinh, bài kệ, nhờ những từ ngữ súc tích của Phật giáo Hán Việt mà bài kinh mang lại cho chúng ta bao nhiêu niềm cảm xúc dâng trào, *cảm ứng đạo giao* với chư Tổ trong dòng truyền thừa đã dày công tâm huyết viết ra những bài đó. Chúng ta không quên công ơn của chư vị.

Lấy thí dụ, khi nói đến bài học đầu tiên của đức Phật Thích Ca giảng cho năm anh em nhà Kiều Trần Như về Tứ Diệu Đế. Nếu chúng ta mắc kẹt và từ chối không dùng tiếng Hán Việt thì làm sao mà chúng ta có thể nghe giảng và hiểu nghĩa ngắn gọn của bài học? Chỉ nói đến tựa của bài giáo lý này, nếu muốn viết sang thuần Việt sẽ phải viết dài dòng: Bốn chân lý cao siêu mầu nhiệm, mà dù vậy vẫn phải dùng từ Hán Việt như chân lý v.v... Mà khi đọc thì ý nghĩa không thể thấm bằng ba từ ngữ thật hay và cô đọng: Tứ Diệu Đế, đọc lên là tất cả đều thấy rõ ràng.

Cho nên mình cũng thấy là chẳng thể nào viết tiếng Việt mà không dùng từ Hán Việt, vì nếu cố làm như thế thì chẳng những mình bỏ quên nguồn gốc văn hóa của mình mà các câu văn sẽ rất tối nghĩa khó hiểu và què quặt khó hài.

Đó là cái hay của kho tàng từ ngữ Hán Việt. Kho tàng này chính là văn hóa Việt nam, chính là văn hóa Phật giáo Việt nam. Qua các kho tàng kinh điển Phật giáo, chúng ta muốn hiểu được, cảm nhận được, phát huy cảm ứng đạo giao thì chúng ta phải phát tâm cố gắng tìm hiểu học hỏi không ngừng kho tàng văn hóa Việt nam và cũng là kho tàng Phật giáo Việt nam. Chúng ta không nên tìm đến sự dễ dãi quá, đơn giản quá vì không muốn học hỏi khó khăn, và đòi hỏi tất cả phải viết ra dài dòng thành thuần Việt. Và lại sự học hỏi càng dễ dãi thì càng mau quên và không sâu.

Về điều này, đức Phật và chư Tổ cũng thường sử dụng, chư vị đôi khi không nói thẳng tuột điểm tâm huyết của giáo lý ra mà dùng các ẩn dụ muốn chúng ta phải tự mình bỏ công tìm tòi học hỏi ra. Vì có như vậy, sự học hỏi mới sâu sắc và thấm thía.

Sự cảm xúc khi xảy ra trên bình diện tu tập hành trì đạo thì chúng ta gọi là cảm ứng đạo giao. Cảm ứng đạo giao rất là quan trọng và cần thiết trên con đường tu vì nó ban cho chúng ta sức mạnh hành trì tinh tấn. Chú có nhớ những bài tụng rất là cảm động mà khi chúng ta đốt ngọn hương trầm lên, ngược lên chiêm ngưỡng dung nhan Phật và quán tưởng đến 32 tướng tốt, đức từ phụ nhìn xuống từ bi... Lòng chúng ta rộn rã niềm vui sướng và xướng câu kệ Nguyễn hương:

Năng lễ sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ...

Khi cảm ứng mạnh quá và liên tục, thì một ngày nào đó, chúng ta sẽ chứng quả Bất thối chuyển⁵. Khi ấy, lòng chúng ta an vui biết là bao...

Chú H. thân mến, chú thấy không? Cái cảm xúc từ một từ ngữ súc tích đó có thể nâng cao, hướng thượng và chuyển hóa thành *cảm ứng đạo giao*. Cho nên mình đừng ngại tiếng Hán Việt. Một âm súc tích, cô đọng, chính xác và chuẩn đích sẽ khơi cho chúng ta nguồn cảm xúc, xa hơn nữa, nguồn đạo cảm ứng không thể nghĩ bàn...

Vậy mình đừng ngại các từ ngữ đó, nó là phương tiện giúp chúng ta tu đạo. Và nếu có khó khăn chút đỉnh, chúng ta hãy nghĩ đến công ơn chư Tổ trong truyền thừa Việt nam mình mà bỏ chút công học hỏi. Không khó đâu, chỉ cần chút thời gian, tiếng Việt mình đã quá quen thuộc với các từ Hán Việt rồi. Nhất là thế hệ trẻ Việt nam bây giờ vô cùng lanh lẹ và thông minh, học thành tài bao nhiêu thứ khó khăn hổng hồ học những từ ngữ Hán Việt quá quen thuộc trong tiếng mẹ đẻ phải không chú. Bây giờ chú thử tưởng tượng, nếu hoàn toàn không dùng từ Hán Việt, mình có thể nói và viết tiếng Việt được không? Chẳng hạn như câu mình rất thường nói là:

Mùa đông năm nay lạnh quá, nhiệt độ thường xuống thấp dưới mười độ âm...

Xét trong một câu ấy, chúng ta đã tìm ra khoảng 5 từ Hán Việt (đông, nhiệt độ, thường, âm v.v...). Nếu chúng ta bài bác từ Hán Việt, không dùng các chữ đó, thì chú thấy sẽ khó khăn đến thế nào để diễn tả câu đơn giản ấy.

Huống chi, Phật pháp vốn dĩ cao siêu, mầu nhiệm, ngôn từ đầy đủ cũng còn chưa diễn tả nổi. Nếu chúng ta cứ ngại học thêm những từ ấy mà tránh né thì chẳng biết chúng ta sẽ đi về đâu?

Cảm xúc văn hóa, hay cảm ứng đạo giao không cách xa nhau lắm đâu. Chỉ cần nhắm mắt lại, vỗ tay đập một cái như khi chư tăng Mật tông Tây tạng vẫn làm khi tụng bài Tâm Kinh, thì cảm ứng tánh không hiện tiền... Như khi một hành giả trì câu chú (bắt đầu với chủng tự Om) liên tu, lâu ngày, chày tháng, câu chú nhập tâm, ăn ngủ đều âm thầm tụng câu chú. Rồi trình độ trì chú đã cao và thuần thực, khi đó hành giả chỉ cần khởi trong tâm chủng tự *Om..m..m..m* âm vang trong tâm thức là toàn bộ câu chú hiện tiền, chiếm trọn tâm thức chẳng còn mấy may vọng tưởng. Sự súc tích cô đọng đã đến trình độ cao tột. Và tương đương với trình độ đó là sự cảm ứng đạo giao...

5 Quả Bất thối chuyển là quả vị Bồ tát an vui tinh tấn trên con đường đạo và không lùi bước.

Nhưng tôi cũng đồng ý với chú là dĩ nhiên, mình đừng lạm dụng quá đáng các từ ngữ Hán Việt làm cho những bài viết trở thành nặng nề. Chúng ta nên khéo léo phối hợp các cách dùng từ ngữ của chư Tổ Việt nam để bài viết của chúng ta tương đối dễ hiểu và súc tích. Nhưng dù vậy, sự kiện đó cũng đòi hỏi người đọc có một trình độ tối thiểu và nhất là lòng hăng say tìm học để mang lại những chiều sâu về sự hiểu biết.

Xét về mặt giáo lý thì tâm của chúng ta thường hay mắc vào các sự chấp trước. Đức Phật Thích Ca đã thuyết giảng là tất cả những gì của thế gian đều thuộc về tục đế. Tục đế là những quy ước (frame, convention) của thế gian đặt ra để giúp chúng ta hiểu một điều gì cho dễ dàng. Nhưng bù lại, chúng ta không nên chấp chặt vào đó để làm cho những quy ước ấy trở thành ông chủ của chúng ta, hay nói cách khác, chúng ta trở thành nô lệ của những quy ước ấy mà không phân biệt được những trường hợp cá biệt đặc thù. Tóm lại, chúng ta không nên chấp chặt vào thế gian để hay là tục đế. Mà ngôn ngữ thì thuộc về thế gian, tức tục đế, ngôn ngữ có tính cách giới hạn và tương đối. Do đó đức Phật luôn từ bi khuyên bảo chúng ta đừng chấp vào ngôn từ, hình danh, sắc tướng. Ngôn từ chỉ là phương tiện. Như ngón tay chỉ mặt trăng. *Cần nương ngón tay để thấy mặt trăng chứ nếu chỉ chăm chăm nhìn vào ngón tay thì mặt trăng sẽ không bao giờ hiện hiện được.*

Ngày xưa có câu “*ý tại ngôn ngoại*” nói rằng ý nghĩa nằm ngoài ngôn từ cũng không khác cái nghĩa đó. Để giúp chúng ta đừng chấp, đức Phật đã tuyên bố hùng hồn trong kinh Kim Cang:

*“Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai”.*

nghĩa là: nếu do sắc thấy ta, do âm thanh mà tìm ta, kẻ đó hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai...

Đức Phật đã phá tất cả những gì thuộc về tâm chấp trước, kẹt vào hình danh sắc tướng, vì những thứ đó chẳng phải là rốt ráo. Ngay cả đức Phật cũng phải bát Niết Bàn và từ bỏ thân bao gồm 32 tướng quý của mình khi duyên đã hết. Do đó chấp vào hình danh sắc tướng thì chẳng phải là đường tu hành chân chính.

Chấp hình sắc hay chấp vào ngôn từ cũng như nhau. Khi ta chấp vào ngôn từ thì cái ý thật nghĩa ở đằng sau chẳng thể nào hiện hiện.

Do đó khi đọc cụm từ “*tranh đấu*” viết về đức Đạt Lai Lạt Ma, chẳng nên dính vào cái nghĩa đen đằng sau, mà chúng ta chỉ nên thấy được một vị đại đạo sư đã từ bi đi khắp muôn phương hành hóa phát triển những lợi lạc cho nhân quyền thế giới. Thế cho nên người người đều

đến nghe đức Đạt Lai Lạt Ma dạy dỗ khuyên bảo, chẳng phân biệt gốc gác từ đạo nào, chẳng phân biệt màu da chủng tộc. Tất cả đều hoan hỷ đón nhận những lời khuyên bảo chân tình của Ngài trong những buổi nói chuyện với công chúng.

Ngay cả trên đường tu đạo, chúng ta cũng chẳng nên kẹt trong ngôn từ huông hồ là ngoài đời khi đọc một bài viết hay một từ ngữ như tranh đấu. Thế nào là chấp trong ngôn từ. Chúng ta hãy nhớ lại lời chư Tổ dạy:

“Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan,

Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết”.

nghĩa là chấp chặt nơi văn tự mà giải nghĩa, thì oan cho ba đời chư Phật, mà rời bỏ kinh điển thì lại lạc vào những tà thuyết của ma.

Vì lời nói của chư Phật chỉ là phương tiện tạm thời, tất cả đều tùy theo trường hợp, nghĩa là tùy bệnh cho thuốc. Thuốc trị bệnh của Phật là thuốc phá chấp, nếu chiếu theo văn tự để giải nghĩa, khi Phật nói Có thì mình chấp cái Có đó là thật, khi Phật nói Không thì lại chấp cái Không đó là thật, ấy là oan cho chư Phật. Đó là do cái tâm của mình thấy mọi pháp qua cái lăng kính của kinh nghiệm nội tâm riêng biệt, như từ *tranh đấu* nó vốn tự nó không có nghĩa bạo động mà vì tâm hành của mình, nhìn sự việc qua kinh nghiệm cá nhân khi sống với cộng sản sau năm 1975 (cũng là nghiệp của mình) và liên kết ý nghĩa của từ tranh đấu với bạo động (*duy thức học gọi là tâm biến kế*⁶).

Còn nêu *“Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết”*: li kinh thì chẳng thể giác ngộ được, vì kinh chính là lời Phật dạy để tu hành đạt giác ngộ cho nên không theo kinh điển là tà ma, không thể giải thoát được.

Do đó khi đọc tụng kinh, chúng ta chẳng li văn tự cũng chẳng chấp văn tự, nương theo ý kinh mà thấy thật nghĩa y như vậy, cũng như đọc một bài viết, ngắm một bông hoa, chẳng khởi tâm biến kế, chẳng động đến Mạt Na. Cho dù Mạt Na sinh khởi, mình sẽ mỉm cười và nói: à há, ta đã thấy mặt mũi của người rồi.

Để khi đọc từ ngữ tranh đấu, ta cũng chỉ nhớ đến công ơn của đức Đạt Lai Lạt Ma, một đời làm việc cho hòa bình bất bạo động, cho nhân quyền và cho hạnh phúc nhân loại. Chúng ta không còn chấp vào cái tâm thức giới hạn của mình, trải rộng cái nhìn lên trên tâm thức, đọc cái nghĩa đằng sau cả câu viết và thấy được hành trạng của Ngài qua những cố gắng không ngừng nghỉ để hoàn thành tâm nguyện cao cả của Ngài.

Và sau cùng, xét thêm sâu hơn về **mặt duy thức học** thì Mạt Na thức (là thức thứ bảy trong Bát thức) chính là nguyên nhân của sự chấp trước này. Như đã nói, khi ta có một kinh nghiệm quá khứ nào về chuyện gì đó, thì chúng ta có khuynh hướng chấp chặt vào cái đó. Thí dụ như khi chú có kinh nghiệm không tốt về cộng sản khi

sống sau 1975, và nghe những tuyên truyền về tranh đấu vũ trang thì cũng dễ hiểu là khi nghe lại từ tranh đấu, chú không có mấy cảm giác tốt đẹp. Như vậy, chúng ta hay bị cái quá khứ làm chúng ta mất chánh niệm và lan man liên tưởng đến tranh đấu là sẽ có bạo động, đến sự tàn ác giết người, v.v... Mà thực sự thì cụm từ tranh đấu chỉ có nghĩa là làm việc khó nhọc cho một lý tưởng cao cả nào đó của mình.

Người tu theo đạo Phật thường cố gắng giữ chánh niệm không để cho Mạt na thức dẫn dắt tâm mình chuyển thành tâm biến kế sở chấp⁶ và gán ghép một cái nhãn hiệu gì đó trên sự vật. làm cho méo mó sự vật đó để mình không còn thấy được *bản thể thực của sự vật* (real nature of phenomena). Do đó mới có câu nhìn bông hoa đẹp mà thấy là bông hoa đẹp (chứ không thấy là hoa đẹp, xong rồi muốn khởi tâm ngắt bông hoa mang về chưng trong nhà mình).

Cũng như khi đọc cụm từ “tranh đấu” không để cho Mạt na thức của mình khởi lên (vì do các nghiệp quá khứ của mình hiện hành) và cho rằng “tranh đấu” là phải có bạo động (violence). Như thế thì “tranh đấu” với lòng từ bi như là đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn thường thuyết và làm chính là bất bạo động “non-violence.” Và nói thế có nghĩa là mọi tranh đấu phải được đặt trên nền tảng của nguyện từ bi (altruistic motivation) mang lại an lành cho mọi chúng sinh.

Với những chúng sinh bình thường như chúng ta thì mọi cái nhìn đều nhuốm ảnh hưởng của Mạt Na thức và bản ngã của mình. Có một câu thơ rất hay để diễn tả cái sự bao trùm của chúng từ trong Mạt na thức hiện hành trên mọi nhận thức của mình, tôi cũng chỉ nhớ mại mại thôi và tạm viết ra đây để chúng ta cùng chiêm nghiệm nhé chú:

Bởi vì mắt thấy trời xanh

Cho nên mắt cũng long lanh màu trời

Bởi vì mắt thấy biển khơi

Cho nên mắt cũng xa vời đại dương...

(Trụ Vũ)

Còn về chuyện **Ngài Quảng Đức**, tôi nghĩ là câu chú hỏi vậy thôi chứ chắc chú cũng dư hiểu là *tự thiêu vì đạo pháp, cũng là tranh đấu, nhưng đúng hơn tranh đấu với lòng đại bi của chư Phật*. Cho nên nên tôi cũng muốn bắt chước như nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp viết trong bài Đi Chùa Hương “*Bài thơ này em nhớ, nên chắp chép vào đây...*”, chú có thấy tôi mỉm cười không...

6 Biến kế sở chấp là khi mình chấp vào cái nhìn sai lầm trên sự vật (pháp) và gán trên sự vật cái nhãn sai lầm đó, như đi trong đêm, nhìn cuộn dây mà tưởng là con rắn.

Nhưng thôi, tôi cũng chỉ muốn cùng chú nhắc lại truyện của đức Thích Ca về sự tích có một hôm, một con chim bù cắt đuôi bắt con chim sẻ định ăn thịt. Chim sẻ bay đến trốn sau lưng Ngài. Đức Phật bèn giấu chim sẻ sau lưng để cứu mạng nó. Chim bù cắt bay đến nơi và thưa với đức Phật, Ngài che chở cho chim sẻ thì e rằng con phải chết đói, vì sự sống của con trong thiên nhiên là phải săn bắt chim sẻ ăn thôi. Đức Phật liền cắt bắp về

mình ra để ban cho chim bù cắt ăn... thế có phải là bạo động không chú nhỉ...

Hẹn chú ngày gặp lại sớm, anh em mình tha hồ hàn huyên cho thỏa...

Đầu đông, tháng 11 năm 2007.

Thơ

CHÁNH NĂNG

THẤT TÌNH

*Nhận đà chấp cánh bay xa
Còn tôi ở lại chuỗi ngày quạnh hiu
Thương con nhớ vợ lắm điều
Cõi lòng chạnh thất ngậm ngùi xót đau
Nguyện cầu nơi đáng chí cao
Soi đường dẫn lối thoát bao khổ sầu.*

AN ỦI - TỰ TÌNH

*Én đà vỗ cánh tung bay
Nhẹ mình lướt gió bầu trời thênh thang
Núi non trùng điệp mây ngàn
Tha hồ phỉ chí cuộc đời độc thân
Vội đi gánh nặng nợ trần
Tâm hồn thư thối, nhẹ nhàng, thanh thoi.*



CĂN PHÒNG TRỐNG

Lữ

I

Họ để chàng vào một căn phòng. Căn phòng trống dễ sợ. Không một đồ vật nào có mặt trong căn phòng. Hình như không có cả một hạt bụi.

- Vậy thì căn phòng chỉ có bốn vách tường?

Không có cả bốn vách tường. Vâng, đó là một điều kỳ lạ khó hiểu. Chàng nhìn quanh, mà không thấy vách tường ở đâu. Chàng đi tới phía trước, đưa thẳng tay ra để hy vọng chạm một vật gì đó. Không có vật gì trước mặt. Chàng đi hoài, đi hoài. Trống rỗng. Một cảm giác dễ sợ.

- Một không gian bao la.

Không có không gian. Chỉ là sự trống rỗng. Trống nhưng mà không có không gian. Nếu có không gian thì chàng đã không có cảm tưởng mình bị nhốt. Họ nhốt chàng mà không hề giải thích tại sao. Không có một bản án.

Chàng phải ngồi đó mà nhìn nhận tội lỗi của mình. Chàng hết sức thành tâm, mong rằng mình sẽ được thả. Chàng cố nhìn vào quá khứ để tìm lỗi lầm. Chàng không có lỗi. Có ai đó làm ơn chỉ lỗi cho chàng. Hãy cho chàng thấy sai lầm của mình. Chàng sẽ thành tâm sám hối như một giáo dân thuần thành.

Quá khứ trống rỗng. Không có dấu vết gì của lỗi lầm. Thật là kinh khủng. Chàng sợ hãi sự trống rỗng đó. Chàng không tìm ra lấy một lỗi nhỏ.

- Thật là tự hào, kiêu ngạo.

Không có cả sự tự hào. Không có niềm kiêu ngạo. Nếu tự hào và kiêu ngạo thì thế nào chàng cũng làm ra lỗi lầm. Không, sự thật không tốt đẹp tới mức như vậy. Cũng có khi chàng có cảm tưởng tóm được nó. A, lòng tự hào đây rồi. Ta tóm được người rồi, ha ha... Chàng cười hả hê trong sự chiến thắng. Chàng rơi lệ với nỗi vui mừng. Nhưng không, mở bàn tay ra, chàng không thấy cái gì trong đó. Trống. Bàn tay trống.

Chàng bật khóc. Không thể nào như vậy được. Tàn nhẫn quá. Chàng không có một may mắn nào hy vọng để đối diện với lỗi lầm của mình nữa. Chàng khóc hu hu. Hãy làm ơn cho chàng một quá khứ. Chàng thèm khát quá khứ, dù đó là một quá khứ nhiều thất vọng. Vâng, cho chàng niềm thất vọng; thất vọng đến độ chàng đâm ra tuyệt vọng. Cho chàng một quá khứ đầy tuyệt vọng, chán chường, náo nức.

- Không!

Phải rồi, chàng chỉ có quyền nhận một chữ không.

- Còn hiện tại thì sao?

Ở hiện tại, chàng có thể có hy vọng. Mà chàng lại không có hy vọng trong hiện tại. Chung quanh căn phòng trống tới mức chàng không bám víu vào đâu được cả. Chàng đi tới và bước về phía trước mãi. Không có một chướng ngại vật nào cản ngăn bước chân chàng. Chàng không biết hy vọng vào đâu.

- Phía trước là vô tận?

Không có vô tận. Nếu chung

quanh là vô tận thì làm sao họ nhốt chàng được. Họ đã nhốt và không cho một thời hạn tù ngục. Họ nhốt chàng vào một căn phòng trống đến lạnh lùng, ma quái. Căn phòng hiện hữu như một giấc mơ. Vì vậy chàng cũng không biết căn phòng có hiện hữu hay không. Chàng chỉ biết, trong căn phòng ấy chàng không có hy vọng. Hy vọng trở thành một món đồ xa xỉ trong hoàn cảnh của chàng.

Hãy thử sống mà không có hiện tại và không có hy vọng; hãy thử trong vòng một ngày. Chàng không có cả cái một ngày. Có một ngày, hay nửa ngày thôi, thì chàng đã có hy vọng. Nếu họ có nói: “Anh sẽ ở trong căn phòng này ba mươi năm”, thì chàng đã có hy vọng. Chỉ cần một tia hy vọng, là chàng thoát khỏi căn phòng trống này.

Chàng không thoát khỏi, đi quanh quẩn trong căn phòng trống. Không có một kích thích nào giúp cho chàng hiểu là chàng đang đi quanh quẩn cả. Có thể là chàng đang đi thẳng, nhưng cũng có thể là đang đi trên đường cong. Rồi chàng nghĩ: “Ta hãy đào xuống đất. Biết đâu phía dưới có một cái gì, khác hơn là sự trống rỗng.”

Chàng dùng hai tay mình cào cào, bới móc. Nhưng rồi chàng phải dừng lại, không có gì bên dưới cả. Cái không kỳ lạ đang lấy mọi tương lai ra khỏi con người - bên trong và bên ngoài - chàng. Trong căn phòng trống đó không có không gian, cũng không có thời gian.

- Có sự trống rỗng là có không

gian chứ.

Không. Hãy tin chàng: không!

Rồi chàng lại khóc. Từ đôi mắt của chàng, hai hàng nước mắt lăn ra. Chàng đưa tay chùi nước mắt. Không có nước mắt. Nước mắt đã trở về sự trống rỗng; đã hòa mình vào cái khoảng trống kỳ quặc của căn phòng.

Chàng khóc nữa, gào thét: “Hãy cho tôi một giọt nước mắt. Tôi có quyền khóc và chảy nước mắt. Nước mắt tôi tuôn ra như một dòng suối. Khóc xong, tôi sẽ cảm thấy khoẻ. Tôi sẽ cười với nước mắt trên hai má.”

Chàng không có nước mắt nữa. Chàng đưa tay sờ mó khắp người mình. Chàng sợ rồi chàng cũng không có cả tấm thân. Bàn tay chàng đưa lên mặt. Chàng sờ đôi mắt, sống mũi, cái miệng. Không có gương mặt. Chàng không có một gương mặt.

- Vậy đôi mắt có thấy gì không?

Không có gì để thấy hết. Trong căn phòng đó, muốn tìm một đối tượng để nhìn thật là khó khăn vô cùng. Chàng muốn có một tấm gương để nhìn lại mình. Một tấm gương. Nếu chàng có một tấm gương. Làm gì có một tấm gương cho chàng. Chàng đưa bàn tay sờ xuống ngực, xuống bụng. Chàng phải còn một tấm thân chứ. Tiếc thay, chàng không có một tấm thân. Chàng sợ hãi hết lớn: “Trả thân lại cho tôi!”

Nhưng chàng không có sự sợ hãi. Chàng không có cảm xúc nữa. Cảm xúc trống rỗng; giống như căn phòng đang nhốt chàng. Chàng cố tìm ra một lối thoát. Chàng suy nghĩ. Không có một sự suy nghĩ nào xuất hiện trong đầu chàng. Cái đầu chàng trở nên trống rỗng.

Chàng la lớn: “Không thể nào. Hãy trả lại thân thể và tâm hồn cho ta.” Không có ai trả lời chàng cả. Chàng không còn có ai chung quanh.

- Tất cả đều chìm trong im lặng?

Phải chi chàng có một chút im lặng. Không đâu, im lặng cũng trở thành trống rỗng từ khi nào mà chàng không hề biết.

II

Họ lại để chàng vào một căn phòng trống. Chàng la lớn: “Không! Tôi không muốn vào một căn phòng trống.” Nhưng họ nói: “Anh phải vào. Anh không có một chọn lựa nào khác. Anh nên nhớ: chúng ta không có quyền chọn lựa.”

Anh lầm lũi bước vào căn phòng. Căn phòng không trống hơn hôm trước, mà cũng không đầy hơn. Chàng chợt nhớ tới con người. Lâu nay, chàng đã không quan tâm đủ tới con người. Những con người đã mang tới cho cuộc đời chàng một ý nghĩa. Ở trong phòng trống, chàng khao khát muốn gặp một con người.

Con người nào cũng được. Con người xấu hay con người tốt không còn khác nhau gì mấy. Ở trong căn phòng trống, sự khác biệt giữa tốt và xấu bỗng trở thành trống rỗng. Chỉ cần có con người là được. Người già cũng được, mà người trẻ cũng được. Dù đó là một em bé lên ba, chàng sẽ có vô số chuyện để tâm sự, giải bày cùng em. Chàng sẽ nói cho em nghe những gì thâm sâu nhất, hoặc là giản dị nhất của cuộc sống.

Cho chàng một người già trong căn phòng; một bà lão đã rụng hết răng, da nhăn nheo, hai mắt nhắm nghiền, chỉ còn vài hơi thở nhẹ. Bà lão không cần phải nói gì cả. Chàng cũng không cần phải quen biết bà lão. Cứ cho chàng một bà lão xa lạ. Bà lão sẽ ra đi thanh thản với sự có mặt của chàng bên cạnh. Chỉ vậy thôi thì chàng đã hạnh phúc lắm rồi.

Không có người già, hay người trẻ nào trong căn phòng trống cả.

Bao nhiêu năm sống với con người, mà chàng không biết quý. Chàng cứ phán xét, khen chê và chọn lựa. Bây giờ sự chọn lựa không còn nữa. Họ nói chàng không có quyền chọn lựa. Đúng vậy, chàng không còn gì nữa để mà chọn lựa. Căn phòng trống rỗng.

Chàng nhớ tới người yêu; người mà chàng đã từng yêu và từng giận. Bây giờ chàng chỉ cần có nàng bên cạnh. Chàng tự hỏi là lúc này, chàng sẽ yêu hay là giận nàng hơn? Yêu nàng, chàng sẽ yêu nàng hơn. Và chàng sẽ giận nàng hơn. Chàng sẽ có mặt đó cho nàng.

Bao nhiêu năm qua, chàng như chưa từng sống. Chàng chưa biết yêu và biết giận là gì. Trong căn phòng trống này, chàng thấy yêu và giận thật là đáng quý. Nơi đây, chàng cho phép mình yêu và được yêu. Và chắc chắn là chàng cho phép mình giận. Nhưng cái giận sẽ không đủ khả năng để giết chết tình yêu trong lòng chàng nữa. Chàng sẽ đưa hai tay ra mà nói: “Cơn giận đây rồi”, bình thản đón nhận sự có mặt của nó. Chàng sẽ giận nàng trong năm phút. Năm phút thôi đã đủ, để sau đó hai người yêu nhau trở lại.

Bây giờ, cái quá khứ yêu và giận cũng không còn nữa. Trong căn phòng này, quá khứ đã trở thành trống rỗng. Yêu và giận cũng trở thành trống rỗng. Không còn có yêu và giận để mà phân biệt, kỷ thị hoặc chán ghét nữa. Không có người chàng yêu ở trong căn phòng này.

Chàng tìm trong căn phòng một người chàng ghét. Một người mà từ lâu chàng không muốn nhìn thấy mặt. Không có người đó ở đây. Trong căn phòng trống này, một người chàng ghét sẽ có dịp mang đến cho chàng bao nhiêu là niềm vui. Chàng không ghét người đó nữa, mà sẽ nói: “Hồi xưa, tại sao mình lại không ưa nhau, anh có nhớ không?” Người kia sẽ nói: “Tôi cũng không nhớ nữa.” Rồi hai người sẽ nắm tay

nhau mà cười; thấy thú vị cho cái ngủ ngon, ầu trĩ của mình.

Không có người chàng ghét. Thật là một khoảng trống lớn. Người chàng ghét không có trong căn phòng, mà cũng không có trong tâm thức chàng. Chàng không tìm ra người chàng ghét. Đây rồi, người này chàng ghét nhất. Chàng vừa vui mừng thì ở trong tâm, hình ảnh người chàng ghét lại biến mất, trở về với sự trống rỗng. Chàng không ghét người đó được nữa. Ngược lại, chàng thấy tội nghiệp và thương hại.

Chàng nghe tiếng chó sủa. Trong căn phòng trống này, làm gì có một con chó?! Chàng đưa mắt nhìn chung quanh, vẫn nuôi hy vọng rằng có một con chó chạy quanh quần, lạc vào trong căn phòng trống. Chàng đi tìm, nhưng sớm nhận ra mình đang tìm cái gì không có mặt. Chàng thêm nghe tiếng chó sủa. Con chó có quyền sủa đình tại, nhức óc. Nó có thể sủa cả ngày lẫn đêm. Khi nào buồn, nó đến liếm tay chàng. Chàng sẽ vuốt ve nó, và nói: “Người là bạn thân của ta. Người chưa bao giờ bỏ

roi ta.” Nhưng không có con chó. Tiếng sủa đã vang lên từ sự trống rỗng và quay về với sự trống rỗng.

Chàng nghĩ tới con mèo. Con mèo yếu điệu nằm trên chiếc ghế bành êm ấm cả buổi sáng. Con mèo thường chờ cơ hội, thấy chàng để hở cửa phòng là chui vào, leo lên giường nằm. Con mèo kêu meo meo, đi quanh quần bên chân chàng, đòi ăn suốt ngày. Ở trong căn phòng này, con mèo chắc chắn sẽ mang đến cho chàng một niềm vui không có gì có thể so sánh bằng. Chàng vuốt ve con mèo. Nó nằm cuộc tròn lại như một cục bông gòn. Nhưng không có con mèo. Căn phòng trống rỗng, mà lại không có chỗ cho một con mèo.

Cho chàng một cụm hoa dại. Hoa bồ công anh vàng rực nở vào tháng ba trên những đồng cỏ xanh. Chàng không đòi đồng cỏ xanh mướt, luôn làm mất dịu đôi mắt chàng; chàng chỉ cần một cụm hoa bồ công anh. Một nụ hoa vừa chớm nở; màu vàng đã hé thành một nụ cười hàm tiếu. Nụ cười nở lớn từ từ cho đến khi một mặt trời nho nhỏ

xuất hiện trong căn phòng. Rồi nụ hoa trắng dần thành hàng chục bông dù, sẵn sàng theo gió mà gửi hạt đi thật xa. Chàng chum môi thổi: “Phù!” Không, chàng không thổi. Chàng không có gì để thổi cả. Căn phòng trống trơn.

Cho chàng một hòn sỏi nhỏ. Chàng sẽ cầm hòn sỏi trong tay và tiếp xúc với lòng đất ấm. Chàng không cần một hòn sỏi đẹp. Bất cứ hòn sỏi nào cũng sẽ mang lại cho chàng một cảm nhận cứng rắn, vững vàng, chắc chắn và bình an của đất mẹ. Chàng cầm hòn sỏi và thở. Chàng thở cho đến khi chàng và hòn sỏi có được một sự liên hệ mật thiết. Lúc đó, hòn sỏi sẽ nói: “Chúng ta cùng đến từ đất mẹ, và cùng trở về đất mẹ. Anh đã sẵn sàng chưa?” Chàng sẽ nói: “Tôi sẵn sàng rồi. Nào, ta cùng đi.” Nói xong, chàng kịp nhận ra rằng không có hòn sỏi trong lòng bàn tay. Trống rỗng.

California, 12-2007

Lại Quên

*Mênh mang như gió bên thềm
Cứ nhè hạt giống nhỏ, quên uơm hoài
Bao năm, đời cứ vèo bay
Cây ta, lá úa vàng phai mấy mùa
Mênh mang sóng biển về khuya
Trần cơn nước biếc liếm bờ ngọn lau
Lặng nghe tiếng sóng thì ào ào
Trăm năm rồi cũng ra, vào chốn đây
Mênh mang một tấm thân này
Trả vay, vay trả đã vầy theo duyên
Khi không sao có bao miền
Lại quên mình đã là nguyên bầu trời.*

TRỊNH GIA MỸ



TÂM SỰ CỦA ĐẬU HŨ

Chân Hiền Tâm

Ngày Đậu Hũ mới tới chùa. Thầy đưa Đậu Hũ lên Chân Nguyên. Núi đá cheo leo, hoa vàng nở rực bốn phía. Gió mát, Đậu Hũ ngồi võng đong đưa “Ngày xưa, có gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng” nhớ nhau!... Thầy bước ra, tướng như “Đạt Ma.” Giống nhất là hai con mắt, chỉ còn thiếu mỗi bộ râu. Đậu Hũ sực tỉnh. Lên tới chỗ ni mà còn nhớ nhau, về nhà sao nhớ nổi Phật? Quên!

Trưa dùng cơm, thầy trò tăng tục hạ thổ bình đẳng. Đậu Hũ không quen, ngần ngừ. Tăng nói:

- Mắc cỡ thì cứ ra ngoài ngồi chờ ...

Đậu Hũ đâu phải dễ bị bắt nạt, nhọn mớ:

- Nếu vì mắc cỡ mà ra. Không ra.

Thầy nghe tăng tục qua lại, chỉ cười.

May mà kịp tỉnh. Sĩ diện một chút dỗi rồi. Bắp cải, lũ khi trên núi đã xuống bụng đi. Lão bà nấu ăn gõ gõ dưa bắp, chống trời “Cái bắp cải nớ tao nấu thầy ăn. Tụi bây có đem bắp cải xuống trả hay không thì nói. Tao cho nhịn hết”... Vậy mà lũ khi mang cái bắp cải xuống trả, giờ mới có ăn.

Đậu Hũ không đi đâu nữa. Lên núi, cũng không còn mừng hoa vàng nhớ nhau. Cũ mèm, nhớ chi! Con cháu nhà thiền, có gì mơ mộng? Viễn vông chỉ cho ngày tháng khắc sâu. Không được như các thiền sư: “Chuyện hôm nay chỉ biết hôm nay. Xuân thu ngày trước ai hay làm

gì...,” thì cũng chút chút gì đó tương tự, cho xứng cái danh nhà thiền:

Chuyện hôm ni chỉ biết hôm ni

Xuân thu trước nớ nhớ chi cực mình

Hy vọng một chút hiện tiền, ngàn năm chỉ là nhất niệm. Thôi nhớ thôi thương cho đời bót cực. Thương thương nhớ nhớ vất vã vô ngần. Nhớ không? Đã dặn không nhớ, sao còn nhớ không?

Đậu Hũ khi nào cũng lo. Lo trong rồi tới lo ngoài. Tập lâu thành tánh lúc nào không hay. Lo con, lo cái đủ mọi thứ lo. Chuyện chưa thấy tới cũng lo. Lo nứt con mắt. Lo cháy bao tử. Rốt cuộc nghiệm ra một điều: Có thứ đáng ra không tới, chỉ nhờ mình lo, nó mới tới mau. Thứ gì đã tới, có lo nó vẫn cứ tới. Chuyện chi phải lo cho cực? Lo quá, nó chưa thấy tới mình đã phát bệnh. Bệnh rồi, việc tới, muốn lo lo cũng không xong. Không xong thì lại càng lo. Càng lo, càng bệnh. Trong lúc thập tử nhất sinh, mới thấy mình ngu! Những chuyện ruồi bu cũng làm.

Ngộ rồi, hết bệnh. Mới thấy cái vòng luẩn quẩn nó trối buộc mình. Cái này ló ra, cái kia liền theo. Cái kia đã theo, cái nọ liền hiện. VÔ MINH duyên HÀNH, HÀNH duyên THỨC. Chúng nắm tay nhau, duyên khởi trùng trùng, chỉ mình là thiệt. SANH, LÃO, BỆNH, TỬ cứ thế nối đuôi. May là kiếp này chưa đến chữ TỬ đã kịp nhận ra: Lo là vô bổ. Cứ ngay hiện tại mà sống. Có đức mặc sức mà ăn, lo gì? Đáng lo là phước không đủ, đức không chăm. Chi lo dè bẹp thiên hạ từ tình đến tiền. Cái

đó đáng lo! Cái quả mà tới không sao lo xuể.

Đậu Hũ, nhiều chuyện ngẫm ra rất buồn. Thứ mình không làm, người nói mình làm. Thứ mình không nghĩ, người nói mình nghĩ. Buồn này nối tiếp buồn kia. Vang vọng! Nhưng ngẫm cho cùng, đâu phải tại ai. Cây đầu tự lên khi không có mầm. Hoa đầu tự rụng khi chưa đủ duyên.

Những ngày lang thang phố chợ, mẹ chồng không phải người khó, tánh tình hiền lương, nhưng cứ quả quyết “Chuyện đó nó làm...” Đậu Hũ có bao giờ làm? Nghĩ còn không nghĩ, có đâu mà làm. Nhưng bà vẫn quyết nó làm vậy đó! Đậu Hũ suy nghĩ mẹ chồng hiền lương không hề nói bậy, nhưng sao vậy hề? Sao mà nên nổi lạ lòng? Oan khiên chi lắm! Ngẫm tới ngẫm lui riết thành công án. Một hôm nổ tung, buồn tẩn như mây.

Cái NGHIỆP QUÁ KHỨ của mình DUYÊN với cái TƯỚNG hiện tại của người, nó ra vậy đó! Cái NGHIỆP của mình, là do quá khứ mình lỡ gieo nhân không tốt. Giờ nó ra hoa, quả tự hiện hình mình phải hứng thôi. Cái TƯỚNG của người, là nhìn sự vật con người theo những định kiến của người. Như thấy mèo có 4 chân, hình thành trong đầu cái nghĩ 4 chân là mèo. Thế là cứ lấy chuẩn đó mà hướng ra ngoài định liệu. Khổ nỗi mèo có 4 chân thì đúng. Nhưng đủ 4 chân chưa chắc là mèo. Còn nhiều thứ khác như lông, như đuôi... rất là nhiều thứ hội tụ

mới ra thành mèo. Đâu phải chỉ mỗi một duyên 4 chân, đã nói là mèo. Có điều đa số mình đây rất hay như vậy. Cứ thấy vài tướng giống nhau, liền cho bản chất bên trong là vậy. Nhưng nào có phải. Có khi chỉ là cái TUỞNG của mình. Bị TUỞNG chi phối vì hay vướng tướng bên ngoài, không nhìn thấy được thực chất bên trong. Thành Tổ vẫn khuyên “Phản quan tự kỷ bốn phận sự...”

Vì là cái nghiệp của mình, thôi thì giải nghiệp cho xong. Không hướng ra ngoài phê tới phê lui, giữ gìn mồm miệng cho kỹ. Tâm mình, mình liệu. Khởi niệm liền biết. Biết rồi quay vô đừng hướng ra ngoài khởi tiếp. Nghiệp rồi cũng tiêu. Tướng rồi cũng hết. Nhà thiền hay

nói “Tùy duyên tiêu nghiệp cũ. Hồn nhiên mặc áo xiêm...” Nghiệp tới thì gần bình thân cho tiêu. Bạch Ẩn làm rất chí tình, không cần biện minh. Ngày ngày vác bình xin sữa nuôi trẻ cho nghiệp tiêu đi.

Bởi do cái tướng của người, nên rồi mọi thứ như vật soi dưới mặt trời, không cần biện minh. Tất cả đều tỏ. Thầy vẫn là thầy. Trò vẫn là trò. Có gì khác xưa? Cổ nhân làm được, đâu lý hậu sinh không làm? Bất chước thử coi!

Nói dễ, làm không phải dễ. Làm được, nhẹ gánh buồn lo. Cuộc đời tươi sáng. Đâu Hũ thấy sao?

“*Thôi thì thôi, để mặc mây trôi.
Ôm trăng đánh giấc bên đồi dạ lan...*” Bận lòng chi với những được

mất thế gian. Đâu Hũ không còn thấy buồn. Mẹ chồng có thương, nhà chồng không ghét thì tốt. Không thương mà ghét, Đâu Hũ cũng đâu mất gì. Đâu Hũ vẫn là Đâu Hũ. Trăng đó bên đồi dạ lan. Lục Tổ vẫn nói “*Thương ghét chẳng bận lòng, đuổi thẳng hai chân ngủ...*” Chỉ bởi muốn được, muốn thương mà sầu mà khổ. Thoát thương thoát ghét, tới lui nhẹ nhàng. Việc mình mình làm, cho tròn cái đạo làm người, cho thành cái nghĩa dẫu con. Một chút tư lương trối gở kiếp tầm mai kia.

“*Thôi thì thôi chỉ là phù vân.
Thôi thì thôi nhé, có ngần ấy thôi...*”
Mây chỉ là mây. Trăng vẫn trăng.

Biết đâu!

(Tóc mai sợi ngắn sợi dài
Lấy nhau chẳngặng thương hoài ngàn năm)

Mặt Trăng Cười

*Có khi cũng loang lổ những vết nhăn từ muôn thế kỷ
Những sợi tơ trời tan ra khi đất trời dội vang tiếng trống cổ
Khi con tàu nhỏ neo cho cuộc hành trình nắng gió Em-Anh*

*Có chắc không, viên kim cương ấy màu xanh?
Hay chỉ từ một góc nhìn nào đó anh nhỉ
Nụ cười đức Phật có mời gọi hơn tiếng kinh cầu siêu buồn thảm?
Bài thánh ca tung bừng sẽ đi về đâu nơi cái chết trên thập tự giá?*

*Và biết đâu tóc mai cũng chẳng còn xanh trong mắt anh
Hãy dành ngàn năm để thương những gì anh đang có.*



VÕ QUỲNH UYÊN

CHUYỆN GIẢ TƯỚNG

Tiểu Tử

(Đây là một chuyện giả tưởng. Viết dưới dạng... kiểm hiệp để thấy cái chất hoàn toàn giả tưởng của nó. Vậy, nếu có trùng hợp với ngoài đời là sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn của tác giả)

...Gã tên là Nguyễn Văn Mít (Tên giả đó. Sau này, trong khi tung hoành trên chốn giang hồ, gã còn thay tên đổi họ... lia chia để đánh lạc hướng kẻ địch. Cho nên, cả hai phía hắc bạch chẳng biết đầu mà mò!) Người ta truyền tụng rằng gã thuộc giòng dõi mấy đời khoa bảng, chớ thật ra ông nội của gã là nhà nông. Điều này giải thích tại sao gã sanh ra đã biết cầm thù địa chủ. Sự cầm thù đó thể hiện qua lập luận rất tà giáo sau đây: tất cả những thằng có ruộng đều là địa chủ, mà hễ là địa chủ là phải ác ôn, tất cả những người làm ruộng đều là bần nông, mà hễ là bần nông thì phải thay trâu để cày bừa. Cái lý luận của Mít đưa đến khẳng định: để không còn có người bóc lột người, phải lôi bọn địa chủ – lớn nhỏ hằm-bà-lẳng – xuống làm bần nông hết (Sau này, khi Mít đã gồm thâu một phần thiên hạ và lên làm minh chủ võ lâm, hắn đã áp dụng chiêu số „đầu tổ địa chủ” một cách bừa bãi, giết hại không biết bao nhiêu sanh linh thuộc cả hai phe hắc bạch, gây sóng gió trên chốn giang hồ một dạo!).

Mặc dầu có gốc nhà nông nhưng Nguyễn văn Mít lại không thích làm ruộng. Gã lý luận: tại vì mình làm ruộng mới sanh ra giới địa chủ. Và gã cũng không thích đi học, bởi vì nhà trường đề ra trí-thức, trí-thức đề ra bất công (Mấy thằng có chút chữ nghĩa lúc nào mà không ăn trên ngồi trốc?) bất công đề ra bè phái, bè phái đề ra...v.v... Cho nên sau khi biết

đọc biết viết sơ sơ, gã bỏ đi “giang hồ tâm sư học đạo” để thực hiện cái mộng của hắn: làm bá chủ võ lâm! (Bàn về trí thức, giáo chủ Bắc phái – một hệ phái hắc đạo lừng danh giang hồ – đã tuyên bố một câu... xanh dờn: “Trí thức không bằng một cục phân”. Thật đúng với tư tưởng của Mít ta. Cho nên sau này Mít đã tìm đến thọ giáo với vị giáo chủ đó hết một thời gian, học được những quái chiêu vô cùng tàn khốc. Như chiêu “trăm hoa đua nở”, khi phát chiêu người nghiêng nghiêng như cành liễu đong đưa, hai tay dang ra như đón chào, từ lòng bàn tay chưởng phong tuôn ra thật nhẹ nhàng mang theo mùi thơm ngọt ngào mời mọc như mùi rượu “trúc điệp thanh”... làm địch thủ ngất ngây, nhắm mắt bước vào vòng chưởng lực! Ghê gớm vậy đó!).

Một hôm, Nguyễn văn Mít dừng chân ở một quán nước nằm cạnh bia rừng. Trong khi xì xụp húp tô nước vối nóng hổi, gã nghe (cái... nghe nghe lên này, gã là số một!) hai tên có vẻ đạo tặc ngồi ở bàn bên to nhỏ mà tay vẫn không rời đốc kiếm:

- Đại huynh liệu đến chùa Thiếu Lâm có biết đường dẫn tới Tàng Kinh Các không?

- Ta đã có mang theo sơ đồ, người yên tâm. Ta chỉ cần người nhanh tay hạ thủ mấy tên sư đứng gác quanh đó. Còn bên trong ta sẽ lo liệu.

- Nghe nói ở đó chứa rất nhiều võ công bí kíp lưu truyền tồn trữ từ

mấy mươi đời. Người giang hồ nói chỉ cần học được một pho thôi cũng đủ làm cho bốn phương cao thủ võ lâm nể mặt.

- Người nói đúng. Nhưng mà...

Tên này bỗng liếc sang Mít, làm tô nước vối trong tay của gã sứt rơi xuống bàn. Mít vội vã húp lia húp lịa không kịp thổi (Mới ra giang hồ, còn kém bản lãnh là cái chắc!) Tên “đại huynh” đứng lên:

- Ta đi thôi! Đường còn xa.

Rồi cả hai khoác bọc hành lý, bước ra khỏi quán.

Đợi cho chúng đi một hồi, Mít trả tiền rồi cấp mã-tầu lều đèo theo sau. Vừa đi vừa suy nghĩ: “Mình muốn tâm sư học đạo mà thiên địa mệnh mông biết sư ở mô? Thời may gặp hai tên này gợi ý cho mình lên chùa Thiếu Lâm thọ giáo. Kệ nó! Mình cứ tạm cạo đầu làm sư làm tiểu một thời gian rồi sau đó xuống núi mặc tình mà tung hoành”. Rồi gã lại suy nghĩ: “Mà mình phải thủ tiêu hai tên đạo tặc này mới được. Kéo chúng nó lên... làm rùm trên đó thì sức mấy mà mấy thằng trọc không nghi mình nằm vùng?” (Xưa nay, Mít thù địa chủ, ghét trí thức, và không ưa thầy tu. Cho nên mới gọi ông sư là “thằng trọc”. Mít lý luận: “Bọn này là bọn đứng ở kẻ giữa, nghĩa là không theo phe nào hết. Vậy là không theo phe ta. Phải xem chúng như thành phần nguy hiểm”) Nghĩ đến đó – đến hành động thủ tiêu hai tên đi phía trước – Mít hăm hở cầm chắc mã tấu, nín thở nhón

chân chạy theo. Gã định từ phía sau “phụp” cho mỗi đứa một phát (Cái trò... đánh lén hạ cấp này cũng là “nghề” của gã, bởi vì gã chủ trương “mọi phương tiện” đều tốt, quân tử tiểu nhân là cái... khi gì?). Chưa kịp ra tay, gã đã nghĩ lại: “Chúng nó hai thằng. Mình mới phụp thẳng đầu thì thằng kia đã phụp lại mình rồi. Không ôn! Không ôn!” Vậy là gã dừng lại, núp sau gốc cây, tìm một phương kế khác. Vốn tánh khôn ranh xảo quyệt, nên chỉ cần vài phút sau là gã đã nghĩ ra một quỷ kế để đưa gã vào làm đệ tử Thiếu Lâm mà không tốn công sức và... nước bọt để xin xỏ, lại còn được lòng tin cần của các “sư tiền bối” nữa là khác! Quỷ kế đó như sau: xin cùng đi với hai tên kia cho có bạn trên đường dài; trong khi chuyện trò, mình thổ lộ tâm tình rằng thì là mình chán mùi tục lụy nên muốn lên chùa Thiếu Lâm để qui y đầu Phật (Thế nào chúng nó cũng nói rằng chúng nó cũng muốn lên xem thẳng cảnh ở trên đó!); lần hồi mình làm thân với chúng nó để đánh tan mọi nghi kỵ ngờ vực; đến chùa, mình lạy xin qui y, nhưng... “bỏ nhỏ” với mấy sư rằng bọn nó có gian ý, bằng có là trong người thằng “đại huynh” có tấm sơ đồ để xâm nhập Tàng Kinh Các... Thế là xong chuyện!

Vậy mà xong chuyện thật! Nguyễn văn Mít đã được một vị sư chùa Thiếu Lâm nhận làm đệ tử (Đời thứ mấy gã cóc cần biết). Hằng ngày, ngoài việc tập luyện võ nghệ, gã phải nấu nước pha trà và quét dọn chánh điện. Mới đầu gã thấy thích thú. Nhưng sau một tuần trắng gã bắt đầu cầu nhàu: “Bắt trời lên tuốt xuống lau chùi mấy tượng Phật muốn... học xì dầu mà chỉ mới dạy đứng trung bình tấn và thở khí công. Cứ đà này thì còn lâu mình mới thành cao thủ”.

Một hôm, gã bỗng nhớ lại câu chuyện của hai tên đạo tặc định đột nhập Tàng Kinh Các. Rồi gã suy

nghĩ: “Tại sao mình không lén vào đó... ‘chơm’ đại một pho rồi tuốt xuống núi chạy về xứ? Học thẳng trong sách có phải nhanh hơn không?” Lại suy nghĩ: “Tàng Kinh Các thì mình biết ở đâu rồi. Nhưng muốn vào đó không phải dễ? Phải qua hai thằng trực ngồi ngay cửa vào và tránh mấy thằng khác đi tuần rôn chung quanh. Mặc dù mình được các sư tin cần, nhưng không có lý do mà đi lén quần gài đó chúng nó cũng sanh nghi. Phải để ra một cái cớ, hay đợi một cơ hội...” Mấy hôm sau, cơ hội đã đến với Mít: chú tiểu quét dọn Tàng Kinh Các ngã bệnh, Mít ta – người đã được phương trượng gọi là “cứu tinh của Thiếu Lâm Tự” sau vụ tố cáo hai tên gian tặc – được cất đi thay thế. Được lệnh, lòng Mít như... mở cờ, nhưng ngoài mặt thì cứ tỉnh bơ như chẳng có chuyện gì quan trọng (Đây cũng là điểm cốt cán của con người Mít: nhìn bên ngoài ít ai đoán đúng trạng thái ở bên trong. Cho nên sau này, trong những kỳ đại hội quần hùng, biết bao nhiêu cao thủ võ lâm đã lầm Mít. Họ đã ôm hun Mít – hồi này đã đổi tên là Xoài – “thăm thiết tình huynh đệ chi giao” để rồi ít lâu sau từ vong trong chưởng phong của gã!) Vậy là sáng bữa đó, Mít – mặt hiền như bột – cắp chổi cầm khăn vào Tàng Kinh Các.

Sau khi kính cẩn châm trà cho vị sư già đang ngồi đọc sách trên bồ đoàn đặt ngay giữa đại sảnh, Mít lui cui quét dọn lau chùi, miệng như lâm râm niệm Phật mà mắt thì...láo liên. Gian phòng này không rộng bao nhiêu, nhưng sách nằm trên kệ thì đầy tường. Ngoài ra, còn nhiều ngà vào bên trong nhưng bị đóng lại bằng những cánh cửa to có khoá. Mít nghĩ: “Mẹ nó! Biết quyển nào mà lấy!” Nhưng khi nhớ lại những gì đã nghe lén ở quán nước, gã tự nhủ: “Quyển nào mà chẳng dạy võ công. Cứ xem pho nào vừa... tầm tay mà cũng đừng to quá để lặn lưng không thấy cộm... là đóp.” Thế là sau khi

để ý đến một quyển kinh đúng... tiêu chuẩn gã cứ lau đi lau lại vòng vòng đề... rình “thằng trực” ngồi kia. Lâu sau, vị sư già – chừng như mỗi một – chấp tay nhắm mắt. Đợi một lúc, gã khúm núm thưa nhỏ: “Bạch sư cụ...” Gã ... bạch mấy lần mà sư ông vẫn làm thỉnh. Gã mừng rỡ... phóng lại chỗ để cái khăn lau làm dấu khi nãy, rút lấy quyển kinh nhét lẹ vào lưng. Nhìn lại sư cụ thấy vẫn chấp tay nhắm mắt thờ đều. Gã từ tốn cắp chổi cầm khăn nhẹ nhàng đi ra mà nghe trong lòng đang... thổi kèn đánh trống! Đêm đó, gã “tuốt” xuống núi, không quên mò lại kẹt đá lấy thanh mã tấu mà gã đã cất giấu trước lúc gã lên chùa xuống tóc qui y (Hành động của gã ở chùa Thiếu Lâm – gọi nôm na là lừa thầy phản bạn – người trên chốn giang hồ chẳng ai hay biết. Các nhà sư được lệnh nín khe. Có lẽ sợ mất mặt. Mãi về sau này, một vị sư... phản tỉnh đã “xì” ra, nhưng lúc đó Mít – đổi tên là Hà văn Ồi – đã là giáo chủ của một môn phái, nên... hồ sơ được xếp vào văn khố!)

Xuống núi, sau khi chạy đến tờ mờ sáng thấy đã khá xa, Mít lúi đại vào một bìa rừng núp xem động tĩnh. Thấy êm rơ nên gã bèn trèo lên một cành cây to rút quyển sách ra coi. Quyển sách đó đã bị một ăn mất trang bìa và mấy trang đầu. Bên trong cũng bị lũng rất nhiều lỗ nhưng vẫn còn nhiều chữ và hình vẽ. Gã sung sướng quên cả mệt nhọc, nhét quyển sách vào ngực, tựa lưng vào thân cây suy nghĩ miên man:

"Vậy là chẳng mấy chốc mình sẽ thành cao thủ. Phải là cao thủ mới lập ra môn phái, mới chế ngự được quần hùng, mới gồm châu được thiên hạ, mới thanh toán hết địa chủ, mới đề đầu được lũ trí thức, mới nắm cổ mấy thằng trực, mới... mới..." Rồi gã ngủ thiếp đi... ngon lành!

Vậy là trên đường về xứ – bây giờ gã đã đổi tên là Lý văn Xoài – mỗi ngày Mít (Xin lỗi. Tôi vẫn phải

dùng tên Mít để độc giả dễ dàng theo dõi câu chuyện, kéo không, sẽ không còn biết ai là ai nữa!) trồn vào một nơi vắng vẻ mở sách ra học. Mới đầu còn hơi khó hiểu, khó làm. Thêm phần sách bị một đục nên phải khổ công mò mẫm. Nhưng nhờ mấy chương đầu còn nhiều hình vẽ với những mũi tên chỉ dẫn nên lần lần gã cũng hấp thụ được. Nội công của gã càng ngày càng thâm hậu, và gã đã có thể đào khoét sâu dưới đất một cái hang có ngõ vào được bít lại, rồi gã nằm dưới đó mấy hôm mà không... chết! (Sau này, trong công tác nghiên cứu các tuyệt kỹ võ lâm, ngài Ku-Ba-Móp của xứ Nga-la-tư có đặt giả thuyết rằng gã đã ngậm mấy viên nhựa... á phiện để chịu đựng. Giả thuyết chưa được kiểm chứng nhưng vẫn... lưu hồ sơ!)

Khi về đến xứ thì gã đã có thể phóng mã tẩu mà không nghe... tiếng gió (thể mới chém lén kẻ địch được!) và trong bóng tối gã vẫn xuất chiêu trúng đích dễ dàng (thể mới là... hắc đạo!). Có điều là những chiêu thức của gã phần nhiều thật quái dị. Lý do là khi đọc tới những hàng chữ bị một ăn mất gã cứ... ráp đại những hàng chữ còn lại với nhau cho nó... xong chuyện! Ví dụ như khi gã học chiêu “Đao thức trực chiêu”, trong sách có mấy dòng chữ bị một đục, gã đành đọc “nhảy” nên khi phát chiêu, đường mã tẩu lại đi... cong cong chứ không đi thẳng! Ngay như chiêu “Chê trúc”, rất tầm thường mà trên giang hồ ai ai cũng biết, đường mã tẩu của gã đang đi xuống bỗng dừng lại – chỗ này sách bị một đục – rồi rút về như trâu thức – lại một đục mất mấy hàng – chột lại... chém tiếp, chém tiếp! Cho nên cao thủ võ lâm chỉ thấy ở gã toàn là quái chiêu thôi (Vài chục năm sau, chính những chiêu thức “không giống ai” đó đã làm cho mấy “đại cao thủ” của xứ Đại Hùng Kê và xứ Đại Bàng bị thân bại danh liệt).

Về xứ, gã rút vào một cái hang

đá ở vùng cao nguyên để tiếp tục luyện tập võ công. Lâu lâu, gã... xuất hang để “tiêu ngạo giang hồ”, thâm nạp đồ đệ và để kết giao với các giáo phái khác hầu có thêm vây cánh. Hồi này, quê hương của gã vẫn bị thống trị bởi xứ Đại Hùng Kê, cho nên gã dùng chiêu bài “cứu quốc” để quy tụ quần hùng, bởi vì gã biết rằng ai ai cũng muốn “viết lại trang lịch sử” giống như phong trào “Phản Thanh phục Minh” ở bên Tàu thuở trước. Trong thâm tâm của gã muốn mượn tay quần hùng để diệt bọn Đại Hùng Kê, rồi sau đó gã sẽ chế ngự quần hùng để gã lên làm võ lâm bá chủ là cái mộng của gã xưa nay! Về phía quần hùng thì họ xem Nguyễn văn Mít tức là Xoài (Nhưng bây giờ đã đổi tên là Hà văn Ổi) như một nhân vật có khả năng liên kết tất cả các phe hắc bạch, bởi vì sau mấy lần luận kiếm, họ nhận thấy đường... mã tẩu của gã không thuộc một môn phái nào cả (Cái thể “vô sư môn” của gã hóa giải mọi tranh chấp phe phái vốn dĩ là nguồn chia rẽ xưa nay của giới võ lâm). Vậy là toàn thể quần hùng nhất tề “đứng lên cứu nước” dưới sự lãnh đạo của Mít (tức là Hà văn Ổi). Quyền bí kíp bị một đục vậy mà đã giúp gã “làm nên sự nghiệp”.

Trở lại chuyện luyện tập võ công của Mít – ở trong hang, dĩ nhiên – gã tuyên bố với đệ tử và quần hùng rằng ở hang để dùng bị ràng buộc bởi vật chất xa hoa và gã ở một mình để dễ tập trung tư tưởng ngày đêm tìm đường cứu nước. Vậy là mọi người rút lui êm lặng mà lòng thần phục con người đã quá hy sinh vì đại nghĩa đó! Chẳng ai biết rằng gã đang cố gắng học cho chóng hết quyền bí kíp võ công đó để còn tiêu hủy nó đi hầu xoá tan dấu vết. Gã còn nghĩ: “Ngày nào mà quyền bí kíp còn, là ngày đó sanh mạng của mình vẫn không yên. Sẽ có những thằng khốn nạn tìm cách giết mình để cướp bí kíp. Hoặc sẽ có những thằng mất dạy

lén ăn cắp trong lúc mình sơ hở. Loại đệ tử phản thầy thời nào mà không có? Nguy hiểm! Nguy hiểm! Sách mà lọt vào tay chúng thì thế giới này sẽ... loạn tới đâu?”. (Phải lý luận như thế mới là... đỉnh cao trí tuệ! Điều gì “ta” làm, cái gì của “ta”, hay... lấy về cho “ta” đều đúng đều tốt, đều có chánh nghĩa. Còn những gì “của lũ chúng nó” đều sai, đều xấu, đều nguy hoàn toàn!)

Thấm thoát mà Mít đã học gần hết quyền sách. Bây giờ nội lực gã rất thâm hậu, võ công gã đã vào mức thượng thừa. Mỗi chiêu phát ra là cả mười hai thành công lực đẩy tới! Từ xa, gã có thể phá sập một nhịp cầu đúc hay đánh lật một đoàn xe lửa nặng cả ngàn tấn mà chỉ xữ dụng công lực của... một ngón tay ấn xuống cái nút đỏ! (Ngày xưa, Đoàn Nam Đế bên Tàu có môn “nhứt dương chi” lừng danh giang hồ, nhưng so với môn “độc chỉ công” này của gã thì chẳng thấm vào đâu cả). Còn “thần sầu quỷ khóc” hơn nữa là gã chỉ cần dang hai tay... hốt một cái là “cát bay đá chạy, nhà sập cây ngã”. Môn này gọi là “Bình địa thức”, là môn mà gã thường dùng nhứt để đánh dấu nơi nào gã đã đi qua...

Hôm nay, gã dứt điểm quyền bí kíp. Chiêu thức cuối cùng này, bởi vì gã đã vượt mức thượng thừa, chỉ cần đọc đến đâu là tự nhiên tâm ý phát huy đến đó. Hai tay gã đưa tới đưa lui càng lúc càng nhanh. Chương phong nghe o o... Vách đá bốn bên và trên trần bề vụn ra nhỏ, rơi rào rào... Gã chấp tay trâu thức, trầm khí đan điền, rồi vừa cười to vừa hét lớn: “Ha! Ha! Ta đã thành công! Ta đã thành công!” Tiếng của gã dội trong vách đá, nghe vang vang tiếp nối một cách thật là ma quái...

Gã cầm quyền sách lên, vừa lật nhanh mấy trang mới học xong vừa suy nghĩ: “Từ quyền sách nhỏ này ta sẽ tạo nên một môn phái vĩ đại!” Bỗng gã thấy ở trang cuối có mấy

dòng chữ nhỏ. Gã đưa lên đọc: “Đến đây là hết quyển Thượng dạy về môn Đả Phá. Xin đọc tiếp quyển Hạ dạy về môn Xây Dựng để phát huy toàn bộ pho võ thuật Thái Bình Thư này”. Gã ngạc nhiên thốt: “Thì ra còn một quyển nữa mà ta không biết. Tiên sư nó!” Suy nghĩ một lúc, gã bỗng cười khẩy: “Xây dựng là cái khi gì mà mấy thằng trọc vẽ vờ! Với công lực thiên hạ vô địch của ta, chuyện di sơn đảo hải ta còn làm được thì

chuyện gì mà ta không làm được?” Rồi gã cười to ngạo nghễ, đập hai bàn tay vào nhau: quyển sách tan thành mảnh vụn...

Thời gian sau, Mít tái xuất giang hồ với cái tên mới là Hà Văn Ổi, lập môn phái Hồng Kỳ giáo thu nhận đệ tử, chiêu dụ quần hùng, đánh đuổi bọn bạch chủng Tây Vực, gồm thâu thiên hạ rồi lên làm võ lâm chí tôn với khẩu hiệu “Muôn năm trường trị”...

Rồi ba mươi năm sau...

Thanh mã tấu “trần giáo” của Nguyễn Văn Mít (tức Xoài, tức Ổi...) đã truyền qua mấy đời chưởng môn. Vị nào cũng là “đại cao thủ”, nhưng không có vị nào để ra được môn võ công mà giới giang hồ gọi nôm na là “Xây Dựng”. Cho nên, Hồng Kỳ giáo chỉ biết có “Đả Phá” dài dài...

LƯU TRỌNG TƯỜNG

Màu tâm liệt

*Màu trắng giải khăn xô
Hay màu đen tang tóc
Màu trắng cánh thiên thần.
Hay màu than địa ngục?
Màu tâm liệt là màu nâu của đất
Hay màu xanh âu yếm của chân trời.
Là màu đỏ hỏa thiêu ngọt ngào
Hay màu tro lạnh ngắt đáy biển khơi?
Ôi, màu tâm liệt ta đang khoác lên người
Áo thụng dài xanh khăn đóng tím
Với nụ cười già từ trần thế giữa cơn say.
Màu tâm liệt, nắp quan tài đóng kín
Giữ tình xưa hoan lạc khỏi xa bay.
Màu tâm liệt phải chăng là mất mát
Hay khởi đầu cho cuộc sống ngày mai?
Màu tâm liệt bi ai hay hạnh ngộ.
Mà giọng cười tiếng khóc chẳng ai hay.
Có biết chăng chỉ người trong huyết mộ.
Trắng đen vàng một giải chẳng tận cùng
Xanh trắng đỏ ái ân còn rực rỡ.
Đâu non xa màu áo liệt đang chờ.*



*Ta ước thử lên người con mộng寐
Sao nghe êm như có một bàn tay
Rất quen thuộc, xa xăm và mềm mại
Làm mây che vuốt mắt cuộc tình đầy.
Màu tâm liệt khoác lên mình tê tái
Ngoài hành lang sương mờ lối dẫn đường
Nghe hiu hắt lòng trần còn bận bịu
Tiếng khóc ai lạc lõng giữa hồi chuông.
Trong tâm liệt vẫn còn hơi dan dẫu
Vải mới sạt sào như cời áo tân hôn.
Màu tâm liệt ăn năn cùng tội lỗi
Mặc một lần qua ngọn ải tục tiên.*

TÁI ĐÁO THIÊN THAI

Võ Doãn Nhân

Ngày chưa tắt hẳn mà trăng đã lên. Ngày âm lịch chưa nhằm ngày rằm mà trăng đã muốn tròn. Từ trên mòm đồi nhìn xuống bao quát, mặt trăng từ từ nhô lên khỏi mặt biển nhấp nhô chân mây một vùng trời nước. Ở vùng đất Việt Nam, trăng mặc dù chưa tròn vẫn chưa thật sự tròn, trăng mười bốn vẫn chưa hoàn toàn tròn trịa. Ấy thế mà mấy chục năm trở lại đây còn thời kỳ theo chế độ bao cấp, những sản phẩm tự nhiên hay nhân tạo dưới bất kể đất nước quốc gia nào cũng đều ưu việt cả, chẳng nói đâu xa “trăng Trung quốc đẹp hơn trăng nước Mỹ, đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ.” “Mĩ mà xấu” đáng lẽ phải nói “Mĩ là tốt, là đẹp.”

Thân hình vóc dáng của phụ nữ Âu Mỹ so sánh với phụ nữ đàn bà Đông phương khác biệt ít nhiều nếu không nói là khác biệt khá rõ nét. Không nói đâu xa, người con gái tuổi từ mười ba, mười bốn bắt đầu phát dục, thân hình nảy nở không che đậy, không giấu diếm, bắt đầu kinh nguyệt. Về mặt tâm lý, những thiếu nữ mới lớn bắt đầu tưởng nghĩ đến chuyện yêu đương trong lúc những người con gái Ấn Độ bắt đầu thấy “dơ” ngay khi mới mười một, mười hai tuổi. Phụ nữ Việt Nam thường có hiện tượng tương phản: có người “thấy” trẻ: có nữ sinh mãi đến tuổi mười tám mới “thấy” và “sạch” ngoài tuổi chỉ mới bốn mươi ngoài. Tệ nạn tảo hôn trước đây trong xã hội Việt Nam không phải không có: gái lên mười hai, mười ba có thể lấy chồng như thể một người làm mướn

làm thuê không công trả nợ cho chủ nợ là chàng trai lúc đó là một thằng oắt con chỉ biết ngủ đái dầm. Câu chuyện ngắn thương tâm “Một Đám cưới” của nhà văn chết sớm Nam Cao nói lên thực trạng của xã hội thôn quê Việt Nam thời bấy giờ. Dần, không biết tuổi thật bao nhiêu, chỉ phỏng chừng mười ba, mười bốn tuổi, mẹ mất sớm, chỉ còn cha, bị cha buộc phải lấy chồng vì phải thanh toán tiền công nợ. Lễ rước dâu, người cha phải cồng theo một đứa em nhỏ, áo quần xộc xệch và lễ đương nhiên hai họ đều đi bộ. Vì thế mới có câu ca dao để mỉa mai chê cười gái mười ba đã vội vội vàng vàng xuất giá:

*"Quả cau nho nhỏ, cái vò vân vân,
Nay anh học gần, mai anh học xa.
Anh lấy em từ thuở mười ba,
Đến năm mười tám thiệp đà năm con.
Ra đường thiệp hầy còn son,
Về nhà thiệp đã năm con cùng chàng."*

Hoặc là:

*"Ham giàu, em lấy thằng bé tí tí ti,
Làng trên xóm dưới thiếu gì trai tơ.
Em đem thân cho thằng bé nó dày vò
Mùa đông tháng giá nó nằm co trong người.
Nói ra sợ chị em cười,
Má hồng bỏ lỡ một đời xuân xanh.
Em cũng liều mình vì thằng bé trẻ ranh..."*

"Thằng bé trẻ ranh!" Nghĩ mà đáng thương! Suốt ngày thằng bé chỉ biết rong chơi, hái hoa, bắt bướm, thả diều, rồi ăn, rồi ngủ, vô tư lự,

chẳng biết bốn phận làm chồng là gì, riết rồi... riết rồi... "em cũng liều mình vì thằng bé trẻ ranh", không thể "má hồng bỏ lỡ một đời xuân xanh" được. Chị em đã hiểu em muốn nói gì rồi chứ?

Đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống chung quanh, vùng chân trời là một vùng sáng, biển xa xa chỉ trông thấy nhạt nhòa im lặng nhưng dường như tôi nghe tiếng sóng vỗ lô xô nhấp nhô rì rào, âm thanh vô hình vô tượng. Tôi đảo mắt nhìn quanh: thấy dãy núi Đồng Bò Hạ, Đồng Bò Trung và Đồng Bò Thượng; phía Tây là núi Đồng Dài âm u huyền bí, núi Đồng Trăng, núi Hòn Dũ. Thấy mình tắm giữa ánh trăng, tôi thấy mình như vừa tan vào chốn hư không, vừa cảm thấy mình là Đại Ngã, vừa là Tiểu Ngã, sau cùng cảm thấy mình là Vô Ngã. "Gió trăng ngàn", tác phẩm của Thế Lữ khiến tôi liên tưởng đến Bùi Giáng chỉ cần bốn câu thơ tuyệt bút:

*"Em về mấy thế kỷ sau,
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?
Ta đi để lại đôi dòng,
Có nghe lá dội ở trong sương mù?"*

"Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?" Màu của trăng là màu gì nhi? Trăng trong? Trăng vàng? Trăng úa? “Trăng hạ tuần ủ dột và vàng vọt như một nét mây đã úa đang rớt xuống phương Đoài, chiếu vàng cả mảnh trời sau núi”, nhà văn trẻ Trần Cư đã viết trong bài Trên Lá Thán; đã ngoài bảy mươi năm, nhìn lại vàng trăng, phải chăng tôi

vẫn có hình dáng màu sắc mặt trăng có gì đổi khác "bởi cảnh vật ngày nay thay đổi vì chính lòng tôi có sự thay đổi lớn" (Thanh Tịnh. *Quê Mẹ*). Theo thiên nghi: nhạc bản Nguyệt Cầm của nhạc sĩ Cung Tiến được tôi tâm đắc nhất, bởi màu trắng của nhạc bản Nguyệt Cầm không phải ánh trắng trong, không phải màu trắng vàng mà là màu... trắng úa. Đêm mùa trăng úa làm vỡ hồn ta. "Đêm mùa trăng úa..." tôi không thể không tưởng tượng, hình dung đêm ấy là một đêm trăng mờ, một chút ỉ dột, một đêm trăng thu, sương lam che khuất giới hạn không gian không biết đâu là bờ là bến. Ôi đàn trăng cũ làm vỡ hồn anh!

Tôi vốn không yêu thích gì mấy những nhân vật ngày trước ngày xưa được những người hôm nay được không ngớt không ngừng tán dương nức nở, rằng thì là những người ấy là những anh hùng lừng lẫy, những bậc thiên tài chính trị, nghệ thuật, như thiên tài chính trị, nghệ thuật, như thiên tài Nguyễn Du, thiên tài thi ca Goethe, Gérard de Nerval, Baudelaire, thiên tài hội họa như Van Gogh, Vương Duy, Rousseau, thiên tài triết học như Nietzsche, Martin Heidegger, Bùi Giáng và gần đây nhất Karl Marx. Những nhân vật này quả thực có một nhân cách tính tình khác thường, mắc bệnh tâm thần như thi sĩ Baudelaire, nhà danh họa Gogh qua bức tranh nổi tiếng *l'homme à l'oreille coupée, les sabots*, thi sĩ thiên Cống Gérard de Nerval cũng mắc bệnh tâm thần với câu viết cực kỳ lãng mạn là *'j'entends vibrer ta voix dans tous les bruits du monde'*. Tôi nghe rung động âm thanh trong tiếng động của cuộc đời.

Lúc còn tuổi thanh xuân khi tôi đang dạy học, thỉnh thoảng tôi có nghe qua nói về Bùi Giáng. Bùi Giáng lúc đó cũng dạy học tại một tỉnh miền Trung, tỉnh nào tôi không nhớ. Vì còn trẻ và vì mới tốt nghiệp ra trường, tôi khá chủ quan và khá tự

tin về kiến thức của mình mặc dù các đồng nghiệp của chúng tôi đều cùng có một thể giới quan và một nhân sinh quan tương tự. Tôi cũng được nghe nói ông Bùi Giáng đã viết một vài tác phẩm triết học như Martin Heidegger, "Từ existential đến existential", "Thế nào là Dasein?" Tò mò, tôi cố đọc xem ông Bùi Giáng nói về những gì: ông cực lực đả phá nền triết học cổ điển hàn lâm sách vở, lỗi thời và yêu thích những cơ sở nền tảng triết học của Nietzsche, của Karl Jaspers, của Martin Heidegger. Tôi đọc, nghe, và chỉ mỉm cười hoài nghi về lập trường ông Bùi. Một đồng nghiệp của tôi trước đây cùng làm việc tại một tỉnh ở thành phố, lúc đang chấm bài thi ở một trung tâm khảo thí, đồng nghiệp ấy có đề cập đến ông Bùi. Nghe xong, chúng tôi chỉ mỉm cười, kèm theo một chút hoài nghi châm biếm. Ngoài những tác phẩm triết học, ông Bùi còn sáng tác những tác phẩm thi ca, chủ yếu là thơ lục bát, *Trăng Tỳ Hải* và độc đáo là *Mùi Hương Xuân Sắc*. Tôi chưa hề đọc *Trăng Tỳ Hải* nên mù tịt nội dung của Bùi tiên sinh, riêng về *Mùi Hương Xuân Sắc* tôi có đọc tác phẩm ấy. *Mùi Hương Xuân Sắc* là dịch bản tiếng Việt, nguyên tác là Sylvestre của Gérard de Nerval, trong bản dịch tiếng Việt, Bùi tiên sinh thường xen vào những câu thơ được diễn ý từ truyện Kiều, nghe khá cầu kỳ lập dị. Từ đó về sau, tôi đem lòng kính nể biệt tài văn thơ của Bùi tiên sinh, không còn xem nhẹ tài năng của nhà thơ nữa. Bùi Giáng đã trở thành một ông đồ sĩ, một cuồng sĩ khinh thế ngạo vật coi trời bằng vung. Sau tháng tư 75, Bùi Giáng trở thành một người nửa say nửa tỉnh, lúc nào Bùi Giáng cũng linh kinh mang theo một đàn mèo quần quýt theo sau con người bất đắc chí. Hằng ngày Bùi Giáng độ nhật qua ngày nhờ... đậu phộng luộc! Vài năm sau chẳng lâu lắt gù, Bùi Giáng đã rũ sạch nợ trần, thỏa chí bình sinh.

Đêm nay là đêm mười bảy âm lịch, mùa hè, trăng lên hơi muộn, gà vô chuồng đã từ lâu, mặt trăng vừa nhô lên khỏi ngọn đồi xa tận chân trời toả một vùng sáng. Chị Hằng khuyết dần vòng nguyệt, nom tựa một cái nong lớn bung vành. Những bóng cây chìm đi trong đêm hiện rõ những bóng đen lù lù trong khu vườn. Đêm trời thăm thẳm cao, mở rộng một vùng không gian bát ngát trong khung trời cao rộng.

Lưu tấp chiếc thuyền nan vào bờ một dòng sông nhỏ, bước xuống thuyền buộc vào một gốc cây, một tay cầm một mái chèo gỗ mỏng và nhỏ, một tay xách chiếc giỏ cá từ lâu ngâm dưới nước với chiếc cần câu cầm cúi bước lên bờ, ngược mặt nhìn phía trời Đông, ngó trăng. Gian nhà lá mái tranh hiện lù lù phía trước mặt, một vuông sân bằng đất nện sáng lên dưới ánh trăng. Lưu mở liếp cửa bước vào trong nhà, đặt mái chèo bên cạnh thành giếng. Gian nhà trống trải, trơ trọi, không bàn không ghế, chỉ vồn vện một chiếc giường tre ọp ẹp. Đến hồ nước, Lưu mở nắp giỏ trút toàn bộ mớ cá xuống hồ, cá rơi lồm bồm, mớ cá vùng vẫy mừng rỡ quẫy đuôi tựa bầy chúng sinh thoát chết, phụt chốc lặn chìm xuống đáy hồ rồi hoàn toàn thỉnh lặng. Một con đom đóm từ bóng đêm bay vụt lên từng không chớp ánh lập lờ tựa chiếc máy bay yên lặng chớp nháy trong bóng đêm, phụt chốc mất hút giữa đêm trăng.

Lưu đẩy khung cửa liếp bước vào nhà. Gian nhà lù mù tranh tối tranh sáng trong ánh trăng. Lưu sức nhớ đĩa đèn dầu lạc cạn dầu đã tắt từ đêm trước; gốc củi sán Lưu để dành vui trong bếp giờ này có lẽ vẫn còn âm ỉ đượm. Lưu biết mình chưa ăn cơm tối và thấy bụng đói cồn cào. Lưu giờ lấy chạn chén bát, xúc một bát cơm nguội đầy, gắp một khúc cá đồng kho khô, mở cửa liếp bước ra ngoài, bắc một chiếc ghế mộc ngồi dưới ánh trăng thông thả ngon lành

ngôi ăn. Một ngôi sao bất động "tọa lạc" giữa vùng trời cao, lấp lánh trong khinh không. Lưu lần thân tự đặt cho mình câu hỏi: đây là một định tinh như vàng thái dương nguồn mọi sự sống, hay chỉ là một hành tinh, một... vệ tinh, cũng di chuyển vòng quanh hệ thái dương cũng mọc, cũng lặn, và biết đâu một ngày nào, một thiên niên kỷ, một triệu năm sau rồi cũng tắt.

Lưu vừa nhai miếng cơm ăn dở, vừa ngược mắt về hướng phương Đoài, một ngôi sao cũng lấp lánh tại vùng trời thăm thẳm di chuyển rất chậm, rất từ từ. Lưu tự nhủ và tự khẳng định ngôi sao ấy là một hành tinh, một Kim tinh, hay ngôi sao Thái Bạch, Lưu chỉ ước đoán. Cho tới lúc bát cơm trên tay đã cạn, ngôi sao đã di chuyển về tận non Tây.

*Cũng có những hành tinh sắp tắt
Một nghìn năm hay một triệu nghìn năm,*

Treo lửng lơ vắng vắng nguyệt đêm rằm,

Tuổi son trẻ già nua là qui luật.

Một bóng đen lù lù lằm lũi từ bên sông tiến vào vuông sân đất nện, Lưu định thân chăm chú nhìn. Bóng đen tiến gần sát bờ thành giếng khơi, cất tiếng:

- Giờ này mới ăn cơm tối. Sao huynh ăn trễ vậy?

Lưu nhận ra bóng đen ấy là bóng đen của Nguyễn, đồng hội đồng thuyền của Lưu. Nguyễn kém hơn Lưu ba tuổi, tự nhận làm em, Lưu làm anh. Nguyễn sống một mình, không vợ không con, không bạn bè thân thuộc, chỉ phụng dưỡng một người cha luống tuổi đã ngoài tám mươi phòng khi tối lửa tắt đèn.

- Về muộn nên cơm tối muộn. Ban ngày trời nóng nước nóng, cá chỉ thích tìm những nơi có bóng mát, lười biếng ăn câu. Mãi đến chiều, hơi nóng mặt nước dịu dần, cá mới chịu lên đường tìm mồi. Huynh đợi mặt trời vừa lặn, câu được ít nhiều thì trăng lên, huynh phải về. Em ngồi

tạm trên bờ giếng đi.

- Dạ được, huynh để đó cho đệ.

Nguyễn chăm chú cúi nhìn sâu xuống lòng giếng sau khi đặt mông lên ngồi. Lòng giếng xây gạch từ lúc nào không ai rõ xuất xứ, nền gạch phẳng lì. Ngắm nhìn bộ mặt sắc diện của Lưu ẩn hiện dưới trăng, Nguyễn đặt câu hỏi Lưu thân tình dò xét:

- Mấy lúc gần đây cuộc sống của huynh ra sao, sinh hoạt thường ngày ổn định chưa?

Lưu chậm rãi thông thả từ tốn đáp:

- O, huynh cũng sinh hoạt như bao nhiêu người khác, cũng ăn, cũng ngủ, cũng làm việc, cũng nhớ bạn nhớ bè...

- Huynh mà cũng nhớ tới bạn bè? Huynh mà cũng nhớ tới họ hàng thân thích? Thế huynh có còn nhớ tới người xưa, còn nhớ tới "bất kiến đương thời khuyến tửu nhân" không?

- Huynh vẫn chưa quên, vẫn không quên "chẳng thấy người xưa chuốc chén nồng", vẫn không quên lời ca tiếng hát, điệu múa vũ khúc nghệ thường chào mời hai tục khách như huynh, như đệ, nhưng huynh không nuối tiếc bởi huynh đã chứng kiến hiện thực, đời chỉ là mộng, vạn sự vô thường chẳng khác gì giấc mộng Nam Kha, giống cuộc sống chiêm bao giai đoạn Từ Thức.

Nguyễn trở mặt ngạc nhiên trước phán đoán nhận xét một người đã đến Đào nguyên tiên cảnh.

- Huynh làm như huynh sống trong Đào nguyên là cảnh giới không thực, làm như giấc Nam Kha, làm như Thiên Thai của Từ Thức không phải cảnh giới hiện thực.

- Huynh đã từng sống trong mộng như trong cảnh thực. Chuyện Nguyễn Triệu và huynh lạc cảnh giới tới Đào nguyên, hai người gặp tiên nữ, chứng kiến cảnh dạ hội thần tiên, hai người được diễm phúc kết duyên cùng Mai Nhi, Hồng Nhi, hai tiên nữ làm lễ tơ hồng chung chẵn chung gói

-xin lỗi- huynh trong cuộc truy hoan ân ái như bao đàn ông thanh niên khác. Khi tỉnh rượu, huynh mới biết thực và mộng là hai cảnh giới hoàn toàn khác biệt. Theo hậu ý của ngu huynh, hình như các tiên nữ chỉ hầu hạ phục vụ hai tục nhân không theo tình cảm tự nhiên bẩm sinh mà chỉ phục vụ ái tình theo thượng lệnh của Tiên chúa, quản đốc cai quản cõi này. Mai nhi, Hồng nhi phục vụ hết mực tận tình của hạnh phúc, của hoan lạc, không khác chi những nàng geisha trên đất Phù Tang. Sau cuộc truy hoan, hồi tưởng lại những cảnh màn ân ái, huynh mới thấy cảnh thú vui dục lạc chỉ do mệnh lệnh của từ trên đưa xuống, một bốn phần "thiên thanh" nhưng vô cảm giác tương tự những phản xạ có điều kiện chảy nước dãi của chó Pavlov. Mệnh lệnh tuyệt đối. Impératifs catégoriques. Không còn ánh sáng, không còn tiếng nói của lương năng nữa.

Hạnh phúc nào nếu được tận hưởng trước sau gì cũng chán. Thật tình, huynh không thể nào hiểu nổi những câu nói của thánh Augustin Confessions đối ăn không thấy no, khát uống không thấy chán, dù thực phẩm trần gian sơn hào hải vị mỹ tửu bồ đào thường thức mời mọc hoài cũng phải no say lướt khứ. Vũ khúc nghệ thường với lời ca điệu nhạc thánh thót réo rất làm ly mê hồn, huynh sau cùng cũng thấy chán chường não ruột. Chắc đệ không nhớ nổi bài học một giáo sư Việt Văn đã cho huynh học từ bậc trung học đệ nhất cấp, bài học Dạ Hội thần tiên: "Công Uân ngậy ra nhìn. Thật ra, không một thanh sắc nào, một âm thanh nào, một hình bóng nào đã làm cho xúc động não ruột lòng chàng đến thế. Bao nhiêu chí khí ngang tàng, bao nhiêu năng lực phấn đấu của chàng đều đi mất cả. Trong giây phút đó, chàng cảm thấy tơ lòng đứt đứt như muốn tan ra thành muôn vạn nỗi nhớ, niềm thương.

Chàng không phải là một chiến

sĩ nữa. Chàng cũng không phải là một thi nhân. Chàng bỗng trở nên một khách si tình yêu vợ vẫn."

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, đêm khuya chợt tỉnh giấc, huynh thấy đệ nằm bên cạnh ngủ say mê một chẳng biết trời trăng. Huynh thấy mình một thân vô vỏ. Tận góc phòng khuê, một nhóm tiên nữ cũng thả hồn say giấc bướm, xiêm y hở hang khêu gợi lỏa lồ, huynh thấy mình trở trên trăng tráo chẳng còn thể thống lễ giáo là gì. Chợt đâu đây có tiếng canh gà xa xăm mờ hồ eo óc gáy, dạ nhớ cô hương phàm trần nổi dậy, nổi niềm thao thức. Bỗng có tiếng nói từ thượng giới âm thầm mà rõ mồn một quả trách: "Cảnh giới trần gian nhà ngươi còn ao ước nổi gì, muốn được voi đòi tiên, đứng núi này trông núi nọ". Từ tâm hồn chìm trong lắng đọng, huynh nghe rõ nổi niềm ao ước thiết tha muốn được về nhà trở lại cố hương sống tiếp nổi những ngày còn lại, dù cho cơm hẩm canh rau cá dưa mắm muối. Huynh bắt giác dùng tay lay động gọi người thức giấc là đệ, tỏ bày tâm trạng nổi niềm.

Suy nghĩ giây lâu, Nguyễn gật đầu, ra chiều đồng ý tâm trạng băn khoăn thao thức của Lưu. Đột nhiên Nguyễn hỏi Lưu một câu, khiến Lưu ngập ngừng phút chốc:

- Thế huynh có bao giờ, có khi nào lúc nào tận mắt chứng kiến một đêm trăng trên cõi Tiên không?

- Đêm trăng? Một đêm trăng sáng? Thật tình huynh không biết, huynh không nhớ có một vầng trăng nào soi sáng trên tiên giới nữa, nhưng huynh nghĩ tiên giới không cần thiết có một đêm trăng. Nói cho cùng, đêm đen nơi tiên cảnh là một đêm trăng, và huynh đã từng sống, đã hiện hữu cùng tiên nữ không cần những đêm trăng ấy. Bóng tối và đêm trăng thì đồng lỏa. Khi trở lại trần thế, huynh nhớ tới một thi sĩ đã sáng tác chỉ hai câu lục bát trở thành bất hủ:

*"Em về mấy thế kỷ sau,
Nhìn trăng có thấy nguyên màu
ấy không?"*

Cho tới giờ này, con trăng là con trăng đêm mười bảy, huynh vui là vì huynh thấy đêm nay ở trần giới con trăng không có gì khác, không có gì đổi thay, mặc cho duy vật biện chứng, mặc cho duy vật lịch sử, bởi trong muôn triệu sinh linh, vạn vật vô thường. Chỉ mỗi một sự vật duy nhất "vạn sự vô thường", là hằng thường. Nhạc sĩ Văn Cao viết về Thiên Thai: *"Thiên Thai, ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian. Ai ân thiên tiên này em ngờ phút mê cuồng có một lần."* Chỉ có ánh trăng suông, vầng trăng đỏ, bóng trăng vàng và ánh trăng xanh của bảy tiên nữ bận tâm, tha thiết chuyện ái ân tùy thuộc tiên giới, nhưng tiếc thay không đạt nhu cầu yêu đương của khách trần tục.

*"Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thần bóng trắng
chơi".*

"Bóng trăng chơi" không có người, không có viễn khách của Bồng Lai, khách nơi Tiên cảnh, Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu đã đạt tới mức những câu thơ thần là ở chỗ đó. Chỉ có mỗi một nàng tiên, mỗi một tiên nữ, sau khi vĩnh biệt Lưu Thần Nguyễn Triệu trở về trần thế, chỉ biết thơ thần "chơi" giữa chốn rừng tùng. "Ngàn năm thơ thần bóng trắng chơi." Bóng trăng chơi thơ thần đến mấy nghìn năm? Chắc đệ không biết. Huynh cũng không hay; bóng trăng chơi không biết và ngay cả chính nàng tiên một mình với bóng, cô độc lang thang thơ thần giữa rừng tùng, suối chảy róc rách rì rào, cũng không biết "bóng trăng chơi" tới mấy nghìn năm. Máy huyền vi mở đóng khôn lường. Chỉ có bà Chúa Tiên mới biết, nhưng bà Chúa ấy nói "thiên cơ bất khả lậu."

Thấy Nguyễn từ nãy đến giờ ngồi im chỉ biết lắng nghe, Lưu bèn hỏi đưa em một câu phỏng vấn:

- Từ bây đến nay, đệ làm gì, có thường xuyên chăm sóc trông nom thân phụ hay không?

- Đệ cảm ơn huynh. Thân phụ của đệ hiện giờ đã quá già yếu, không còn làm lụng gì được. Trước, lúc đệ lãng du, ông cụ trông nom đại khái vài mẫu ruộng. Từ lúc hoàn tục, đệ phải tự lực trông nom quán xuyên ruộng vườn. Nhân lúc rảnh tay, đêm nay lại có trăng, đệ chợt nhớ tới huynh nên đệ tìm lại nơi đây. Đệ không ngờ, không tin rằng huynh và đệ chỉ tận hưởng cảnh tiên chưa được nửa năm mà thời gian đã hờ hững trôi qua ngót nửa thế kỷ. Cuộc sống nơi đây bây giờ đã nhạt phèo chán ngấy chẳng còn một ý nghĩa gì. Đệ nghĩ bụng: một khi ông cụ đã thất lộc rồi, đệ sẽ bán hết ruộng vườn nhà cửa, mưu tính cùng huynh tái đáo Thiên thai lần nữa. Huynh mưu tính điều hơn lẽ thiệt thế nào, xin cho đệ biết.

Sau một phút im lặng trầm ngâm, Lưu cất tiếng:

- Huynh đã quyết định dứt khoát rồi. Huynh không tính chuyện trở lại Đào nguyên lần nữa. Đi tìm thuốc trường sinh bất lão cùng đệ, lặn suối trèo non rừng xa núi hiểm những mong có được thuốc thần nhưng hoài công vô ích, may mà cộp dũ hùm thiêng chưa đụng tới. Được hạnh ngộ tiếp cận cùng bảy tiên nữ, huynh tưởng như thế cũng đã mãn nguyện không còn mong ước gì hơn. Huynh mừng tượng rồi đây sẽ có một lúc, một khoảnh khắc, một thời gian không lâu, một ngày kia huynh sẽ bão hòa phong cách cuộc sống ở ngoài phàm tục. Nọ đây, buồn chán sẽ là qui luật tất yếu của cảnh giới thần tiên. Tới lúc đó, kẻ phàm nhân hạ giới là huynh sẽ chán ngấy, sẽ vô nghĩa. Thôi, thà rằng huynh được trở về trần thế sống tiếp nổi những ngày những tháng những năm còn

lại. Tuy thật sự chưa già nhưng huynh đã cảm thấy già. Sinh, lão, hũy chấp nhận thời gian và vui sống. "Người ôm mặt khóc giữa vô thường", cái khóc ấy là cái khổ thường tình của người khi chưa tìm

được lẽ sống. Nhà văn giải Nobel Albert Camus chỉ nói một câu mà có ý nghĩa sâu xa thâm thúy: *l'exil et le Royaume*. Huynh tự ý sửa lại một cụm từ cho có được thêm ý nghĩa: *l'exil est le Royaume*. Lưu đây là quê

nhà, thực ra có cùng một nghĩa.

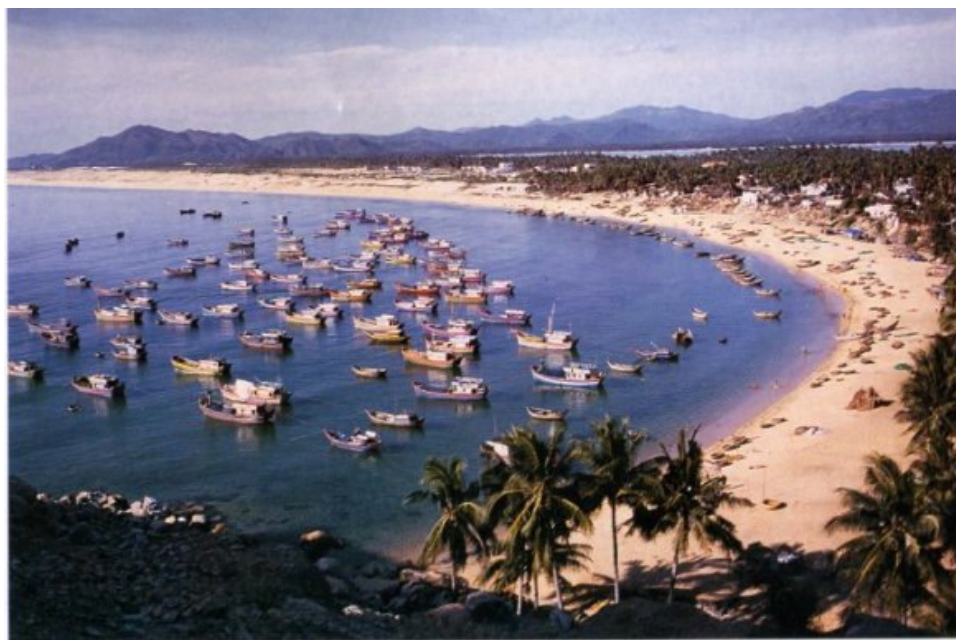
*"Tái đảo Đào nguyên không trở lại.
Đường trần, một hội chợ phù hoa.
Thế tục toàn cồn sông cát bãi,
Lưu đây chốn ấy thật quê nhà."*

thơ LÊ BẢO KỲ

NGHĨA QUÊ HƯƠNG

*Quê hương hai chữ chôn nhau
Nằm nôi từ đó đi đâu nhớ về
Hay là đến chốn sơn khê
Định cư ở đó lòng mê chẳng rời
Lỡ ra gặp nạn ách trời
Ngậm ngùi rồi bước tỏ lời tiếc thương
Tâm tư nhớ bạn xóm phường
Cây cau, bưởi ngọt, con mương chiếc cầu
Nhớ họ hàng, nhớ nương dâu
Bờ đê tắm nắng rõ màu ruộng xanh*

*Dòng sông giải lụa chảy quanh
Đàn cò trắng lượn dân lành nhà nông
Ở nơi xir lạ chạnh lòng
Khi nghe quân giặc tấn công sơn hà
Người người hội họp nói ra
Đấu tranh chống giặc đuổi xa quê nhà
Nghe dân nước mẹ lụy nhòa
Bôn ba cứu khổ ấy là quê hương.*



Ship Station
(Vương Niên)

HẠNH PHÚC BAO DUNG

Trần Dật & Lê Ngô Ái Lan

Tiết trời xứ Huế vào những ngày đầu Xuân thật đẹp, mây trắng vẫn ngàn năm bay, dòng sông Hương vẫn muôn đời thơ mộng biếc xanh và mai vàng rực rỡ khắp mọi nhà.

Con mưa phùn nhẹ đầu Xuân phút chốc làm lớp bụi phù hoa lắng xuống trên nẻo đường về thôn. Con đường dài dẫn vào làng ngoằn ngoèo chạy từ cầu An Ninh Thượng vào thôn Trúc nay đã trắng xi măng sạch đẹp, duyên dáng, đáng yêu giữa hai hàng trúc xanh bên đường. Hơn 550 năm dựng làng khai khẩn, nay Trúc Lâm đã lặng lẽ vươn mình dưới rừng trúc hiền hòa bằng công sức của dân làng và đặc biệt bằng tấm lòng của những người con xa xứ nhớ về chốn cội nguồn. Đó là thôn Trúc miền quê tôi.

Về quê lần này tôi có một cái hẹn với người chị họ cũng là khách tha hương về thăm làng cũ mà hơn 60 năm biết bao bể dâu mà chưa hề một lần gặp lại. Hai chị đi em bách bộ trên con đường làng rợp bóng cây xanh để ôn lại những kỷ niệm của dòng đời trôi nổi.

Ngày nhỏ, lúc lên 11 tuổi, tôi đã nghe kể về câu chuyện tình của chị. Trong tôi đã dấy lên một niềm trắc ẩn xót thương và thăm ngưỡng mộ chị. Trong chuyến đi sang Nga và Bắc Âu, tôi định đến thăm chị mà không báo trước để tạo cho chị ngạc nhiên, thích thú cùng để nghe chị kể tường tận hơn về chuyện tình yêu, cuộc hôn nhân trắc trở của chị ngày xưa. Rất tiếc là tôi không được gặp

chị vì chị đã theo chồng đi hành hương ở Lộ Đức, Pháp quốc. Tôi chỉ gặp người con trai trưởng của chị nay cũng đã bước qua tuổi lục tuần. Cháu ấy hướng dẫn tôi đi viếng ngôi chùa duy nhất ở Đan Mạch, nơi gia đình chị hàng tuần lên chùa lễ Phật. Sau khi trở về Mỹ, tôi đã điện thoại thôi thúc chị cùng tìm về cố hương trong tâm tưởng, nơi đó đã thấm sâu trong dòng máu, trái tim của chúng tôi. Cảnh cũ vẫn còn đây, người xưa xa vắng không còn nữa. Mái chùa làng năm tháng ngói rêu phong, nơi đây chan hòa lòng yêu thương, chuyên chở bao kỷ niệm của tuổi thơ. Trong phút chốc, chúng tôi nghe lòng dịu lại.

Nhân dịp tái ngộ hiếm hoi đó, chúng tôi mời anh chị đến thăm viếng viện dưỡng lão Diệu Viên, để ủy lạo các cụ già cô quả, bệnh tật, mất mớ, tai yếu đang đợi chờ nơi đây. Nhớ lại mái trường xưa, chiều hôm ấy chúng tôi trở về lại nơi đây, phát quà Xuân cho học sinh nghèo, học giỏi. Đây là ngôi trường Tổng chị và tôi đã nhiều năm tháng từng theo học. Cũng là cơ hội ngàn năm một thuở, anh chị trở lại ngôi giáo đường cổ An Vân Thượng để kịp lễ chiều và thăm lại chốn cũ. Phong cảnh ở đây đầy ắp những kỷ niệm ngày xưa xưa ấy, vốn dĩ đã khắc sâu vào tâm khảm họ. Nhìn dáng dấp và bước đi của chị, lòng tôi bồi ngùi thương cảm. Mái tóc của chị không còn xanh như thời thiếu nữ, tuổi đời ngoài 86 chất chồng trên đôi vai và tấm thân mảnh dẻ nhưng sáng ngời tâm đạo. Trên đường về, qua đồi Bắp

đầy hoa sim tím, chúng tôi ngồi lại bên khe suối nước trong xanh bốn mùa, trong không gian im vắng của buổi chiều tà. Thời gian lặng lẽ trôi, đưa mắt nhìn về thành phố Huế xa mờ trong sương khói, chùa Thiên Mụ ẩn hiện dưới hoàng hôn, tiếng chuông chùa ngân vang như vọng lại từ một cõi xa xăm nào đó... Tâm tư lắng đọng, ký ức tuổi thơ lại hiện về, với giọng sâu lắng chị kể lại câu chuyện tình khó có thể dễ quên từ 60 năm trước...

Vào thuở xa xưa ấy, cô nữ sinh Đồng Khánh tuổi 20 chưa một lần vào đời, con ông Nghè mộ đạo Phật, yêu anh chàng học sinh Thiên Hựu (Providence). Anh là con một Thầy Thông Phán Tây học theo đạo Thiên Chúa. Họ yêu nhau tha thiết. Mỗi tình thật trong sáng và cao đẹp mà không hề nghĩ đến những định kiến về tôn giáo. Bác Nghè rất nghiêm khắc với cô con gái “rượu” độc nhất của mình, dứt khoát không chấp nhận kết thông gia với nhà ngoại đạo kia. Chỉ nghĩ đến việc con gái và đàn cháu ngoại phải “xưng tội”, làm lễ rửa tội là bác không thể nào chịu nổi. Ông Phán Tây học thì chẳng thể nào cưới cô dâu mà không được cha rửa tội tại nhà thờ. Người lớn không nhường nhau, con trẻ đành chịu khổ. Bao ngày anh quỳ gối trước bàn thờ Chúa để “xin cho con lấy được người con yêu” thì bấy đêm chị nức nở dưới Đức Phật Bà Quan Âm. Bác Nghè và ông Phán vẫn không sao ngồi cùng được một bàn để nói chuyện trăm năm cho đôi trẻ. Cuối

cùng trong nỗi thất vọng tốt cùng với bao đau đớn, dằn vặt, cả hai đã nát lòng đi đến một quyết định tối hậu cho đời mình... Một sáng mùa Thu năm 1946, cả hai đành đoạn dẫm nát lá vàng rơi, lặng lẽ rời bỏ gia đình ấm cúng thân yêu đã gắn bó, che chở, trong đó như một phần đời của mình, mà lên xứ Lào xa xôi, cách trở để xây dựng tổ ấm, sau khi để lại hai bức thư đầy nước mắt để xin tạ tội bất hiếu với cha mẹ... Từ đấy mỗi nhà vắng đi một người. Con đường hạnh phúc và giải thoát mà cả hai, bác Nghè và ông Phán, tin tưởng để áp đặt lên thân phận con cái mình đã đưa đến hậu quả nhãn tiền là hỏa ngục trong đời sống thể tục của hai gia đình! Thành kiến xã hội và sự kỳ thị tín ngưỡng xa xưa ấy đã đem đến sự mất mát khôn lường trong đời sống họ suốt nhiều năm dài với bao nỗi dằn vặt đau đớn... Thế là ngày ngày khi màn chiều u tịch, bóng tối của hoàng hôn xuống nhanh, không còn ai đi và về nữa, lụi thủi ra, lụi thủi vào...

Năm tháng lặng lẽ trôi, thấm thoát đã 12 năm sau ngày bỏ nhà ra đi, lưu lạc trên xứ người, đôi tình nhân ngày xưa đã trở về lại làng cũ năm 1958 cùng hai đứa con trai.

*Ngày đi tre chưa mọc măng,
Ngày về măng đã mấy lần thành tre.*
(Võ Hương An)

Họ về vì bác Nghè đang lâm trọng bệnh và cũng để cầu xin cha già tha tội. Bác Nghè và ông Phán hân hoan dang rộng vòng tay đón họ. Hai ông già lặng lẽ nhìn nhận thái độ chấp của mình. Họ đã thức tỉnh từ cơn ác mộng 12 năm. Họ đã tự đánh mất 12 năm lẽ ra của hạnh phúc và sum vầy. Và cũng chính họ đã vô tình đóng vai thủ phạm trong một bi kịch 12 năm với nỗi ngậm ngùi và niềm khổ đau cho con mình.

Suốt thời gian ấy, dù ở phương trời xa nhưng hai anh chị không lúc

nào quên chuyện hiếu đạo. Họ thư từ hàng tháng, theo dõi sức khỏe của cha già, mẹ yếu. Thậm chí anh chị còn dành dụm tiền bạc gởi về biếu các cụ. Sau gần ba tháng trời chăm nuôi, cha ốm nặng, hai anh chị đã tỏ ra hết lòng hiếu thuận. Thật không bút mực nào tả nổi những vất vả, nhọc nhằn của đôi vợ chồng khi săn sóc người bệnh già, qua những đêm dài thức trắng, canh từng giấc ngủ, miếng ăn. Hai anh chị và các con họ đều vui vẻ với tâm niệm chuộc lại lỗi lầm đã dứt áo ra đi và cũng để chu toàn phần nào hai chữ hiếu đạo. Đó là niềm hạnh phúc lớn nhất họ đã tìm lại được.

Ông Nghè đã khỏe mạnh trở lại, vui vẻ cùng ông Phán chuyện trò tương đắc bên khay trà như một đôi tri kỷ. Dân làng cũng đã học được một kinh nghiệm quý báu để vượt ra khỏi hàng rào mê muội: lương, giáo không thể cùng nhau tạo hạnh phúc trong một gia đình. Họ đã quá tin vào cái định kiến cổ hủ từ xa xưa rằng phải cùng đức tin tôn giáo vợ chồng mới thuận hòa. Họ bây giờ rất cảm phục, mến yêu và ngưỡng mộ tình nghĩa của anh chị đối với nhau và đối với cha mẹ. Hóa ra:

Cây bỏ đề lá cũng bỏ đề,

Ngoại lấy đạo không hề chi mô!

Tấm gương sáng của anh chị đã mở ra một lối thoát cho bao tấn bi kịch hôn nhân khác tôn giáo, đã giải phóng cho bao cá nhân ra khỏi xiềng xích của sự cố chấp và thành kiến. Sự hòa hợp, bao dung, trong niềm tin hạnh phúc là một nét đẹp của khát vọng vươn tới Chân - Thiện - Mỹ. Ông Phán, bác Nghè ý thức điều đó như đứng trước một vườn hoa đẹp với nhiều giống hoa lạ khác nhau. Niềm tin mỗi người giữ riêng cho nhau. Những năm tháng sống ở Lào, anh chị và các con đi lễ chùa vào ngày rằm, mừng một và đi lễ nhà thờ vào ngày Chúa Nhật. Tình yêu sâu xa và thấm thiết của họ từ chối những cuộc tranh luận xa vời. Cứu

chuộc hay giải thoát đối với họ chỉ là một, chỉ là sự hòa thuận và yêu thương lẫn nhau. Với họ, sự từ bi bác ái không kêu gọi sự tranh chấp mà ngược lại chào đón sự trường tồn vĩnh cửu. Họ là những chứng nhân sống cho niềm tin mới mẻ này.

*
* *

Câu chuyện tình éo le của anh chị, kể lại bên bờ suối trên đồi Bắp của làng Trúc Lâm năm nào tưởng như trong tiểu thuyết, không dè mấy năm sau lại trở thành kinh nghiệm quý báu cho vợ chồng chúng tôi trong việc tạo dựng hạnh phúc cho con cái. Chúng tôi có 4 cháu trai: Quang, Minh, Chính, Đại, trong 7 đứa con của gia đình. Cháu Quang và Chính đã yêu hai cô bạn gái theo đạo Thiên Chúa. Tấn bi kịch của anh chị ngày xưa như đang xảy ra với tôi. Tuy nhiên, tôi đã quyết tâm theo tấm gương sáng của anh chị để giải quyết sao cho chuyện nhà được êm đẹp.

Họ đòi con cái tôi phải rửa tội và làm lễ cưới tại nhà thờ, dĩ nhiên vợ chồng chúng tôi khó có sự đồng ý. Rồi sau đó, chúng tôi đã nhiều lần gặp phía nhà gái để cùng thuyết phục nêu lên những khó khăn của chúng tôi cho nhà gái rõ. Tôi kể lại câu chuyện tình duyên cuộc đời của anh chị ấy, lấy đó làm gương sáng để vượt qua bức tường thành xung đột tôn giáo. Tôi cũng nêu lên mỗi người trong chúng ta cần phải mở rộng tấm lòng bao dung để thông cảm với người khác. Chỉ có sự cảm thông và tương nhượng mới có thể mang lại hạnh phúc cho các cặp tình nhân khác biệt tín ngưỡng. May nhờ con cái chúng tôi giữ vững niềm tin và thấm nhuần đạo lý nhà Phật, biết vâng lời cha mẹ. Cuối cùng, gia đình thông gia chịu ngồi lại với nhau để mở sân ban chúc mừng đôi trẻ và cùng đồng thuận tổ chức lễ cưới cho

các cháu theo phong tục truyền thống gia tiên. Con đường hạnh phúc ấy dài quá, tôi đã tìm lại được, để niềm vui trọn vẹn trong tuổi về chiều.

Nhớ lại hôm từ giã nhà gái ra về, sau cuộc “thương thảo” êm đẹp, hợp tình, nét mặt vợ tôi vui hẳn lên, không còn trầm ngâm, khắc khoải như những ngày trước. Về đến nhà, nàng lặng lẽ thấp nén hương dâng lên lễ Phật, tổ tiên ông bà, rồi mỉm cười nhìn tôi với ánh mắt vui tươi và trù mến như còn phảng phất đâu đó trong ngày cưới của năm xưa, và nói: “Hạnh phúc của con cái là khúc ruột của chính mình đó anh.” Nhìn ra vườn sau, ánh nắng chan hòa, dịu mát tỏa ra trên cành cây, ngọn cỏ. Đôi chim sẻ đang tung tăng nhảy múa hồn nhiên âu yếm nhau giữa khung trời trải rộng bao la như không một ràng buộc nào của tạo hóa.

Đến nay đã hơn 20 năm trôi qua, gia đình con cái chúng tôi Quang và Chính vẫn sống thật êm đềm, hạnh phúc trong tình yêu thương nhau.

*
* *

Lại mới đây, chúng tôi vừa được biết một cuộc gặp gỡ lịch sử giữa Thiền Sư Nhất Hạnh và Linh Mục Phạm Ngọc Khuê, đại diện cho Tòa Giám Mục Phát Diệm (Hà Nam Ninh, Bắc Việt) ngày 30 tháng 4 năm 2007 vừa qua. Nội dung trao đổi trong cuộc gặp gỡ này làm cho chúng tôi đặt nhiều hy vọng, tin tưởng rằng hạnh phúc lứa đôi phải được xây dựng trên căn bản “đừng bỏ gốc rễ, đừng bắt người khác phải bỏ gốc rễ”.

Linh Mục Phạm Ngọc Khuê phát biểu: “Thiên Chúa không bao giờ ngăn cản con người tự nguyện, nhất là trong việc hôn nhân gia đình thì không có bao giờ ngăn cản hai người thương yêu nhau. Giáo Hội không

bao giờ ngăn chặn hai người nam nữ yêu thương và tiến tới hôn nhân với nhau, điều đó là chắc chắn thuộc về giáo luật, không ai có quyền ngăn cản tình yêu của họ, vì đó là tuyệt đối. Nhưng tại sao lại xảy ra cái vấn đề giữa nam nữ tín đồ các tôn giáo khác nhau lại có những vấn đề mà người ta chưa đi đến chỗ kết hôn với nhau thì do đâu? Trong thực hành việc phục vụ hôn phối, đối với anh em trong Công Giáo chúng tôi, đối với danh Chúa, đối với người tín đồ Công Giáo cũng như Giáo Hội thì chúng tôi không bao giờ đặt vấn đề là phải trở thành người Công Giáo thì mới có thể cưới (nhau) về phía Công Giáo của mình (trở thành vợ chồng). Không bao giờ có vấn đề đó, chúng tôi luôn luôn tôn trọng tình yêu của họ. Và tôi nói với người nam hoặc người nữ là tình yêu của các anh chị là tình yêu tuyệt đối và chúng tôi tôn trọng. Tuy nhiên, khi hai người quyết định yêu thương nhau thì đức tin của người tín đồ Kitô giáo cũng như Phật giáo phải được tôn trọng bởi sự tự do của họ. Cũng như Thầy Thích Nhất Hạnh đã nói là họ phải sống cộng thể của họ, họ mới thấy hạnh phúc. Và cái việc họ được chịu phép rửa tội là hoàn toàn tự do. Cho nên Giáo Hội chỉ nói một điều này. Khi tiến tới hôn nhân thì hai người phải hứa là tôn trọng quyền lợi của nhau và niềm tin của mỗi người và không được vi phạm. Vì vậy về phía tín đồ tôn giáo khác phải cam đoan, có thể nói là tuyên thệ tôn trọng niềm tin, vì đó là lãnh vực thiêng liêng và tự do tôn giáo, không ai được can thiệp. Tôn trọng niềm tin của tín đồ Thiên Chúa giáo, không được ngăn cản. Nếu họ giữ được như thế thì cuộc hôn phối đó được tốt đẹp và thành sự trước mặt Chúa và trước luật pháp. Về phía Giáo Hội thì không có đứng ngăn cản sự việc hôn nhân của họ. Xin quý vị hiểu rõ về luật giáo thì không ép buộc mà buộc một trong hai

người phải tôn trọng tôn giáo của nhau. Phải dành ưu tiên nhất cho người bạn đời theo tôn giáo đó để thực hành niềm tin tôn giáo và không có ngăn cản giữ đức tin riêng của họ”.

Những lời phát biểu vàng ngọc ấy là ngọn đuốc soi đường dẫn đến hạnh phúc hôn nhân cho thế hệ con cháu, mà chúng ta hằng mong đợi.

*
* *

Trời đã về chiều, ánh vàng đã khuất sau đồi sim, xa xa đèn thành phố đã rực sáng. Con đường về làng bây giờ không còn lồi lõm, gập ghềnh như xưa mà đã bằng phẳng, êm ái. Các đàn trâu bò dừng đình theo các mục đồng về thôn. Nơi xa kia, tiếng chuông chùa Kim Sơn vang vọng ra xa... hòa quyện chuông giáo đường An Vân Thượng, xao động theo làn gió chiều tỏa ra âm điệu nhẹ nhàng, thanh thoát vào không gian rộng lớn, tĩnh lặng, cho chúng tôi những giây phút thật hạnh phúc để quên đi lớp bụi phiền não, thương đau của cuộc đời...



Trần Dật - Lê Ngô Ái Lan
ailanlengo@yahoo.com

RỪNG LỬA

Hoàng Ngọc Thư

Tôi vốn không tin vào những giấc mơ. Duy có một giấc mơ cứ ám ảnh tôi mãi.

Tôi thấy mình đi lạc vào một khu rừng lạ. Bỗng nhiên, không rõ từ đâu, có ngọn lửa cháy bùng lên vây lấy tôi. Tôi thấy mình choáng ngợp trước ngọn lửa chói ngời và bất giác đưa tay ra như đón lấy nó.

Tôi đi đến chân một ngọn núi xa tìm gặp vị Thiền Sư. Người ta kháo nhau ông có phép thần thông có thể nhìn vượt thời gian. Tôi mang giấc mơ ấy kể cho ông nghe và xin ông giải đoán giúp.

Vị Thiền Sư ngồi tĩnh lặng, mắt ông nhắm nghiền như không hề nghe thấy tôi. Mãi sau, ông mới cất giọng như tiếng sấm rền từ xa.

“Hãy đi tìm hoa chuông xanh.”

Tôi cúi đầu ra về, lòng bấn loạn với lời giải đoán ấy. Tôi chưa hề biết đến thứ hoa có tên như thế, lẽ nào vị Thiền Sư lại nhầm lẫn. Giấc mơ ấy vẫn ám ảnh tôi, cho đến một hôm, tôi mơ thấy một giấc mơ hơi khác.

Tôi thấy ngọn lửa cháy bùng lên, nhưng tôi như được bao bọc bởi một vật thể xanh biếc và trong suốt như pha lê. Khi tôi định thần nhìn quanh, tôi nhận ra vật thể ấy mang hình dạng một quả chuông đang úp lên tôi. Những lưỡi lửa đỏ cam liếm quanh quả chuông và tôi thấy mình áp mặt vào thành chuông, mãi mê nhìn ngọn lửa mỗi lúc một dày đặc bao phủ quanh người.

Tôi lại đi đến ngọn núi xa tìm gặp vị Thiền Sư. Vẫn không nhìn tôi, ông nhắm mắt tĩnh lặng hồi lâu rồi

cất giọng như tiếng mưa xa.

“Hãy đi tìm dòng nước dưới lùm cây.”

Tôi lại cất bước ra về, lòng hoang mang với lời giải đoán ấy. Tôi không hiểu những điều hàm chứa trong giấc mơ, cũng như trong lời giải đoán của ông. Có điều gì đó bí ẩn vượt ra khỏi khả năng nắm bắt của tôi, và tôi có cảm giác như người đang lần theo một đường mòn giữa rừng cây dày đặc, không biết điều gì đang chờ tôi trước mặt. Dăm hôm sau, tôi lại mơ thấy một giấc mơ mới.

Tôi thấy mình quỳ xuống bên một con suối dưới lùm cây xanh tốt. Ngọn lửa vẫn vây quanh tôi và quả chuông xanh như nhỏ dần lại ép tôi vào giữa. Tôi thấy ngọn lửa phản chiếu lên mặt nước rực rỡ khiến dòng suối như đang bốc cháy. Tôi đưa tay vục lấy dòng nước-lửa uống lấy uống để nhưng mãi vẫn không thoả cơn khát.

Tôi vội vã đi tìm vị Thiền Sư. Tôi nóng lòng muốn biết điều gì sắp đến với mình. Tôi có linh cảm một sự kiện trọng đại đang chờ tôi ở đâu đó.

Vị Thiền Sư ngồi xoay lưng ra khi tôi đến. Khi tôi quỳ xuống dưới chân ông kể về giấc mơ, bất giác ông đưa hai tay lên không rồi từ từ hạ xuống không một tiếng động. Rồi trong cái tịch mịch của chiều tà, ông cất giọng âm u như tiếng chuông vọng lại từ xa.

“Phía bên kia ngọn đồi già.”

Tôi nán nã, không muốn ra về trước khi ông cho tôi hay điều gì

đang chờ tôi trước mặt. Ông vẫn ngồi lặng lẽ quay lưng lại như thế suốt nhiều ngày, cho đến khi tôi không thể chờ được nữa và đành cất bước ra về.

Tôi vẫn mơ giấc mơ về dòng suối, quả chuông xanh, ngọn lửa hùng hực, và có lần, tôi mơ thấy mình đứng dưới một quả đồi trơ trụi, choáng ngợp trước những ngọn lửa như từ trên đỉnh đồi tràn xuống.

Tôi lại lên đường tìm vị Thiền Sư. Ông gục đầu vào ngực, thì thầm như thể nói với chính mình.

“Than ôi! Chim non gặp nạn.”

Rồi mặc sức tôi van nài, ông không nói thêm điều gì nữa. Tôi biết tôi phải tự mình tìm lấy lời giải đáp cho những lời tiên đoán ấy.

Thế rồi một hôm, trần trọc mãi với những giấc mơ không kết cuộc, tôi rời thành phố, cố tìm chút thanh thản nơi vắng bóng xe cộ và con người. Tôi lái xe về phía Tây, đi thật xa cho đến khi thân thể như rã rời rồi dừng lại bên khu rừng nhỏ. Những thân cây tàn tạ héo úa trong buổi chiều tà mang đến cho tôi cảm giác như thể đang đi trong mơ. Tôi cất bước lần theo những thân cây già cỗi chìm lặng trong yên lặng, tịch mịch, và cái xám của buổi chiều cuối thu như thấm vào không gian và cả thân thể tôi. Tôi nghe thấy tiếng lá xào xạc dưới chân và cả hơi thở của chính mình. Không có tiếng chim muông, không bóng một cầm thú, không có cả tiếng gió đùa trong lá. Tất cả như dừng lại, như thể vạn vật đang nín thở chờ đợi một điều gì đó

sắp xảy đến.

Thế rồi từ một nơi nào đó trước mặt, tôi nghe thấy tiếng chim non chiu chiu yếu ớt. Tôi lần theo từng bụi cây cho đến khi tôi tìm thấy con chim nhỏ run rẩy với một cánh gãy gập đang nằm trên mớ lá khô. Tôi nhẹ nhàng ẵm nó trong tay, bối rối không biết phải làm thế nào để tìm ra tổ của nó và trả nó về nơi ấy.

Tôi quanh quẩn mãi với con chim nhỏ trong tay. Bên kia khúc quanh, con đường mòn đưa tôi đến dưới chân một ngọn đồi già. Tôi cầm cúi men theo sườn đồi rồi lên đến đỉnh. Không gian như mở ra trước mắt tôi: bên kia đồi, rừng cây tươi tốt, um tùm trải dài, và tôi như choáng ngợp trước màu xanh ngát đột ngột hiện ra hoàn toàn tương phản với rừng cây phía sau tôi.

Sau phút ngỡ ngàng, lẫn trong tiếng gió, tôi nghe thấy có tiếng nước

chảy róc rách. Tôi men theo những lùm cây rợp bóng đi sâu mãi vào khu rừng lạ. Những tán lá xanh tốt vươn cao. Đó đây, những thứ cây và loài hoa lạ chen chúc nhau. Không gian như tắm đẫm trong nhựa sống tràn trề và lòng tôi như ấm lại trước khung cảnh cỏ cây sum suê, tươi tốt.

Tiếng nước lao xao mỗi lúc một gần hơn. Rừng cây như khép lại quanh tôi. Những tán lá phủ kín trên cao khiến khu rừng như tối lại. Mặt đất dưới chân tôi thoải dần xuống và mùi lá khô ẩm lan tỏa trong không gian. Phía sau một lùm cây lớn, dòng nước đột ngột hiện ra như có phép lạ. Tôi men theo bờ cát đi đến bên mé nước. Làn nước trong vắt réo vui qua những bờ đá. Lòng suối cạn đủ cho thấy những hòn cuội nhẵn nhụi trải đầy dưới đáy.

Tôi quỳ xuống cạnh bờ suối, đưa tay vục lấy làn nước mát lạnh toan

đưa lên mỏ con chim non trong tay, nhưng tôi chợt dừng lại. Khi tôi ngược mắt nhìn sang phía bên kia con suối, tôi như nghệt thờ khi nhìn thấy một mảng rừng phủ đầy dây leo chỉ chít những hoa chuông xanh. Những quả chuông xanh như muôn vầng đôi mắt đang lay động trong ánh chiều le lói, và tôi run rẩy nín thở lấy bờ đá như thể không đứng vững nổi.

Thời gian như dừng lại trong khi tôi như bị thôi miên bởi rừng hoa kỳ lạ. Rồi từ giữa rừng hoa chuông dày đặc, Người bước ra với vầng ánh sáng trên đôi tay. Từ mắt Người, ngọn lửa cháy rực lao đến quanh tôi và như trong giấc mơ, tôi đưa tay ra đón lấy nó.

Dưới chân tôi, dòng suối sáng rực như đang chìm trong biển lửa.

Hãy trôi qua

*Mây phiêu bồng hãy trôi qua
Đàn dây sáu sợi phím nhòa thời gian
Tóc tiên gửi lại thiên đàng
Con đường bụi đỏ trần gian tôi vào.*

Hư ảnh

*Theo em qua sông không về được nữa
Sông hai bờ dậy nước hôn xưa
Lang thang lang thang tìm hoài bóng cũ
Hư ảnh nhập nhòa rặng giữa chiều mưa.*



VĨNH HẢO

MUỘI SÂU CÀNG KẾT NGHIỆP DÀY TÍN TÂM NIỆM PHẬT SẠCH NGAY OÁN THÙ

Tịnh Minh phỏng dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Ma-gan-đi-da (Māgandiyā) và Xa-ma-va-ti (Sāmavāti) là hoàng hậu và cung phi của quốc vương U-đe-na (Udena), một vị vua thông minh, anh dũng và rất mực hiền đức. Cung phi Xa-ma-va-ti, vốn thâm tín chư Phật, hướng dẫn 500 thị nữ quy y Tam bảo, cúng dường chúng tăng và tinh tấn nghe Pháp; trong khi hoàng hậu Ma-gan-đi-da thì nghi ngờ chánh pháp, hủy báng Tăng đoàn và thường ganh tị với cung phi Xa-ma-va-ti.

Một hôm, Ma-gan-đi-da đến cung thất của các thị nữ, thấy trong phòng có một lỗ trống, bèn hỏi:

- Cái gì thế này?

Không biết hoàng hậu cảm tức Đức Thế Tôn, các thị nữ thưa:

- Đức Thế Tôn đã du hóa đến thành này, thị nữ chúng em đang đứng chờ chiêm ngưỡng dung nhan và đánh lễ Ngài.

- Thế là tên ẩn sĩ Gô-ta-ma đã đến đây rồi! Ma-gan-đi-da thâm nghĩ. Ta biết phải làm gì. Bọn thị nữ rất thuần thành với gã. Các người rồi sẽ biết tay ta.

Nàng đến gặp quốc vương, tâu rằng:

- Tâu hoàng thượng, Xa-ma-va-ti và đám cung nữ hèn đã không trung thành với hoàng thượng, bọn chúng đang âm mưu tước đoạt mạng sống của hoàng thượng đó.

- Họ không nỡ nào làm như vậy đâu! Quốc vương ngỡ lời xác tín.

Nàng lập đi lập lại lời cáo trạng hai ba lần nhưng quốc vương vẫn

không tin. Cuối cùng nàng khẳng định:

- Nếu hoàng thượng không tin thần thiếp thì xin mời hoàng thượng đến cung thất của họ sẽ rõ.

Quốc vương đến đó, thấy trên tường phòng nào cũng có một lỗ trống, bèn hỏi:

- Thế này là thế nào?

Sau khi nghe lời giải thích của họ là để chiêm ngưỡng dung nhan và đánh lễ Đức Thế Tôn, quốc vương đã không tỏ vẻ nóng giận, quát mắng, mà còn cho thay các lỗ trống bằng những cửa sổ xinh xắn.

Không trị được các cung nữ, Ma-gan-đi-da lại mưu tính:

- Bất cứ giá nào ta cũng phải triệt hạ cho được lão Gô-ta-ma.

Và thế là nàng mua chuộc dân chúng xúi giục đám nô lệ si và, lẳng nhục và ra sức tấn xuất Tăng đoàn ra khỏi thành thị. Giới ngoại đạo nhân đó lại càng lên mặt, cuồng ngôn lộng ngữ thóa mạ Đức Thế Tôn:

- Người mà là Đạo sư! Người chỉ là một tên trộm cướp đầu đường xó chợ, một gã ngu ngốc vất vưởng lang thang, một âm binh ma quái, một súc sanh trá hình, một loại trâu bò lừa ngựa; người mà cũng mong cầu giải thoát, người sẽ bị vĩnh kiếp đọa đày. Chúng vừa theo sau Ngài vừa vung vít lời lẽ rất hỗn xược trong khi Đức Thế Tôn vẫn thản nhiên theo từng bước thiền hành.

Thấy thầy trò bị xúc phạm, A-nan đau buồn, thưa:

- Bạch Thế Tôn, dân chúng ở đây hung dữ quá, mình nên đi nơi khác thì hơn.

- Nên đi đâu, A-nan? Đức Thế Tôn hỏi.

- Đến một thành phố khác, bạch Thế Tôn.

- Nếu ở đó có người hủy báng nữa thì sao?

- Thì đến thành phố khác nữa.

- Nếu bị hủy báng nữa?

- Thì đến nơi khác nữa.

- A-nan, ta như một thớt voi lâm trận, chấp nhận mọi cung tên và kham nhẫn mọi hủy báng. Có ai nghe voi than phiền giữa trận mạc bao giờ. A-nan, đừng phiền muộn nữa. Hãy tu tập hạnh nhẫn nhục. Chỉ trong bảy ngày thì mọi việc sẽ đâu vào đó.

Và đúng như vậy, sau bảy ngày, mọi việc trở lại bình thường, tốt đẹp.

Âm mưu bài Phật bị thất bại, Ma-gan-đi-da lại bày ra một quỷ kế khác. Biết cung phi thị nữ là Phật tử trung kiên, nàng bèn quyết tâm triệt tiêu họ trước. Nhân một hôm quốc vương U-đe-na vui vầy trong yến tiệc, nàng mật sai cậu nàng mang đến tám con gà trống sống và tâu với quốc vương ra lệnh cho đám cung nữ làm thịt đãi hoàng thượng. Quốc vương chuẩn y. Các cung nữ được lệnh, liền tâu:

- Tâu hoàng thượng, chúng thần là Phật tử, không bao giờ sát hại sinh mạng, mong hoàng thượng lượng thứ.

Ma-gan-di-da thừa thế, làm tới:
- Đây! Hoàng thượng thấy chưa?
Họ đâu có xem hoàng thượng ra gì!
Lệnh của quốc vương từ nay không còn hiệu lực nữa rồi!

Bổng nàng gằn giọng:

- Hoàng thượng hãy lệnh cho họ làm thịt tám con gà trống đó để đãi Sa-môn Gô-ta-ma xem sao.

Rồi nàng mặt bảo nô tỳ mang tám con gà trống chết đến cho cung nữ và được họ chấp thuận làm tiệc ngay. Thế là Ma-gan-di-da được trốn quất lên:

- Bọn nô tỳ đáng chết, dám khi quân phạm thượng. Hoàng thượng đã tin lời thần thiếp chưa? Phải mà! Thần thiếp có ra gì mà hoàng thượng phải tin! Giờ thì cháy nhà mới ra mặt chuột, rõ là nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà!

Quốc vương vẫn bình thản, xem như không có chuyện gì xảy ra.

Tức khí, Ma-gan-di-da ngậm nhờ cậu nàng tìm một con rắn độc, bỏ nó vào lỗ ống tiêu luyện voi mà quốc vương đi đâu cũng mang theo, rồi cắm vào lỗ đó một cành hoa, chờ cơ hội thực hiện yêu kế.

Hôm sau, quốc vương đến lượt viếng khuê phòng của Xa-ma-va-ti, Ma-gan-di-da liền cản:

- Tàu hoàng thượng, thần thiếp nghĩ hoàng thượng không nên đến đó hôm nay.

- Vì sao? Quốc vương hỏi.

- Đêm qua thần thiếp nằm mộng chẳng lành, e hoàng thượng!...

- Ta không tin mộng mị.

- Tàu hoàng thượng, hay là cho thần thiếp theo hầu hoàng thượng để có gì xảy ra thì...

Thế là sau khi dự tiệc vui thú với Xa-ma-va-ti, quốc vương nằm ngủ và để ống tiêu bên cạnh gối đầu. Ma-gan-di-da giả vờ đứng hầu, rồi lén rút cành hoa, con rắn độc từ từ bò ra, phùng mang thở phì phì và Ma-gan-di-da hét lên:

- Hoàng thượng! Hoàng thượng! Rắn độc! Cứu hoàng thượng với!...

Người đâu!... Người đâu!

Quốc vương thất kinh lăn xuống giường, Ma-gan-di-da trợn mắt đầy nguyền:

- Ta biết từ lâu rồi mà! Bọn đồn mạt vô lại kia lúc nào cũng muốn ám sát hoàng thượng. Hoàng thượng thấy chưa? Hoàng thượng có bao giờ nghe lời thần thiếp đâu!

Nhìn thấy con rắn thè thè cái lưỡi đen ngòm với đôi mắt đỏ ngầu, quốc vương vỗ bàn hạ chỉ:

- Lôi Xa-ma-va-ti và 500 cung nữ ra pháp trường, sắp thành hàng một, Xa-ma-va-ti đứng đầu.

Và đích thân quốc vương trưng cung nhắm ngay ngực Xa-ma-va-ti bắn một phát, nhưng lạ thay, mũi tên bay đến ngực Xa-ma-va-ti thì rớt xuống đất. Quốc vương trợn mắt, buông cung, và tay chân run lẩy bẩy, vì mũi tên quốc vương bắn ra có thể xuyên thủng một tảng đá.

Xa-ma-va-ti chấp tay, quỳ xuống, và tâu rằng:

- Muôn tâu hoàng thượng, thần thiếp và cung nữ đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chúng thần lúc nào cũng trang trải tình thương và tôn trọng sự sống.

Quốc vương cảm kích đến rơi lệ. Ngài dang hai tay, ngửa mặt lên trời, nói lớn:

- Huyền diệu thay! Hỡi Đức Thế Tôn, đáng cha lành của nhân thế.

Muru kè bị thất bại liên tục, lần này Ma-gan-di-da lại nghĩ ra một quái chước oan nghiệt hơn. Nàng lệnh cho cậu nàng nhúng vải vào dầu rồi quần chúng vào các trụ cột của cung thất Xa-ma-va-ti và thị nữ. Thấy vậy, Xa-ma-va-ti hỏi:

- Ngài đang làm gì thế?

- Xin quý nương nương hãy vào trong an nghỉ. Đây là lệnh của quốc vương muốn cột trụ được rắn chắc hơn.

Xa-ma-va-ti và đám cung nữ vừa vào trong thì các cửa được khóa chặt, và những ngọn lửa hung tàn chẳng mấy chốc đã xông lên rần rật

một góc trời.

Xa-ma-va-ti lên tiếng nhẩn nhừ:

- Nay các tỷ muội, chắc các tỷ muội còn nhớ đây! Đức Thế Tôn dạy chúng ta đã trải qua vô lượng vô biên kiếp sanh tử luân hồi trong đau thương khói lửa. Nay chúng ta được may mắn làm người, lại được gặp Phật, Pháp và Thánh tăng; chúng ta hãy nhứt tâm chánh niệm, chánh niệm thì an lạc.

Họ chí tâm niệm danh hiệu Đức Thế Tôn ba lần rồi cùng nhau đi vào chánh định trong ngọn lửa hung tàn.

Quốc vương nhìn thấy cảnh tượng ghê hồn mà ngậm ngùi than thở cho lòng dạ ghen ghét, ác độc của con người. Sau đó quốc vương ra lệnh bắt hết gia quyến của Ma-gan-di-da, chôn họ tới cổ, rồi chất rơm trên đầu mà đốt cho đến tan xương nát thịt. Rõ là một bi kịch khủng khiếp trên cõi trần ai!

Các Sa-môn hay tin, đến đánh lễ Đức Thế Tôn và thắc mắc không biết vì sao những Phật tử tinh tấn thuần thành, hiền lành hiếu đạo như Xa-ma-va-ti và các cung nữ lại phải chết thảm như thế! Đức Thế Tôn nói:

- Nay các thầy Tỳ-kheo, nếu nhìn những hiện tượng xảy ra trên cõi đời này thì lắm khi thấy bất công và phi lý lắm. Nhưng, như các thầy đã biết, trong vòng xích sanh tử luân hồi, mắc xích nào cũng có nguyên nhân và kết quả của nó. Nay thì Xa-ma-va-ti và các cung nữ đã thành tựu đạo nghiệp, thấp nhất là quả vị Tu-đà-hoàn.

- Nhưng, bạch Thế Tôn, họ đã làm gì mà nay lâm vào cảnh thế thảm như thế?

Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ-kheo.

*
* *
*

Trong một tiền kiếp xa xưa, Xa-ma-va-ti và các cung nữ đó là thần

phi mỹ nữ của quốc vương Bra-ma-đát-ta (Bramadatta) trị vì tại thành Ba-la-nại. Một hôm đi thường ngoạn, tầm sông đến chiều tối, các phi tần thấm lạnh, họ bèn rủ nhau kiêu cưỡi đốt lên sưởi ấm. Họ đã đốt nhầm một vị Phật độc giác đang nhập định trên đồng cỏ khô, và sau khi phát hiện, sợ vua nghiêm phạt, họ cố tình phi tang bằng cách chất thêm cỏ và đổ dầu lên đốt cho mau xong việc. Hành động trước thì vô tình, hành động sau thì cố ý. Thật là nhân quả trùng trùng, nghiệp cảm điệp điệp.

- Nhưng, bạch Thế Tôn, cái chết của Xa-ma-va-ti và các cung nữ cùng với cái chết của Ma-gan-đi-da có gì khác biệt?

- Nay các thầy Tỳ-kheo, những ai buông lung phóng dật, lòng dạ hẹp hòi, ghen ghét đố kỵ, thương mình hại người như Ma-gan-đi-da thì sống cũng như đã chết, còn ngược lại như Xa-ma-va-ti và các cung nữ thì chết cũng như đang sống.

Ngài đọc kệ:
*Tinh cần là đường sanh,
 Buông lung là ngõ tử,
 Tinh cần là bất tử,*

*Buông lung như thân ma!
 Hiểu rõ sai biệt ấy,
 Người trí luôn tinh cần,
 Hoan hỷ không phóng dật,
 Vui thánh quả xuất trần.
 Ai chuyên tập thiền định,
 Quyết tâm tu vững vàng,
 Giải thoát mọi trói buộc,
 Chứng vô thượng niết bàn.*
 (PC. 21, 22, 23)

(trích từ Từng Giọt Nắng Hồng của
 Tịnh Minh)

Sài-Gòn mưa nắng

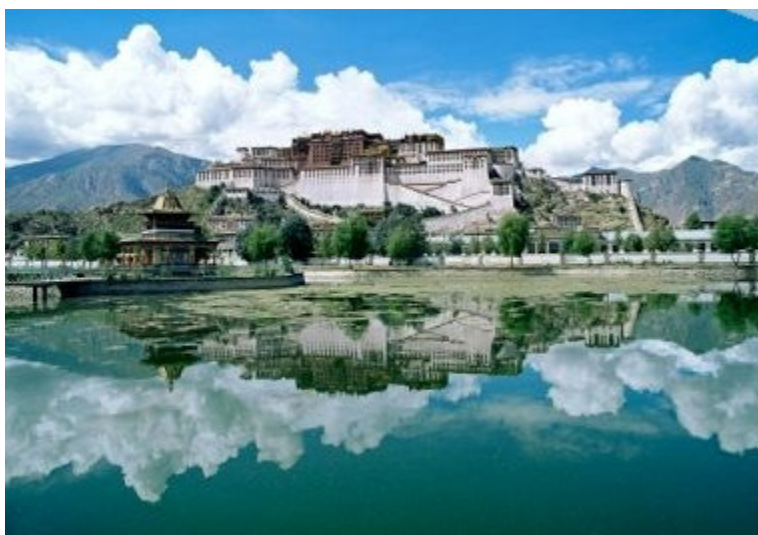
*Sài-Gòn mưa, nắng thất thường
 Trời vừa nắng đổ, lại nhường bóng mây
 Gió về thổi lốc, hàng bay
 Đứng nhìn phố xá, ôi đầy nhiều nhương*

*Baunard chưa hết đoạn đường
 Bóng mây vẫn vũ, cơn mưa lại về
 Thoáng vừa ướt áo dầm dề
 Mây tan, trời tạnh, bóng kẻ đỉnh cao*

*Trời sao như thật, như đùa
 Tự dưng nắng đến, vỡ òa ban trưa
 Hàng cây xào xạc, gió đưa
 Cơn mưa tan biến, ta vừa áo khô.*



MAI-KHANH - LÊ-ĐÌNH-CÁT



BÊN KIA BỜ HỒ và TRANG KINH CỔ

Chiêu Hoàng Không Quán

Lời tác giả: *Tác giả muốn nhân bài viết này trình bày đến độc giả một suy tư mới. Có lẽ từ xưa đến nay, ít có khi nào trong diễn đàn thi văn hai tác giả cùng hợp nhau để viết lên một bài viết, một tâm tình. Đôi khi chúng ta thấy là có những tác phẩm được viết lên dựa theo ý của một người khác, nhưng đây không phải là trường hợp này. Vì hai tác giả đi xa hơn thể trong sự hòa hợp về các sự cảm giao trong đạo.*

Trong lãnh vực ca nhạc, chúng ta vẫn thường thấy một đôi bạn song ca với những nét hòa hài hoà, ý nhị khác hẳn khi đơn ca. Bài viết này cũng cùng một ý. Và trong con mắt của tác giả, sự khác biệt này rất là dễ thương. Đó là sự kiện bài viết đã được hình thành ngay từ ban đầu qua những sự tu tập hành trì của hai chúng sinh hữu tình cùng đi tìm về một con đường đạo như nhau.

Ăn cơm có canh, tu hành có bạn. Và thực sự là điều may mắn để hai người có thể cùng chia sẻ cho nhau cũng như là chia sẻ đến các bạn đọc. Như khi đôi bạn cùng hát chung lời ca. Tiếng hát quyen lên cao vút vào trong không gian vô cùng... Văn dĩ tải đạo, và đạo hòa trong đời như là nước hòa trong sữa...

Vì thế nên hai tác giả mời bạn đọc cùng vui với sự ra đời của bút hiệu Chiêu Hoàng Không Quán.

Mặt trời bắt đầu lặn phía bên kia bờ hồ. Một vài con chim vỗ cánh bay ngang khuấy động không gian bằng những đôi cánh đập...

Hàng cây im lặng rũ bóng. Con chim nhỏ đứng hót lẻ loi một mình trên cành cây thấp xà xuống sát mặt hồ. Vài chiếc lá chao đảo theo giọng hát, chơi vơi rơi xuống mặt nước làm một cuộc hành trình dài xa tìm đường ra biển. Mặt hồ loang loáng, mọi sự, mọi vật dường như rất tĩnh lặng, không gian thênh thang, tịch tĩnh như mặc niệm về sự vô thường vẫn thăm thẳm có mặt. Nó thay đổi luôn luôn theo thời gian cứ trôi đi, trôi đi mãi...

Trên chiếc cầu nhỏ, thấp thoáng một cô bé với đôi mắt to đen, khuôn mặt nghiêng nghiêng, phảng phất một nỗi buồn nào đó. Cô đang lơ đãng chơi một trò chơi rất trẻ con là ném những con chữ xuống mặt hồ... Mà lạ, những con chữ chẳng biết viết bằng mực gì mà như có lân tinh, lóng lánh một cách kỳ lạ. Nhìn

kỹ, đó là một bài thơ. Bài thơ lãng đãng nhớ về một người nào đó dường như đã rất xa...

*xưa ru tình ngây dại
ký ức điểm sắc hương
một góc đời cất lại
cháy mát giòng vô thường*

(Cháy mát giòng trăm năm – thơ Yên Chi)

Hình như nàng đến để thăm lại một kỷ niệm nào đó, một dấu ấn trong tâm chưa thể phai mờ. Dáng ngồi lẻ loi một mình bên hồ với đôi vai gầy được phủ lên bằng một tấm khăn quàng lụa mỏng, tạo lên một khung cảnh giống như một bức tranh đẹp và rất nên thơ. Nàng ngồi nghịch ngợm với mấy con chữ rồi phổ những nốt nhạc trên bài thơ nhỏ. Âm thanh vang ra nhẹ nhàng ở những ngón tay lướt trên phím đàn, lay động những cánh lá trên cành cây sà xuống. Con chim nhỏ cô đơn chợt cảm thấy có người đồng cảm bèn cất giọng hát theo...

Hình như mặt hồ đang nín thở từ

khi nàng rời bước, mang theo những ánh sáng cuối cùng của ngày tàn. Những con chữ nhảy múa trên mặt hồ kết lại thành một bài thơ nhỏ, lung linh... lung linh... Không gian như loãng thêm ra, thênh thang một nỗi buồn lãng đãng.

Mặt trời đã lặn từ lâu. Trăng, sao bắt đầu mọc. Một vài vì sao đang thì thào bàn tán về bài thơ còn rõ nét. Họ kháo nhau rằng, Nàng đã trở về và để lại bài thơ làm mặt hồ không còn có thể lao xao được niềm vui nào nữa. Tựa như một lời thề và đang chờ người tới giải...

Lời bàn tán của các vì sao bỗng ngưng nín bật. Ở cuối đường, bỗng đâu xuất hiện một bóng người to lớn, dáng đi ngả nghiêng, trên tay lung lẳng cầm một bầu rượu rỗng. Đường như gã rất say, nên dáng đi cũng chẳng vững, chân nam đá chân xiêu... Vừa đi, gã vừa móc trong túi ra một bài thơ nhỏ, bài thơ của một người bạn thơ gã vẫn thường ngưỡng mộ. Giọng gã cất lên, ồm ồm trong đêm vắng:

*nghiêng nghiêng bầu rượu cạn
dốc dốc vụn sầu rơi
giọt ngời ngời mắt biếc
say say
ta say rồi thơ ơi!*

.....

(Lung Linh -Thơ Cao Nguyên)

Bài thơ làm mặt hồ xao động. Dưới ánh trăng, gã lãng tử ngồi xuống bên hồ, chợt nhìn thấy bài thơ lân tinh còn lóng lánh trên mặt nước. Lầm bầm đọc. Nhận ra chính bài thơ này đã quyện vào tiếng nhạc đưa chàng đến đây. Nàng là ai? Tại sao thỉnh thoảng lại xuất hiện bên hồ khảy lên những khúc nhạc lãng đãng? Gã bỗng mỉm cười rồi dốc bầu rượu cạn lên cao, tựa như gã đang uống chất rượu say hòa với trăng sáng. Tợp xong mấy ngụm rượu, gã lăm bầm một mình:

"Ta lại mất cơ hội gặp nàng nữa rồi... Chỉ còn lại bài thơ nhỏ. Hừm....

Có phải chăng cuộc đời chỉ là những trò chơi cút bắt quần quanh?"

Gã ghé đôi mắt trong veo như ngọc nhìn sâu vào trong bầu, đường như sóng sánh nổi sâu trong ấy. Cuồng quít, gã đổ bớt ra một nửa. Rượu Sầu đầy quá làm sao gã có thể gánh nổi? Họa chăng chỉ có thể chịu được... nửa bình thôi... Vì vậy chừng nào cơn sầu lên men thành rượu đông đầy bình, gã lại cuồng quít uống bớt một mớ, mớ khác đem ra bờ hồ đổ đi...

*Biết rằng Sắc, Sắc, Không, Không
Mà sao vẫn nặng trong tâm nỗi
sầu...*

(Thơ Không Quán)

Gã ngồi dựa lưng vào phiến đá nhỏ. Ngơ ngác nhìn chị Hằng đang mỉm cười với gã. Hình như những vì sao như những đứa con nít đang tò mò nhìn một kẻ đang say Sầu. Ủ. Gã say thực. Thỉnh thoảng nổi sầu dâng đầy, lên men làm cho gã có những ngày túy lúy như thế. Nhìn kỹ, gã có khuôn mặt hao hao giống một vị tu sĩ trẻ, có một chút nét phong trần và rất có duyên. Điểm đặc biệt nhất là ngoài bầu rượu, gã còn có thêm một vật tròn, phát sáng đeo lung lẳng trên cổ. Nghe chừng đó là cả một gia bảo đối với gã, vì tuy say, nhưng thỉnh thoảng gã vẫn đưa tay lên chạm vào vật tròn ấy.

Con trăng đã lên quá đầu sào. Con say của chàng lãng tử đường như đã bớt. Gã ngồi khoanh chân, lưng thẳng như cái cột trong dáng thiền định và trên môi bắt đầu mấp máy những lời kinh xưa. Tiếng tụng nghe như xa, như gần. Tiếng được, tiếng mất. Âm thanh trầm bổng như một điệu nhạc êm ả nào đó. Độ khoảng một trống canh thì tiếng tụng nhẹ dần và chìm mất vào hư không. Mặt hồ bắt đầu lay động, các chữ lân tinh bắt đầu nhạt nhòa hòa tan vào với nước. Các vì sao vẫn tò mò yên lặng từ trên cao dòm xuống. Chẳng

có gì lạ xảy ra. Nhưng nếu nhìn kỹ, trên khoé mắt chàng lãng tử bỗng chảy xuống vài giọt nước mắt trong như thủy tinh. Ban đầu một giọt, hai giọt, ba... bốn... rồi những giọt nước thi nhau chảy xuống thành dòng ướt cả má... Rồi tất cả các giọt nước mắt ấy đều chui vào trong cái ống tròn đeo lung lẳng trước ngực....

Trời đã hừng sáng. Xa xa có tiếng leng keng của những chiếc vòng ngọc chạm nhau.

"Mẹ ơi. Còn bao xa nữa mới tới hồ?"

Đó là tiếng nói của một con bé với mái tóc cùn cùn ngang vai. Một vài sợi tóc mai lòa xòa bay bên hai má bầu bĩnh. Đôi môi hồng cong lên sẵn sàng đặt những câu hỏi khó trả lời. Trên cổ tay cô đeo ba chiếc vòng ngọc, vung lên, nhip nhàng theo bước chân đi.

"Gần tới lắm rồi. Kìa! Con đã nhìn thấy được mặt hồ đấy chưa?"

Cả hai bắt đầu đi chậm lại. Đối tượng đầu tiên đập vào mắt con bé không phải là mặt hồ, mà chính là người thanh niên đang nằm khoèo bên đá. Đường như hắn đang đi vào một cơn mộng rất sâu. Khuôn mặt hồn nhiên với nụ cười mỉm. Tựa như hắn chưa từng có một cơn "khóc nhè" nào đêm qua.

Sáng nay, hai mẹ con thức dậy thật sớm đi thăm hồ, vì mẹ bảo ở đây, nếu đến kịp giờ sẽ thấy được chiếc cầu vòng bảy sắc nằm vắt ngang từ bờ bên này tới bờ bên kia. Nhưng lại gặp một hán tử ngủ ở đây. Chẳng lẽ anh chàng này cũng muốn nhìn chiếc cầu vòng bảy sắc ấy? Con bé tò mò, đi vòng quanh "đối tượng". Chợt nhận ra một vật lóng lánh trên ngực gã. Cúi xuống gần nhìn cho rõ thì người thanh niên chợt chuyển động nằm xoay mặt ra phía hồ. Suýt chút nữa là đụng phải con bé. Hốt hoảng, con bé lật đật lùi lại phía sau, đụng phải hòn đá làm nó ngã lăn chiêng.

"Mẹ ơi, có một người nằm ngủ tại đây!"

"Thì để yên cho người ta ngủ. Con chó nên quấy phá giấc ngủ của họ đấy, vì có thể họ đang đi vào những cơn mộng đẹp..."

"Nhưng ông này kỳ quái lắm cơ. Vì trên ngực ông ta, con thấy dường như có một cái ống tròn phát sáng..."

Người mẹ cảnh cáo:

"Con chó có gây chuyện đấy nhé. Ta hãy ra phía này mới có thể nhìn thấy chiếc cầu vòng bắc ngang hồ được..."

Nghe tiếng mẹ giục giã, con bé đành miễn cưỡng bước theo. Nhưng chỉ đi được vài bước lại ngừng. Thắc mắc, chẳng hiểu trong cái hộp tròn ấy, ông ta đựng thứ gì. Nghe đâu, những "người lớn" đang yêu, họ thường tặng những loại hộp tựa tựa như thế. Hộp có hình trái tim, có thể mở ra được làm đôi thành hai khung ảnh để hình trong đó. Nhưng cái hộp tròn này thì không có hình trái tim. Nó như một cái ống tròn. Vậy cái ống ấy có gì trong đó vậy cả?

Sự tò mò mãnh liệt tới độ nó không còn để ý tới chiếc cầu vòng hiện lên trên nền trời nữa, mà tất cả đều dồn vào cái vật tồng teng trên cổ người lạ. Bỗng nhiên, chàng thanh niên vươn mình ngồi dậy. Ánh sáng chiếu vào cái ống tròn trên ngực lại càng thêm lóng lánh. Nhìn ngơ ngác, những ánh nắng đầu ngày chiếu nghiêng qua màn sương tạo nên chiếc cầu vòng rực rỡ. Cảnh hồ tuyệt đẹp. Gã đứng ngẩn ngơ, cảm nhận được toàn pháp giới biến hiện như hư, như thực, chập chùng... chập chùng như giấc mộng...

Chợt nhìn thấy con bé đang đứng sớ rớ bên cạnh, nhìn mình như bị thôi miên. Gã nhón miệng cười thân thiện. Hỏi:

"Đêm qua có một người ra bờ hồ làm thơ, phổ nhạc. Em có biết người đó là ai không?"

Con bé ngẫm nghĩ một lúc, nhưng đôi mắt vẫn không rời vật

tròn lung linh trước ngực gã: "Có! Em nghe người chung quanh vùng này đều nói rằng, có một nàng tiên gãy cánh thỉnh thoảng vẫn thường đến bên hồ chơi trò ném chữ và phổ nhạc, nhưng chẳng ai gặp được nàng và biết nàng là ai cả!"

Gã lẳng từ trầm ngâm: "Lạ nhỉ! Chẳng lẽ nào..." Nói đến đó, chàng bỗng bỏ lưng nhìn mộng lung ra phía hồ. Một lúc người thanh niên để tay lên ngực, cẩn trọng khe khẽ mở cái ống tròn, lấy ra một cuộn giấy mỏng. Con bé trở mắt nhìn. Chàng từ từ mở, hình như cuộn giấy được làm bằng một loại vỏ cây nào đó ép lại nên có màu vàng ứa và rất cũ. Trang giấy trắng trơn, chẳng có chữ gì trên ấy. Nhưng nó lại nghe chàng lẳng từ đọc lên một đoạn kinh cổ. Chẳng biết bằng ngôn ngữ gì mà nghe lạ hoắc, lạ hươ...

Không thể nhin được nữa, con bé buộc miệng hỏi:

"Trên tờ giấy có gì đâu mà sao anh đọc huyền thuyên thế?"

Người thanh niên hướng cặp mắt trong vắt nhìn con bé, giải thích:

"Có chữ hán hời đấy mà. Này nhé. Ở đây còn có thêm một đoạn này hay lắm cơ..." Nói rồi, chàng chỉ xuống phía dưới. Đọc vanh vách một đoạn, rồi lật mặt, đọc thêm một đoạn khác. Ngừng một chút - Đôi mắt chàng lướt nhanh trên trang kinh - Reo lên. "Đoạn này anh thích lắm nè..." Rồi đổi giọng, ngân nga như một người đang hát. Không! Chàng không hát. Chàng đang tụng đấy! Giọng tụng trầm trầm, khi nhặt, khi khoan:

Diệu Âm, Quán Thế Âm.

Phạm Âm, Hải Triều Âm.

Thắng bỉ thế gian âm.

Thị cổ tu thường niệm.....

Lời kinh bàng bạc, đi từ tâm thức mở rộng hòa với đất trời, bay vút lên cao, đọng trên chiếc cầu vòng bảy sắc. Rồi tất cả biến thành những hoa đóm nhiều màu sắc lả tả rơi

xuống mặt hồ như một đám bụi lân tinh. Con bé nhìn chàng với đôi mắt mở lớn. Nó đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Mọi sự xảy ra chung quanh như có điều gì vừa huyền, vừa diệu. Hốt nhiên, con bé cảm thấy tâm mình cũng mở rộng theo bầu trời với những màu sắc lung linh ấy. Nó sung sướng quá - mà chẳng hiểu tại sao mình lại sung sướng đến thế - Nó đâu biết rằng, những chủng tử Phật pháp từ nhiều kiếp đã gieo trồng trong nó, đã được câu kinh và dòng tâm thức thanh tịnh của chàng lẳng từ tình cờ khơi dậy trong tâm nên mới cảm nhận được sự an lạc dường ấy, kịp lúc chàng vừa tụng xong. Đoạn kinh này con bé nghe quen quen. Hình như mẹ vẫn thường tụng vào buổi tối. Đó là một phẩm trong kinh Pháp Hoa thì phải. Nó trở mắt nhìn kỹ thêm lần nữa, tuyệt nhiên, con bé chẳng thấy được chữ gì trên trang kinh cổ...

Con bé ngơ ngơ nhìn gã, nhưng lần này nó im lặng, tuyệt nhiên không muốn để cho anh chàng lẳng từ này biết rằng mình không thể nhìn thấy một chữ gì. *Quê chết!* Nó giả vờ gật gù cái đầu rồi mách:

"Đoạn kinh này nghe quen lắm. Mẹ em vẫn thường tụng mỗi tối đấy!"

"Thiệt hả?" Thích thú, chàng lẳng từ kêu lên. "Anh nghe nói, hề tụng một trăm ngàn lần thì sẽ có cảm ứng đạo giao nan tư nghì đấy!"

"Thế anh đã tụng được bao nhiêu lần rồi?"

"Anh không biết, nhưng cứ hề tụng đến đoạn này là anh lại khóc. Nước mắt chảy ra ràn rụa và không tài nào có thể tụng thêm được nữa..."

"Sao kỳ quá vậy?"

"Là bởi anh cảm nhận được sự tương quan, tương duyên giữa mình và pháp giới. Những sự khổ đau chính mình - dù vô tình hay cố ý - đã, đang và sẽ trao truyền cho những người khác. Ngược lại, niềm vui

cũng thế. Ở một mức độ nào đó, khi ta vui, ta cũng có thể làm cho người khác vui lây. Tựa như một cái lưới để châu chấu chùng, một hạt rung động thì toàn cái lưới đều rung động..."

Con bé có vẻ ra dáng suy tư:

"Thế thì tại sao anh lại khóc?"

"Vì anh cảm nhận sự khổ đau thì đây rầy như cát sông Hằng, và chính mình cũng đang làm cho người khác khổ đau. Còn niềm vui thì ít ỏi như chút bụi bám trên đầu ngón tay..."

Con bé nhìn chàng thanh niên, đôi lông mày hơi chụm lại ra chiều suy nghĩ lung lăm, nhưng có lẽ... chẳng có gì trong cái đầu bé tí ấy cả, rồi nói một cách hóm hỉnh nửa đùa ròn, nửa trêu chọc:

"Em sợ đến một ngày nào đó, anh sẽ bị cái bệnh 'khóc nhè,' vỗ tay, cười lớn, 'Ha ha ha... Anh sẽ trở thành một ông sư. Ông-sư-hay-khóc-nhè đấy!' Chợt nghĩ ra một điều kỳ thú, Khuôn mặt trở nên nghiêm chỉnh, con bé ngược đôi mắt trong đen nhìn chàng lãng tử: 'Sao anh không đi hỏi ngài Quán Âm? Có thể ngài sẽ cho anh... thôi khóc!'"

Chàng thanh niên cười lớn: "Ha ha ha... Em nói chuyện hay lắm. 'Ông sư' thì chưa chắc đâu, vì hiện tại anh vẫn là một anh chàng lãng tử, vui đâu, chầu đấy. Nhưng thực sự trong những thời công phu tu tập hằng ngày, anh cảm nhận rất rõ

rằng, chỉ có một con đường tu hành mới có thể thoát khổ được thôi. Còn việc gặp được ngài Quán Âm rất khó em ạ, mà chẳng biết đến đời kiếp nào mình mới có đủ duyên để gặp được Ngài"

Con bé thấp giọng, thăm thì: "Thế mà em đã được gặp Ngài rồi đấy! Em không nói dối đâu. Em gặp ở... trong mơ. Ngài đẹp lắm! Mà đứng ở xa tí, em chẳng thể hỏi chuyện được đâu!"

Cả hai đang nói chuyện vui vẻ thì đằng xa, tiếng bà mẹ gọi con:

"Bé ơi, phải về cho kịp chuyển xe sớm..."

Nghे tiếng mẹ. Con bé tiếc rỏ, nhìn chàng lãng tử buồn buồn:

"Em phải về rồi anh ạ. Anh có thể cho em... sờ cái trang kinh trong hộp của anh không? Sao nó mong manh quá. Khó nhìn thấy chữ ghê anh ạ..."

Lãng tử nghe con bé đề nghị, bèn đưa trang kinh cho nó. Chàng đưa một cách cẩn trọng bằng cả hai tay. Giải thích:

"Đây là một loại giấy cổ. Nếu không đủ duyên thì chẳng đọc được gì trên ấy cả. Ngược lại, nếu đã đủ duyên rồi thì thiên kinh, vạn quyển đều gói ghém hết trong mảnh kinh này..."

Con bé ngập ngừng. Tự thú:

"VẬY là em chưa đủ duyên rồi. Vừa rồi, em nói dối anh đấy! Đối

với mắt em nhìn thì nó chỉ là một trang giấy vàng, cũ mà thôi..."

Nói rồi. Con bé trang trọng - như người đang lập những đại nguyện - đặt nhẹ tờ kinh lên mắt.

"Cái này để em nguyện cố cơ duyên đọc và hiểu được ý nghĩa của lời kinh..." Rồi nó hạ thấp xuống ngực, phía bên trái tim. "Còn cái này là em nguyện đời đời kiếp kiếp, Phật pháp sẽ ngự tại trong tâm chẳng bao giờ mất..." Cuối cùng, nó đưa trang kinh lên môi. Đặt một nụ hôn nhỏ: "Đây là món quà em xin cúng dường trang kinh này...."

Tất cả hành động của con bé tựa như một lễ nghi. Chàng thanh niên đứng yên làm nhân chứng. Đôi mắt giao nhau. Cả hai đều nhận được sự đồng cảm và đều mỉm cười...

Tiếng người mẹ lại giục giã:

"Nhanh lên bé ơi... Ta đi thôi..."

"Vâng. Con đến liền." Quay qua chàng thanh niên. "Em ước một ngày nào đó em cũng được như anh... Hãy nhớ đến em và cầu nguyện cho em trong những buổi kinh sáng tối. Chúc anh vạn sự lành..."

Nói rồi con bé quay lưng bỏ chạy về phía người mẹ. Ba chiếc vòng kêu leng keng theo tiếng chân chạy. Để lại chàng thanh niên đứng nhìn cái hai bóng bé dần ở cuối đường...

TRÍ THỨC PHẢI DÁM NÓI

"Hoàn cảnh đất nước Việt Nam như thế cho nên dân ta phải chịu quá nhiều đau thương và tủi nhục. Đối với giới trí thức nói riêng, mà xã hội Việt Nam truyền thống rất tôn trọng, điều tủi nhục lớn nhất là họ không thể thay những người dân thấp cổ bé miêng nói lên một cách trung thực tất cả những uất ức, những khổ nhục mà họ phải chịu. Bởi vì, tại Việt Nam ngày nay những người có thể nói thì ngòi bút đã bị cong; những người muốn nói thì ngòi bút đã bị bẻ gãy. Nhưng tôi biết rõ một điều, và điều đó đã được ghi chép trong lịch sử: Trí thức chân chính của Việt Nam không bao giờ khiếp nhược."

(Tuệ Sỹ - Trí thức phải dám nói)

ĐỌC THƠ HIỂU NGƯỜI

Huỳnh Đức

Viết tặng Bạch Xuân Khỏe

Tập thơ thứ hai của anh Bạch Xuân Phê đến với chúng ta khi thành phố Sacramento đã vào thu. Với tên gọi “Hương Lòng” (Perfume of the Heart), tập thơ như một đóa cúc vàng nở rộ, tỏa hương thơm dịu dàng trong tiết thu lành lạnh cùng với những giọt nắng vàng và những ngọn lá vàng; như tô điểm thêm bức tranh đẹp của mùa thu quyến rũ.

Hai nhà văn Trần Kiêm Đoàn và Vĩnh Hảo đã cho chúng ta những nhận xét thật sâu sắc và thú vị về tập thơ của Phê. Tôi không phải là nhà văn hay nhà bình thơ, vì vậy tôi không dám “múa riu qua mắt thợ”. Tôi chỉ là một độc giả đọc thơ anh và muốn chia sẻ với các bạn những cảm nghĩ của mình sau khi đọc *Hương Lòng*.

Tôi chỉ mới biết Phê khoảng hai năm và ít có dịp gặp anh; tuy nhiên qua những việc làm anh đóng góp cho chùa Kim Quang và qua một số bạn bè, tôi biết Phê nhiều hơn và thực sự cảm mến tấm lòng thuần hậu của anh. Nhưng có lẽ chúng ta phải đọc thơ anh mới có thể hiểu được anh nhiều hơn vì thơ chính là người; thơ là máu thịt, là tâm tư tình cảm, là cuộc sống của thi sĩ.

Tuy qua Mỹ từ lúc nhỏ rồi lớn lên, học, và làm việc ở đây, Phê vẫn không quên tiếng Việt. Trái lại, anh đã tự gọt dũa tiếng mẹ đẻ của mình để cho ra đời những vần thơ đầy xúc cảm. Đọc tập thơ “Hương Lòng”, ta bắt gặp một người đàn ông trẻ, tuy bên ngoài trầm tĩnh và nhẹ nhàng nhưng bên trong là cả một thế giới nội tâm với nhiều trăn trở. Qua thơ của anh, ta có thể tìm thấy ở anh một người con có hiếu, một người chồng yêu thương vợ con, một người dân khắc khoải với những điều không hay của cả hai xã hội (quê người và quê mình) và của một người con của Phật, rung động trước ánh sáng quang minh của Đạo hiền.

Phê yêu cha mẹ mình vô bờ bến. Anh đã bày tỏ lòng thương yêu đó với cha anh:

*Có bao giờ cha biết? Con yêu cha thiết tha?
Có bao giờ con nói, cha thần tượng của con.*

....

*Và bây giờ con nói, con mãi mãi thương cha!
(Có bao giờ cha biết? trang 101)*

Đối với mẹ, Phê vẫn luôn là đứa con còn bé. Anh thương mẹ lắm. Một người quen của tôi là nha sĩ có lần nói với tôi: “Cháu chưa từng thấy ai có hiếu như Phê. Mẹ đi nhờ răng mà cứ đứng một bên cầm tay đỡ dành và trấn an mẹ.” Tôi nghe vậy thật xúc động vô cùng; mẹ của Phê thật may mắn có được một người con trai như anh vì trong xã hội nhiều nhương này, biết bao người mẹ đã nhỏ những giọt nước mắt đau khổ vì những việc làm trái quấy của con trai mình. Người con trai này đã trưởng thành, đã có gia đình, ấy vậy mà vẫn cảm thấy thật nhỏ bé như trẻ thơ, vẫn bám víu mong chờ mẹ che chở trong con tuyệt vọng:

Trong cơn đau ray rứt

Gọi tiếng Mẹ yêu thương

“Mẹ ơi...mẹ ơi, Mẹ”

Nghe ghen ngào trong tim.

(Mẹ, trang 94)

Khi mẹ ốm, Phê đã khuyến khích, cổ vũ tinh thần mẹ để bà mau mạnh vì anh cần mẹ biết đường nào:

Mẹ ơi! mau bớt bệnh.

mẹ là cuộc đời, là nguồn sống.

.....

Mẹ ơi! con thương mẹ.

(Mẹ đang bệnh, trang 116)

Và anh đã thương mẹ hơn, hiểu sự hy sinh của mẹ hơn khi anh có con; anh nhận ra rằng :

Thưa mẹ, con có thương thế nào cũng không đủ.

Tình thương mẹ bao la như vũ trụ

Mẹ là vĩnh hằng, bất diệt bất sinh.

(Khi có con, con càng thương mẹ! trang 34)

Phê thương mẹ nhiều như vậy nên anh cũng là một người yêu quý vợ nồng nàn vì vợ anh cũng đang mang thiên chức cao quý này. Anh rất thông cảm cho những nhọc nhằn mà vợ anh phải trải qua khi nuôi con:

Rạng đông

nghe tiếng thở dài

“có con khổ quá”

có ai nào ngờ

(Có con, trang 65)

Tình yêu anh dành cho vợ hiền được thể hiện qua niềm hạnh phúc tìm được người bạn đời của mình:

*Nàng nhân phẩm của người phụ nữ Việt
Gặp, cưới em, trọn vẹn cuộc đời anh.*

(*Hun hút một tâm hồn*, trang 53)

Và anh đã quay cuồng trong nỗi nhớ khi xa nàng:

*Nỗi nhớ càng quặn thắt
Em hồi em có hay?
Những lúc mình âu yếm
Nồng nàn thêm ngất ngây*

(*Đêm xa*, trang 86)

*without you,
without you, a day seems unbearably lonely.
without you,
without you, a night seems longer and colder.*

(*Love*, trang 173)

Phê còn là một người cha yêu thương con dù phải chịu nhiều cực nhọc khi nuôi con. Tuy vậy, anh vẫn lạc quan vì anh ý thức được sự thiêng liêng cao quý của sự ra đời con trai anh:

*“có con khổ quá” có ai nào ngờ
nằm bên lặng lẽ ý thơ
dẫu rằng khổ đó
vẫn mơ
cội nguồn*

(*Có con*, trang 65)

Và sự cực nhọc đó đã được đền bù bằng niềm vui sướng khi anh nhìn thấy những thay đổi ở đứa con trai:

*Thằng con vừa biết nói
Tiếng “ba”, “ma” mập mờ
Ngân nga như vần thơ.*

(*Tiếng nói đầu tiên*, trang 114)

Mặc dù Phê là một người nặng tình với gia đình, anh không vì thế mà làm kẻ bàng quan trong xã hội. Ngược lại, anh đã có những suy nghĩ, những ưu tư về nơi anh đang sống:

Băng qua Luther Martin King Jr. blvd

....

*những đống rác
ngổn ngang
chồng chất
nối tiếp nhau nằm chình ịch trên đường
thành phố không màn dọn dẹp.*

(*Rác Sacramento*, trang 81)

và anh cũng nhìn ra thế giới, chia sẻ nỗi đau đớn của người phụ nữ mất chồng, mất con:

Listening to an anguished cry of a Lebanese woman

Who just lost her husband and kids to Israel's bombs.

.....

*and I cried with her
Suddenly I found myself in that anguished cry of the young woman.*

(*The cry of war*, trang 152)

Khi về thăm quê hương, Phê đã day dứt trước những điều không hay của quê nhà:

Kênh xanh đẹp làm nơi rác đổ.

.....

Rác nhiều hơn sau cơn Đại Hồng Thủy Á Châu năm 2004.

*Rác ngổn ngang như tâm sự người mang.
Mong rác đó hóa thành hoa trong mai một.
(Đường về quê, trang 28)*

Phê có được một trái tim nhân hậu như thế, một tấm lòng tử tế như thế có lẽ một phần nhờ vào sự hiểu biết, học hỏi Phật Pháp, và sự hướng dẫn dạy bảo của quý Thầy.

Vì vậy chẳng lạ gì Phê đã viết những vần thơ mang ảnh hưởng triết lý Đạo Phật:

*bỏ không những danh vọng hão huyền
mang chỉ những phân biệt vị kỷ
hợp nhất phúc lợi chung
yêu thương và tha thứ.*

Và anh cũng đã thấm thía ý nghĩa của việc tu học, để rồi nhìn cuộc đời một cách nhẹ nhàng thanh thản hơn:

*Có tu học! cái đơn sơ bỗng trở thành thánh thiện.
Hạt Bồ đề tìm trong lá dâu xanh.
Cái mỏng manh trở nên bất diệt.
Có diệt đâu hay bàng bạc muôn màu?*

Trên đây chỉ là một vài ý nghĩ của cá nhân tôi cùng một số ví dụ tôi đan cử nhằm giải thích những điều mình muốn nói trong bài viết ngắn này. Vẫn còn quá nhiều điều chưa được đề cập đến. Muốn hiểu thêm những tâm tư tình cảm của Phê, xin các bạn hãy tìm đọc tập thơ *Hương Lòng* để cùng chia sẻ những cảm nghĩ và rung động của anh.

Huỳnh Đức

Elk Grove

Mùa thu 2007

** Nếu quý vị muốn mua tập thơ Hương Lòng để ủng hộ Xây Dựng chùa Kim Quang và giúp đỡ GDPT Kim Quang, xin liên lạc tác giả tại email: tamthuongdinh@gmail.com*



(tiếp theo)

CHƯƠNG MƯỜI

Tiếng Vô Một Bàn Tay

- Mỗi người chỉ có một cuộc đời để sống, vậy mà biết bao nhiêu người đã xài cuộc sống này một cách phí phạm như thể là họ còn có một cuộc đời khác đang cất để dành trong tủ không bằng...

Trí Hải và Phạm Xảo đến thăm thầy Tiều gặp khi thầy đang cười khúc khích nghe lời nhận xét về cuộc đời của một người khách lạ. Thầy Tiều có vẻ vô tâm và cười đùa một cách dễ dàng làm những người vốn quen với vẻ nghiêm cẩn và quan trọng bên ngoài lắm lúc lấy làm khó chịu. Cái vô tâm của thầy Tiều là thầy cảm ứng mọi sự việc xảy ra trong đời sống xung quanh rất nhanh. Nhưng rồi thầy cũng quên rất nhanh và dường như chẳng còn dấu vết gì lưu lại trong lòng thầy cả.

Thầy Tiều quay qua hỏi hai người khách mới bước chân vào nhà một cách bất chợt:

- Hai vị đây có vị nào đang cất riêng một cuộc sống khác ở nhà hay ở đâu đó không?

Hỏi xong thầy lại cười khúc khích có vẻ như không chờ đợi câu trả lời. Người khách đến trước cau mày. Hai người khách mới đến

thoảng vẻ ngỡ ngàng. Phạm Xảo không nói gì. Trí Hải trả lời với giọng nửa đùa nửa thật:

- Có. Nhiều lắm. Nhưng không biết là những cuộc sống khác sẽ vui hơn hay buồn hơn cuộc đời này. Bách thiên vạn kiếp nan tạo ngộ... mà.

- Tốt! Tốt lắm. Dễ thôi. Nhìn đời đang có thì biết rõ đời trước, đời sau thôi.

Rồi thầy lại day qua phía người khác đến trước hỏi tiếp:

- Còn quý hữu sao lại nghèo thế?! Bộ chỉ có một cuộc đời hiện tại này thôi nên phải hà tiện, không dám xài nó à?

Người được hỏi miễn cưỡng trả lời:

- Theo thuyết nhà Phật thì có vô số kiếp tức là có hằng hà sa số cuộc đời. Nhưng đó là những số kiếp quá khứ và vị lai làm sao nhớ được hay biết được mà tính! Đây là chưa nói đến trường hợp có khi kiếp sau không sinh được làm người trở lại mà thành một loài hạ đẳng nào đó thì biết làm sao đây?!

Thầy Tiều bỗng bật cười thành tiếng. Thầy nói trong tiếng cười chưa dứt:

- Tốt! Tốt lắm. Thế quý hữu có dự định kiếp sau làm gì không?

Người khách giờ hay tay lên trời:

- Trời đất! Nếu như tôi dự định được cho kiếp sau giống như mình

dự định vẽ họa đồ cho một căn nhà tương lai thì tôi đến đây làm gì?

Điều bộ và tiếng than "Trời đất" của người khách làm Trí Hải nhớ lại người bộ hành cùng đi lạc với mình trong đêm.

Thầy Tiều hỏi một cách thẳng thắn:

- Vậy quý hữu có dự định đến đây để làm gì?

Người khách có vẻ bức bối, cao giọng:

- Trời đất! Sao thầy lại hỏi thế. Tôi tìm chùa, tìm cao tăng để học đạo, tu hành cho giải thoát chứ chả lẽ đến đây để buồn bán vịt trời à?

Thầy Tiều lại cười khúc khích. Nhưng chỉ trong một thoáng, thầy lại đắm mình tư lự và hỏi như hỏi chính mình:

- Buồn bán vịt trời! Ý thật hay. Mà có cần vốn liếng nhiều không và lời lãi như thế nào?

Phạm Xảo góp ý:

- Không cần vốn mà chỉ có lời. Khi nhỏ khi to tùy theo lúc. Càng lừa được nhiều người nhẹ dạ và bán được càng nhiều bầy vịt thì càng lời to.

Thầy Tiều dang cả hai tay ra đón lấy ý kiến Phạm Xảo, rồi hỏi một cách nhiệt tình:

- Thực tế là phải làm sao?

- Dễ lắm thầy à. Thì cứ nhận bừa một bầy vịt trời nào đó đang hạ cánh tìm môi trên đồng và nhận đó là vịt của nhà mình, rồi gạ gẫm người qua

kẻ lại để bán vịt. Ai ham mua được vịt giá rẻ mặt thì mua. Mua xong thì người bán linh mất và vịt thì bay bổng lên trời mất dạng là xong chuyện.

Ra về tán thưởng, thầy Tiều gọi ý:

- Hay lắm. Hay lắm! Kiềm ăn dễ vậy sao chúng ta không hề nhau đi buôn vịt trời kia?

Về năng nổ của thầy dụ lại khi Phạm Xảo giải thích:

- Đó là nói đại thể, chứ đi vào ngõ ngách thì muôn phần rắc rối. Người lái vịt trời đã gian thì phải ngoan. Phải biết lộng giả thành chân, đóng trò khéo léo, khi muốn biến cái giả thành cái thật. Bọn lái có thể chỉ chỏ, gọi tên, mô tả, tô vẽ từng con vịt trời trong bầy vịt trời mà hần ta chẳng biết gì cả khi chúng đang rĩa nước trên đồng sâu, làm cho người mua mê mẩn. Cái giả cổ làm cho thật nên nước sơn bên ngoài bao giờ cũng đẹp hơn cả cái thật.

Thầy Tiều lại tiếp tục hỏi Phạm Xảo:

- Thế thì bầy vịt trời có thật hay giả?

Phạm Xảo không lưỡng lự suy nghĩ mà trả lời ngay:

- Hoàn toàn có thật. Nhưng thật mà giả. Nhìn thì thấy mà không bao giờ bắt được trên tay.

Thầy Tiều tỏ vẻ quan tâm hơn:

- Vậy phải làm sao để có được trong tay?

- Phải nuôi từ trứng bé thầy ạ.

- Nuôi cho đến khi khôn lớn thì thuộc về người nuôi phải không?

- Giống vịt đồng đủ lông đủ cánh thì bay đi. Chúng nó thuộc về cảnh thiên nhiên trời cao đất rộng, chẳng chịu thuộc về ai cả.

Chân dậm bước, tay nắm con vịt đồng tượng tượng đưa lên trong khoảng không, thầy Tiều lại hỏi Phạm Xảo:

- Thế thì con vịt sinh ra để làm gì?

Vuốt má mình bằng cả hai tay,

với một chút lúng túng, Phạm Xảo hỏi lại:

- Thế thì con người sinh ra để làm gì?

Thầy Tiều cười hì hì, trả lời dễ dàng:

- Để làm người!

Phạm Xảo mặt hớn hờ, tiếp lời:

- Thì con vịt sinh ra để làm vịt!

Cách trả lời chấp đuôi, huề vốn của Phạm Xảo lại được thầy Tiều vỗ tay tỏ vẻ tán thưởng như trẻ thơ vừa khám phá ra món đồ chơi mới. Thầy bày tỏ ý mình một cách hồn nhiên:

- Quả thật không khác! Không khác! Tìm về đạo Phật cũng như nuôi vịt trời. Nuôi là một cách gieo mầm, chăm chút ươm bón, không chụp giật được. Đạo nằm trước mắt mà không thể mua bán. Ham mua giá rẻ thì chỉ mua được cái bóng. Săn đuổi bằng sức mạnh hay lưới bẫy thì chỉ tóm được một mớ thịt vô hồn. Muốn đưa đạo vào đời phải có công phu, phải ươm nhân, tạo mầm và chăm nuôi từ trứng bé. Dẫu biết giống vịt trời nuôi lớn sẽ bay đi, nhưng vẫn còn cái bóng... và rồi cái bóng cũng không còn mà chỉ còn cái bóng trong tâm. Đạo Phật là cái động lại trong hồn khi không còn cái bóng... Hi, hi! Ngộ thật!

Người khách lạ lầm lũi bước ra cửa chẳng chào ai. Nhưng bất ngờ ông ta quay phắt lại nhẩn mặt nhìn nhà sư, nói giọng chua chát:

- Thừa sư ông, tôi mất công đội đànng than dạ đi tìm thầy học Đạo mà công uổng danh hư. Gặp thầy không nghe nói chuyện từ bi trí tuệ gì cả mà toàn là những chuyện nhảm nhí chả đâu vào đâu. Thử hỏi thầy, thầy để Đạo của thầy ở đâu mà không nói cho ai biết vậy?

Thầy Tiều lại cười rung cả đôi vai. Thầy làm bộ tìm quanh không thấy rồi lắc đầu hỏi lại người khách:

- Không thấy. Không thấy Đạo đâu cả. Cái Đạo mà quý hữu đang tìm nó giống cái gì mà lại lôi kéo quý hữu mạnh đến như thế? Quý hữu

có thể cho tôi biết rõ Đạo như thế nào, rồi biết đâu tôi cũng có thể giúp quý hữu một tay để tìm ra nó?

Người khách vẫn còn cái giọng giận dữ, nói gần từng tiếng lúc đầu, rồi thao thao về sau. Ông ta nói như đọc thuộc lòng Tam quy, Ngũ giới, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo... rồi Tánh không, Duyên khởi mỗi lúc một hăng. Cuối cùng, có lẽ vì sợ hụt hơi, ông ta tạm ngưng lại, rồi thở phào và kết luận một cách đầy kiêu hãnh:

- Đó, thầy nghe không? Đây mới đúng là Chánh Đạo!

Thầy Tiều vỗ tay:

- Hay lắm. Hay lắm! Nhưng quý hữu vừa đọc cái gì mà nhiều thế?!

Người khách nói như gât:

- Thì kinh chứ gì nữa. Tôi vừa nói về Đạo mà. Ôi thiên địa quỷ thần ơi, tôi nói Đạo đến dằng trời như thế mà thầy còn hỏi là tôi nói gì thì không biết thầy còn tinh táo hay không? Bây giờ đến lượt thầy nói về Đạo đi nha!

- Đạo gì?

- Thì đạo Phật của thầy chứ có đạo gì vào đây nữa.

- Hình như quý hữu đã nói hết rồi. Mà thật tình thì tôi có đạo gì đâu để mà kể!

Người khách cười mũi, vẻ bực bội:

- Thầy nói như chuyện đùa. Đầu tròn áo vuông thế kia mà lại nói không theo đạo nào là nghĩa làm sao?

Thầy Tiều vẫn không dứt cái giọng vui đùa:

- Ý tôi nói là cái đạo Phật theo cách suy nghĩ của quý hữu đó mà.

- Đạo Phật trong tôi không giống đạo Phật của thầy. Cũng được. Nhưng người đi tu như thầy mà nói về Đạo sẽ hay ho và cao siêu hơn kẻ phàm phu như tôi nhiều. Sao thầy không thuyết pháp cho người ta nghe với?

Trầm giọng, thầy Tiều nói với người khách:

- Đạo là con đường để đi, không

phải là chuyện trâu cau, trà nước để nói cho nhiều quý hữu ạ.

Người khách tỏ vẻ không bằng lòng:

- Đạo Phật nằm trong tam tạng kinh điển, đạo Chúa nằm trong Kinh Thánh, đạo Nho nằm trong Tứ Thư Ngũ Kinh... chứ có đạo nào nằm giữa đường, giữa sá đâu mà thầy nói vậy. Muốn hiểu đạo hay muốn biết lối nào mà đi thì phải có người giảng đạo hay chỉ đường vạch lối chứ đâu có vớ vẩn kiếm đạo ngoài đường được, thưa thầy.

Thầy Tiều vẫn vui vẻ:

- Nói đạo, cầu đạo mà không hành đạo thì chẳng bao giờ thấy đạo.

Khách dẫn đo một chút rồi hỏi:

- Xin mạo muội hỏi thầy là thầy đang tu với ước mong sẽ đạt thành quả vị gì sau này?

Thầy Tiều cười:

- Thành gì cũng được! Miễn là cầm chắc mình đang làm việc tốt. Gieo nhân lành thì gặt quả tốt thôi.

- Vậy thì đi tu để làm gì?

- Để tìm cách giải phóng cho mình khỏi bị sự cột trói của chính mình và của người khác.

- Thầy nói nghe thật lạ tai. Tu theo Phật là phải buộc mình trong giới luật của nhà Phật chứ làm gì có chuyện "giải phóng" tự do theo ý mình muốn?

- Đạo của Phật và giới luật của nhà Phật là cái phao để mình nương theo đó cho khỏi chìm trong khi ráng sức bơi qua bờ bên kia. Đến bờ mình mong muốn rồi thì nghiêng mình cảm tạ và buông phao để đi tự do trên bờ bên mới chứ chẳng lẽ cứ ôm phao hoài như thế!

- Nói thì dễ nhưng biết bao giờ mới bơi được qua sông?

- Càng buông hết càng nhẹ, càng thành thạo thì càng bơi nhanh hơn. Vừa bơi vừa bị vướng, vừa cố quay lại níu kéo vô số vật trên bờ bên cũ thì có khi hết một đời chưa rời bến được, nói chi đến việc qua được bờ bên kia.

- Bờ bên kia có phải là cõi Phật không?

- Tôi thấy bờ bên kia nhưng chưa qua thì làm sao tôi biết được.

Ông khách lắc đầu:

- Đang mang kiếp làm người mà cất công đi tu để mong "thành gì cũng được" là tu lỗ vốn. Tôi tình thật hỏi thầy là quả thật thầy không muốn thành Phật hay sao?

- Tại sao tôi đang là tôi như thế này lại phải tìm mọi cách để biến mình thành một người khác. Tôi là tôi, Phật là Phật. Vì có gì tôi phải xóa bỏ chính tôi để lo tu cho thành Phật?

- Vì Phật là đáng giác ngộ.

- Giác ngộ là gì?

- Là thành Phật.

- Bằng cách nào?

- Tu.

- Làm sao tu?

- Đến chùa và ăn chay niệm Phật để cầu Phật.

- Đức Phật trong ý nghĩ của quý hữu đã nhập Niết bàn cách đây hơn hai nghìn mấy trăm năm rồi. Đi tìm Phật ở chùa sẽ không bao giờ gặp đâu. Chùa không có Phật.

Cao giọng bất bình, ông khách hỏi lại:

- Chùa là nơi để thờ Phật mà sao lại không có Phật?

Vẫn thản nhiên, nhà sư trả lời:

- Đúng. Chùa chỉ là một ngôi nhà để thờ tượng Phật. Thờ có nghĩa là vọng Phật hay hướng Phật chứ không phải là nuôi Phật. Nên đó chẳng phải là nơi có Phật.

- Vậy Phật ở đâu?

- Phật không phải là ông thần ban phước hay giáng họa từ trên trời hiện xuống. Phật không phải là một đấng thần linh dắt ta đến chốn Niết bàn. Ta ở trong Phật. Phật ở trong ta. Mỗi ta đều có Phật và mỗi Phật đều có ta. Câu nói khẳng định đầu tiên của đức Phật tương lai với cuộc đời là: *"Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn!"* Trên trời, dưới đất chỉ có ta làm chủ chính ta. Khi tự mình tìm

thấy được tính Phật trong chính mình là thành Phật.

- Thế còn pháp khí và chư tăng ni thì sao?

- Tất cả đều là những phương tiện tốt hơn để đi tìm tính Phật.

- Thầy nói vậy thì chả lẽ chẳng có ai dắt dẫn mình đến cõi Phật hay sao?

- Cõi Phật ở ngay trong lòng quý hữu. Vậy nên ngoài quý hữu ra, không ai đủ sức làm cho cái tính Phật trong quý hữu hiển lộ. Ai cũng có thể thành Phật trong chính mình, chứ không ai thành Phật trong người khác hay phải biến thành người khác mới thành Phật cả.

- Phải bắt đầu từ đâu để có thể làm cho tánh Phật trong ta hiển lộ?

- Quét những lớp bụi mờ mỗi ngày trong kiếp sống hiện tiền và tích lũy từ bao kiếp trước. Quét mỗi khắc, quét mỗi canh, quét mỗi ngày không bao giờ ngưng nghỉ. Coi chừng lá rụng nhiều hơn lá quét và bụi bám dày hơn bụi lau. Quét dọn siêng năng không bằng ngưng xả rác.

- Phui bụi hay tu?

- Tu là phui bụi!

- Tu bụi?

- Vâng, có lẽ phải thế thôi. Tu bụi trước đã, tu đạo sau. Không tu bụi thì làm sao lau sạch được bụi để sáng mắt, thấy đường mà đi.

- Làm sao để lau bụi bên trong, bụi trong định kiến và tâm hôn?

- Là im lặng, định tâm để nhìn sâu, nhìn thẳng vào trong chính mình. Chỉ có ánh sáng mới xua được bóng tối. Chỉ có trí tuệ mới xua được vô minh. Vô minh chính là lớp bụi trong ta. Càng nói, càng phân tích lý luận, càng không hiểu. Bụi trần gian khó chùi sạch nhất là bụi đóng trong đầu mình.

Sau câu nói đó, thầy Tiều im lặng trong khi ông khách vẫn nhấp nhòm ngó không yên.

Ông khách vẫn còn âm ứ và muốn thách thức với thầy Tiều và tất cả các người đang lui tới trong chùa.

Ông khách xuất thân là một nhà tu cõi áo hoàn tục. Với kiến thức sẵn có mà ông ta được học bao năm ở nhà chùa, cộng thêm với nỗ lực dùi mài đọc sách, ông hết sức tự hào với cái kho kinh điển trong đầu mình. Không ai xua đuổi ông ta ra khỏi chùa. Chính sự mê mờ không muốn tu để giải thoát mà chỉ muốn tu như một lối đầu tư lời nhiều lỗ ít đã làm ông ta mất kiên nhẫn, sớm chán nản với nếp sống tu hành kham nhẫn đã đưa ông khách xa dần với đời tu sĩ. Thêm vào đó, lòng kiêu căng, ngã mạn không muốn thua ai, đã lôi kéo ông khách ra nhảy múa giữa đời nên chiếc chìa khóa tâm linh của ông để mở cổng chùa cũng mất. Không vào lại được cửa nhà chùa, ông ta đâm ra hận đời, hận mình, hận người. Ông ta quyết trả thù đời bằng cách chu du đến nhiều nơi có chùa chiền, tu viện để thách đố, đấu lý với các nhà sư. Ông ta muốn xem vì có gì mà ông ta không ở lại chùa được, trong khi những người cùng tuổi với ông vẫn còn đang tu học thuần thành và nghiêm cẩn. Sự cố chấp và lòng ganh tỵ đã làm cho ông khách xem chốn chùa chiền là một đấu trường của hý luận hơn là một môi trường tu hành.

Quay về phía người khách và những người đang im lặng chăm chú theo dõi cuộc đối thoại, thầy Tiều mời mọi người tham gia ngồi tĩnh tâm như thường lệ.

Thầy Tiều sửa lại chiếc áo nhà sư màu vàng đất cho ngay ngắn, thấp nhang lên lư hương. Thầy nhẹ nhàng ngồi xuống xếp bàn ngay ngắn đối diện với khách rồi đưa tay đỉnh đạc đánh ba tiếng chuông. Ba tiếng chuông nổi nhau ngân dài. Dư âm rung động nhỏ dần và ngấm vào không gian, vào vật thể và vào lòng người một cách rất nhẹ mà sâu. Khuôn mặt thanh thần của nhà sư như tắm trong nguồn an lạc. Miệng cười và đôi mắt sáng ngược nhìn tất cả mọi người rồi từ từ khép nhỏ lại

nhưng không nhắm hẳn. Người khách nhòm người trong tư thế sẵn sàng lắng nghe lời nói của nhà sư nhưng trên nét mặt cười của nhà sư chỉ còn sự im lặng.

Những người khác dường như đã quen thuộc với bầu không khí tĩnh tâm lắng đọng này nên họ từ từ lắng lặng ngồi xếp bàn, mắt nhắm lại, hay nhìn về về mặt và đáng ngồi an nhiên tự tại của thầy Tiều. Người khách lên tiếng đặng hắng giọng mấy lần như để nhắc nhà sư phải nói lên điều gì nhưng tiếng động chẳng làm ai chú ý và gây ra một cảm giác so le, thô thiển. Ông khách chỉ muốn bật ra lời thách thức để xem nhà sư có thuộc nhiều lý thuyết và kinh kệ nhà Phật như ông ta không.

Đợi mãi. Chỉ có sự im lặng kéo dài mà tiếng muỗi bay vo ve cũng rõ ràng nghe được. Một sự chần động gần như bùng vỡ và một cảm giác sôi bông lời ông khách đứng dậy và tiến về phía nhà sư.

Ông khách nghiêng răng và chỉ muốn buông lời thóa mạ nhà sư sao lại "hèn nhát" không dám công nhiên lớn lối đấu lý, thi tài với ông ta. Đúng khi ông khách lên đến đỉnh điểm của sự đòi co đang nung nấu lòng ông ta thì nhà sư mở mắt và mỉm cười. Đôi mắt đầy thiện cảm và nhân ái đi theo nụ cười mát rượi của thầy Tiều làm cho ông khách bối rối. Ông cố bặm miệng, thờ dốc và đóng kín cửa giao tình để chống lại sự cảm dỗ chinh phục, nhưng toàn thân nhà sư như toát ra một hơi ấm vô hình mà chan hoà hiền dịu làm cho ông khách bỗng đâm ra sợ hãi chính mình. Sợ hãi gã "tôi" hung hãn đang run rẩy trên đà tung mình vào cuộc chiến đấu. Lực đối cân với "gã tôi" lúc này lại là một khoảng không im lìm và xa vắng. Những mũi tên hần học không hình tượng của người khách bắn ra bay vút vào một nơi nào không có điểm tựa nên trôi đi và mất dạng. Nụ cười của nhà sư như đoá hoa đã nở, không hề biết khép

lại trước luồng giông bão làm cho mũi tên của người khách mất tiêu điểm. Thù hận bắn vào thương yêu cũng như người xạ thủ đứng bắn mặt trời. Tên lạc phương nào nhưng ánh nắng vẫn chan hòa không cạn bớt. Cái tôi nhỏ bé đầy thù hận của ông khách như tảng băng tan từng miếng dưới hơi ấm mặt trời. Trong một thoáng bất ngờ nhất, ông khách cảm thấy như có một vật rơi nặng nề đang vật vã nằm xuống trong mình. Ông cảm thấy nổi tức giận dịu lại. Ngọn núi thách đố thấp dần cho đến khi trải ra trên cánh đồng xanh mượt êm ả như nhung. Cánh đồng tâm thức mở ra đón luồng gió mới. Sự an hoà trở lại. Người khách từ từ ngồi xuống. Có một nụ cười về muộn trên môi...

Giờ khắc trôi qua với từng đợt cảm xúc dồn dập, chậm dần rồi ngưng tụ. Cảm giác bút rút như đám cỏ tranh khô nằm rạp xuống cho ngọn gió chiều thổi êm nhẹ như nhung. Sự im lặng là một giấc ngủ ngày êm ả. Cho đến khi ba tiếng chuông thông thả giống lên báo hiệu giờ tĩnh tâm đã hết. Sự lắng đọng kéo dài không muốn động. Người khách có cảm tưởng như chưa bao giờ có ai đó đã từng nói với mình nhiều bằng sự im lặng vừa qua. Ông khách cười vu vơ với đám lá bên ngoài khung cửa sổ. Đã lâu lắm mới có được một nụ cười trên môi người đây sân hận.

Sáng hôm sau như thường lệ, khi tiếng gà gáy sáng đầu tiên vừa cất lên, thầy Tiều đã thức dậy mở cửa ra sân để luyện nội nhiệt.

Thầy Tiều đã trải qua một thời kỳ khá dài tu học trong các vùng giá lạnh nhất của xứ Tây Tạng. Cái lạnh miền băng tuyết đủ làm cho luồng hơi nước vừa thở ra khỏi miệng đông thành bụi đá thể mà các đại lão thiền sư Tây Tạng vẫn quanh năm thay đổi trên mình lớp y vàng mỏng manh. Nội nhiệt hay nội hỏa (Tumo) là một

trong sáu phép tu Na-rô-pa (nāropa) được gọi là Na-rô Lục Pháp tại Tây Tạng. Đây là phép tu căn bản nhập môn để các hành giả có thể tự nâng thân nhiệt cao tới mức sôi bỏng, chống lại cái lạnh ghê người của vùng núi xứ tuyết. Nhưng riêng với thiền sư Đạt Lai Đề Vần, là bốn sư của thầy Tiều, thì cái nóng, cái lạnh là bản chất tự nhiên của thiên nhiên. Con người cũng chỉ là một sinh vật thiên nhiên nên muốn sống còn phải tự luyện mình để có thể quen với cái lạnh, sống cùng với cái lạnh chứ không phải đương đầu chống với cái lạnh, vì sức chống càng mạnh thì lực trả càng cao. Phép Quán Thiên Thiên Định là ngắm nhìn vận trình thiên nhiên và trật tự của thiên nhiên để trầm tư luyện hơi thở, quan sát các trung khu và nội huyết của chính thân tâm mình và tập trung vào linh ảnh của các âm ngữ như “Om”, “Hum”, “Ram” để cho cái Tôi của mình nương theo cái Chúng; cho cái Tiểu Ngã hòa vào Đại Ngã mà hành trì tu chứng.

Cửa vừa hé mở đã thấy một bóng người lù lù ngồi ngay trước hiên nhà. Nhìn kỹ, hóa ra là người khách hôm qua. Thầy Tiều lên tiếng hỏi trước:

- Ủa! Quý hữu chưa về? Sao quý hữu không vào trong mà ngồi ngoài này cho lạnh?

Với giọng chậm rãi còn ngái ngủ, người khách trả lời:

- Tôi đã lên dò dọc đi được hai bên sông rồi, nhưng phải quyết định quay về vì một chuyện mà có lẽ nói ra thầy sẽ cười vì cho là quá nhỏ. Thế nhưng đối với tôi lại quá lớn.

Thầy Tiều lại cười, tiếng cười buổi sáng thật trong:

- Quý hữu tóm được con voi mà tôi lại biến voi thành chuột sao?

- Có lẽ gần gần như vậy thầy ạ.

Thầy Tiều không vội trả lời khách mà hít một hơi thật sâu rồi thở ra nhẹ nhàng và mời khách:

- Mời quý hữu vào trong uống

trà cho ấm đã.

Bên khay trà phảng phất hương sen, trong không khí ấm áp, hai người cảm thấy gần nhau hơn. Thầy Tiều nhìn đáng vẻ mặt mời của người khách lạ và đưa tay mời:

- Mời quý hữu dùng trà!

Người khách nắm hai tay để lên ngực:

- Thưa thầy, xin thầy gọi tôi là Tâm An. Đây là pháp danh mà vị bốn sư đầu tiên của tôi đã đặt năm tôi mười tuổi, ngày mới phát tâm xuất gia.

Thầy Tiều nhắc lại câu chuyện đang còn bỏ lửng:

- Hồi này, đạo hữu Tâm An đề cập đến chuyện to to, nhỏ nhỏ gì đó. Có phải ý đạo hữu muốn nói về tướng voi to hơn chuột, nhưng tánh chuột cũng như voi, phải không?

Người khách lộ vẻ cảm động khi được người đối diện thay đổi cách xưng hô từ "quý hữu" đầy vẻ lễ nghi sang cách xưng hô "đạo hữu" và gọi tên thân mật. Ông ta tiếp lời:

- Tánh và tướng, thật tình tôi chưa nghĩ xa đến vậy. Thế mà suốt đêm qua đã không ngủ được rồi chỉ vì tôi cứ trần trọc hoài về ý nghĩa chữ "Tu Bụi" mà thầy dùng. Nó mang một vẻ gì đó vừa bình dân, vừa sù sì, vừa sắc nhọn; nhưng cũng rất gọi hình, thực tế và đầy cảm khái khi tôi hỏi "phủi bụi hay tu?", thầy đã đáp lại "tu là phủi bụi hay tu bụi cũng thế thôi!" Trong đời, tôi chỉ thấy người ta dán màu, tô vẽ, sơn son thếp vàng cho cái tu. Cái tu được đánh bóng đến mức trơn lu, mơn nhẵn các góc cạnh làm cho cái tu cũng chìm lỉm và mờ mờ bên cạnh cái làm, cái ăn, cái ngủ, cái chơi. Nào là tu hành, tu dưỡng, tu đạo, tu trì, tu thân, tu tâm, tu nhân, tu tiên, tu thánh... nhưng chưa hề nghe ai nói đến "tu bụi" bao giờ!

- Hi, hi! Con voi của đạo hữu ý lớn ăn hiếp con chuột nhỏ nhoi của tôi sao. Cái tướng to dềnh dàng bên ngoài của con voi đang che khuất cái

tánh nằm sâu trong con chuột rồi đó. Đạo hữu có tên là Tâm An, nhưng tâm đạo hữu có an hay loạn lại là chuyện khác. Tên gọi chưa phải là cái được gọi nên chấp nhận cái tên làm gì. Như khi người ta dùng danh xưng: Cha, bố, bọ, tía, thầy... để chỉ một người đàn ông sinh thành ra đứa con thì tên gọi chỉ là quy ước tạm thời trong một khung cảnh tùy duyên nào đó mà thôi.

- Thế thì người ta đành phải im lặng thôi sao. Tên gọi chẳng phải là vật được gọi thì dùng chữ nghĩa và lời nói làm gì cho phiền hà đã chứ?!

- Bởi vậy mà ông thầy Bồ Đề Đạt Ma từ xứ Ấn Độ xa xôi, mới chân ướt chân ráo qua Tàu thời Lương Vũ Đế, đi đâu cũng thấy kinh sách, chùa chiền, cờ quạt nói chuyện Phật thánh tràn ngập. Thế mà nói chuyện đạo với vua thì vua thiếu căn cơ; nói với tăng thì tăng quá câu chấp. Nên kinh quá, ngài Đạt Ma mới về Thiếu Lâm Tự, chẳng nói chẳng rằng ngồi nhìn bức tường đá vô tri tới chín năm. Chín năm thiền định mà vẫn sợ lời nói, chữ nghĩa chạy theo thêm rối trí nên thầy Đạt Ma phải dặn dò rằng: "Nè, khỏi viết lách ghi chép thư từ sách vở lời thoại. Hãy nói chuyện Đạo bằng tám lòng riêng chân thật của mình. Hễ khi nào thấy được con người thật đang ẩn mặt nằm sâu trong chính mình, ấy là lúc thành Phật đó nhé!" Hi, hi!

Tiếng cười vô tư của thầy Tiều khô khan như trẻ thơ.

Tâm An tiếp lời:

- Có phải thầy đang nói tới tâm ẩn của đức Phật trên cánh hoa sen với nụ cười Ca Diếp trong Hội Liên Hoa hay thầy nhắc tới lời Đạt Ma Tổ Sư khi ngài nói: "*Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật*" không?

Thầy Tiều nhắm mắt cười khúc khích:

- Đạo hữu ơi là đạo hữu. Ngài sính sách vở chữ nghĩa tới nước này thì làm sao mà qua được bến bờ!

Tâm An ngạc nhiên, hỏi:

- Bến đò nào?

- Bến đò tới xứ chân tâm không cần lời, cần chữ đó mà.

- Thế thì phải làm gì?

- Làm gì cũng được miễn là làm bằng một tấm lòng.

- Tu chẳng?

- Cũng hay thôi. Nếu tu là sửa.

Sửa tâm cho bình thân, sửa trí cho sáng suốt, sửa thân cho an lành. Chẳng có gì xa vời hay bí hiểm cả.

Người khách có tên Tâm An ngồi tư lự rất lâu bên tách trà đã nguội, trong khi thầy Tiều luôn tay làm những công việc hàng ngày. Tâm An lên tiếng:

- Thú thật với thầy, xin thầy bỏ lỗi nếu tôi nói điều này có hơi quá đáng. Tôi có cảm tưởng như thầy mang một tâm tính đơn giản và nhẹ nhàng của trẻ thơ. Thầy rất nhạy cảm nhưng mọi việc trôi qua trước mắt thầy đều tan đi rất mau và chẳng còn lại dấu vết gì trong lòng thầy cả.

- Nếu vậy thì theo đạo hữu Tâm An, tôi là người khổ sở hay sung sướng?

- Dĩ nhiên là sung sướng.

- Sao đạo hữu không phải là tôi mà lại biết tôi sung sướng?

- Thắc mắc kiểu Trang Tử và tâm trạng sung sướng của bầy cá ngày xưa là chỉ bằng nhắm mắt lý luận mà thiếu quan sát. Thân và tâm là dòng suối phản chiếu lẫn nhau.

- Chỉ mong như thế.

Trong một phút không ai chờ đợi, kể cả thầy Tiều, lời thỉnh cầu của người khách tên Tâm An bày tỏ thật đột ngột:

- Xin thầy cho tôi ở lại đây để

làm thí giả cho thầy được không?

Sự quyết định của Thầy Tiều cũng đột ngột không kém:

- Được. Nhưng tôi không cần thí giả. Tôi tự lo cho tôi mọi việc được rồi. Đạo hữu muốn ở lại đây bao lâu hay muốn đi lúc nào cũng được. Chỉ xin nói thẳng một điều là nơi đây "bất tác, bất thực" – không làm, không ăn. Tôi cũng như đạo hữu, đều phải tự mình canh tác, lo lấy miếng ăn.

- Vậy thầy không nhận sự cúng dường nào từ phía thiện nam tín nữ cả hay sao?

- Không. Tôi đang tu cho tôi, tại sao lại còn phải đi vay nợ của người khác. Càng vay càng khó trả. Tu là cầu thoát nợ mà còn vay nợ thì làm sao tu?

- Nếu thầy cho tôi ở lại đây tôi sẽ xin cúng dường một khoản kim ngân rất lớn. Tùy thầy muốn tùy nghi sử dụng vào việc xây chùa, đúc chuông, dựng tượng hay tổ chức thành lập và nuôi dưỡng tăng đoàn càng tốt.

Thầy Tiều quyết định đơn giản:

- Đạo hữu về đây, chỉ xin nhớ cho một điều rằng, hôm qua là quá khứ, ngày mai là tương lai. Những gì "đã" và "sẽ" ở xa, nhớ để mà quên đi cho nhẹ người. Hiện tại chúng ta đang sống. Cuộc sống vốn vô thường, nhưng phải xem cái vô thường là cái bình thường. Như chết là hình ảnh của vô thường nhưng lại là sự bình thường vì ai cũng phải chết. Hiện tại chính là gương soi của quá khứ và viễn cảnh của tương lai. Xin đừng lấy gì từ quá khứ làm khuấy động hiện tại và cũng đừng

chỉ biết dán mắt vào ngày mai mà quên mất hôm nay. Tu là sống đời ngay thẳng trong tỉnh thức. Sống ngay thẳng trong tỉnh thức, ấy là tu. Tu trong giây phút hiện tiền này đây hay sẽ chẳng bao giờ...

Tâm An đắm đắm nhìn ánh sáng ban mai vừa lên nắng hàng tre phương Đông, rồi lẩm thầm tự hỏi: "Tuổi nhỏ xuất gia bất thành. Vào đời làm đại thương gia đã thành công rực rỡ. Tay chân và tâm hồn đã ngập tràn trong bạc tiền vật chất. Tuổi già phui tay xuất gia lần nữa, tự tay cuốc đất tạo lấy miếng ăn, không biết có thành hay không?!"

Tiếng thầy Tiều càng vui như nắng:

- Lại đang bỏ phí nắng vàng của hiện tại để đi lan man vào quá khứ hay tương lai đó phải không? Nói mau!

Tâm An bỗng cảm thấy mình nhỏ lại với cảm giác đứa bé ăn vụng bị bắt gặp, liền thú thật trong nỗi vui của một ngày mới:

- Cả hai thầy ạ.

Đưa một bàn tay lên, thầy Tiều nhíp đều như đang vỗ với một bàn tay khác trong tưởng tượng:

- Vỗ với quá khứ nghe buồn vì ngày qua đã mất; vỗ với tương lai bỗng nhạt vì hoài niệm trống không; vỗ với hiện tại nghe tiếng vọng của trái tim mình và tiếng đập của đôi cánh bướm.

- Thầy đang làm thơ?

- Không! Đang nghe tiếng vỗ của một bàn tay đó chứ!

(còn tiếp)

Xuôi dòng
(Phí Văn Trung)



TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

Mã Lai: Chùa Phật Giáo Tích Lan tặng 5000 phần quà cho học sinh nghèo

By Choong En Han, The New Straits Times, Nov 13, 2007. KUALA LUMPUR, Malaysia - Khoảng 5000 học sinh nghèo khó thuộc tất cả mọi sắc tộc và mọi tôn giáo ở khắp nơi trong nước sẽ được trao tặng vật phẩm học cụ từ chùa Sri Lanka Buddhist Temple vào tháng tới.

Học sinh từ 200 ngôi trường công cộng, các trẻ em nhận bảo trợ từ Hội Đoàn Malaysian Children's Aid Society và các trẻ em sống trong những cô nhi viện, mỗi em sẽ nhận được một phần vật phẩm học cụ như đồng phục, cặp sách, giày, giấy bút, sách giáo khoa v.v.... trị giá 100.00 đồng rupees trong dự án được gọi tên là Educare 2007.

2000 em trong số này sẽ tiếp nhận phần quà của các em tại ngôi chùa ở Sentul vào ngày 9 tháng 12 tới, trong một ngày vui chơi giải trí với nhiều trò chơi dành cho trẻ em. Phần còn lại sẽ được phân phối trong khắp nước.

Dự án hàng năm bắt đầu từ năm 2001 bởi Trường Giáo Pháp Chủ Nhật Siri Jayanti dưới sự điều hành của ngôi chùa.

Sư Saranankara Nayaka Maha Thero, Sư Trưởng và cũng là hiệu trưởng của ngôi chùa, nói rằng Sư bắt đầu quan tâm khi phụ huynh các em tìm đến Sư để tìm nguồn tài trợ cho con em đang đi học của họ. Dự án được thành lập ngay sau khi xong một phiên họp với các giáo chức và phụ huynh của một số các em học sinh tại trường.

Các em học sinh được chọn lựa bởi hiệu trưởng trường học của các em.

Công ty Parkson Grand Corp Sdn Bhd ủng hộ dự án bằng cách đặt các thùng yểm trợ tại tất cả 28 cửa hàng của công ty trong khắp nước. Những ai muốn yểm trợ cho dự án Educare 2007 có thể mang các vật phẩm học cụ đến bỏ vào các thùng yểm trợ để công ty chuyển giao lại cho nhà chùa phân phối. (Hạt Cát dịch)

Mã Lai Á: hội nghị Phật giáo toàn cầu lần thứ 5

Ngày 16 tháng 11, 2007. Kuala Lumpur - Phật tử trên khắp thế giới sẽ

gặp gỡ nhau tại Mã Lai Á vào ngày Chủ nhật để bàn thảo về ý nghĩa của hạnh phúc.

Hội nghị Phật giáo Toàn cầu lần thứ 5 được tổ chức tại Petaling Jaya với chủ đề Chuyển hóa tâm hồn - Tạo sự an lạc trong đời sống chúng ta.

Các giảng sư và hành giả tu Phật từ Hoa Kỳ, Úc, Gia Nã Đại, Thái Lan, Tân Gia Ba và Mã Lai Á theo dự trù sẽ đến tham dự hội nghị.

Hội nghị đã được sáng lập như 'một cơ hội duy nhất để thăm dò những quan điểm khác nhau về sự rèn luyện tâm,' với mục tiêu 'đạt đến hạnh phúc miên viễn.'

Ban tổ chức lập luận rằng các khoa học gia hàng đầu trong các lãnh vực tâm lý học, tâm thần học và thần kinh học đều đồng ý với những giáo pháp chính của Đức Phật, rằng con người có hai động lực căn bản trong đời sống - sự mong cầu hạnh phúc và lòng mong muốn tránh khỏi khổ đau và cái chết.

Họ cũng tin rằng các khoa học gia bắt đầu chấp nhận khả năng chuyển hóa tâm hồn để tạo ra hạnh phúc.

Hội nghị năm nay được tổ chức bởi ba nhóm Phật giáo tại Mã Lai: Hội thân hữu Phật giáo, Hội truyền bá Phật giáo Mã Lai và Hội Thanh niên Phật giáo Mã Lai; cùng với sự ủng hộ và tài trợ của 11 tổ chức Phật giáo khác tại Mã Lai.

Khoảng 20 % trong số 26 triệu dân Mã Lai được xem là Phật tử, trong khi hơn phân nửa số dân là tín đồ Hồi giáo, tôn giáo chính của quốc gia, và họ sống dưới luật lệ của đạo Hồi, có tên là Sharia.

(Minh Châu dịch)

Ấn Độ: Hội Mahabodhi nhận được bộ tam tạng Tipitaka bằng chữ La Tinh

Ngày 19 tháng 11, 2007

Bodh Gaya - Hoàng gia Thái đã trao tặng cho hội Mahabodhi tại Bodh Gaya bộ tam tạng 'Tipitaka' bằng chữ La Tinh, gồm những giáo pháp của Đức Phật, ban đầu được ghi chép bằng cổ ngữ Pali và Devnagari.

Tipitaka là từ ngữ chính thức để chỉ cho kinh điển Phật giáo, được chia làm 3 phần chính. Bộ thứ nhất là 'Luật Tạng' hay giới luật, đã được Đức Phật chế ra thường ngày, khi có nhiều vấn đề về cách cư xử xảy ra trong tăng chúng. Bộ thứ hai là 'Kinh Tạng', bao gồm những giáo lý căn bản quan trọng của Đức Phật, được chia thành nhiều tiểu phẩm và bao gồm hơn 10,000 bài kinh. Bộ thứ ba là 'Luận Tạng'.

Bản kinh nguyên thủy được viết bằng cổ ngữ Pali và Devnagari, đã được hoàng gia Thái cho phiên dịch và kết tập lại bằng chữ La Tinh để cho mọi người khắp nơi trên thế giới có thể đọc hiểu được.

'Bộ tam tạng Tipitaka bằng tiếng Pali là di sản của Đức Phật đã để lại nhân loại. Pháp tử của Ngài đã được gìn giữ từ hơn 25 thế kỷ qua. Ngày nay, lần đầu tiên toàn bộ Tam Tạng đã được in ấn bằng chữ La Tinh. Loại chữ dùng quốc tế mà mọi người trên thế giới đều có thể đọc tụng để cho hòa bình và trí tuệ sẽ được lan toả,' chủ nhiệm Hội Hoàng pháp Thái Lan S. Bunnag cho biết như trên.

Seevli Thero, người điều hành Hội Mahabodhi của Ấn Độ phát biểu 'Ấn Độ có bộ Tipitaka bằng cổ ngữ Devnagari, nhưng đây là lần đầu tiên một tổ chức Phật giáo tại Ấn Độ nhận được bộ Tipitaka bằng chữ La Tinh.'

(Minh Châu dịch)

Pakistan: Thánh tích Phật giáo với nguy cơ bị phá hủy

Mardan, Pakistan- Nov 19- Những cư dân làng Babozai, thuộc thung lũng Mardan, phía Bắc Pakistan, đã yêu cầu chủ nhân của một hầm mỏ gần đó chấm dứt việc dùng chất nổ trên miền núi bởi vì làm như vậy sẽ khiến cho khu vực thánh tích Phật Giáo có nguy cơ bị hư hỏng.

Hang động Kashmir Smast - một khu vực thánh tích Phật Giáo quan trọng trên các rặng núi trong vùng, được khám phá vào năm 1862 với các di chỉ hiếm quý như đồ cổ ngoạn, gồm có hình tượng, tiền đồng, đồ gốm đã được thu hồi trong khi khai quật.

Các cư dân nói khu vực bị tổn thất bởi các tay buôn lậu, những người đã thực hiện những cuộc đào xới to tát và

thu thập các cổ vật hiếm quý, những thứ đã được bán đi trong nước và ngoại quốc.

Các nguồn tin nói rằng chủ nhân của hầm mộ, Habibullah Khan, lấy được hầm mộ gần khu vực hang Kashmir, và để khai thác hầm mộ này họ phải xây dựng một con đường để tiện bề di chuyển.

Một cư dân nhiều tuổi trong làng, Inayat Khan Babozai, đã nói với phóng viên rằng chính quyền địa phương có ký kết một hợp đồng với Habibullah về hầm mộ, nhưng bây giờ thì họ mới biết được rằng đó là một nguy cơ đe dọa đến khu vực thánh tích Phật Giáo.

Ông Inayat nói hang động này là tài sản chung của dân làng địa phương. "Chúng tôi không để bất cứ ai phá hủy nó". Có khoảng 300 cư dân tụ tập tại khu vực và yêu cầu chủ nhân hầm mộ chấm dứt sử dụng chất nổ khi mà nó đã làm hư hại khu vực.

Ông Inayat đòi hỏi chính phủ đưa khu vực vào danh sách cần được bảo vệ và lập kế hoạch đào xới đúng đắn để tránh tình trạng con buôn đào xới bất hợp pháp và lấy đi các cổ vật. Ông cũng nói thêm rằng gần đây một cư dân phát hiện một bình bát có khắc hình mặt sư tử, và họ đã bán chiếc bình bát ấy với giá 2.20 triệu đồng tiền Rupees.

(Hạt Cát dịch)

Trung tâm Phật giáo đầu tiên tại Uganda

Ngày 20 tháng 11, 2007. Kampala, Uganda - Trung tâm Phật giáo Uganda, được thành lập năm 2005, là một sự khởi đầu quan trọng ở giữa châu Phi, với mục tiêu đem đến cho Uganda nguồn giáo pháp vững vàng đầu tiên từ những lời dạy của Đức Phật. Trung tâm nhắm vào việc tạo ra một cơ sở kiên cố để bảo tồn và lưu truyền Phật Pháp, nhờ vào những bậc thầy khải kinh, và tiếp tục phát triển một bước ngoặt của văn hóa Phật giáo và sự giảng dạy Phật Pháp tại Uganda cũng như toàn cõi châu Phi.

Như một bước đầu tiên trong chiều hướng này, một trung tâm đã được thành lập đầu tiên tại thành phố Kawempe vào năm 2005. Hiện nay ngôi chùa đang giữ một vai trò quan trọng, là nơi mọi người có thể qui tụ để được hướng dẫn về thiền và tu tập, phát tâm tham gia vào những sinh hoạt và lễ án của chùa.

Trung tâm có thờ một tôn tượng Phật được gọi là Phật 'Mirembe', có nghĩa là Đức Phật 'Hòa bình' theo ngôn

ngữ địa phương. Tượng Phật bằng đồng nặng 103 kí lô, do một nhóm thiện tín từ Thái Lan cúng dường và được đúc theo nét đặc thù của người Phi châu.

Do vì hầu hết người dân sống trong khu vực chung quanh chùa không theo đạo Phật, các sinh hoạt của trung tâm nhắm vào cả hai thành phần thính chúng. Các sinh hoạt vượt ngoài cộng đồng, những cuộc hội thảo của liên hiệp tôn giáo và các sự kiện văn hóa của trung tâm phục vụ cho sở thích và nhu cầu của quần chúng, bao gồm các đoàn thể tôn giáo, tổ chức giáo dục địa phương và những vị khách hiếu kỳ. Trung tâm hoan nghênh những ai muốn trở nên thành viên và tham dự các chương trình sinh hoạt tại đây.

Vị trụ trì hiện nay của trung tâm là Sư Buddharakkhita. Vì Uganda không phải là một xứ Phật giáo, sự phát tâm ủng hộ của dân địa phương còn xa vời và không đều đặn. Như thế, hầu hết sự tài trợ đều đến từ tín đồ của các quốc gia khác như Nhật, Ba Tây, Thái Lan và Hoa Kỳ.

Hiện tại trung tâm còn cần sự tài trợ của quốc tế cho đến khi nào cộng đồng Phật giáo Uganda được phát triển vững mạnh.

(Minh Châu dịch)

Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ chỉ định người thừa kế để tránh Trung Quốc can thiệp

Kogakkan University in Ise, Japan, 17 Nov 2007- Nhà lãnh đạo tâm linh Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma, nói rằng có thể là Ngài sẽ chỉ định người kế thừa trước khi Ngài tịch diệt, tốt hơn là theo truyền thống hàng trăm năm chọn lựa theo tiến trình có liên hệ đến việc tái sanh, để tránh khỏi bị nhà cầm quyền Trung quốc can thiệp.

Trong một cuộc phỏng vấn bởi tờ báo *Sankei Shimbun* phát hành hôm thứ Ba tại Nhật Bản, Đức Đạt Lai Lạt Ma nói rằng dân chúng Tây Tạng sẽ không ủng hộ một người thừa kế ngôi vị của Ngài do Trung quốc chỉ định.

Nhà đạt giải Nobel Hoà Bình nói Ngài có thể sẽ chọn lựa người thay thế từ trong một nhóm cao tăng một cách dân chủ.

Hồi tháng Bảy, Trung quốc ban hành một đạo luật đòi hỏi tất cả mọi hình thức tái sanh, kể cả Đạt Lai Lạt Ma, đều phải được chính quyền phê chuẩn.

Đức Đạt Lai Lạt Ma bắt đầu cuộc thăm viếng Nhật Bản hồi tuần trước, nhưng các viên chức chính phủ đã hạn

chế quan hệ với các hoạt động của Ngài để tránh làm mất lòng Trung quốc.

Bắc Kinh đã cáo buộc Đức Đạt Lai Lạt Ma là tìm kiếm con đường ly khai cho Tây Tạng, nhưng nhà lãnh đạo tâm linh lưu vong nói Ngài chỉ mong muốn được tự trị.

Trung quốc bắt đầu cai trị Tây Tạng hồi năm 1950. Vào cuối thập niên 50, Đức Đạt Lai Lạt Ma chạy sang sống lưu vong ở Ấn Độ sau một cuộc nổi dậy không thành công. Kể từ năm 1980, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đấu tranh để thương lượng một thỏa hiệp tự trị cho Tây Tạng. (Hạt Cát dịch)

Hoa Kỳ: cuộc triển lãm đem đến một cái nhìn mới về nghệ thuật Phật giáo

Ngày 20 tháng 11, 2007

Newark, New Jersey (Hoa Kỳ) -

Giáo sư Annette Juliano của Đại học Rutgers, thành phố Newark, đã thành công trong việc đem cuộc triển lãm các tác phẩm điêu khắc Phật giáo của bà để làm thay đổi các quan điểm và bình luận về nghệ thuật Phật giáo.

Một sưu tập nghệ thuật điêu khắc Phật giáo từ Xi'an Beilin Museum, đang được trưng bày tại China Institute Gallery cho tới ngày 9 tháng 12, đã được Tạp chí *The New York Times* hoan nghênh là một cuộc triển lãm tuyệt hảo của 70 nghệ phẩm từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ thứ 9, đa số các tác phẩm này chưa từng được trông thấy bên ngoài lãnh thổ Trung quốc. Rất nhiều tác phẩm trong số này đòi hỏi khả năng về thẩm mỹ và sự uyên bác của chúng ta để có thể giải thích, phân định và quen thuộc với chúng, nhà phê bình Holland Cotter của tạp chí *Times* đã viết như trên trong số ra ngày 2 tháng 11.

Tất cả các nghệ phẩm đều được vay mượn từ Xi'an Beilin Museum, trong đó có các điêu khắc bằng đá, các vật lễ cúng bằng đất sét và đồng được mạ vàng, và bia đá (những miếng đá dùng làm mộ bia hoặc để phân ranh đất đai). Tôi mong muốn mở rộng sự nhận thức về phạm vi bao la của nghệ thuật điêu khắc Phật giáo, giáo sư Juliano cho biết như trên, bà là một chuyên gia về nghệ thuật Á Đông và là một giáo sư của ngành nghệ thuật sáng tạo và trình diễn tại Đại học Rutgers, Newark.

Kết quả là, cùng với các nghệ phẩm được sáng tạo cho triều đình và các gia đình quý tộc, thường được trưng bày trong các cuộc triển lãm nghệ thuật Phật giáo, bà đã tuyển chọn rất nhiều tác phẩm được làm ra cho các tư gia và các

đền thờ nhỏ, tuy khiêm tốn nhưng cũng rất đẹp. Một số cho thấy rằng nghệ thuật Phật giáo bị ảnh hưởng bởi sự sùng bái của địa phương, một số các nghệ phẩm vẫn còn bị chôn vùi dưới các đống cỏ, được giữ yên nơi đó nhằm mục đích bảo tồn chúng trong thời kỳ Phật giáo bị ngược đãi.

Giáo sư Juliano, người đã dự kiến cuộc triển lãm này khoảng 10 năm về trước, đã mất hơn 4 năm sưu tập các tác phẩm qua nhiều chuyến đi sang Xi'an Beilin Museum. Bà được đưa đến các nơi lưu trữ để tìm gặp các nghệ phẩm chưa bao giờ được trưng bày trước đây. Bà đã soạn một quyển liệt kê mục lục dày 154 trang, có hình ảnh đầy đủ cho cuộc triển lãm, trong đó có ảnh chụp cả hai mặt trước và sau của nhiều tác phẩm.

The China Institute tọa lạc tại số 125 East 65 th St., New York; muốn biết thêm chi tiết và giờ mở cửa, xin vào trang web:

www.chinainstitute.org/gallery/current.htm

(Minh Châu dịch)

Miền Điện: Tu sĩ lãnh đạo biểu tình có thể bị kết án tử hình

Amnesty International, Nov 21, 2007 London, UK - Tổ chức Ân Xá Quốc Tế ngày hôm 21 tháng 11, 2007 đã xác nhận rằng họ có một mối quan tâm sâu sắc về tương lai của Sư Gambira, nhà sư 27 tuổi, lãnh đạo tổ chức Liên Minh Tu Sĩ Toàn Miền Điện. (Viết tắt ABMA)

ABMA là một tổ chức được thành lập để làm cơ sở cho chiến dịch ủng hộ dân chủ của người dân Miền Điện, đã kêu gọi hàng ngàn tu sĩ diễn hành trên đường phố biểu tình ủng hộ dân chủ hồi cuối tháng 9 trong năm 2007 này. Các cuộc biểu tình chấm dứt sau các đợt trấn áp khốc liệt đẫm máu bởi quân đội của chính quyền quân phiệt với con số người chết, người bị thương, người bị bắt không ai biết được thực sự là bao nhiêu.

Kate Allen, Giám Đốc tổ chức Ân Xá Quốc Tế chi nhánh Anh Quốc, nói "Sư Gambira đã đi lãnh nạn một thời gian ngắn không lâu sau khi có các cuộc đàn áp, nhưng hội Ân Xá Quốc Tế hiện nay đã nhận được một nguồn tin đáng tin cậy rằng Sư Gambira đã bị bắt và bị kết tội làm phản với vai trò của Sư trong chiến dịch biểu tình. Nếu xác định tội danh, Sư có thể bị hình phạt chung thân hoặc tử hình. Tung tích hiện nay của Sư vẫn còn chưa rõ và Hội Ân Xá Quốc Tế tin rằng

Sư đang ở trong tình trạng cực kỳ nguy hiểm do bị hành hạ hoặc trị thương.

Các thành viên khác trong gia đình của Sư cũng bị bắt như là "con tin" để ép buộc Sư phải ra mặt, kể cả bào đệ của Sư, Aung Kyaw Kyaw, bị bắt hồi tháng 10, và phụ thân của Sư, Min Lwin, cả hai vẫn còn bị giam, và cũng giống như Sư, Hội Ân Xá Quốc Tế không biết được họ bị giam giữ nơi đâu và e ngại cho an toàn của họ.

Trong lúc đó, nhà tranh đấu lao động Su Su Nway cũng bị bắt. Bà bị bắt sau khi đã phân phát truyền đơn trong thời gian Đặc Phái Viên Liên Hiệp Quốc viếng thăm để thanh tra vi phạm nhân quyền tại Burma. Bà bị giam tại nhà tù Insein Prison ở Rangoon

Hội Ân Xá Quốc Tế đã kêu gọi 2 triệu 2 trăm ngàn thành viên của hội trên khắp thế giới hãy viết thư cho nhà lãnh đạo chính phủ Miền Điện, Chủ tịch Hội Đồng Hoà Bình Phát Triển Quốc Gia, Tướng Than Shwe, và Bộ Trưởng Ngoại Giao, Nyan Win, để diễn đạt sự lo âu của họ về an toàn của 4 người nói trên.

(Hạt Cát dịch)

Nam Dương: cảnh sát khám phá vụ trộm các tượng Phật cổ của một bảo tàng viện

Ngày 22 tháng 11, 2007. Jakarta, Nam Dương - Cảnh sát đã bắt giữ một quản lý bảo tàng viện tại Nam Dương, bị cho là đã đánh cắp năm pho tượng Phật cổ và đã dùng tượng giả để che đậy hành tung, phát ngôn viên sở cảnh sát đã cho biết như trên.

Ba nhân viên khác của bảo tàng viện tại thành phố Surakarta trên đảo Java cũng là những người bị tình nghi trong mưu đồ này, theo lời của đại tá Syahroni. Ông cho biết các pho tượng đã được bán cho một doanh nhân tại địa phương. Từ lâu các tên trộm đã nhắm vào số đồ cổ của Nam Dương còn sót lại từ thời đại Ấn giáo và Phật giáo. Các sản phẩm này - hầu hết là các pho tượng và những hình tượng được khắc chạm tại các chùa chiền - đang là loại hàng có nhu cầu cao từ những người giàu có tại địa phương và những người sưu tầm trên thị trường quốc tế.

Ông Syahroni cho biết các kẻ cắp đã bị khám phá sau khi một cựu nhân viên của bảo tàng viện báo cho cảnh sát biết về sự tình nghi của bà. Ông nói viên quản lý 69 tuổi khai với cảnh sát là đã bán các pho tượng vào năm ngoái và đã đánh tráo bằng những pho tượng giả do

các thợ xây đá tại địa phương làm ra.

Các tượng Phật có niên đại từ thế kỷ thứ tư đã được bán đi với giá từ 3,500 đến 10,000 Mỹ kim, theo tường trình của báo chí.

Ông Syahroni cho biết các viên chức cảnh sát đã tịch thu các pho tượng thật trong cuộc bố ráp tư gia một doanh nhân giàu có tại thủ đô Jakarta.

(Minh Châu dịch)

Phật tử Mã Lai gây quỹ yểm trợ Mạng Lưới Phật Giáo BuddhaNet

The Buddhist Channel, Nov 21, 2007. Kuala Lumpur, Malaysia - Đây là mạng lưới toàn cầu Phật Giáo nổi tiếng trên thế giới. Sau 11 năm tồn tại, BuddhaNet vẫn hoạt động mạnh mẽ. Nhưng điều hành lâu dài một mạng lưới, giống như một chuyến chạy việt dã, đòi hỏi những nguồn tài chánh bền bỉ.

Trong tinh thần này, Hội Phật Giáo Đại Bi sẽ tổ chức một buổi ăn trưa gây quỹ với chủ đề "Buổi tiệc trưa 'Một đoá sen' với Ngài Pannyavaro."

BuddhaNet, mạng lưới toàn cầu được điều hành bởi Bhante Pannyavaro thuộc Buddha Dharma Education Association Inc. (viết tắt BDEA) Hiệp Hội Giáo Dục Giáo Pháp Phật Giáo hàng ngày có chừng 750,000 lượt truy cập từ độc giả khắp nơi trên thế giới

Thành công của sự việc tùy thuộc vào ủng hộ của tất cả mọi người, không riêng gì các chuyên viên. Đây là một hoạt động đường dài cho sự truyền bá giáo pháp Phật giáo trên khắp thế giới bằng phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Những hình thức đóng góp khác cũng được đề xuất dành cho những ai muốn cúng dường. Cá nhân, nhóm, đoàn thể cũng như các tổ chức đều được hoan nghênh tham dự.

Vài hàng về BuddhaNet

BuddhaNet là kết quả của một quan kiến muốn kết nối với nền văn hóa vốn đang phát triển trên toàn thế giới của những ai chấp nhận giáo lý của Đức Phật và nếp sống như một Tăng đoàn trực tuyến trên không gian Cyber. Trong chiều hướng này, một truyền thống cổ xưa và siêu lộ thông tin sẽ cùng nhau tạo tác nên một nơi gặp gỡ điện tử để chia sẻ quan tâm và cảm hứng.

BuddhaNet là một tổ chức bất vụ lợi liên đới với Hiệp Hội Giáo Dục Phật Pháp - Buddha Dharma Education Association - viết tắt BDEA, trước kia vốn được thành lập như là một Trung

Tâm Thiền Quán Vipassana vào năm 1992 tại Sydney do một thiền sư Úc Châu, Sư Pannyavaro. BDEA kể từ đó tiến hóa thành một mạng lưới Thông Tin Phật Giáo và Phục Vụ Giáo Dục.

Là một tổ chức không thuộc hệ phái nào, mạng lưới BuddhaNet cống hiến những phục vụ của nó cho tất cả mọi truyền thống Phật giáo. Nó nhằm mục đích trang bị một ý nghĩa đầy đủ cho sự góp mặt của Phật giáo trong lãnh vực kỹ thuật truyền thông computer bùng nổ hơn bao giờ hết, áp dụng kỹ thuật này để giúp làm cho giáo pháp của Đức Phật có thể đến với tất cả mọi người một cách tự do.

BuddhaNet được điều hành bởi Sư Venerable Pannyavaro và Sư Venerable Bodhicitta, và một đội ngũ các tín đồ tình nguyện với đường link dẫn vào mạng www.buddhane.net

(Hạt Cát dịch)

Unesco sẽ ngưng tài trợ các đề án phục hưng nghệ thuật Phật giáo

Ngày 26 tháng 11, 2007

Các đề án về Phật giáo của Unesco tại Á châu đang trong tình trạng bất bênh về tài chánh. Sau tám năm với sự yểm trợ của Unesco và Bộ Ngoại Giao Na Uy, thủ công nghệ và nghệ thuật truyền thống Phật giáo đã phát triển trên hàng chục địa điểm đang thực hiện đề án, trải dài từ Mông cổ xuống tới Cao Miên và Thái Lan, sang Tích Lan và lên đến Nepal.

Với ngân khoản sắp sửa cạn kiệt và cuộc hội thảo ba ngày tại Ayutthaya đã kết thúc hôm thứ Sáu, các nhóm tham gia trong đề án hiện đang tìm phương cách để đương đầu với tác động lớn lao này, nhưng không nhất thiết họ sẽ áp dụng những phương cách giống nhau, hoặc có cùng một tư thế sẵn sàng như nhau.

Chẳng hạn như tại Kandy, Tích Lan, người ta sẵn sàng để xin tài trợ từ trong nước và tỏ ra tự tin rằng dự án của họ sẽ được tiếp tục, mặc dù không được sự yểm trợ từ bên ngoài.

Nhóm Tai từ Xishuangbanna của tỉnh Vân Nam lại thấy rằng sự giúp sức từ bên ngoài vẫn còn cần thiết. 'Vấn đề khó khăn trong tương lai là những ngân khoản chắc chắn để giúp bảo tồn các nghệ phẩm cổ và phục hưng nghệ thuật Phật giáo. 'Chúng tôi giống như một bệnh nhân đi mua thuốc mà không có tiền,' một đại diện của Xishuangbanna đã phát biểu trong cuộc hội thảo với chủ đề 'Sự tồn tại và phục hưng văn hóa

trong Tăng đoàn Phật giáo.'

Một tham dự viên người Lào cũng trình bày cảm tưởng tương tự, nhưng vị cố vấn của Unesco trong vùng đã nhanh chóng nhấn mạnh về sự tình bất khả kháng, rằng nguồn tài trợ từ Unesco sẽ 'không kéo dài mãi được' và cứ giữ niềm hy vọng ấy là 'không thực tế'.

Tuy nhiên, những thành quả cụ thể hay còn mơ hồ đã cho thấy một sự thành tựu nào đó qua nhiều năm tháng.

Tại Mông Cổ, sự phục hồi của nghệ thuật và thủ công nghệ trang trí của Phật giáo như nghệ thuật chạm gỗ và nghề làm đồ gốm rất đáng kể, mặc dù từ thập niên 20 cho đến 90, hầu hết chùa chiền đều bị bỏ phế, nếu không bị phá hủy bởi lý do chính trị, và chỉ còn lại vài vị tăng cao tuổi.

Tại chùa Rajbo thuộc tỉnh Siem Reap của Cao Miên, đề án này đã giúp chư tăng phục hồi các nghệ thuật tranh tường, in bằng vàng lá và chạm gỗ.

Tại Ladakh, miền Bắc Ấn Độ, sự giảm sút số lượng tu sĩ và sự xuất hiện của kỹ thuật hiện đại đã khiến cho nghệ thuật chạm gỗ gần như bị mai một, cho đến khi đề án được đưa ra.

Và trong tỉnh Nan thuộc miền Bắc Thái Lan, đề án này đã thổi một luồng sinh khí mới vào nghệ thuật Phật giáo bản xứ như nghệ thuật mạ vàng và đồ gỗ sơn...

(Minh Châu dịch)

Tuyên bố chỉ định người thừa kế của Đức Đạt Lai Lạt Ma khiến Trung quốc bất bình

by Isabelle Duerme, AHN, Nov 23, 2007.

BEIJING, China --Chính phủ Trung quốc lên án Đức Đạt Lai Lạt Ma rằng Ngài không tôn trọng truyền thống Phật Giáo khi nói rằng sẽ chỉ định người thừa kế trước khi tịch diệt.

"Tái sinh của Phật sống là một phong cách độc đáo về sự truyền thừa của Phật Giáo Tây Tạng và theo đuổi một cách tương đối mới thành tựu được nghi thức tôn giáo và các ước lệ lịch sử' phát ngôn viên bộ ngoại giao Liu Jianchao nói như trên.

Nhà lãnh đạo tâm linh Tây Tạng tuyên bố rằng dân chúng Tây Tạng sẽ không chấp nhận một nhà lãnh đạo tâm linh được chỉ định bởi Trung quốc sau khi Ngài tịch diệt, một lời tuyên bố khiến nhà cầm quyền Trung quốc nổi giận.

Jianchao đi xa hơn trong bài diễn văn bằng sự nhấn mạnh vào sự tôn trọng tiến trình tái sinh.

Chính phủ Trung quốc tôn trọng các nghi lễ tôn giáo và ước lệ lịch sử sự tái sinh của chư Phật và đã làm rõ điều này trong những sách lược mới ban hành về việc điều động sự tái sinh của chư Phật trong Phật Giáo Tây Tạng.

Đức Đạt Lai Lạt Ma, người được xem như là một chiếc gai bên sườn của Trung quốc vì lý tưởng ly khai của Ngài, đã tranh đấu nhiều năm cho một khu tự trị Tây Tạng, đất nước mà Trung quốc coi như là một thuộc địa.

Chính phủ Trung quốc đã cáo buộc Đức Đạt Lai Lạt Ma là thổi bùng ngọn lửa đấu tranh giành độc lập của dân chúng Tây Tạng, điều đã khiến Trung Quốc ngăn cấm, không cho Đức Đạt Lai Lạt Ma bước qua lần ranh biên giới của xứ sở Ngài.

Để đáp lại, Tây Tạng lên án Trung quốc là chỉ chờ đợi cái chết của vị lãnh đạo tinh thần của họ để coi đó như là một cơ hội để một vị kế thừa được chỉ định hầu siết chặt thêm sự kiểm soát đối với Tây Tạng.

(Hạt Cát dịch)

Nepal đang lập kế hoạch nhằm phát triển nơi Đức Phật đản sanh

Ngày 26 tháng 11, 2007.

Kathmandu, Nepal - Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đản sanh và là một trong các Di sản Văn Hóa Quốc Tế tại Nepal, không bao lâu nữa sẽ có một cơ cấu tổ chức cho những kế hoạch trong tương lai tại khu khảo cổ thiêng liêng, một trang web hàng đầu, THT Online đã tường trình hôm thứ Hai.

Do vì khu vực này, cách Kathmandu khoảng 300 cây số về hướng Tây, hiện là một trung tâm thu hút khách hành hương, giới sinh viên khảo cổ và các nhà kinh doanh thuộc ngành du lịch, Unesco sắp đề ra một cơ cấu tổ chức mà người ta sẽ dựa trên đó để thực hiện tất cả những kế hoạch mới lâu dài và các công trình phát triển khác, theo bản tường trình của trang web.

'Cơ cấu tổ chức đã bắt đầu được phác họa. Nó sẽ ngăn chặn chính phủ cũng như các tổ chức khác có những thay đổi vô ích trong khu vực này,' đây là lời của ông Kai Waise, cố vấn của Văn phòng Unesco tại Kathmandu trong việc phác họa cơ cấu tổ chức, được đăng trên trang web.

Ông cho biết thêm rằng kế hoạch phân nhóm điều hành sẽ vạch rõ tầm quan trọng, mức độ và quyền hạn của những người có thẩm quyền trong những khía cạnh khác nhau. Đây là một

hệ thống, tiến trình hoặc chức năng của khu vực, sẽ là đường lối chỉ đạo tối cao cho Lâm Tì Ni một khi đã được nội các chứng duyệt.

Mặc dù trọng tâm chính là mảnh đất rộng gần 2 mét vuông (1.92 sq m), là nơi Đức Phật đản sanh, cơ cấu tổ chức cũng sẽ góp ý về những khu vực xen kẽ và những khu vực đang phát triển chung quanh, phù hợp với những đề nghị của Ủy ban Di sản Văn hóa Quốc tế để tránh việc khu thánh tích này hoàn toàn bị lấy tên ra khỏi danh sách Di sản văn hóa quốc tế.

Ông Waise nói tiếp 'Chúng tôi cũng sẽ vạch ra những giới hạn để các hãng xưởng, công trình xây dựng sân bay quốc tế và các đập ngăn nước của các con sông lân cận sẽ không gây ảnh hưởng đến khu thánh tích. Chính phủ Nepal phải bảo đảm rằng công trình phát triển chung quanh sẽ không ảnh hưởng đến khu vực này.

Ông nói rằng kế hoạch này tự nó không phải là một kế hoạch lâu dài, nhưng một sự chỉ đạo bao quát và trường kỳ sẽ đưa tới việc lập ra các kế hoạch mới lâu dài và những khởi đầu khác cho sự bảo tồn hoặc phát triển khu thánh tích.

(Minh Châu dịch)

Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ trích Miến Điện đàn áp tu sĩ Phật giáo

Associated Press, last updated 10:37am (Mla time) 11/28/2007. AMRITSAR, India -- Đức Đạt Lai Lạt Ma hôm thứ Ba nói rằng Ngài ủng hộ chiến dịch đòi dân chủ gần đây tại Miến Điện và đã lên án sự đàn áp chư tăng Phật giáo, những nhân vật lãnh đạo chiến dịch, nói rằng nó nhắc nhở Ngài về tình hình đàn áp tương tự của Trung quốc đối với Tây Tạng

Nhà cầm quyền quân phiệt Miến Điện đã trấn áp một loạt biểu tình ủng hộ dân chủ hồi tháng Chín, sát hại ít nhất là 15 người căn cứ theo thông tin mà nhà cầm quyền đã cung cấp cho Liên Hiệp Quốc, và đã giam giữ gần 3000 người khác. Chư tăng là những người đi tiên phong trong các biến động này. Các nhà ngoại giao và đối lập nói rằng con số tử vong thực sự chắc chắn là cao hơn rất nhiều.

"Khi tôi nhìn thấy những bức ảnh người ta đánh đập chư tăng, tôi lập tức nhớ đến tình hình quốc nội Tây Tạng, trong trường hợp của chính chúng tôi, nơi mà mới vài ngày trước, chư tăng đã bị hành hung bởi các lực lượng chính

phủ Trung quốc ", Đức Đạt Lai Lạt Ma nói như trên.

"Tôi hết lòng ủng hộ và thông cảm với các nhà phản kháng," nhà lãnh đạo tâm linh Tây Tạng nói với các phóng viên bên lề Hội Nghị Thượng Đỉnh Liên Tôn Elijah của các nhà lãnh đạo tôn giáo thế giới tại thành phố Amritsar miền Bắc Ấn Độ

Hội nghị thượng đỉnh liên tôn, hội nghị mà các nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng thế giới như Ấn Giáo, Hồi Giáo, Ky Tô Giáo, Phật Giáo, Xích Giáo (Sikh) và Do Thái Giáo, cùng chú tâm vào việc dùng tôn giáo để ban rải hoà bình và giải quyết xung đột.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thúc hối nhà cầm quyền quân phiệt Miến Điện - một quốc gia Phật Giáo thuần thành, hãy chú trọng giáo lý của Đức Phật.

"Họ lẽ ra là Phật tử. Xin hãy hành động theo thông điệp từ bi của Đức Phật", Ngài nói.

(Hạt Cát dịch)

Ấn Độ: một ngôi làng có nhiều di tích Phật giáo cổ bị bỏ phế

Ngày 28 tháng 11, 2007. Làng Kurkihar (Gaya) - Nằm trên một ngọn đồi, Làng Kurkihar, cách thành phố Gaya của tỉnh bang Bihar khoảng 22 cây số, từng thu hút những du khách muốn đến xem tàn dư của một tu viện Phật giáo cổ và nhiều di tích lịch sử khác.

Đáng buồn thay, những di tích lịch sử từ thời Phật này hiện nay đang trong tình trạng hoang phế, mặc dù đã được công bố là một khu vực được bảo quản của tổ chức Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ (ASI).

Dân làng rất buồn khi thấy các di tích bị bỏ phế.

'Vua A Dục đã từng đặt chân đến đây. Lúc đó, nơi này là một trung tâm nghệ thuật có tiếng của xứ sở. Người ta thường đến từ Nalanda để học nghệ thuật làm các hình tượng. Trước kia có tên là Kurkihar Kundalpur Vishwavidyalaya,' lời của Satyanarayan Singh, một nhân viên xã hội và cư dân làng Kurkihar.

Đa số các hình tượng được tích trữ hiện đang nằm hỗn loạn trong một vùng lân cận. Ngôi làng không có được những cơ sở cần bản để đáp ứng nhu cầu của du khách.

Nikhil Kumar, một dân làng cho biết 'Không có một nỗ lực nào trong cái gọi là sự phát triển hay phục hưng. Thời gian trước đây, một số đệ tử Phật đã đến nơi này, các ngài phải đối diện với tình trạng

thiếu nước và nhà vệ sinh. Ngoài việc đáng giá hàng chục triệu rupees, khu vực này vẫn cứ nằm trơ như thế và không một ai buồn để ý đến'.

Năm 1935, dân làng đã đào được hơn 300 hình tượng tại đây. Các di vật tìm được gồm có những hình tượng Phật và Bồ Tát với nhiều hình dáng và kích thước khác nhau, những quả chuông, những ngôi tháp và một số lớn pháp cụ.

Các hình tượng phản ánh nghệ thuật thiện xảo sau đó đã được đưa vào các bảo tàng viện của Patna, Delhi và Bodh Gaya. Dân làng cho biết trong số các di vật tìm được, có ít nhất 18 di vật đã được chính phủ Ấn định giá gần 10 triệu rupees.

Mặc dù được ASI công bố là một 'khu vực được bảo quản', đã không có một nỗ lực nào để đảm bảo an ninh và sự an toàn của di sản lịch sử.

Chính quyền địa phương bác đi lời buộc tội là không lưu tâm đến Kurkihar.

Chưởng lý địa hạt Gaya Jitendra Srisastav phát biểu 'Làng Kurkihar là khu vực trực thuộc ASI, đã từng được họ bảo quản. Và cũng như di sản văn hóa quốc tế Bodhgaya được quan tâm đến, khu vực này thuộc về sự bảo quản của Ủy ban quản lý Chùa Mahabodhi. Không có thái độ bỏ lơ đối với Kurkihar. Ngôi làng hoàn toàn được bảo quản'.

(Minh Châu dịch)

Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ hội kiến không chính thức với Đức Giáo Hoàng

Rome, Nov. 29, 2007 (CWNNews.com) Sau thông cáo hồi đầu tuần cho hay rằng sẽ không có hội kiến giữa Đức Giáo Hoàng và Đức Đạt Lai Lạt Ma như báo chí đã đưa tin trong tháng trước, mới đây văn phòng Vatican đang bỏ ngỏ khả năng rằng Đức Giáo Hoàng có thể sẽ chủ toạ một cuộc gặp gỡ không chính thức với nhà lãnh đạo tâm linh Phật Giáo Tây Tạng, tờ nhật báo Pháp *Le Croix* tường trình như trên

Linh mục Federico Lombardi, giám đốc văn phòng báo chí Vatican, đã nói với các phóng viên rằng ông không thể bác bỏ khả năng rằng Đức Giáo Hoàng có thể gặp gỡ không chính thức với Đức Đạt Lai Lạt Ma, người sẽ thăm viếng Ý Đại Lợi vào tháng 12 này.

Phát ngôn viên Tòa Thánh La Mã giải thích rằng thông báo trước đó nói rằng "không có chương trình tiếp kiến nào" ám chỉ một chương trình tiếp kiến chính thức, được liệt kê trên thời khoá biểu của Đức Giáo Hoàng. Nếu có tiếp

kiến xảy ra, chuyển viếng thăm của Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng sẽ không xuất hiện trong nghị trình của Đức Giáo Hoàng.

Tính cách khéo léo trong bản thông cáo của Tòa Thánh Vatican nhấn mạnh đến sự tế nhị với các chức sắc giáo hội đang chờ đón Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tòa Thánh đang lo lắng làm cách nào để tránh khỏi bất cứ sự đổ vỡ quá mức nào trong tiến trình thương lượng không chính thức với Bắc Kinh.

Các viên chức chính phủ Trung quốc đã phản ứng một cách rất giận dữ đối với các bản báo cáo - chưa bao giờ được xác nhận một cách bình thường bởi Tòa Thánh - rằng Đức Giáo Hoàng sẽ tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Đã có tiền lệ cho một cuộc gặp gỡ không được liệt kê trong lịch trình hoạt động của Đức Giáo Hoàng. Đức Giáo Hoàng đã tiếp kiến Đức Đạt Lai hồi tháng 10, 2006, nhưng Tòa Thánh đã nhấn mạnh rằng cuộc hội kiến đó là một chuyến "thăm viếng xã giao riêng tư" và nội dung đối thoại được giới hạn dành riêng cho các vấn đề tôn giáo.

(Hạt Cát dịch)

Ấn Độ: sự phản uất trong giới tăng sĩ đã tràn lan tận Bodhgaya

Ngày 30 tháng 11, 2007. Bodhgaya, Ấn Độ - Sự phản uất của chư Tăng Phật giáo sau cuộc tàn sát tại Miến Điện vào tháng 9, nơi mà con số tử vong bị giấu kín, đã tràn lan tận tỉnh bang Bihar của Ấn Độ.

Chư Tăng từ Thái Lan, Tích Lan, Ấn Độ, Tây Tạng, Nam Hàn và Việt Nam, cùng với một số tu sĩ từ Miến Điện đã qui tụ tại Bodhgaya và hoàn tất cuộc biểu tình ngồi bốn ngày vào tối thứ Năm, 29 tháng 11.

Hơn 200 tu sĩ đã tham gia biểu tình, không những để phản đối cách cư xử tàn bạo với hàng tăng sĩ trong một đất nước bị thống trị bởi nhóm quân phiệt, mà còn lên án quyết liệt sự xúc phạm của các tướng lãnh đối với Phật giáo, tôn giáo mà họ đã phát lời thệ nguyện - bởi họ đã giết chết những người cầm cờ của Phật. Một số đồng cư dân, đồng cảm với chư Tăng, cũng đã tham gia vào cuộc biểu tình.

Các tu sĩ phần nộ đối với hành động của chính quyền quân phiệt, đã chọn Bodhgaya là một địa điểm tượng trưng để biểu tình, vì lẽ Đức Phật đã nhập Niết Bàn tại thành phố lịch sử này của Bihar.

Chư Tăng đã đi bộ từ Japan Pagoda đến chùa Bodhi ngày hôm qua, tại đây họ đã tụng kinh cầu nguyện cho

các tu sĩ quá vãng, đã nằm xuống do những viên đạn của các nhóm quân đội Miến, bọn chúng đã xử dụng các loại vũ khí tự động, gây gộc để bắn giết, hành hung và lôi kéo chư Tăng chờ đi giam giữ tại các nhà tù khác nhau trong nước.

Những người biểu tình cũng đã kêu gọi cho hòa bình được tái lập trong đất nước đã tan nát vì xung đột, ông Kyaw Gyi, Thư ký chung của Hội Sinh viên học sinh Miến Điện tại Ấn Độ đã nói như trên, ông đã đến Bodhgaya để tham gia biểu tình.

Nhóm người biểu tình trong hòa bình đã treo cao những tấm biển và biểu ngữ với các khẩu hiệu 'Kẻ sát nhân Than Shwe - hãy thả tất cả chư Tăng đang bị giam giữ', 'Hãy trả tự do cho Bà Aung San Suu Kyi và tất cả các tù nhân chính trị khác', 'Hãy mở cửa trường học lại', và 'Hãy giải quyết nguyện vọng của quần chúng bằng cách giảm giá sinh hoạt cần thiết,' báo chí đã tường trình như trên.

Các cuộc biểu tình ngồi và xuống đường cũng được tham gia bởi Chủ tịch Hội Tăng già Ấn Độ.

(Minh Châu dịch)

Đức Quốc: Thủ tướng Merkel bác bỏ lời chỉ trích của Trung quốc

Ngày 2 tháng 12, 2007. *Bá Linh* - Thủ tướng Đức Angela Merkel đã gạt bỏ lời chỉ trích từ Trung quốc, qua việc tiếp đón vị lãnh đạo tâm linh Tây Tạng Đức Đạt Lai Lạt Ma, trong một cuộc phỏng vấn với đài phát thanh Đức hôm Chủ Nhật.

"Tôi tiếp đón những ai mà tôi nghĩ rằng xứng đáng được tiếp đón," bà Merkel đã nói với đài radio Deutschlandfunk.

Bắc Kinh đã phản ứng một cách giận dữ về cuộc gặp gỡ vào tháng Chín, kêu gọi Bá Linh nên nhìn nhận là họ đã sai lầm.

Bà Merkel nói 'Đức quốc và chính phủ Đức là những người ủng hộ một nước Trung quốc thống nhất, không có một nghi vấn nào về điểm này. Đức Đạt Lai Lạt Ma (chỉ) muốn sự độc lập về văn hóa... là điều mà Trung quốc không cần phải thắc mắc gì cả'.

Bá Linh muốn có tình hữu nghị với Trung quốc, tuy nhiên cũng có thể có những quan điểm bất đồng trong tình hữu nghị, bà nói thêm.

Hôm thứ Tư, Thủ tướng Trung quốc Ôn Gia Bảo đã phát biểu rằng Đức quốc và Trung quốc có thể giữ được tình hữu nghị, miễn là Bá Linh nhận ra rằng họ đã làm một chuyện sai lầm.

Bà Merkel đã hội kiến riêng với vị lãnh đạo tâm linh Tây Tạng Đức Đạt Lai Lạt Ma vào cuối tháng Chín bất kể những lời cảnh cáo từ Bắc Kinh.

Ngành công nghiệp Đức đã chỉ trích quyết định của Bà về cuộc hội kiến vì nó có thể làm tổn hại những tương quan về thương mại với Trung quốc.

Tạp chí Đức *Der Spiegel* là một nạn nhân mới nhất từ sự lạnh nhạt trong mối tương quan Đức-Hoa.

Tạp chí này đã loan báo hôm thứ Sáu là họ đã xóa tên ra khỏi các chương trình sinh hoạt văn hóa một tuần lễ tại Trung quốc, mà lẽ ra họ sẽ được tham dự, lý do bởi cái gọi là 'kiểm duyệt' của chính quyền.

(Minh Châu dịch)

Thái Lan: Phim hoạt hình cuộc đời Đức Phật ra mắt mừng khánh tuế 80 của Đức Vua.

Monday December 03, 2007.

Bangkok- Thực hiện trong vòng 4 năm, bộ phim hoạt hình đầu tiên về cuộc đời Đức Phật của Thái Lan sẽ được trình chiếu ra mắt rộng rãi khắp nơi vào ngày thứ Tư tới. Xin tạ ơn một người phụ nữ với thuần thành nơi Phật giáo và trung thành với Đức Vua.

Wallapa Pimthong, người khởi xướng cũng là giám đốc sản xuất bộ phim 108 triệu đồng baht, nói rằng bà muốn ra mắt nó vào ngày 5 tháng 12 để ăn mừng khánh tuế 80 của Đức Vua.

"Tôi hy vọng rằng bộ phim tính chất lịch sử này có thể được tiếp nhận như một tặng phẩm đầy ý nghĩa mà người dân Thái Lan có thể dâng lên Đức Vua nhân dịp khánh tuế Ngài". Ms Wallapa, người từng bỏ thời gian bảy năm trời sinh sống tại Bodhgaya, nơi Đức Phật thành đạo, là hứng khởi cho bà hình thành dự án, nói như trên.

Mục đích chính của bà là phổ biến lịch sử Đức Phật đến cho công chúng.

Bà nói: "Kiến thức của chúng ta về Đức Phật thật rất thiếu cận, hời hợt. Tôi hy vọng với bộ phim hoạt hình này, bộ phim hoạt hình lịch sử Đức Phật đầu tiên tại Thái Lan, sẽ giúp quần chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ, hiểu biết rõ ràng về cuộc đời và giáo lý của Đức Phật."

Bộ phim hoạt hình 100 phút trình chiếu này miêu tả cuộc đời Đức Phật từ lúc đản sanh, xuất gia, thành đạo, hoằng hóa và nhập diệt.

Công ty truyền thông Media Standard Co Ltd của Bà Wallapa bắt đầu hoạt động trên bộ phim từ năm 2003. Sau thời gian nghiên cứu sâu xa và

được cổ vấn từ thư tạng Đại Học Mahachulalongkornrajavidyalaya, Bà Wallapa tin tưởng rằng nội dung của bộ phim là trung thực so sánh với Kinh tạng Pali.

"Trước đó, công ty đã bỏ thời gian gần hai năm cho công việc chuẩn bị, khoán cho một công ty khác triển khai về kịch bản phim, nhưng hai năm đó hoàn toàn là lãng phí thời gian vì hầu hết các chương mục của kịch bản không theo sát với kinh tạng nên phải thay đổi lại. Chúng tôi chấm dứt hợp đồng và đích thân theo dõi kịch bản", bà Wallapa nói thêm.

Bên cạnh việc hàng tháng hội họp với thư tạng từ Đại Học Mahachulalongkornrajavidyalaya để duyệt xét nội dung kịch bản, Bà Wallapa nói bà phải nghiên cứu Kinh Tạng Nguyên Thủy và đọc thêm nhiều sách để thu thập các chi tiết chính xác cho nội dung kịch bản.

Với sự trợ giúp của con gái và phụ thân, vốn là một giảng sư chuyên gia triết học tôn giáo, Assoc Prof Thonglor Wongthamma, bà Wallapa ngoài việc chú trọng vào kịch bản trung thực, bà còn chọn lựa kỹ càng phần lồng tiếng cho các nhân vật trong phim, nhất là vai Đức Phật, đòi hỏi diễn viên phải có chất giọng thể hiện được tính chất tôn giáo.

Toán sáng tạo của bộ phim gồm có 60 nhà chuyên môn vẽ hoạt hình, trong đó nhiều người đã từng có kinh nghiệm vẽ hoạt hình cho Walt Disney. Sau khi ra mắt tại Thái Lan, bộ phim sẽ được chuyển âm sang 5 ngôn ngữ khác để phát hành ra nước ngoài.

(Hạt Cát lược dịch)

Thủ tướng Ấn tán thưởng việc bảo tồn đại học Phật giáo Nagarjuna

IST, ngày 03 tháng 12, 2007

Sự cân nhắc tinh vi giữa sự phát triển và bảo tồn di sản văn hóa, trong việc dời Đại học Phật giáo cổ Nagarjuna đến một địa điểm mới tại Andhra Pradesh, đã được Thủ tướng Mammohan Singh đặc biệt ca ngợi tại Delhi hôm thứ Hai.

'Lịch sử, khảo cổ học và văn hóa đều được bảo tồn ở một mức độ tốt đẹp. Chúng tôi cảm thấy hạnh diện khi đến thăm địa điểm này ngày hôm nay,' ông đã phát biểu trong lúc khai mạc Hội nghị Quốc tế lần thứ 12 của National Trusts tại Delhi.

Chú thích rằng địa điểm ban đầu ở trong một thung lũng đã bị nhận chìm bởi công trình xây dựng Đập nước Nagarjuna Sagar, ông cho biết với sự

hỗ trợ từ Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc, chính phủ đương thời đã dời những tàn tích từ địa điểm nguyên thủy dưới thung lũng lên trên ngọn đồi.

'Cùng lúc ấy, chúng tôi có thể theo đuổi việc phát triển bởi công trình xây dựng đập nước này, nó đã góp phần lớn lao vào sự thịnh vượng của các nông dân và dân chúng nói chung,' ông nói thêm.

Có một nhu cầu để bảo đảm các nỗ lực trong việc bảo quản có được những thành phần cho các chương trình tạo công ăn việc làm cho dân địa phương, giáo dục và ý thức, gia tăng điều kiện thuận lợi ở thành phố và nâng cao sự duy trì các khoảng trống qua sự tham gia của công chúng.

Ông nói thêm 'Các điểm di sản văn hóa như Taj, Humayun's Tomb hay Qutub Minar, nếu được chăm sóc đúng mức và hợp nhất với kế hoạch của thành phố và quá trình phát triển sẽ có thể tăng tiến điều kiện sống của hàng ngàn cư dân quanh vùng'.

(Minh Châu dịch)

Miến Điện: Lời kêu gọi thống thiết của một tu sĩ

by Terry Evans, The Buddhist Channel, Dec 3, 2007. Rangoon, Burma - Sư U Gambira, tu sĩ lãnh đạo tổ chức Liên Minh Tu Sĩ Phật Giáo Toàn Miến Điện đã bị nhà cầm quyền Miến Điện bắt giữ và kết án với tội danh mưu phản cho vai trò của Sư trong phong trào đấu tranh dân chủ hồi tháng Chín. Tội danh mưu phản là một tội tử hình tại Miến Điện.

Nếu xác lập tội danh và chịu hình phạt, Sư Gambira, 27 tuổi, sẽ là tu sĩ đầu tiên bị phán tội chết tại Miến Điện kể từ khi chính phủ thuộc địa Anh quốc treo cổ một tu sĩ dẫn đầu một cuộc cách mạng 70 năm trước. Sư Gambira đã kêu gọi hàng chục ngàn tu sĩ Phật Giáo xuống đường biểu tình tuần hành trong ôn hòa trong suốt tháng Chín. Cuộc biểu tình chống chế độ, bắt đầu bởi sự bất mãn của dân chúng lên cao gây náo động khi giá xăng dầu đột nhiên trong một ngày tăng lên gấp năm lần hồi giữa tháng Tám, dẫn đến một kết thúc bi thảm bất ngờ sau khi nhà cầm quyền tung ra những đợt trấn áp tàn nhẫn đẫm máu.

Vào cuối tháng Chín, Sư lãnh đạo Gambira bỏ đi lánh nạn, và để ép buộc Sư phải ra mặt, nhà cầm quyền đã bắt giữ vài thành viên khác trong gia đình Sư. Chiến lược này thành công và trong

tháng 11, vị lãnh đạo chiến dịch biểu tình ôn hoà đã bị bắt giữ.

Kể từ khi bị bắt, tin tức chính xác về Sư bị giam giữ nơi nào vẫn chưa được chính thức xác nhận. Tuy nhiên, những nguồn tin đáng tin cậy cho hay rằng Sư bị giam tại Cell Block 1 trong trại tù Insein Prison tại Rangoon. Cell Block 1 nổi tiếng là trung tâm điều tra chính dành cho tù nhân chính trị của nhà cầm quyền quân phiệt.

Trước khi bị bắt, Sư Bambira có yêu cầu gửi cho thế giới một cáo trạng như sau:

Kính gửi đến Phật tử khắp nơi trên thế giới, và các nhà hoạt động dân chủ, các nhà yểm trợ phong trào dân chủ Miến Điện, xin hãy giúp đỡ để giải phóng dân chúng Miến Điện thoát khỏi hệ thống bất hạnh độc ác này.

Kính gửi đến tất cả mọi người trên thế giới, những ai thông cảm nỗi thống khổ của dân chúng Miến Điện, xin hãy giúp đỡ chúng tôi được tự do, thoát khỏi hệ thống ma quỷ này. Người tốt tại Miến Điện đang bị sát hại, bị cầm tù, bị hành hạ, bị gửi đi các trại cưỡng bức lao động. Tôi chân thành kêu gọi cộng đồng quốc tế hãy làm cái gì đó để chấm dứt những sự tàn bạo này. Cơ hội sống sót của tôi rất mong manh. Nhưng tôi không từ bỏ hy vọng, tôi sẽ cố gắng hết mình.

(Hạt Cát dịch)

Ấn Độ: Chư Tăng yêu cầu bắt giữ các viên chức đã xâm phạm cây Bồ Đề

GMT, ngày 4 tháng 12, 2007. Patna

- Chư Tăng đã yêu cầu bắt giữ các viên chức cao cấp của chùa Bodh Gaya do đã cắt đi một nhánh cây Bồ Đề được tôn kính để bán ra nước ngoài, sau khi một biên bản chính thức đã truy tố họ về tội này.

Đại biểu chính quyền tại khu vực Magadh, ông K.P. Ramaiah hôm thứ Hai đã nộp biên bản tại tòa án Gaya kết tội ba nhân vật cao cấp của chùa - vị sư cả của chùa Bodh Gaya, sư Bhahadant Bodhipal, cựu thư ký hành chánh của Ủy ban điều hành chùa Bodh Gaya (BMTC) Kalicharan Yadav và viên chức Cơ Quan Giao Tế Bhajju Yadav.

Chủ tịch Hội Tăng già Ấn Độ, sư Bhadant Anand đã yêu cầu bắt giữ các viên chức nêu trên và cảnh báo rằng chư Tăng và Phật tử sẽ đến biểu tình cho đến khi ba người này bị bắt.

'Bây giờ đã hiển nhiên là một nhánh cây Bồ Đề đã bị cắt đi để bán lấy tiền, và ba viên chức cao cấp có tội phải bị bắt giam,' sư Bhadant Anand đã cho IANS

biết hôm thứ Ba.

Sư nói thêm là biên bản của ông Ramaiah đã minh chứng lập luận của chư Tăng Phật tử cho rằng một trong các biểu tượng tôn giáo thiêng liêng nhất của họ - cây Bồ Đề ở chùa Mahabodhi tại Bodh Gaya, cách đây khoảng 110 cây số, đã bị cắt đi một nhánh.

Khi xác nhận lời buộc tội ba viên chức trên là chính xác, ông Ramaiah cũng đề nghị điều tra về của cải riêng của họ.

Sư Brahamchari, người đã đệ đơn kiện các viên chức trong Ủy ban Điều hành Chùa Bodh Gaya trước đây, đã cung cấp bằng chứng, trong đó có 8 tấm hình để xác minh cho đơn kiện của sư, cùng với lời khai của Deepak Malakar, người làm vườn thường chăm sóc cây Bồ Đề.

Ông Malakar khai rằng đã cắt đi một nhánh cây Bồ Đề và đem vào nhà ông vào ngày 10 tháng 7, 2006, theo lệnh của sư Bahadant Bodhipal, vị sư cả của chùa.

Sư Brahmachari đã tố cáo các viên chức cao cấp của chùa, trong đó có cựu chủ nhiệm văn phòng, thư ký Kalicharan Yadav, vị sư cả và chủng lý địa hạt Gaya Jitendra Srivastava đã tìm cách giả mạo lời khai của ông Malakar.

Một viên chức của chùa Mahabodhi, mà Unesco đã công bố là một Di sản văn hóa Quốc tế, cho biết cây Bồ Đề hiện nay là thế hệ thứ sáu của cây banyan thuở xưa.

(Minh Châu dịch)

Hoa Kỳ: Đại học San Francisco vinh danh các tu sĩ Phật giáo đã tranh đấu cho dân chủ

Ngày 5 tháng 12, 2007. San Francisco, California - Đại học San Francisco (viết tắt là USF) sẽ vinh danh chư Tăng Miến Điện với một bằng tiến sĩ danh dự trong dịp lễ phát bằng tốt nghiệp vào ngày thứ Sáu 14 tháng 12, vì các ngài đã có những cuộc tranh đấu kiên quyết và ôn hòa đối với quân đội chuyên chế Miến Điện trong năm nay.

Một đại diện của chư Tăng, Sư Sayadaw U Kovida, sẽ nhận danh chư Tăng nhận văn bằng và có bài nói chuyện trong cuộc lễ. Bản thân sư cũng từng bị chính quyền quân phiệt giam giữ, do đã tham gia vào các cuộc biểu tình vào năm 1988 cho nền dân chủ, chống lại chế độ độc tài Miến Điện.

Hiệu trưởng Stephen A. Privett của USF đã phát biểu 'Chúng ta vinh danh chư Tăng Miến Điện đã góp phần duy trì

cuộc đấu tranh cho dân chủ, trong tinh thần và trái tim của những ai trong chúng ta đang vui hưởng sự tự do mà họ đang phải đấu tranh để có được... Có những anh hùng phi thường của thời hiện đại và những nhân vật vì niềm tin mà sẵn thân để xây dựng một thế giới hoàn hảo hơn, ngay cả trong nguy cơ bị bắt giữ, bị hành hung, và phải bỏ cả thân mạng. Chúng ta mong rằng các sinh viên tốt nghiệp ngày hôm nay sẽ trở nên những con người như thế.'

Các tu sĩ này làm thí dụ điển hình cho trách nhiệm tinh thần của USF trong việc đào tạo trí tuệ và lòng yêu thương để thay đổi thế giới này. Trường đại học so sánh các vị tăng sĩ này với sáu tu sĩ dòng Tên đã bị giết tại El Salvador 18 năm về trước, cũng vì đã lên tiếng chỉ trích một chính phủ áp chế bất công. USF trước đây đã vinh danh các tu sĩ của El Salvador đã bị giết, giờ đây trường lại vinh danh các tu sĩ Miến Điện, vì lòng dũng cảm, từ tâm và sự sẵn thân cho nền dân chủ, đã đối đầu với một chế độ tàn bạo độc tài quân phiệt.

Sư Ma Soe Yein Sayadaw U Kovida, một tu sĩ Phật giáo được kính ngưỡng hiện đang sống lưu vong trong một tu viện tại New York, sẽ nhận danh tất cả chư Tăng Miến Điện đến nhận văn bằng danh dự.

Lễ tốt nghiệp sẽ được tổ chức vào lúc 3 giờ 30 chiều thứ Sáu, 14 tháng 12 tại Nhà thờ Công giáo St. Ignatius trong khuôn viên Đại học San Francisco, tọa lạc tại 650 Parker Ave. San Francisco, 94118.

(Minh Châu dịch)

Đức Đạt Lai Lạt Ma: 'người thừa kế tôi có thể là một phụ nữ'

The Times of India, Dec 7, 2007-Milan, Ý Đại Lợi - Vị lãnh đạo tâm linh Tây Tạng hôm thứ Năm đã gợi ý rằng người thừa kế ngài có thể là một phụ nữ.

'Nếu một phụ nữ có thể tỏ ra hữu ích hơn thì một vị Lạt Ma cũng sẵn sàng tái sinh trong hình tướng này,' vị Đạt Lai Lạt Ma 72 tuổi, đời thứ 14 đã nói với các phóng viên báo chí tại Milan, là nơi ngài đã đến thăm viếng với tính cách cá nhân hôm thứ tư.

Phải sống lưu vong kể từ năm 1959, tuần vừa qua ngài tuyên bố rằng người thừa kế ngài có thể được chọn bên ngoài đất nước Tây Tạng nếu ngài phải viên tịch nơi xứ người.

Ngài cũng đề ra rằng có thể chính ngài sẽ là người chọn vị Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 15. Theo truyền thống từ nhiều

thế kỷ nay, những vị cao tăng tại Tây Tạng chọn vị đạt lai Lạt Ma tái sinh sau khi vị đạt lai Lạt Ma đương thời viên tịch.

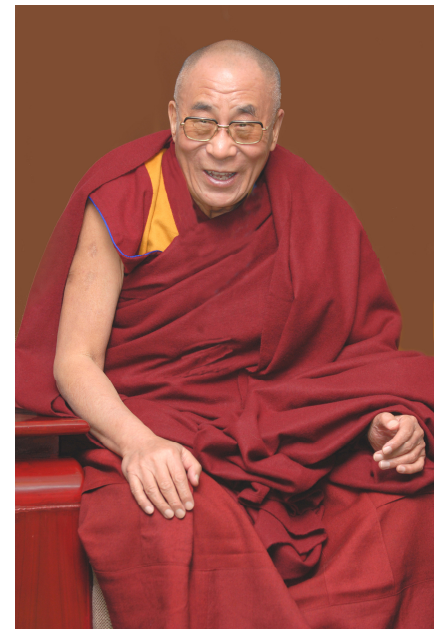
Trung quốc đã thống trị Tây Tạng từ năm 1951 và đã mạnh bạo đàn áp những cuộc phản kháng tại đây, vừa qua đã tuyên bố rằng các vị được gọi là Phật sống tại Tây Tạng cần xin phép chính quyền để được tái sinh.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng cho biết rằng chuyến viếng thăm 11 ngày của ngài tại Ý 'không có tính cách chính trị' và ngài không có chủ ý 'gây phiền hà cho đất nước Ý và chính quyền.'

Bắc Kinh đã trách cứ bộ ngoại giao Ý về chuyến viếng thăm này khi đã cho phép người đoạt giải Nobel hòa bình năm 1989 đến Rome trong 4 ngày từ ngày 12 tháng 12, cho dù ngài sẽ không gặp gỡ bất cứ thành viên nào của chính phủ Ý.

Cuộc hội kiến được dự định với Đức Giáo hoàng Benedict XVI đã bị hủy bỏ, theo tường trình của báo chí Ý thì quyết định này nhằm làm cho thuận tiện lễ tấn phong vị giám mục mới tại Quảng Đông, miền Nam Trung quốc, với sự phê chuẩn của toà thánh Vatican.

Trong điểm chính trị của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại đây dường như sẽ là cuộc gặp gỡ giữa ngài và các nhà lập pháp Ý. (Minh Châu dịch)



Hoa Kỳ: một tu sĩ Phật giáo chia sẻ Phật Pháp qua internet

Ngày 8 tháng 12, 2007

Cleveland, Ohio - Ngồi trước máy vi

tính trong phòng làm việc tại tịnh thất, Sư Shih Ying-Fa không hề biết ai sẽ là người đang cần Sư giúp đỡ.

Có thể là một học sinh trung học ở Baton Rouge, Louisiana, muốn hỏi Sư về sự khác biệt giữa Phật giáo Nguyên Thủy Theravada và Phật giáo Đại Thừa cho lớp học của mình.

Hoặc một nhà thơ ở Talahassee, Florida, đang tự hỏi mình có nên tham gia một nhóm thiền Phật giáo hay không.

Hay một nhân viên của một bệnh viện tại Luân Đôn, đã từng luyện tập võ thuật trong 20 năm nhưng không biết rõ nó có tương hợp với Phật Pháp hay không.

Sư Ying-Fa, 55 tuổi, là trụ trì trung tâm thiền Cloud Water Zendo tại Cleveland, là người ở đằng sau trang web 'Ask a Monk', cung cấp các chi tiết và lời khuyên cho Phật tử và những ai muốn tìm hiểu về Phật giáo. Hàng tuần Sư nhận được ít nhất 20 email từ khắp nơi, có những nội tin thật xa như Trung Quốc, Nhật Bản và Tân Tây Lan.

Các diễn đàn hướng dẫn về tôn giáo không phải là điều mới lạ, từ những thập niên qua, các mục sư và lãnh đạo của các tín ngưỡng khác đã từng giải đáp thắc mắc trên những tập san hàng tuần, những lá thư thông tin hàng tháng hay các tạp chí tôn giáo. Sư Ying-Fa đã giải đáp thắc mắc về Phật Pháp từ 10 năm nay, từ khi sư phụ của Sư, cố TT. Shih Shen-Lung từ St. Louis, đề nghị Sư thêm phần giải đáp thắc mắc vào trang web của trung tâm:

<http://www.cloudwater.org/askamonk.html>

Sư nói 'Thật là một phương tiện tuyệt vời để giải đáp nhiều, rất nhiều thắc mắc của mọi người về một truyền thống mà có lẽ họ chưa quen thuộc cho lắm. Hơn nữa, đối với những người đã bước trên con đường đạo, đây có thể là một nguồn tư liệu vô giá, nhất là với những ai chưa từng có cơ duyên tiếp cận với một vị thầy.'

Nhưng cũng có lúc Sư Ying-Fa chỉ có thể lắc đầu buồn bã và nản lòng với những điều người ta viết.

Cách đây nhiều năm, Sư nhận được e-mail từ một người tự cho là hành giả tu thiền đã rất ráo, bởi vì ông ta có thể đi vào tâm thức các con vật mà ông đang săn trước khi bắn chết chúng. Ông ta cho biết khả năng 'hòa nhập vào loài vật' giúp ông có thể săn lùng chúng hữu hiệu hơn.

Sư Ying-Fa lấy làm thất vọng và đã trả lời ông ta 'Điều này có thể giúp ông trở nên một thợ săn giỏi, nhưng cũng khiến ông thành một hành giả tu thiền để

tiện, khi mà ông dùng khả năng thiền định để đoạt mạng sống của chúng sanh thay vì bảo tồn chúng.'

Người này không bao giờ hồi âm trở lại. Tuy nhiên, hầu hết mọi người đều tri ân những giải đáp của Sư.

Sư dành ra 6-7 giờ mỗi tuần để trả lời các e-mail 'Ask a monk'. Sư cố gắng giải đáp những thắc mắc trong vòng 24 tiếng đồng hồ, ưu tiên cho những ai có thân nhân hoặc thú vật sắp lìa đời, hay gặp phải những cơn khủng hoảng khác trong cuộc sống.

(Minh Châu dịch)

Liên Hiệp Quốc lên tiếng khuyến cáo Miến Điện

EST, ngày 10 tháng 12, 2007

Bangkok, Thái Lan - Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon đã khuyến cáo Miến Điện rằng cộng đồng thế giới không còn nhẫn nại với chế độ cầm quyền của họ, ông đã phát biểu hôm thứ Hai rằng chính quyền quân đội nên đi theo chế độ dân chủ và phải ngừng gây khổ đau cho dân tộc của họ.

'Tôi biết rằng cộng đồng thế giới rất nóng lòng, họ không còn kiên nhẫn được nữa... Dân chúng Miến Điện đã chịu đựng sự cô lập trong một thời gian quá lâu và bây giờ là thời điểm mà nhà cầm quyền và dân chúng... vui hưởng nền tự do dân chủ,' ông Ban đã nói trong cuộc họp báo tại Bangkok, Thái Lan.

Một đặc sứ về nhân quyền của Liên Hiệp Quốc đã phát biểu hôm thứ Sáu rằng sự đàn áp những người biểu tình cho dân chủ tại Miến Điện vào tháng 9 đã làm thiệt mạng 31 người, gấp đôi con số mà chính quyền quân đội đã cho biết. Đặc sứ Paulo Sergio Pinheiro cũng cho biết hiện nay có 650 người đang còn bị giam giữ từ cuộc đàn áp và 74 người khác đã bị mất tích.

Liên Hiệp Quốc và các chính quyền trên thế giới đã bày tỏ sự bất mãn sau khi các toán lính đã nổ súng vào các nhóm người biểu tình đòi dân chủ, được dẫn đầu bởi các tu sĩ Phật giáo.

Các nhóm nhân quyền đã tường trình những cuộc bắt bớ và hành hung không dứt, cho dù chính quyền quân đội tuyên bố đã chấm dứt các cuộc đàn áp.

Ông Ban nói 'Tôi muốn nhấn mạnh rằng sự trở về hiện trạng cũ sẽ không được chấp nhận, và không thể biện hộ được về mặt chính trị.'

Ông đã kêu gọi 10 quốc gia trong Hội đồng quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) hãy đóng vai trò đặc biệt của họ trong việc trừng phạt Miến Điện - là

một trong những thành viên của tổ chức - để đưa đến sự tái lập nền dân chủ.

'Chúng tôi cần sự hợp tác đặc biệt của tổ chức ASEAN. ASEAN có một trách nhiệm đặc thù về chính trị để xúc tiến việc dân chủ hóa.'

ASEAN, với lập trường không can thiệp vào vấn đề nội bộ của các thành viên, họ bị chỉ trích vì đã không có hành động thiết thực để gây áp lực đối với nhà cầm quyền quân đội Miến.

Đặc sứ của Liên Hiệp Quốc tại Miến Điện, ông Ibrahim Gambari, đã đi khắp các quốc gia Đông Nam Á trong nhiều tuần lễ qua, tuy nhiên ông đã không thành công trong việc kêu gọi các quốc gia này cùng đứng ra đương đầu với quốc gia láng giềng của họ.

(Minh Châu dịch)

Thái Lan: Truyền thống Phật Giáo-Phóng thích 25,000 tù nhân nhân dịp khánh tuế Đức Vua

Tue Dec 11, 1:10 AM ET

BANGKOK (AFP) - Hơn 25,000 tù nhân khắp nước Thái Lan sẽ được phóng thích để kỷ niệm khánh tuế 80 của Đức Vua Bhumibol Adulyadej's, một viên chức kỳ cựu chính phủ nói như trên hôm thứ Ba.

Nhà cầm quyền Thái Lan thường thực hiện những đợt ân xá hoàng gia vào những dịp quốc sự quan trọng để giảm bớt áp lực trên nguy cơ quá tải của nhà tù.

Đa số những người được phóng thích sẽ là những người phạm các tội nhỏ nhặt, những tù nhân còn lại thời gian khoảng một năm trong bản án, hoặc những tù nhân già trên 60 tuổi, Wanchai Roujanavong, giám đốc Bộ Cải Huấn nói như trên.

Khoảng 25,000 tù nhân được dự trù sẽ được phóng thích theo lệnh toà án, trong khi đó vẫn còn một con số tù nhân khác chưa được quyết định, phước đức giảm đi bản án. Một số người ngoại quốc cũng được dự trù được phóng thích trong con số này, nhưng ông Wanchai không cho biết con số là bao nhiêu.

Phóng thích tù nhân được tin tưởng rằng là một truyền thống Phật Giáo để cho Đức Vua tạo phước, phước đức được thực hiện bằng cách làm những việc thiện để bảo đảm đời sống hạnh phúc trong kiếp sống sau.

Thái Lan có khoảng 170,000 tù nhân trong các ngục thất. 25,000 tù nhân đã được phóng thích hồi năm ngoái để đánh dấu 60 năm trị vì của nhà vua.

Đợt đại ân xá lớn hơn bao giờ hết

được thực hiện vào năm 1987, khi có 34.000 tù nhân được trả tự do trong niềm vinh dự sinh nhật thứ 60 của Nhà Vua.

(Hạt Cát dịch)

Tích Lan: Các nhà lãnh đạo tôn giáo không chia rẽ

Wednesday, 12 December 2007

Colombo- "Mặc dù có sự xung đột trong vòng 25 năm qua, các nhà lãnh đạo các tôn giáo của chúng ta thuộc về Phật Giáo, Ấn Giáo, Hồi Giáo và Cơ Đốc Giáo, đã không bị chia rẽ theo các lần ranh tôn giáo và họ đã thực sự làm việc với một tư cách đáng tin cậy, HT Trưởng

Lão Kotugoda Dhammawasa, Tổng Thư Ký Giáo Hội hệ phái Amarapura Maha Nikaya ngày hôm qua nói như trên

Sư đã đọc diễn văn trong một buổi họp báo tại Colombo với sự tham dự của các chức sắc tôn giáo cao cấp từ bảy quốc gia để tạo điều kiện cho quần chúng biết đến Hội Nghị Thượng Đỉnh Các Lãnh Đạo Tôn Giáo Quốc Tế trên nền Hòa Bình tại Tích Lan.

HT nói "Tích Lan phải mang không khí hòa bình hướng đến phía trước giữa các tôn giáo cho đến khi quốc gia có được một nền hòa bình bền vững cho những xung đột đang xảy ra".

Các lãnh đạo tôn giáo dự trù viếng thăm Jaffna để tham gia một hội nghị và

một cuộc gặp gỡ các nhà lãnh đạo chính trị và dân sự xã hội để mở đường cho việc mang tới nền hòa bình lâu dài cho quốc gia.

Hội nghị cũng chú trọng đến việc tìm hiểu làm cách nào những bạo động ngày càng gia tăng của quốc gia cũng như những xung đột, có thể ổn định qua hòa bình có nghĩa là sử dụng thiện chí của các tôn giáo lớn trên thế giới.

Hội nghị được sắp xếp tổ chức vào những ngày 12, 13 tháng 12 này tại Thư Viện Public Library Auditorium ở Jaffna.
(Hạt Cát dịch)

